

ĐINH THỊ HÀ THU

BỘ ĐỀ thi vào lớp **10** *môn* **Ngữ Văn**

2018 - 2019

ĐỀ BÀI CHỌN LỌC, HẤP DẪN

**Rèn luyện kỹ năng
Ôn thi vào lớp 10**

TỦ SÁCH LUYỆN THI

ĐỀ ÔN THI LỚP 10 THPT

MÔN NGỮ VĂN ĐỀ SỐ 1

Câu 1 (1 điểm):

Chép lại nguyên văn khổ thơ cuối bài thơ: “Đồng chí” (Chính Hữu)

Câu 2 (1 điểm):

Đọc hai câu thơ:

“Ngày xuân em hãy còn dài

Xót tình máu mủ thay lời nước non”

(Nguyễn Du- Truyện Kiều)

Từ xuân trong câu thứ nhất được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? và nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào?_

Câu 3 (3 điểm):

Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về đạo lí: “ Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta.

Câu 4 – 1 điểm

Phân tích nhân vật Vũ Nương “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Từ đó em có nhận được điều gì về thân phận và vẻ đẹp của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến. (5 điểm)

TRẢ LỜI:

Câu 1: Chép lại nguyên văn khổ thơ cuối bài thơ: “ Đồng chí” (Chính Hữu) – 1 điểm

“.... Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo” (**Đồng Chí – Chính Hữu**)

Câu 2: Đọc hai câu thơ:

“Ngày xuân em hãy còn dài

Xót tình máu mủ thay lời nước non” (**Nguyễn Du- Truyện Kiều**)

Từ xuân trong câu thứ nhất được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? và nghĩa chuyển đó được hình thành theo phương thức chuyển nghĩa nào?(1 điểm)

- Từ “**Xuân**” trong câu thứ nhất được dùng theo nghĩa chuyển.
- Theo phương thức chuyển nghĩa **ẩn dụ**.
- Nghĩa của từ “ xuân” -> Thúy Vân còn trẻ hãy vì tình chị em mà em thay chị thực hiện lời thề với Kim Trọng.

Câu 3: Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về đạo lí: “ Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta.(3 điểm)

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, có rất nhiều câu ca dao, tục ngữ nói về triết lí sống của con người. Nhưng có lẽ câu để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất là câu: Uống nước nhớ nguồn”

Câu tục ngữ trên quả thật là một danh ngôn, một lời dạy bảo quý giá. Giá trị của lời khuyên thật to lớn vì nội dung mang màu sắc triết lí.đạo đức bàn về lòng biết

ơn, được diễn tả bằng nghệ thuật so sánh ngậm độc đáo, lời văn đơn sơ, giản dị, dễ hiểu, dễ nhớ. Chính vì thế mà câu nói này được được phổ biến mọi nơi, mọi chốn và được truyền tụng từ ngàn đời xưa đến nay.

Càng hiểu ý nghĩa sâu sắc của lời dạy bảo mà ông cha ta muốn truyền lại cho đời sau, chúng ta, thế hệ tương lai của đất nước phải cố gắng học tập, lao động, nhất là rèn luyện những đức tính cao quý trong đó cần phải rèn luyện lòng nhớ ơn cha mẹ, thầy cô, ông bà tổ tiênđể trở thành con ngoan trò giỏi.

Câu 4: Phân tích nhân vật Vũ Nương “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Từ đó em có nhận được điều gì về thân phận và vẻ đẹp của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến.

a) **Mở bài:**

‘Nghĩ ngút đầu ghềnh tỏa khói hương

Miếu ai như miếu vợ chàng Trương

Bóng đèn dù nhẵn đừng nghe trẻ

Cung nước chỉ cho lụy đến nàng” (Lê Thánh Tông)

- Nguyễn Dữ là học trò của Nguyễn Bình Khiêm ,ông sống ở thế kỉ 16, làm quan một năm, sau đó chán cảnh triều đình thối nát xin cáo quan về ở ẩn.
- “Truyện kì mạc lục” là tác phẩm văn xuôi đầu tiên của Việt Nam được viết bằng chữ Hán, trong đó truyện đã đề cập đến thân phận người phụ nữ sống trong XHPK mà cụ thể là nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam xương”

b) **Thân bài:**

✚ Vũ Nương: Đẹp người, đẹp nết:

- Tên là Vũ Thị Thiết, quê ở Nam Xương, gia đình “ kẻ khó” tính tình thủy mị nết na,lại có thêm tư dung tốt đẹp
- Lấy chồng con nhà hào phú không có học lại có tính đa nghi. Sau khi chồng bị đánh bắt đi lính, nàng phải một mình phụng dưỡng mẹ chồng, nuôi dạ con thơ, hoàn cảnh đó càng làm sáng lên những nét đẹp của nàng.

+ Là nàng dâu hiếu thảo : khi mẹ chồng bị ốm, nàng “*hết sức thuốc thang*” “*ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn*” “*khi bà mất, nàng “hết lời thương xót”, lo ma chay lễ tế, “như đối với cha mẹ đẻ mình*”

+ Là người vợ đảm đang, giữ gìn khuôn phép, hết mực thủy chung không màng danh vọng: ngày chồng ra trận nàng chỉ mong Ngày trở về mang theo hai chữ bình yên, thế là đủ rồi” chứ không mong mang được ấn phong hầu mặc áo gấm trở về. “Các biệt ba năm giữ gìn một tiết” chỉ có cái thú vui nghi gia nghi thất” mong ngày “hạnh phúc xum vầy”

- + Là người mẹ hết mực thương con muốn con vui nên thường trở bóng mình vào vách mà nói rằng đó là hình bóng của cha. “**Chỉ vì nghe lời trẻ em**

Cho nên mất vợ rõ buồn chàng Trương’

✚ Vũ Nương: Người phụ nữ dám phản kháng để bảo vệ nhân phẩm, giá trị của mình:

- Chồng trở về, bị hàm oan, nàng đã kiên trì bảo vệ hạnh phúc gia đình, bảo vệ nhân phẩm giá trị của mình qua những lời thoại đầy ý nghĩa
- Khi chồng không thể minh oan, nàng quyết định dùng cái chết để khẳng định lòng trinh bạch.
- Đòi giải oan, kiên quyết không trở lại với cái xã hội đã vùi dập nàng: “Đa tạ tình chàng, thiết chẳng trở về nhân gian được nữa”

 Vũ Nương: Bi kịch hạnh phúc gia đình bị tan vỡ và quyền sống bị chà đạp.

- Bi kịch này sinh ra khi con người không giải quyết được mâu thuẫn giữa mơ ước khát vọng và hiện thực khắc nghiệt, mặc dù con người hết sức cố gắng để vượt qua, Vũ Nương đẹp người đẹp nét đáng lẽ phải được hưởng hạnh phúc mà lại không được. Vũ Nương đã hết sức cố gắng vun đắp cho hạnh phúc gia đình, hi vọng vào ngày xum vầy, ngay cả khi nó sắp bị tan vỡ. Nhưng cuối cùng nàng đành phải chấp nhận số phận, hạnh phúc gia đình tan vỡ không bao giờ có được, bản thân đau đớn, phải chết một cách oan uổng.

“ Trăm năm bia đá vẫn mòn

Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”

 Những tính cách trên được xây dựng qua nghệ thuật:

- Tạo tình huống tuyến đầy kịch tính
- Những đoạn đối thoại và những lời tự bạch của nhân vật.
- Có yếu tố truyền kì và hiện thực vừa haong đường.

c) Kết bài:

- Nguyễn Dữ thật xứng đáng với vị trí tiên phong trong nền văn xuôi Việt Nam
- Càng văn minh, tiến bộ càng quý trọng những bà mẹ, những người chị “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”

Trăm nghìn gửi lụy tình quân

“Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi

Phận sao phận bạc như vôi

Đã đành nước chảy hoa trôi lỡ làng” (Nguyễn Du- Truyện Kiều)

ĐỀ SỐ 02

Câu 1: Chép lại nguyên văn khổ cuối bài thơ: “ *Tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật. (1điểm)

Câu 2: Tìm từ Hán Việt trong hai câu thơ: (1điểm)

“ Thanh minh trong tiết tháng ba

Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh” (Nguyễn Du- Truyện Kiều)

Giải nghĩa từ: “ **Thanh minh, đạp thanh**”

Câu 3: Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ: “ Có chí thì nên” (3 điểm)

Câu 4: Nghệ thuật miêu tả vẻ đẹp Thúy Kiều của Nguyễn Du qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” (5 điểm)

Trả lời:

Câu 1: Chép lại nguyên văn khổ cuối bài thơ: “ *Tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật.(1điểm)

“ ...Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim”

(**Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật**)

Câu 2: Tìm từ Hán Việt trong hai câu thơ: (1điểm)

“ Thanh minh trong tiết tháng ba
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh” (Nguyễn Du- Truyện Kiều)

Giải nghĩa từ: “ **Thanh minh, đạp thanh**”

a) Từ Hán việt trong câu thơ: “ **Thanh minh, tiết, lễ, tảo mộ, đạp thanh**”

b) Giải nghĩa hai từ:

- **Thanh minh:** một trong hai mươi bốn tiết của năm, tiết này thường vào khoảng tháng hai hoặc tháng ba âm lịch, người ta đi tảo mộ , tức là đi viếng mộ và sửa sang lại phần mộ của người thân.
- **Đạp thanh:** gẫm lên cỏ xanh

Câu 3: Viết một đoạn văn nghị luận không quá một trang giấy thi trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ: “ Có chí thì nên” (3 điểm).

Sống phải có bản lĩnh. Nhờ có bản lĩnh mà ta có thể vượt qua mọi thử thách trên đường đời và đi tới thành công. Nói về bản lĩnh sống, dân gian có câu tục ngữ thật là chí lý: “ Có chí thì nên”

“Có chí” thì mới có thể chịu đựng được, đứng vững trước mọi thử thách khó khăn, không bị gục ngã trước thất bại tạm thời. Đi học, đi làm , sản xuất, kinh doanh.....vv đều cần đến chí. Chí càng cao sức càng bền mới đi đến thành công. Đường đời khó khăn nên ta phải có chí. Đường xa, núi cao, dốc thẳm, sông sâu, thuyết dày ...v.v. phải có chí vượt qua. Đi thi là phải có chí quyết tâm thì mới thành công. “ Dốc núi cao, nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi” “ Nước chảy đá mòn” “ Kiến tha lâu cũng đầy tổ” “ Có công mài sắc có ngày nên kim” .Tất cả đều nói lên cái chí.

Tuổi trẻ của chúng ta trên đường học tập, tiến quân vào mặt trận khoa học kĩ thuật cũng phải có chí mới có thể thực hiện được ước mơ hoài bão của mình, mới có thể đem tài đức góp phần xứng đáng vào công cuộc công nghiệp hóa , hiện đại hóa đất nước.Học tập theo câu tục ngữ : “ Có chí thì nên” ta càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ:

“ **Không có việc gì khó**

Chỉ sợ lòng không bền

Đào núi và lấp biển

Quyết chí ắt làm nên”

Câu 4: Nghệ thuật miêu tả vẻ đẹp Thúy Kiều của Nguyễn Du qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” (5 điểm)

**“Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc
Sắc tài sao mà lắm chuân chuyên”**

a) Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích, sơ lược nội dung đoạn trích.
- Nghệ thuật miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du vừa mang nét truyền thống vừa mang những nét sáng tạo riêng. Thể hiện tình yêu thương con người đặc biệt là đối với phụ nữ.

b) Thân bài:

- Hình ảnh của chị em Thúy Kiều qua ngôn ngữ của Nguyễn Du
- Bốn câu đầu giới thiệu vẻ đẹp chung của chị em Thúy Kiều về vai vẻ, sắc đẹp và tính cách của hai người. Vẻ đẹp chung của chị em Thúy Kiều, qua ngòi bút sắc bén của Nguyễn Du

**Đầu lòng hai ả Tố Nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân
Mai cốt cách, tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười.**

- Bốn câu tiếp theo tiếp theo: Miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân. So sánh với những hình ảnh để làm nổi bật sắc đẹp của Thúy Vân. Lồng vào việc miêu tả hình dáng, nhà thơ đề cập đến tính cách “Trang trọng”

**Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt, đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da**

- Miêu tả Thúy Kiều
- + Dựa vào Thúy Vân làm chuẩn, Thúy Vân “sắc sảo mặn mà” thì Thúy Kiều “càng sắc sảo mặn mà” hơn với

Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Một hai nghiêng nước nghiêng thành

- + Phép so sánh được vận dụng để làm tăng thêm sắc đẹp của Kiều. Mượn thơ của Lý Diên Niên “**Nhất cổ khuynh nhân thành, tái cổ khuynh nhân quốc**” để khẳng định thêm sắc đẹp ấy.

- Tính cách thì “Sắc đành đòi một, tài đành học hai:

- + Tạo hóa đã phú cho nàng trí thông minh. đa tài, thơ, đàn, ca, vẽ, những thứ tài mà trong chế độ phong kiến ít có phụ nữ nào có nếu không bảo là điều cấm kỵ.

- + Nhà thơ còn báo trước cuộc đời bạc mệnh khi đề cập đến sở thích nhạc buồn của Nàng. Kiều trở thành nhân vật của thuyết: “tài mệnh tương đố”

- + Tả qua thái độ ghen ghét, đố kỵ của thiên nhiên “hoa ghen” “liễu hờn”.

— Bốn câu thơ cuối: Tính cách đạo đức, hoàn cảnh sống của hai nàng, nhân nhả, trang trọng.

Phong lưu rất mực hồng quần

**Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê
Êm đềm trướng rủ màn che
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.**

c) **Kết bài:**

- Nguyễn Du là người thầy của văn miêu tả con người
- Kính phục, học tập ở nhà thơ để giữ gìn sự trong sáng và cái hay của Tiếng Việt.

ĐỀ SỐ 03

Câu 1: Chép chính xác hai khổ đầu bài thơ **Đoàn thuyền đánh cá** của Huy Cận và nêu nội dung chính của hai khổ thơ đó. (1 điểm)

Câu 2: Đọc hai câu thơ sau:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”

Từ **mặt trời** trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo phép tu từ nào? Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không? Vì sao? (1 điểm)

Câu 3: Lấy nhan đề “Những người không chịu thua số phận”, hãy viết một văn bản nghị luận ngắn (Không quá một trang giấy thi) về những con người đó. (3 điểm)

Câu 4: Cảm nhận và suy nghĩ của em về nỗi buồn của Thúy Kiều trong tám dòng cuối đoạn trích **Kiều ở lầu ngưng bích** (Truyện Kiều). Từ đó có nhận xét gì về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du. (5 điểm)

Trả lời:

Câu 1: Chép chính xác hai khổ đầu bài thơ **Đoàn thuyền đánh cá** của Huy Cận và nêu nội dung chính của hai khổ thơ đó (1 điểm)

Trả lời

a) **Hai khổ đầu bài thơ:**

“ ... Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi !”

(Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận)

b) **Nội dung:** Cảnh biển đêm và tâm trạng nao nức của các ngư dân lúc ra khơi.

Câu 2: Đọc hai câu thơ sau:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”

Từ **mặt trời** trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo phép tu từ nào? Có thể coi đây là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không? Vì sao?(1 điểm)

Trả lời

- a) Từ “Mặt trời” trong câu thơ thứ hai được sử dụng theo phép **ẩn dụ**.
- b) Đây không phải là hiện tượng phát triển nghĩa của từ.
- c) Vì sự chuyển nghĩa của từ “**mặt trời**” trong câu thơ chỉ có tính tạm thời, nó không làm cho từ có thêm nghĩa mới và không thể đưa vào để giải thích trong từ.

Câu 3: Lấy nhan đề “Những người không chịu thua số phận” , hãy viết một văn bản nghị luận ngắn (Không quá một trang giấy thi) về những con người đó. (3 điểm)

Trả lời

Cái tên Nguyễn Thị Hiền – tấm gương nghèo vượt khó đã quá quen thuộc đối với tập thể lớp 9A, trường THCS Thanh Đông của chúng tôi. Một cô bạn hồn nhiên, trong sáng, niềm nở với bạn bè đặc biệt là học giỏi nữa. Nụ cười hạnh phúc của Hiền khi nhận được giải cao trong các kì thi học sinh giỏi Thành Phố và khi nhận được học bổng khuyến học khiến chúng tôi cũng vui lây. Nhưng không thể ngờ được đằng sau thành tích ấy, sau nét mặt rạng rỡ kia là cả một tâm hồn bị tổn thương , tổn thương về mọi mặt và là quá trình nỗ lực không ngừng vươn lên khiến tôi không khỏi xúc động và cảm phục trước một cô gái nhỏ bé nhưng giàu ý chí và nghị lực kia.

Khác với bạn bè, ngay từ những năm tháng đầu đời, Hiền đã thiếu đi sự quan tâm chăm sóc của người cha. Bạn lớn lên nhờ đôi bàn tay chăm sóc của mẹ và ông bà ngoại. Ba mẹ Hiền đã sống ly thân khi Hiền còn quá nhỏ. Mẹ lại đau ốm hay phá bệnh vào buổi chiều nắng gắt. Căn bệnh quái ác mà người ta gọi là “ Bệnh tâm thần” đeo đẳng mẹ khiến cô bé có cha mẹ nhưng đâu có được cái quyền vui chơi, được nô đùa, được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ. Một tâm hồn nhỏ bé đang từng ngày rạn nứt. Những tưởng với ngàn ấy gian nan, tâm hồn nhỏ bé kia sẽ không còn đủ niềm tin để bước vào đời. Nhưng thật bất ngờ Hiền đã vượt qua tất cả. Hiền dồn hết niềm khát khao vào tri thức mong muốn tìm trong sách vở một sự chia sẻ.

Thật vậy, ý chí và nghị lực cùng với lòng say mê tri thức là bàn đạp vững chắc là cánh cửa dẫn đến thành công dù bước khởi đầu còn gian nan, trắc trở. câu chuyện của Hiền khiến tôi không khỏi bồi ngùi xúc động và mong muốn được cảm thông chia sẻ với những gì mà Hiền đã và đang trải qua.

Câu 4: Cảm nhận và suy nghĩ của em về nỗi buồn của Thúy Kiều trong tám dòng cuối đoạn trích **Kiều ở lầu ngưng bích** (Truyện Kiều) .Từ đó có nhận xét gì về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của **Nguyễn Du**.

(5 điểm)

Trả lời:

Nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã viết: “ **Tiếng nói Việt Nam trong Truyện Kiều như làm bằng ánh sáng vậy, nó trong suốt như dòng suối, dòng suối long lanh đầy nước in trời**” Dòng suối ấy đã hòa tan và làm trong trẻo cả những điển tích, những từ Hán Việt xa lạ để biến nó thành thơ, thành nhạc, trong tiếng nói Việt Nam.

Đặc biệt là đoạn trích “Kiều ở lầu ngưng bích” của Nguyễn Du. Đoạn diễn tả trực tiếp tâm trạng, tình cảm sâu sắc, chân thực của Thúy Kiều.

a) **Mở bài:**

- Truyện Kiều là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Du giai đoạn truyện Nôm trong văn học trung đại Việt Nam. Viết Truyện Kiều, Nguyễn Du có dựa vào truyện Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân bên Trung Quốc, tác phẩm có giá trị lớn về nội dung và nghệ thuật.
- Đoạn trích nằm ở phần thứ hai: Gia biến và lưu lạc, sau khi biết mình bị lừa vào lầu xanh Kiều uất ức định tự vẫn.
- Đoạn thơ cho thấy cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi của Thúy Kiều.

b) **Thân bài:**

- Tâm trạng đau buồn của Thúy Kiều hiện lên qua bức tranh và cảnh vật (8 câu)

*Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồn xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*

- Cảnh lầu Ngưng Bích được nhìn qua tâm trạng của Thúy Kiều. Cảnh được quan sát từ xa đến gần. Về màu sắc thì được miêu tả từ màu nhạt đến đậm. Về âm thanh thì tác giả lại miêu tả từ tĩnh đến động. Nỗi buồn thì tác giả miêu tả từ nỗi buồn man mác dần tăng lên nỗi lo âu, kinh sợ. Ngọn gió cuốn mặt duềnh và “Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi” là cảnh tượng hải hùng, như báo trước dông bão của số phận sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Nàng.

- Bằng hai câu hỏi tu từ: “**Thuyền ai thấp thoáng cánh buồn xa xa?** “ **Hoa trôi man mác biết là về đâu?**”, tác giả đã làm nổi bật lên tâm trạng của Thúy Kiều lo sợ cô đơn lẻ loi. Kiều nghĩ đến tương lai mờ mịt, héo mòn của mình.

- Điệp từ “ **Buồn trông**” diễn tả nỗi buồn triền miên
- Một “**cánh buồn thấp thoáng**” nơi “**cửa bể chiều hôm**” gợi nỗi cô đơn
- Một cánh “**hoa trôi man mác**” tượng trưng cho số phận lênh đênh của Nàng
- Hình ảnh “**nội cỏ rầu rầu**”, chân mây mặt đất thể hiện kiếp sống phong trần của người con gái bất hạnh.
- Cuối cùng là ầm ầm tiếng sóng làm cho nàng lo sợ những tai họa như đang phủ xuống cuộc đời nàng

c) **Kết bài:**

- Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích là một trong những đoạn thơ hay nhất trong Truyện Kiều. Bởi vì, qua đoạn trích, người đọc cảm nhận được tâm trạng buồn cô đơn, lẻ loi.

- Qua đoạn trích, người đọc thấy rõ nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc tình tình của Nguyễn Du.

- Học đoạn trích , ta cũng thấy được tấm lòng nhân đạo của nhà thơ. Nhà thơ đã xót thương cho một người con gái tài hoa mà bạc mệnh như nàng Kiều

ĐỀ SỐ 04

Câu 1: Chép lại nguyên văn 4 dòng thơ đầu bài “Cảnh ngày xuân”(Truyện Kiều) của Nguyễn Du (1 đ)

Câu 2: Trong hai câu thơ sau: (1 điểm)

Nỗi mình thêm tiếc nỗi nhà

Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng

(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

Từ **hoa** trong **thềm hoa**, **lệ hoa** được theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Có thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa được không? Vì sao?

Câu 3: Viết một đoạn văn nghị luận theo các lập luận diễn dịch (khoảng 10 - > 12 dòng) nêu lên suy nghĩ của em về tình cảm gia đình được gợi từ câu ca dao sau: (3 điểm)

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Câu 4: Về đẹp của người anh hùng tài hoa, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài qua đoạn trích **Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga** (Nguyễn Đình Chiểu- Truyện Lục Vân Tiên) (5 điểm)

Trả lời:

Câu 1: Chép lại nguyên văn 4 dòng thơ đầu bài “Cảnh ngày xuân”(Truyện Kiều) của Nguyễn Du (1 đ)

Trả lời:

“...Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh tận chân trời

Cảnh lê trắng điểm một vài bông hoa”

(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

Câu 2: Trong hai câu thơ sau: (1 điểm)

Nỗi mình thêm tiếc nỗi nhà
Thêm hoa một bước lệ hoa mấy hàng

(Nguyễn Du – Truyện Kiều)

Từ **hoa** trong **thêm hoa**, **lệ hoa** được theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Có thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa được không? Vì sao?

- Từ “Hoa” trong “thêm hoa”, “lệ hoa” được dùng theo nghĩa **chuyển**.
- Nhưng không thể coi đây là hiện tượng chuyển nghĩa làm xuất hiện từ nhiều nghĩa.
- Vì nghĩa chuyển này của từ “**Hoa**” chỉ là nghĩa chuyển lâm thời, chứ chưa làm thay đổi nghĩa của từ.

Câu 3: Viết một đoạn văn nghị luận theo các lập luận diễn dịch (khoảng 10 - > 12 dòng) nêu lên suy nghĩ của em về tình cảm gia đình được gợi từ câu ca dao sau: (3 điểm)

“Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.”

Bài ca dao nghe như lời khuyên, mà cũng như lời suy tôn cha mẹ và tâm nguyện của con cái đối với cha mẹ trên hai vấn đề: **ghi nhớ công ơn cha và hết lòng hiếu thảo với cha mẹ.**

Công ơn cha mẹ xưa nay được người Việt nam đánh giá rất cao:

**“Công cha như núi Thái Sơn,
nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”**

Còn lời suy tôn nào xứng đáng và chính xác hơn lời suy tôn đó. Núi Thái Sơn ở Trung Quốc nổi tiếng là một ngọn núi cao, bề thế vững chãi đem ví với công lao người cha đối với con cái. Công ơn người mẹ cũng to lớn không kém. “Nghĩa” ở đây là ơn nghĩa, tình nghĩa. Ngoài cái tình mang nặng đẻ đau, người là người trực tiếp bồng bế nuôi con từ tấm bé đến khi con khôn lớn nên người.

Tóm lại, một câu ca dao ngắn gọn gồm mười bốn từ mà thể hiện được lòng biết ơn của con cái, sự đánh giá cao công ơn của cha mẹ.

Câu 4: Vẻ đẹp của người anh hùng tài hoa, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài qua đoạn trích **Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga** (Nguyễn Đình Chiểu- Truyện Lục Vân Tiên) (5 điểm)

a) **Mở bài:**

- Truyện “Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu là một tác phẩm có sức sống mạnh mẽ và lâu bền trong lòng nhân dân, đặc biệt là nhân dân Nam Bộ.

- Nhân vật chính trong tác phẩm là Lục Vân Tiên, một người anh hùng tài hoa, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài.

- Đoạn trích “Lục Vân Tiên” nằm ở phần đầu của truyện.

b) **Thân bài:**



Lục Vân Tiên là người anh hùng tài hoa, dũng cảm:

- Trên đường xuống núi, về kinh đô ứng thi Vân Tiên đã đánh cướp để cứu dân lành:

“Tôi xin ra sức anh đào

Cứu người cho khỏi lao đao buổi này”

- Mọi người khuyên chàng không nên chuốc lấy hiểm nguy vì bộm cướp thì quá đông mà lại hung hãn.

“Dân rằng lẽ nó còn đây

Qua xem tướng bậu thơ ngây đã đành

E khi họa hổ bắt thành

Khi không mình lại xô mình xuống hang”

- Trước một đối thủ nguy hiểm như vậy nhưng Vân Tiên không hề run sợ.

“Vân Tiên ghé lại bên đàng

Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”

- Vân Tiên đã quát vào mặt bọn chúng:

“Kêu rằng: “Bớ đảng hung đồ

Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”

- Tướng cướp Phong Lai thì mặt đỏ phừng phừng trông thật hung dữ. Vậy mà Vân Tiên vẫn xông vô đánh cướp. Hình ảnh Vân Tiên đánh cướp được miêu tả rất đẹp.

“Vân Tiên tả đột hữu xông

Khúc nào Triệu Tử phá vòng đờn dang”

Hành động của Vân Tiên chứng tỏ là người vì việc nghĩa quên mình, cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bên trong kẻ yếu, chiến thắng những thế lực bạo tàn.



Vân Tiên là người chính trực, trọng nghĩa khinh tài:

- Thái độ cư xử với Kiều Nguyệt Nga sau khi đánh cướp lại bộc lộ tư cách con người chính trực hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, cũng rất từ tâm, nhân hậu của Lục Vân Tiên. Khi thấy hai cô gái chưa hết hãi hùng, Vân Tiên động lòng tìm cách an ủi họ và ân cần hỏi han.

Vân Tiên nghe nói động lòng

Đáp rằng: “Ta đã trừ dòng lâu la”

- Khi nghe họ nói muốn được lạy tạ ơn, Vân Tiên đã cười và khiêm nhường trả lời: “Là ơn há để trông người trả ơn”.

- Quan niệm sống của Vân Tiên là cách cư xử mang tính thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán. Vân Tiên quan niệm:

Nhớ câu kiến ngã bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng

c) **Kết bài:**

- Vân Tiên là người tài hoa, dũng cảm, chính trực hào hiệp, trọng nghĩa khinh

tài.

- Hình ảnh Lục Vân Tiên là hình ảnh đẹp, hình ảnh lí tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin và ước vọng của mình.

- Ngôn ngữ mộc mạc, bình dị gần với lời nói thông thường trong nhân dân và mang đậm màu sắc địa phương Nam Bộ. Ngôn ngữ thiếu phần trau chuốt uyển chuyển nhưng lại phù hợp với ngôn ngữ người kể chuyện, rất tự nhiên, dễ đi vào quần chúng.

ĐỀ SỐ 05

Câu 1	: (Tóm tắt ngắn gọn (trong khoảng 10 – 12 dòng) nội dung truyện chuyện người con gái Nam Xương Dữ.	1 điểm
Câu 2	Vận dụng kiến thức về trường từ vựng để phân tích sự độc đáo trong cách dùng từ ở đoạn trích sau: “ <i>Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém, giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của trong những bể máu</i> ” (Hồ Chí Minh – Tuyên ngôn độc lập)	1 điểm
Câu 3	Viết một đoạn văn nghị luận theo cách lập luận quy nạp (khoảng 10 – 12 dòng) nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa câu tục ngữ “ Không thầy đố mày làm nên”	3 điểm
Câu 4	Hình ảnh anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp trong bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu	5 điểm

TRẢ LỜI:

Câu 1: (Tóm tắt ngắn gọn (trong khoảng 10 – 12 dòng) nội dung truyện chuyện người con gái Nam Xương Dữ. (1 điểm)

- Truyện kể về Vũ Thị Thiết người con gái Nam Xương. Vốn là một người vợ tận tụy , đoan trang , nàng vẫn giữ gìn khuôn phép lòng thủy chung với chồng , hầu hạ mẹ chồng như đối với cha mẹ đẻ mình , chăm sóc con cái chu đáo suốt thời gian chồng đi lính.

- Khi chồng trở về, người chồng ghen tuông, nàng phân trần không được, nàng đành trầm mình ở dòng sông Hoàng Giang tự vẫn.

- Cảm động vì lòng trung thực của nàng , Linh Phi (Vợ vua biển) cứu vớt và cho nàng ở lại Long Cung . Người chồng biết vợ bị oan nên hối hận và lập đàn giải

oan cho nàng. Vũ Nương hiện lên rồi trở lại Long Cung.

Câu 2: Vận dụng kiến thức về trường từ vựng để phân tích sự độc đáo trong cách dùng từ ở đoạn trích sau:

“ Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém, giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của trong những bể máu”

(Hồ Chí Minh – Tuyên ngôn độc lập)

- Sự độc đáo trong cách dùng từ ở đoạn trích là:
- + Tác giả dùng hai từ cùng trường từ vựng: “Tắm” và “bể”
- + Có tác dụng góp phần làm tăng giá trị biểu cảm và sức tố cáo tội ác vô nhân đạo của giặc Pháp.

Câu 3: Viết một đoạn văn nghị luận theo cách lập luận quy nạp (khoảng 10 – 12 dòng) nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa câu tục ngữ **“ Không thầy đố mày làm nên”**

Trong cuộc sống của nhân loại cũng như trong cuộc sống của mỗi con người, người thầy đóng vai trò hết sức quan trọng, không thể thiếu được. Bởi vì người thầy là người truyền đạt kinh nghiệm, kỹ năng, kiến thức, lẽ sống cho người đi sau, dẫn dắt mọi người đi vào con đường hoạt động hữu ích cho xã hội. Vì vậy mà nhân dân ta có câu tục ngữ: **“ Không thầy đố mày làm nên”**. *Câu tục ngữ khẳng định vai trò quan trọng của người thầy trong việc truyền thụ tri thức và giáo dục nhân cách cho học sinh.*

Câu 4: Hình ảnh anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp trong bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu

a) **Mở bài:**

Cuộc kháng chiến chống Pháp vĩ đại là điểm hội tụ, nơi gặp gỡ của muôn triệu trái tim tâm lòng yêu nước. Biết bao người con của Tổ quốc đã đi vì tiếng gọi thiêng liêng. Họ ra đi để lại sau lưng khoảng trời xanh quê nhà, bờ tre, ruộng nương, giếng nước, gốc đa.... Họ ra đi sát cánh bên nhau, chung hưởng niềm vui, chia sẻ gian lao thiếu thốn và trở nên thân thương gắn bó. Tình đồng chí, đồng đội bắt nguồn từ đó. Mỗi tình cao quý được tả trong bài thơ Đồng chí” của Chính Hữu.

b) **Thân bài:**

✚ Cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính: (7 câu đầu)

- Tình đồng chí, đồng đội bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó:

**“ Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”**

Anh ra đi từ một miền quê nghèo khó. Nơi ấy là vùng đất mặn ven biển hay vùng đất có độ phèn chua cao. Tôi cũng sinh ra và lớn lên từ một miền quê đất khô cằn “Đất cày lên sỏi đá”. Với cấu trúc song hành đối xứng và vận dụng thành công thành ngữ “Nước mặn, đồng chua” đúng lúc, đúng chỗ, làm cho hai câu thơ đầu khẳng định sự đồng cảm là cơ sở, là cái gốc làm nên tình bạn, tình đồng chí.

- Họ cùng chung mục đích đánh giặc cứu nước đó chính là cơ sở nảy sinh tình

đồng chí, đồng đội.

“ Tôi với anh đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”

Là những nông dân từ nhiều miền quê “xa lạ”. Nhưng vì cùng chung một đích đánh giặc cứu nước nên dẫn cho “ Chẳng hẹn” họ trở thành những người lính và họ “ quen nhau”

- Tình đồng chí còn được nảy sinh từ việc cùng chung nhiệm vụ, sát cánh bên nhau trong chiến đấu.

“Súng bên súng đầu sát bên đầu”

- Gắn bó bên nhau trong những ngày gian khổ cũng là cơ sở của tình đồng chí, đồng đội.

“Đêm rét chung trăng thành đôi tri kỷ”

Đột ngột, nhà thơ hạ một dòng thơ đặc biệt với hai tiếng **“đồng chí !”** câu thơ chỉ có một từ hai tiếng và một dấu chấm than, nó tạo một điểm nhấn, một sự liên kết giữa hai khổ thơ.

 **Những biểu hiện của tình đồng chí ở người lính: (10 câu tiếp)**

- Biểu hiện đầu tiên của tình đồng chí ở người lính là: sự cảm thông sâu xa những tâm tư nỗi lòng của nhau:

“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”

- Biểu hiện thứ hai của tình đồng chí ở người lính là: Họ cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính. Đó là sự ốm đau, bệnh tật.

“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi”

- Đó cũng là thiếu thốn về trang phục tối thiểu:

“Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày”

- Biểu hiện thứ ba của tình đồng chí ở người lính là tình yêu thương:

“Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

 **Bức tranh đẹp về tình đồng đội, đồng chí: (3 câu cuối)**

- Bài thơ kết thúc bằng hình ảnh rất đặc sắc:

“ Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo”

Chỉ ba câu thơ, mà tác giả đã ch người đọc quan sát một bức tranh đẹp bằng ngôn từ. Đó chính là bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội của người lính. Là biểu tượng đẹp về cuộc đời người chiến sĩ

c) **Kết bài:**

- Bài thơ “đồng chí” mang vẻ đẹp bình dị khi nói về đời sống vật chất của người chiến sĩ trong những ngày đầu gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
- Bài thơ “đồng chí” mang vẻ đẹp cao cả, thiêng liêng khi nói đời sống tâm hồn, về tình đồng chí, đồng đội của người chiến sĩ.

ĐỀ SỐ 06

Câu 1	Tóm tắt_Truyện Kiều của Nguyễn Du bằng một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi.	1 điểm
Câu 2	Vận dụng kiến thức đã học về phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong câu thơ sau: “ Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng” (Nguyễn Khoa Điềm – Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ) Câu thơ gợi cho em nhớ đến câu thơ nào (cũng dùng phép tu từ ấy trong bài Viếng lăng Bác của Viễn Phương	1 điểm
Câu 3	Viết một văn bản nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về tình bạn trong đó dùng câu ghép chính phụ (gạch dưới câu ghép)	3 điểm
Câu 4	: Cảm nhận và suy nghĩ của em về bốn khổ thơ đầu bài thơ Tiễn đội xe không kính của Phạm Tiến Duật. “ Không có kính không phải vì xe không có kính Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi Ung dung buồng lái ta ngồi Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng. Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim Thấy sao trời đột ngột cánh chim Như sa như ùa vào buồng lái Không có kính, ừ thì có bụi Bụi phun tóc trắng như người già Chưa cần rửa, phèo châm điều thuốc Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha	5 điểm

	Không có kính , ừ thì ướt áo Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa Mưa ngừng , gió lùa khô mau thôi”	
--	---	--

Trả lời:

Câu 1: Tóm tắt _Truyện Kiều của Nguyễn Du bằng một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi:

- Câu chuyện kể về cuộc đời của Thúy Kiều một cô gái tài sắc tuyệt vời. đính ước với Kim Trọng
- Gia đình gặp gia biến Kiều phải bán mình để chuộc cha và em. Mã Giám Sinh mua Kiều và đưa vào thanh lâu của Tú Bà, bị ép ra tiếp khách làng chơi, chịu bao nỗi nhục nhã ê chề Kiều định tự vẫn nhưng không thành. Lại rơi vào thanh lâu tiếp.
- Được Thúc Sinh chuộc ra khỏi Thanh Lâu , lại rơi vào tay Hoạn Thư , bị hành hạ ê chề.
- Thoát khỏi tay Hoạn Thư, rơi vào tay Thanh lâu.
- Được Từ Hải cứu vớt , cứu tướng yên thân sống sung sướng , lại mắc lừa Hồ Tôn Hiến. phải tự trầm mình xuống dòng sông Tiền Đường tự vẫn.
- Cuối cùng được cứu sống, đoàn tụ với gia đình và Kim Trọng, chấm dứt mười lăm năm lưu lạc.

Câu 2: Vận dụng kiến thức đã học về phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong câu thơ sau:

**“ Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng”**

(Nguyễn Khoa Điềm – Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ)

Câu thơ gợi cho em nhớ đến câu thơ nào (cũng dùng phép tu từ ấy trong bài Viếng lăng Bác của Viễn Phương.

- Tác giả dùng biện pháp tu từ ẩn dụ. ở câu thơ thứ hai: ” **Mặt trời của mẹ, thì nằm trên lưng**”

- Từ ” mặt trời ” chỉ em bé trên lưng mẹ đã thể hiện được sự gắn bó không rời giữa hai mẹ con cũng như tình yêu con vô bờ của người mẹ Tà Ôi . Mẹ coi đứa con bé bỏng như một nguồn sống , nguồn nuôi dưỡng lớn lao cho niềm tin của mẹ vào ngày mai chiến thắng.

- Câu thơ trong bài ”**Viếng lăng Bác**”

” **Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng**

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”

Câu 3 Viết một văn bản nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về tình bạn trong đó dùng câu ghép chính phụ (gạch dưới câu ghép)

”Tình bạn trước hết phải phải chân thành, phải phê bình sai lầm của bạn, phải

ngiên chỉnh giúp đỡ bạn sửa chữa sai lầm”.

”Bạn là của cải chứ không phải của cải là bạn” câu danh ngôn đó đã dành tất cả sự trân trọng, ưu ái cho tình bạn. Thế gian sẽ đơn điệu biết mấy, con người sẽ nghèo nàn, nhạt nhẽo nếu tình bạn không tồn tại. Tình bạn, ấy là hai tiếng thiêng liêng, cao đẹp. Ca dao từng đề cao tình bạn bè.

”Ra đi vừa gặp bạn hiền

Cũng bằng ăn quả đào tiên trên trời”

” Sống không có bạn là chết cô đơn” Ai cũng muốn có những người bạn tốt của mình. Nhưng kết bạn vốn đã khó, mà giữ gìn tình bạn gắn bó thủy chung còn khó hơn nhiều. Lí Thông từng kết nghĩa với Thạch Sanh nhưng sau lại lừa bạn đi vào chỗ chết và cướp công của bạn. Trịnh Hâm âm mưu hãm hại Vân Tiên chỉ vì sự ghen ghét nhỏ nhen, tầm thường. Những tấm gương phản bạn đó cho thấy nếu hẹp hòi, nếu chỉ ích kỷ thì sẽ mù quáng, sẽ mất bạn bè và trở thành kẻ ác.

” Giàu bè bạn là không nghèo về mặt nào cả”. Cuộc sống thật bao la, rực rỡ sắc màu. Mỗi người nếu biết độ lượng, sống cởi mở, khoan dung hơn thì tình bạn sẽ đơm hoa kết trái, sẽ chẳng bao giờ lụi tàn. Đúng như nhà thơ Tố Hữu ngợi ca:

” Có gì đẹp trên đời hơn thế

Người yêu người sống để yêu nhau”

Câu 4: Cảm nhận và suy nghĩ của em về bốn khổ thơ đầu bài thơ **’Tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật’**

a) Mở bài:

- Phạm Tiến Duật sinh năm 1941, mất năm 2007 vì một bệnh hiểm nghèo.
- Bài thơ tiểu đội xe không kính được sáng tác năm 1969, trên con đường Trường Sơn. Bài thơ được giải nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ và được đưa vào tập thơ “Vàng trắng quàng lửa” của tác giả.
- Bốn khổ thơ đầu thể hiện tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm bất chấp khó khăn nguy hiểm, niềm vui sôi nổi của tuổi trẻ trong tình huống tình đồng đội và ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt.

b) Thân bài:

✚ Trước hết người lính trong bài thơ là những người luôn bất chấp gian khổ, khó khăn trên con đường vận chuyển hàng vào Miền Nam:

- Phương tiện vận chuyển là những chiếc xe không có kính:

” Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi”

Với ba từ ” Không” tác giả đã lí giải một cách rõ ràng nguyên nhân xe không có kính. Không phải xe không trang bị mà xe không có kính bởi vì lí do” *Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi”*

✚ Người lính trong bài thơ là những người lính có tư thế ung dung, hiên ngang:

- Tư thế hiên ngang của người lính chiến sĩ lái xe Trường Sơn. Dù bom rơi, xe vỡ kính, xe không đèn, xe xước nhưng người lính vẫn:

**” Ung dung buông lái ta ngồi
Nhìn đất , nhìn trời, nhìn thẳng”**

Từ ” Ung dung” nói lên dáng điệu cử chỉ bình tĩnh, không hề nôn nóng, vội vàng hay lo lắng của người chiến sĩ lái xe. Với tư thế ” **nhìn đất, nhìn trời , nhìn thẳng**” qua khung cửa sổ không còn nhìn kính chắn gió người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài:

**” Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như xa như ủa vào buồng lái”**

Những câu thơ diễn tả được cảm giác về tốc độ trên chiếc xe đang la nhanh . Qua khung cửa xe không kính , không chỉ mặt đất, bầu trời, sao trời mà cả con đường chạy thẳng vào tim.

Những người lính lái xe là những người xôi nổi, vui nhộn, lạc quan:

- Trên đường vận tải đầy bom đạn, những người lính lái xe vẫn rất vui nhộn, lạc quan, tác giả miêu tả bằng những hình ảnh hết sức chân thật , đời thường

**”Không có kính , ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”**

Những chàng trai với mái tóc xanh giờ đây bụi đường đã làm cho ” trắng xóa như người già”. Họ chẳng cần vội rửa những khuôn mặt lấm . Không những vậy , khi họ nhìn nhau vào khuôn mặt lấm lem của nhau cất tiếng cười ” ha ha” chỉ bằng một vài nét miêu tả chân thực mà chân dung người lính hiện lên thật trẻ trung , tinh nghịch, yêu đời.

Người lính lái xe Trường Sơn còn là những người dũng cảm, cò tinh thần quyết chiến, quyết thắng:

Người lính Trường Sơn là những con người có tinh thần quyết chiến quyết thắng, họ vẫn chạy vì miền Nam ruột thịt:

**” Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi”**

Với bộ quần áo ướt nước mưa vì xe không có kính, người lính lái xe vẫn lái xe tiến về phía trước hàng trăm cây số. Đó chính là ý chí chiến đấu để giải phóng miền Nam, là tình yêu nước nồng nhiệt thời chống Mỹ.

c) Kết bài:

- Bài thơ đã khắc họa một hình ảnh độc đáo : những chiếc xe không kính. Qua đó , tác giả khắc họa nổi bật hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang , tinh thần lạc quan , dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam ruột thịt thân yêu.

- Tác giả đưa vào bài thơ chất liệu thơ hiện thực sinh động của cuộc sống ở chiến trường Trường Sơn, ngôn ngữ giàu tính khẩu ngữ, tự nhiên, khéo khoắn.

ĐỀ SỐ 07

Câu 1	Tóm tắt truyện ngắn Làng của Kim Lân (trong khoảng 10 – 12 dòng)	1 điểm
Câu 2	Xác định những biện pháp tu từ trong khổ thơ sau và cho biết tác dụng của những biện pháp tu từ ấy. Đất nước bốn nghìn năm Vất vả và gian lao Đất nước như vì sao Cứ đi lên phía trước (Thanh Hải – Mùa xuân nho nhỏ)	1 điểm
Câu 3	Viết một văn bản nghị luận ngắn (Khoảng một trang giấy thi) với chủ đề về ” Lòng nhân ái ”, trong đó sử dụng một lời dẫn trực tiếp.	3 điểm
Câu 4	Cảm nhận của em về 2 khổ thơ cuối bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận. Sao mờ, kéo lưới trời sáng Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng Vẩy bạc đuôi vàng ló rạng đông Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng Câu hát căng buồm với gió khơi, Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời. Mặt trời đội biển nhô màu mới Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi	5 điểm

TRẢ LỜI:

Câu 1: Tóm tắt truyện ngắn Làng của Kim Lân (trong khoảng 10 – 12 dòng)

- Ông Hai là người một người nông dân yêu tha thiết yêu làng Chợ Dầu của mình.
- Do yêu cầu của ủy ban kháng chiến, ông Hai phải cùng gia đình tản cư. xa làng ông nhớ làng da diết.
- Trong những ngày xa quê , ông luôn nhớ đến làng Chợ Dầu và muốn trở về.
- Một hôm, ông nghe tin làng Chợ Dầu của ông làm Việt gian theo Tây. Ông Hai vừa cảm uất vừa tủi hổ , chỉ biết tâm sự cùng đứa con thơ.
- Khi cùng đường, ông Hai nhất định không quay về làng vì theo ông “làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù.”
- Sau đó, ông được nghe tin cải chính về làng mình rằng làng chợ Dầu vẫn kiên cường đánh Pháp. ông hồ hởi khoe với mọi người tin này dù nhà ông bị Tây đốt

cháy.

Câu 2: Xác định những biện pháp tu từ trong khổ thơ sau và cho biết tác dụng của những biện pháp tu từ ấy.

Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước

(Thanh Hải – Mùa xuân nho nhỏ)

- a) Tác giả dùng phép tu từ nhân hóa: Đất nước như con người, cũng mang những nét vất vả gian lao giống người mẹ Việt Nam. Vì thế mà hình ảnh Đất nước trở nên cụ thể, gần gũi, sống động và gợi cảm.
- b) Tác giả dùng so sánh ” Đất nước như vì sao- cứ đi lên phía trước ” là một hình ảnh đẹp , giàu ý nghĩa biểu cảm. Đất nước hiện lên khiêm nhường nhưng cũng vô cùng tráng lệ.

Câu 3: Viết một văn bản nghị luận ngắn (Khoảng một trang giấy thi) với chủ đề về ” Lòng nhân ái”, trong đó sử dụng một lời dẫn trực tiếp.

Hôm nay, cũng như mọi ngày tôi đi học trên đường đi tôi gặp một bà lão, bà nói: ” **Cháu ơi giúp bà qua đường với**”, tôi nhìn đồng hồ đã 7 giờ kém 5 phút tôi suy nghĩ một lúc và nói ” **Vâng cháu sẽ đưa bà qua đường**”.

Sau khi đưa bà lão qua đường bà cảm ơn tôi , lúc đó tôi đã cảm nhận được việc làm tốt của mình. Thế là tôi chạy thẳng đến lớp khi đến cổng trường đã đóng, tôi xin bác bảo vệ cho vào cửa, lúc ấy bác bảo vệ không cho tôi vào. Tôi đã kể lại đầu đuôi câu chuyện cho bác bảo vệ nghe.

Nghe xong bác bảo vệ cho tôi vào cổng , khen tôi ngoan và nói : ” **Con đã làm một cử chỉ sống đẹp**”.

Câu 4: Cảm nhận của em về 2 khổ thơ cuối bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.

”... Sao mờ, kéo lưới trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng ló rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng

Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”

a) **Mở bài:**

- Huy cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu cho nền thơ ca hiện đại Việt Nam
- Giữa năm 1958, ông có chuyến đi dài ngày thực tế ở Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này ông viết Đoàn Thuyền Đánh Cá .
- Hai khổ thơ cuối , tác giả khắc họa hình ảnh tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên

nhiên và con người lao động , bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống.

**”... Sao mờ, kéo lưới trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng ló rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng**

**Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”**

b) **Thân bài:**

 Vẻ đẹp hài hòa giữa thiên nhiên tráng lệ và người lao động:

Ra đi từ lúc hoàng hôn buông xuống , sóng cài then , đêm sập cửa, vũ trụ nghỉ ngơi , nay trở về bình minh đang lên rạng rỡ . Trước hết , đó là cảnh khăn trương ,hỏi hã chuẩn bị cho sự trở về:

**”... Sao mờ, kéo lưới trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng ló rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”**

Tất cả tinh thần tranh thủ , hỏi hã được diễn tả qua từ ” Kip” và hình ảnh ” kéo xoăn tay” một hình ảnh thơ khéo khoắn gợi tả một công việc lao động hân say , vất vả nhưng lấp lánh niềm vui bởi thành quả lao động mà họ đạt được ” chùm cá nặng”. Xoa tay đứng nhìn đầy chặt khoang những cá nục, cá chim , cá đé.....vẩy đuôi ánh sáng bình minh lấp lánh trên mặt nước. Hỏi hã của người ngư dân lúc kéo lưới ” sao mờ kéo lưới trời sáng”

- Sự khéo mạnh của người lao động của họ qua hình ảnh ẩn dụ” ta kéo xoăn tay chùm cá nặng”
- Niềm vui tươi trong lao động qua những câu thơ tả cảnh đẹp, đầy sáng tạo.

 Cảnh đoàn thuyền buồm căng gió trở về bến:

Công việc đánh cá kết thúc, khi mà: ” lưới xếp, buồm lên đón nắng hồng” ấy à lúc đoàn thuyền trở về :

**”Câu hát căng buồm với gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”**

- Chi tiết ” đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời” và ” mặt trời đội biển nhô màu mới” là chi tiết giàu ý nghĩa . Hình ảnh ” mặt trời” là hình ảnh ẩn dụ cho một tương lai xán lạn. Và con thuyền chạy đua về tương lai là con thuyền của chủ nghĩa

xã hội đang trên bước đường xây dựng chủ nghĩa xã hội hứa hẹn thành công.

C) **kết bài:**

- Bài "đoàn thuyền đánh cá" là một trong những bài thơ hay của phản ánh không khí lao động hăng say, náo nức của những người lao động đánh cá trên biển trong không khí của những ngày đất nước xây dựng sau giải phóng.

- Bài thơ có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh bằng liên tưởng, tưởng tượng độc đáo và vận dụng nhiều biện pháp tu từ thành công.

ĐỀ SỐ 08

Câu 1	Tóm tắt tuyên lạng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long trong khoảng 10 –12 dòng.	1 điểm
Câu 2	Tìm lời dẫn trong đoạn trích sau và cho biết đó là lời nói hay ý nghĩ được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp. "Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rọ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều: - ... Và , khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất..." (Nguyễn Thành Long – Lặng lẽ sa Pa)	1 điểm
Câu 3	Viết một văn bản nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị hiện nay.	3 điểm
Câu 4	Phân tích đoạn thơ sau và nêu suy nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ " bếp lửa" của Bằng Việt. " ... Lặn đày đời bà biết mấy nắng mưa Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ Ôi kì lạ thiêng liêng – bếp lửa" (Bằng Việt- Bếp Lửa)	5 điểm

TRẢ LỜI:

Câu 1: Tóm tắt tuyên lạng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long trong khoảng 10 – 12 dòng.

Một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng cao

Tây Bắc. Trên chuyến xe, ông ngồi cùng hàng ghế với cô kỹ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến Sa Pa, bác lái xe dừng lại lấy nước và nhân tiện giới thiệu với họa sĩ “một trong những người cô độc nhất thế gian”. Đó là anh thanh niên trông coi trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn 2600 mét.

Cuộc gặp gỡ giữa bác lái xe, họa sĩ già, cô kỹ sư trẻ và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về công việc hằng ngày của mình – những công việc âm thầm nhưng vô cùng có ích cho cuộc sống. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ, cao quý của anh thanh niên nên đã phác họa một bức chân dung. Qua lời kể của anh, các vị khách còn được biết thêm về rất nhiều gương sáng trong lao động, sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Câu 2: Tìm lời dẫn trong đoạn trích sau và cho biết đó là lời nói hay ý nghĩ được dẫn, là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp.

”Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rọ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

- **... Và , khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất...”**

(Nguyễn Thành Long – Lặng lẽ sa Pa)

- **” Và , khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất...”**

- Là lời dẫn trực tiếp.

- Lời của nhân vật anh thanh niên lúc tâm sự với ông họa sĩ

Câu 3: Viết một văn bản nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị hiện nay.

Thế giới của chúng ta đang bị đe dọa. Nguồn nước, nguồn không khínếp sống văn minh đang bị ô nhiễm nặng nề. Là một công dân của thế kỷ XXI bạn nghĩ mình phải làm gì ? Đó là vấn đề đặt ra mà mỗi chúng ta cần suy nghĩ và giải quyết?

Con người sinh sống trên trái đất này, quá trình sinh hoạt và giao tiếp ứng xử trong cuộc sống cũng thể hiện nếp sống văn minh. Thức tế cho thấy ý thức giữ vệ sinh chung của một bộ phận dân cư còn kém. Nhà cửa của mỗi người thường được quét dọn sạch sẽ. Họ không bao giờ vứt rác bừa bãi trong gia đình mình nhưng ngoài đường , dòng sông thì là một bãi chiến trường.

Một thực tế nữa là thực hiện an toàn giao thông. Đó cũng thể hiện nếp sống văn minh mà người dân của chúng ta chưa thực hiện được tốt lắm. Cho nên còn nhiều vụ tai nạn giao thông thương tâm còn xảy ra. Ý thức tham gia giao thông của người dân chúng ta còn kém.

Trong những năm gần đây, các phương tiện thông tin đại chúng liên tục đưa tin về việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị. Hãy tích cực tham gia các hoạt động

nhằm thể hiện nếp sống văn minh. Cuộc sống của chúng ta ngày nay ngày càng thêm sạch đẹp, văn minh và tiến bộ.

Câu 4: Phân tích đoạn thơ sau và nêu suy nghĩ của em về tình bà cháu trong bài thơ ” bếp lửa” của Bằng Việt?

a) **Mở bài:**

- Bằng Việt thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì chống Mỹ cứu nước. Thơ ông trong trẻo, mượt mà, khai thác những kỉ niệm và ước mơ của tuổi trẻ nên gần gũi với bạn đọc trẻ.

- Bài thơ Bếp lửa được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên trường luật của Liên Xô.

- Đoạn thơ ở phần thứ ba của bài thể hiện những suy nghĩ của người cháu đã trưởng thành về bà qua hình ảnh bếp lửa. Qua đó thể hiện tình bà cháu thật sâu sắc.

b) **Thân bài:**

 **Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa:**

- Những suy ngẫm về bà, sự tần tảo, đức hy sinh chăm lo cho mọi người của bà được tác giả thể hiện trong một chi tiết hết sức tiêu biểu:

”Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa

Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ

Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm”

Một lần nữa tác giả lại khẳng định cuộc sống của bà còn nhiều vất vả, thiếu thốn : **” lận đận đời bà biết mấy nắng mưa”**. Tình thương yêu tác giả dành cho bà được thể hiện trong từng câu chữ. Tình cảm ấy giản dị, chân thành mà thật sâu nặng thiết tha.

- Hình ảnh bếp lửa còn mang ý nghĩa tả thực: chỉ bếp lửa hàng ngày bà vẫn dậy sớm nhóm lên để nấu cơm, luộc khoai, luộc sắn..

- Ý nghĩa tượng trưng: ngọn lửa của hơi ấm, là tình thương, là sự che chở, là niềm tin mà người bà đã dành cho cháu.

- Trong tâm trí của nhà thơ hình ảnh bếp lửa và bà là những cái gì bình dị song ẩn giấu điều cao quý thiêng liêng. Cảm xúc dâng trào, tác giả đã phải thốt lên:

” Ôi kì lạ thiêng liêng- bếp lửa”

c) **Kết bài:**

- Bài thơ bếp lửa của Bằng Việt là bài thơ thấm đượm tình bà cháu

- Bài thơ còn thể hiện tình cảm gia đình hòa trong tình yêu quê hương, đất nướcchính là cảnh vật , là hương vị của đồng quê.

ĐỀ SỐ 09

Câu 1	Tóm tắt truyện chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng (trong khoảng từ 10 – 12 dòng)	1 điểm
	Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi: ” ...Bác Thứ chưa nghe thủng câu hỏi ra sao, ông lão đã	

Câu 2	lật đặt bỏ lên nhà trên: - Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn, ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính..... Cải chính cái tên làng chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra lao! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai mục đích cả.” a. Ông Hai nói: ” Làng chợ Dầu chúng em Việt gian” là dùng cách nói nào? b. Trong câu nói ông Hai đã dùng sai một từ, đó là từ nào? Lẽ ra phải nói thế nào mới đúng?	1 điểm
Câu 3	Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) với chủ đề: ” Lời xin lỗi” (Trong đó sử dụng lời dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp)	3 điểm
Câu 4	Bài Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm đã thể hiện tình yêu thương con gắn với lòng yêu nước, với tinh thần chiến đấu của người mẹ miền tây Thừa Thiên. Qua khúc hát ru ở phần cuối bài thơ hãy làm sáng tỏ nhận xét trên. ” ...Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi Em ngủ cho ngoan, đừng rời lưng mẹ Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đập rừng Thằng Mĩ đuổi ta phải rời con suối Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông Mẹ địu em đi để giành trận cuối Từ trên lưng mẹ em đến chiến trường Từ trong đói khổ em vào Trường Sơn - Ngủ ngoan a- kay ơi , ngủ ngoan a- kay ơi hỡi Mẹ thương a- kay, mẹ thương đất nước Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ Mai sau con lớn làm người Tự do...”	5 điểm

TRẢ LỜI:

Câu 1: Tóm tắt truyện chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng (trong khoảng từ 10 – 12 dòng)

- Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến từ khi con gái anh vừa tròn tuổi. Sau hiệp định kí kết lập lại hoà bình cho đất nước anh được về phép thăm con gái và gia đình. Với lòng mong mỏi được gặp con của mình, anh khát khao được nhận con gái.

- Nhưng bé Thu, con gái anh không nhận anh là cha chỉ vì vết sẹo trên mặt không giống với bức ảnh anh chụp với vợ anh lúc cưới. Không những thế, bé Thu còn đối xử với anh như người xa lạ, luôn xa lánh anh Sáu. Anh khổ tâm vô cùng. Trong suốt ba ngày nghỉ phép, anh không đi chơi đâu, chỉ quanh quẩn ở nhà chăm sóc con, mong được gần gũi và được con gái mình gọi một tiếng cha thiêng liêng ý nghĩa.

Cho đến tận giây phút cuối cùng chia tay mọi người để anh trở lại chiến khu, thì bất ngờ bé Thu thét gọi cha mình trong niềm xúc động mãnh liệt.

- Trở lại chiến trường anh mang theo lời hứa sẽ mua cho con chiếc lược. Tháng ngày ở chiến khu, với lòng nhớ con khôn nguôi, anh dồn toàn bộ tâm sức, tình thương của mình vào việc khắc tạc con một chiếc lược bằng ngà voi, mong ngày chiến thắng trở về yêu tặng con mình. Nhưng thật không may, trong một trận càn của địch, ông Sáu bị thương nặng.

- Trước lúc nhắm mắt, ông chỉ kịp trao lại cho người bạn của mình là ông Ba chiếc lược với lời nhắn hãy trao tận tay con gái bé bỏng của ông món quà thiêng thiêng này. Thực hiện nguyện ước của bạn mình như đã hứa, ông Ba đã trao tận tay bé Thu chiếc lược khi cô đã là cô giao liên giỏi giang, dũng cảm mưu trí.

Câu 2 : Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

” ...**Bác Thứ chưa nghe thủng câu hỏi ra sao, ông lão đã lật đật bỏ lên nhà trên:**

- **Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn, ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính..... Cải chính cái tên làng chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra lao! Láp hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai mục đích cả.”**

a) Ông Hai nói: ” **Làng chợ Dầu chúng em Việt gian**” là dùng cách nói nào?

b) Trong câu nói ông Hai đã dùng sai một từ, đó là từ nào? Lẽ ra phải nói thế nào mới đúng?

- Ông Hai nói: ” **Làng chợ Dầu chúng em Việt gian**” - > Là cách nói **Hoán dụ** , lấy làng để chỉ những người dân chợ Dầu.

- Trong câu nói, ông Hai dùng sai từ ” **Mục đích**” , lẽ ra phải nói ” **mục đích kích**” mới đúng.

Câu 3: Viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) với chủ đề: ” **Lời xin lỗi**” (Trong đó sử dụng lời dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp)

Mẹ ơi, đã bao lần con không học bài, làm bài, bị điểm kém, cư xử thiếu lễ độ với mọi người. Mẹ mắng con nhưng rồi con vẫn lại mắc lỗi, bị điểm kém, vẫn ham chơiMẹ thở dài, trên trán mẹ có thêm một nếp nhăn.

Mẹ ơi , dù con mắc lỗi bao nhiêu lần mẹ vẫn tha thứ. Trong kí ức non nớt, bông bột con cứ tưởng những lỗi lầm ấy rồi cũng sẽ phai mờ. Nhưng còn mẹ, mẹ vẫn nhớ tất cả những lỗi lầm ấy như những vết thương lòng không thể chữa khỏi. Con nhớ như in những lần con bị ốm . Mẹ thức suốt đêm, đôi mắt trĩu xuống lo âu, khi con bị sốt phải nghỉ học. Mẹ đã khóc , ôm chặt con vào lòng. Con thấy rõ điều đó trong tiếng thở dài của mẹ, trên vầng trán có đầy những nếp nhăn mà con không bao giờ đếm nổi là bao nhiêu.

Giờ con hiểu ra tất cả thì mẹ ” Không còn nữa trên cõi đời này”. Mẹ ơi, con ngàn lời xin lỗi mẹ. Mẹ ơi. Có lẽ nơi tuổi vàng mẹ cũng chấp nhận cho con.

Câu 4: Bài Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm đã thể hiện tình yêu thương con gắn với lòng yêu nước, với tinh thần chiến đấu của người mẹ miền tây Thừa Thiên. Qua khúc hát ru ở phần cuối bài thơ hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

“Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan, đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đập rừng
Thằng Mĩ đuổi ta phải rời con suối
Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông
Mẹ địu em đi để giành trận cuối
Từ trên lưng mẹ em đến chiến trường
Từ trong đói khổ em vào Trường Sơn

- Ngủ ngoan a- kay ơi , ngủ ngoan a- kay ơi hỡi
Mẹ thương a- kay, mẹ thương đất nước
Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người Tự do...”

a) Mở bài:

- Nguyễn Khoa Điềm là nhà thơ trưởng thành trong môi trường quân đội, thời kì chống Mĩ cứu nước.

- Bài thơ có ba khúc ca, mỗi khúc có 2 khổ, được sáng tạo theo âm điệu dân ca, điệu ru con của đồng bào Tà- ôi trên miền núi Trị Thiên. Đây là khúc ca thứ 3 thể hiện tình thương con gắn với tinh thần chiến đấu, với lòng yêu nước của người mẹ Tà- ôi.

b) Thân bài:

✚ Người mẹ tảo tần, lam lũ:

- Hình ảnh người mẹ gắn bó với hoàn cảnh, công việc chiến đấu. Đó là lúc ” Thằng Mĩ đuổi ta phải rời con suối” muốn đẩy đồng bào Tà – ôi vào chỗ chết, nên mẹ phải địu con không phải để giã gạo, tĩa bắp mà là ” chuyển lán”, ”đập rừng”. Mẹ cùng ”anh trai , cầm súng” , ”chị gái cầm chông” ra trận , đi tiếp tế, đi tải đạn, đi chuyển lương thực.....với tinh thần quyết tâm tin tưởng vào thắng lợi.

“Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan, đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đập rừng
Thằng Mĩ đuổi ta phải rời con suối
Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông
Mẹ địu em đi để giành trận cuối
Từ trên lưng mẹ em đến chiến trường
Từ trong đói khổ em vào Trường Sơn”

✚ Mong ước của mẹ:

– Mong ước của mẹ là mơ ước” Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần” hay con mau chóng lớn khôn, có sức khỏe cường tráng , “ vùng chày lún sâu” , “con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ” làm người Tự do. Đó chính là ngày miền Nam được giải phóng , đất nước được thống nhất , con được làm người dân của đất nước độc lập tự do.

**“Ngủ ngoan a- kay ơi , ngủ ngoan a- kay ơi hỡi
Mẹ thương a- kay, mẹ thương đất nước
Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người Tự do...”**

c) Kết bài:

- Người đọc xúc động trước tấm lòng vị tha ,nhân hậu của bà mẹ Tà- ôi , của những người mẹ miền Tây Thừa Thiên và cũng là phụ nữ Việt Nam nói chung, và tấm lòng của tác giả đối với các Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
- Liên hệ với hình ảnh người Bà trong bài thơ : bếp lửa” của Bằng Việt.

ĐỀ SỐ 10

Câu 1	Cho câu thơ ” Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm ” (Bằng Việt- Bếp lửa) a) Em hãy viết tiếp 4 câu kể cho hoàn chỉnh khổ thơ b) Nêu ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh ” Bếp lửa” trong khổ thơ vừa chép	1 điểm
Câu 2	Cho biết mỗi từ ngữ in đậm sau đây là thành phần gì của câu: ” – Xây cái lãng ăy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó”	1 điểm
Câu 3	Ấn tượng của em về một nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh (Viết một đoạn văn nghị luận khoảng 10 theo cách lập luận tổng hợp – phân tích- tổng hợp)	3 điểm
Câu 4	Cảm nhận và suy nghĩ của em về đoạn thơ sau: ” Từ hồi về Thành Phố quen ánh điện , cửa quang vàng trắng đi qua ngõ như người dung qua đường Thình lình đèn điện tắt phòng buyn- đinhtối om vội bật tung cửa sổ đột ngột vàng trắng tròn Ngửa mặt lên nhìn mặt có cái gì rung rung như là đồng là bể như là sông là rừng Trăng cứ tròn vành vạnh	5 điểm

	kể chi người vô tình ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giặt mình » (Nguyên Duy - Ánh Trăng)	
--	---	--

TRẢ LỜI:

Câu 1: Cho câu thơ ” Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm” (Bằng Việt- Bếp lửa)

a) Em hãy viết tiếp 4 câu kể cho hoàn chỉnh khổ thơ

b) Nêu ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh ” Bếp lửa” trong khổ thơ vừa chép

+ Chép 4 câu thơ tiếp cho hoàn chỉnh khổ thơ:

Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương , khoai sắn ngọt bùi

Nhóm ngồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!

(Bếp Lửa – Bằng Việt)

+ Ý nghĩa ẩn dụ của hình ảnh bếp lửa: Gợi liên tưởng đến cuộc đời vất vả , giàu đức hi sinh của người bà, đến tình yêu thương , niềm vui , lạc quan bà dành cho con cháu và mọi người.

Câu 2: Cho biết mỗi từ ngữ in đậm sau đây là thành phần gì của câu:

” – **Xây cái lãng ăy** cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó”

- ”**Xây cái lãng ăy**” - > Là thành phần **biệt lập** (khởi ngữ) của câu.

Câu 3: Ấn tượng của em về một nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh (Viết một đoạn văn nghị luận khoảng 10 theo cách lập luận tổng hợp – phân tích- tổng hợp)

Ấn tượng của em về một nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh là Phong các văn hóa của Người được giới thiệu chú trọng vào phong cách sinh hoạt rất bình dị, rất phương Đông, rất Việt Nam , nhưng cũng rất hiện đại.

Nét độc đáo nhất trong phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa những phẩm chất tất khác nhau ,thống nhất trong một con người. Đó là truyền thống và hiện đại, phương Đông và phương Tây , xưa và nay, dân tộc và quốc tế , vĩ đại và bình dị, Đó là sự kết hợp và thống nhất hài hòa bậc nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay , Một mặt là tinh hoa con Lạc cháu hồng đức nên Người , mặt khác tinh hoa nhân loại cũng góp phần làm nên phong cách Hồ Chí Minh.

Cuối cùng, khẳng định ý nghĩa của phong cách Hồ Chí Minh.

Câu 4: Cảm nhận và suy nghĩ của em về đoạn thơ sau:

”**Từ hồi về Thành Phố**

quen ánh điện , cửa quang

vàng trắng đi qua ngõ

như người đứng qua đường

**Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn- đinhtối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trắng tròn**

**Ngửa mặt lên nhìn mặt
Có cái gì rưng rưng
Như là đồng là bể
Như là sông là rừng**

a. **Mở bài :**

- Nguyễn Duy viết về trăng bằng cảm nhận rất riêng của một người lính trong thời bình. Bài « Ánh Trăng » được ông sáng tác vào năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bài thơ làm theo thể 5 chữ, kết hợp tự sự với trữ tình, nhịp thơ linh hoạt, giọng điệu tâm tình, hình ảnh biểu cảm. Như một lời tự nhắc nhở về quá khứ của cuộc đời người lính đã từng gắn bó với vàng trắng thiên nhiên, với đất nước bình dị hiền hậu và thái độ sống ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ. Ba khổ thơ giữa sẽ giúp chúng ta cảm nhận sâu sắc ý nghĩa ánh trăng.

c) **Thân bài :**

Thời hiện tại con người bội bạc vàng trắng :

Trong những năm tháng chiến tranh, người lính ở trong rừng làm bạn với trăng. Chiến thắng, người lính về Thành Phố. Cuộc sống đổi thay. Người lính được sống trong nhà cao cửa rộng « ánh trăng » « tri kỉ » năm nào giờ bỗng trở thành « người đứng »

**« Từ hồi về Thành Phố
quen ánh điện, cửa quan
vàng trắng đi qua ngõ
như người đứng qua đường »**

Biểu hiện của lối sống bội bạc đáng phê phán

Tình huống bất ngờ gặp lại vàng trắng :

Nơi Thành phố hiện đại lấp lánh ánh điện, người ta ít khi chú ý đến ánh trăng. Thật bất ngờ, điện mất, từ ngôi nhà nhà thơ đã nhìn thấy vàng trắng tròn xuất hiện, tự nhiên nhớ lại kỷ niệm nghĩa tình để thức tỉnh lương tri con người.

**« Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn- đinhtối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trắng tròn »**

Cảm xúc và suy ngẫm về vàng trắng một thờ bị lãng quên :

Trong phút chốc, sự xuất hiện đột ngột của vàng trắng làm ứa dậy trong tâm

trí nhà thơ bao kỉ niệm năm tháng gian lao , bai hình ảnh của thiên nhiên . Nhà thơ thấy « rung rung » :

« Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rung rung
như là đồng là bể
Như là sông là rừng »

Từ rung rung diễn tả nỗi xúc động đang dâng trào trong lòng tác giả làm cho nước mắt cứ chực trào ra. Một thoáng quên đi vàng trắng tình nghĩa để rồi lại nhớ hơn những kỉ niệm đã qua.

C) kết bài :

- Ba khổ thơ trước hết là một lời tự nhắc nhở về những năm tháng gian lao , gắ bó với thiên nhiên , với đất nước bình dị, hiền hậu.
- Ba khổ thơ còn thể hiện tâm trạng của tác giả trước ánh trăng nơi Thành Phố.
- Giọng điệu thơ thể hiện bằng thể thơ năm chữ, nhịp điệu khi thì trôi chảy khi tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể , khi thì ngân nga thiết tha cảm xúc. Lúc lại trầm lắng biểu hiện sự suy tư.

ĐỀ SỐ 11

Câu 1	Truyện ngắn làng (Kim Lân) đã xây dựng một tình huống truyện như thế nào? Nêu ý nghĩa tác dụng của tình huống đó.	1 điểm
Câu 2	Tìm thành phần biệt lập trong các câu sau: ” ...Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ. Đi bốn năm hôm mới lên đến đây, vất vả quá!” (Kim Lân- Làng)	1 điểm
Câu 3	Nguyên phó Thủ tướng Vũ Khoan trong bài” Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới ” đã viết : ” Có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất” Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng một trang giấy thi, trong đó có chứa thành phần phụ chú) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.	3 điểm
Câu 4	Cảm nhận và suy nghĩ của em về tình mẹ và ý nghĩa của lời ru đối với cuộc sống con người trong phần ba bài Con cò của Chế Lan Viên : ” ...dù ở gần con Dù ở xa con Lên rừng xuống bể, Cò sẽ tìm con Cò mãi yêu con Con dù lớn vẫn là con của mẹ	5 điểm

	Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con À ơi ! Một con cò thôi Con cò mẹ hát Cũng là cuộc đời Vỗ cánh qua nôi Ngủ đi ! ngủ đi ! Cho cánh cò, cánh bạc Cho cả sắc trời Đến hát Quanh nôi »	
--	--	--

TRẢ LỜI:

Câu 1 : Truyện ngắn làng (Kim Lân) đã xây dựng một tình huống truyện như thế nào? Nêu ý nghĩa tác dụng của tình huống đó.

- a. **Tình huống truyện :** xây dựng một tình huống gay cấn, căng thẳng :
«Chính ông Hai nghe được cái tin bất ngờ làng ông theo giặc lập tề, từ miệng những người tản cư qua vùng ông »
- b. **Tác dụng :** Tình huống đó là bột lộ sâu sắc diễn biến tâm trạng và tình cảm yêu làng , yêu nước của ông – nhất là khi đặt tác phẩm vào thời kì đầu khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Câu 2 : Tìm thành phần biệt lập trong các câu sau:

«Thưa ông, chúng cháu ở Gia Lâm lên đây ạ. Đi bốn năm hôm mới lên đến đây, vất vả quá!
(Kim Lân- Làng)

✚ Thưa ông (Hỏi – đáp)

✚ Vất vả quá ! (cảm thán)

Câu 3 : Nguyên phó Thủ tướng Vũ Khoan trong bài” Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” đã viết : ” Có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất”

Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng một trang giấy thi, trong đó có chứa thành phần phụ chú) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên

Trong bài này, tác giả cho rằng: ” *Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất*” . Điều đó có đúng không?

Ý kiến trên hoàn toàn đúng. Bởi vì. trong những hành trang chuẩn bị để bước vào thế kỉ mới, sự chuẩn bị về con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim , con người bao giờ cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới (**thế kỉ XXI**) , nền kinh tế thị trường phát triển mạnh thì vai trò của con người lại càng nổi trội. Máy móc và các yếu tố khác có tân tiến hiện đại đến bao nhiêu cũng không thể thay thế được con người.

Tóm lại ý kiến trên, khẳng định một hành trang quan trọng nhất là chuẩn bị con người để bước vào thế kỉ mới.

Câu 4: Cảm nhận và suy nghĩ của em về tình mẹ và ý nghĩa của lời ru đối với cuộc sống con người trong phần ba bài Con cò của Chế Lan Viên:

a) Mở bài:

- Chế Lan Viên là nhà thơ xuất của nền thơ hiện đại Việt Nam. Ông có những đóng góp quan trọng cho thơ ca dân tộc ở thế kỉ XX.
- "Con cò" là bài thơ thể hiện khá rõ nét của phong cách nghệ thuật của Chế Lan Viên, bài thơ được sáng tác năm 1962.
- Phân tích khúc hát thứ ba của bài thơ để thấy được ý nghĩa của hình tượng con cò, thấy được tấm lòng của người mẹ và thấy được tấm lòng cũng như những suy nghĩ của nhà thơ.

b) Thân bài :

- Từ tấm lòng mẹ dào dạt yêu thương ,những lời ru đã cất lên dịu dàng, mệnh mang. Mẹ nghĩ về cuộc đời của mai sau. Ước mơ con sẽ khôn lớn và thành đạt .Và tấm lòng của người mẹ như nguyện sẽ ở bên con dù con ở chân trời góc bể, luôn dõi theo con với tất cả tình yêu thương:

" ...dù ở gần con
Dù ở xa con
Lên rừng xuống bể,
Cò sẽ tìm con
Cò mãi yêu con
Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con"

Chữ “ dù” và “ vẫn” được điệp lại rất hay, đã khẳng định tình mẫu tử bền chặt, sắt son. Có gì cao hơn núi, có gì sâu hơn biển, và có gì bao la bằng lòng mẹ thương con.

- Phần cuối bài thơ cần thấm đượm chất triết lí trữ tình, Nghĩ về con trong ca dao , người mẹ nghĩ về cuộc đời con mai sau:

« À ơi !
Một con cò thôi
Con cò mẹ hát
Cũng là cuộc đời
Vỗ cánh qua nôi
Ngủ đi ! ngủ đi !
Cho cánh cò, cánh bạc
Cho cả sắc trời
Đến hát
Quanh nôi »

Những câu thơ cuối cùng đúc kết ý nghĩa phong phú của hình tượng con cò trong lời ru của mẹ. Mẹ thương những con cò trong ca dao, thương những

cuộc đời, và gửi gắm cả niềm mong ước tốt đẹp cho con thơ. Mẹ thật nhân hậu, nhân tình.

b) **Kết bài** :

- Đoạn thơ mang ý nghĩa thật sâu xa : tình mẫu tử cùng lời ru của mẹ mãi là dòng sữa ngọt nuôi dưỡng, nâng đỡ tâm hồn cho bao thế hệ mai sau.
- Một trong những yếu tố thành công của bài thơ chính là nghệ thuật. Trước hết tác giả sử dụng thành công thể thơ tự do và vận dụng một cách linh hoạt ca dao tạo nên một âm hưởng lời hát ru. Giọng điệu của bài thơ là giọng suy ngẫm, có cả triết lí.

ĐỀ SỐ 12

Câu 1	Trong truyện Chiếc lược ngà , Nguyễn Quang Sáng đã tạo được tình huống truyện khá bất ngờ nhưng tự nhiên , hợp lí. Em hãy làm rõ nhận xét trên?	1 điểm
Câu 2	Dựng một đoạn hội thoại trong đó có chứa thành phần cảm thán và tình thái	1 điểm
Câu 3	Bàn về vai trò của tri thức, Lê nin cho rằng: ” Ai có tri thức thì người đó có được sức mạnh”. Còn quan điểm của em về vấn đề này như thế nào? (Viết một văn bản nghị luận khoảng một trang giấy thi)	3 điểm
Câu 4	Phân tích đoạn thơ sau: ”... Ta làm con chim hót Ta làm một cành hoa Ta nhập vào hòa ca Một nốt trầm xao xuyến Một mùa xuân nho nhỏ Lặng lẽ dâng cho đời Dù là tuổi hai mươi Dù là khi tóc bạc” (Thanh Hải – Mùa xuân nho nhỏ)	5 điểm

TRẢ LỜI:

CÂU 1: Trong truyện **Chiếc lược ngà** , Nguyễn Quang Sáng đã tạo được tình huống truyện khá bất ngờ nhưng tự nhiên , hợp lí. Em hãy làm rõ nhận xét trên?

a) **Tình huống truyện:**

- Cuộc gặp gỡ giữa hai cha con sau 8 năm xa cách(chỉ biết nhau qua tấm hình , trong lúc người cha mong mỏi được nghe tiếng con gọi ba thì người con lại không nhận cha, đến lúc nhận ra và biểu lộ tình cảm thì người cha phải ra đi.

- Ở khu căn cứ, người cha dồn tất cả tình yêu thương vào việc làm cây lược ngà tặng con, nhưng con chưa kịp nhận thì người cha đã hi sinh.

b) Ý nghĩa của hai tình huống truyện:

- Tình huống thứ nhất là chính, bộc lộ tình yêu thương mãnh liệt của con đối với cha. Còn tình huống thứ hai thể hiện tình cảm sâu sắc của người cha đối với con.
- Tác giả đã tạo được hai tình huống truyện khá bất ngờ, nhưng tự nhiên, hợp lí, thể hiện được chủ đề tác phẩm: Ca ngợi tình chan con trong hoàn cảnh chiến tranh đầy éo le, mất mát.

CÂU 2: Dựng một đoạn hội thoại trong đó có chứa thành phần cảm thán và tình thái

a) Đoạn hội thoại:

Em chào thầy ạ !

- Thưa thầy, ngày mai có học giờ Ngữ văn không?

Thầy giáo trả lời:

- Có lẽ, ngày mai chúng ta được nghỉ. Tuần sau, thầy dạy bù.

b) Lí giải:

- Từ "ạ" -> Cảm thán

- Từ "có lẽ" -> Tình thái

CÂU 3: Bàn về vai trò của tri thức, Lê nin cho rằng: " Ai có tri thức thì người đó có được sức mạnh". Còn quan điểm của em về vấn đề này như thế nào?

(Viết một văn bản nghị luận khoảng một trang giấy thi

Khoa học kĩ thuật ngày càng phát triển, con người cũng phải nỗ lực học tập tốt để bắt nhịp với cuộc sống mới. Lênin cho rằng " Ai có tri thức thì người đó có được sức mạnh". Còn quan điểm của chúng ta thì như thế nào?

Câu nói của Lê nin hoàn toàn đúng với mọi thời đại. Tri thức là những kiến thức ta tích lũy được. Câu nói trên Lê nin muốn khẳng định một điều là: Con người có được sức mạnh chính là nhờ có tri thức. Đây là một nhận định sâu sắc về vai trò quan trọng của tri thức.

Vậy vì sao tri thức lại có vai trò quan trọng như vậy? Ta thấy rằng câu nói của Lê nin xuất phát từ thực tế cuộc sống văn minh nhân loại. Tri thức nhân loại là kho tàng vô cùng phong phú , khoa học kĩ thuật ngày càng phát triển. Nếu không học tập, chúng ta sẽ bị lạc hậu , không bắt kịp nhịp độ phát triển của thế giới. Người có tri thức sâu rộng có thể làm được những công việc mà nhiều người khác không làm được, người có tri thức có khả năng làm tốt công việc của mình và giúp ích nhiều cho xã hội.

Nhưng muốn có tri thức, có sức mạnh thì con người phải có cả những phẩm chất khác như tài , đức, nhân cách...

Có thể phê phán tư tưởng coi thường tri thức hoặc ỉ vào tài sản của bố mẹ....mà không chịu học hỏi để có tri thức.

Tuổi trẻ của chúng ta cần phải có ý thức hơn nữa lời khuyên của Lê

nin . Ý thứ 2 chủ tri thức để sau này xây dựng quê hương đất nước.

CÂU 4: Phân tích đoạn thơ sau:

**”... Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến**

**Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc”**

(Thanh Hải – Mùa xuân nho nhỏ)

a) Mở bài:

**” Sống đời có gì đẹp hơn thế
Người yêu người sống để yêu nhau ”**

- Thanh Hải là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học cách mạng .
- Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ được sáng tác khoảng tháng 11 năm 1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh trước lúc qua đời.
- Hai khổ thơ thể nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một phần nhỏ bé công sức của mình vào mùa xuân lớn của đất nước.

b) Thân bài:

Ước nguyện của tác giả:

- Từ cảm xúc của về mùa xuân của thiên nhiên , đất nước, mạch thơ chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy ngẫm, khát vọng được muôn đóng góp sức lực của mình cho công cuộc xây dựng đất nước.

**”... Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến”**

- Điệp từ ” ta làm” đượ lặp đi lặp lại nhiều lần trong mỗi dòng thơ, dường như nhà thơ không chỉ nói với chính mình mà còn muốn nhắn gửi tới mọi người. Làm con chim hót để cất lên bản tình ca ngợi cuộc sống ngợi ca mùa xuân tươi đẹp., làm nhành hoa hương dâng sắc tô điểm cho cuộc đời, những biểu lộ thật đẹp dâng hiến cho đời.
- Làm con chim hót để gọi mùa xuân về , đem niềm vui cho mọi người
- Là cành hoa tô điểm cho cuộc sống, làm đẹp thiên nhiên
- Làm một nốt trầm của hòa ca làm xao xuyến lòng người, cổ vũ nhân dân (ẩn dụ độc đáo)

**« Nếu là con chim chiếc lá
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh**

**Lẽ nào vay mà không có trả
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình »**

Quan niệm sống của tác giả:

- Dù là tuổi hai mươi hai là khi tóc bạc là hai quãng đời trái ngược nhau. Nhưng dù ở thời điểm nào cũng không thay đổi lòng nhiệt huyết cống hiến cho đời.

”Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc”

-Điệp từ « dù là », là biểu hiện sự quyết tâm cao độ đó là lời tự hứa chân thành sâu sắc của nhà thơ, bài thơ ra đời khi tác giả đang nằm trên giường bệnh phải chống trọi với căn bệnh hiểm nghèo thì điều đó lại càng quý biết bao.

c) Kết bài :

- Đoạn thơ mang âm hưởng nhẹ nhàng , tha thiết, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ tạo sự liên mạch của dòng cảm xúc.

- Nhà thơ nguyện làm một mùa xuân nho nhỏ, cống hiến cho đời . Nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là một mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung.

«Ôi ! sống đẹp là thế nào hỡi bạn

Bữa cơm chỉ dĩa muối đầy vơi

Chân lí chẳng cần chi đổi bán

Tình thương vô hạn để cho đời »

ĐỀ SỐ 13

Câu 1	Tình huống cơ bản của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa là gì? Tác giả tạo ra tình huống đó nhằm mục đích gì?	1 điểm
Câu 2	Phát hiện và sửa chữa lỗi về phép liên kết câu trong đoạn văn sau: ” Buổi sáng, sương muối phủ trắng cành cây, bãi cỏ. Gió bắc hun hút thổi. Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù. Nhưng mây bò trên mặt đất. Tràn vào trong nhà, quần lấy người đi”	1 điểm
Câu 3	Trong bài về phép học, tác giả Chu Quang Tiềm có nói về phương pháp đọc sách như sau: ” Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ” Hãy viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) , theo cách lập luận quy nạp để thể hiện những suy nghĩ của em về phương pháp đọc trên.	3 điểm

Câu 4	Tình cảm chân thành , tha thiết của nhà thơ Viễn Phương cũng như của nhân dân ta đối với Bác Hồ kính yêu qua hai khổ cuối bài thơ ” Viếng Lăng Bác” ”... Bác nằm trong giấc ngủ bình yên Giữa một vầng trăng sáng diệu hiền Vẫn biết trời xanh là mãi mãi Mà sao nghe nhói ở trong tim! Mai về niềm Nam thương trào nước mắt Muốn làm con chim hát quanh lăng Bác Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”	5 điểm
-------	---	-----------

TRẢ LỜI:

CÂU 1: Tình huống cơ bản của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa là gì? Tác giả tạo ra tình huống đó nhằm mục đích gì?

a) **Tình huống cơ bản của truyện:**

Đó là cuộc gặp gỡ của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư trẻ(khi xe của họ dừng lại nghỉ) tại trạm khí tượng trên núi cao.

b) **Mục đích của tình huống:**

Nhân vật chính là anh thanh niên làm công tác khí tượng chỉ hiện ra trong chốc lát , đủ để các nhân vật khác kịp nhận ghi nhận một cách ấn tượng , một ” kí họa chân dung” về anh rồi dường như anh lại khuất lấp trong cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Người đọc có thể cảm nhận được chủ đề tư tưởng của tác phẩm qua nhân vật.

CÂU 2: Phát hiện và sửa chữa lỗi về phép liên kết câu trong đoạn văn sau:

” Buổi sáng, sương muối phủ trắng cành cây, bãi cỏ. Gió bắc hun hút thổi. Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong mây mù. Nhưng mây bò trên mặt đất. Tràn vào trong nhà, quần lấy người đi”

- Trong đoạn văn giữa câu 3 và câu 4 có quan hệ tương đồng chứ không đối lập nên dùng từ liên kết ” **Nhưng**” là sai
- Cách sửa: bỏ từ” **Nhưng**” giữa hai câu

CÂU 3: Trong bàn về phép học, tác giả Chu Quang Tiềm có nói về phương pháp đọc sách như sau:

” Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ”

Hãy viết một đoạn văn nghị luận (không quá một trang giấy thi) , theo cách lập luận quy nạp để thể hiện những suy nghĩ của em về phương pháp đọc trên

Đọc sách là một vấn đề đã được rất nhiều người bàn đến, em cũng đã từng đọc khá nhiều sách nhưng còn tùy hứng. Chỉ đến khi đọc bài viết của Chu Quang Tiềm trong đó tác giả có bàn về phương pháp đọc sách: **” Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ”**. Em mới vỡ lẽ ra rất nhiều điều về cách chọn sách, cách đọc sách ,con đường đi đúng

để dẫn dắt chiếm lĩnh tri thức văn hóa nhân loại.

Thế nào là đọc tinh, đọc kĩ? Vấn đề tưởng là hai mà thực chất là một. Không thể đọc kĩ tất cả mà phải chọn những cuốn thật sự có giá trị. Chọn được cuốn có giá trị mà đọc kĩ còn hơn là đọc nhiều cuốn mà chỉ lướt qua.

Tóm lại, điều chủ yếu, quan trọng nhất của việc đọc sách không phải là đọc nhiều sách mà là phải biết chọn sách có giá trị và đọc lại nhiều lần để suy ngẫm đó là phương pháp đọc đúng. (quy nạp)

CÂU 4: Tình cảm chân thành, tha thiết của nhà thơ Viễn Phương cũng như của nhân dân ta đối với Bác Hồ kính yêu qua hai khổ cuối bài thơ "Viếng Lăng Bác"

a) **Mở bài:**

"Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà

Miền Nam mong Bác nỗi mong cha"

- Năm 1976, nhà thơ Viễn Phương ra thăm lăng Bác, đứng trước một con người vĩ đại của nhân loại, không kiềm được nỗi xúc động trào dâng. Tác giả viết bài thơ Viếng lăng Bác.
- Bài thơ thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào viếng lăng Bác.

b) **Thân bài:**

+ Cảm xúc của nhà thơ khi ở trong lăng:

- Khổ thơ thứ hai là một trong những khổ thơ hay nói về niềm tự hào, thương nhớ Bác của những người vào viếng Bác.
- Khổ thơ thứ ba diễn tả thật xúc động cảm xúc và suy nghĩ của tác giả khi vào lăng viếng Bác. Khung cảnh và không khí thanh tĩnh như ngưng kết cả thời gian và không gian ở bên trong lăng Bác đã được nhà thơ gợi tả rất đạt:

"... Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng diệu hiền

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim"

+ Cụm từ "giấc ngủ bình yên" diễn tả chính xác và tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm và ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác.

+ Bác còn mãi với non sông đất nước như trời xanh còn mãi mãi, Người đã hóa thành thiên nhiên, đất nước, dân tộc. Tác giả đã rất đúng khi khẳng định Bác sống mãi trong lòng dân tộc vĩnh hằng như trời xanh không bao giờ mất đi.

+ Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ trước lúc khi trở về miền Nam:

- Khổ thơ thứ tư diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ. Muốn ở mãi bên lăng Bác, nhưng tác giả cũng biết rằng đến lúc phải trở về miền Nam, chỉ có cách gửi lòng mình bằng cách hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật ở bên lăng Bác để luôn được ở bên Người.

"Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”

- Từ “ muốn làm” được lặp đi lặp lại nhiều lần trong đoạn thơ thể hiện được ước muốn, sự tự nguyện của tác giả. Hình ảnh cây tre lại xuất hiện khép bài thơ lại một cách khéo léo. Tác giả muốn làm con chim, làm đóa hoa, làm cây tre trung hiếu. Muốn được gắn bó bên Bác.

**“ Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta
Ta bỗng lớn ở bên Người một chút”**

c) Kết bài:

- Qua hai khổ thơ, nhà thơ đã thể hiện được niềm xúc động tràn đầy và lớn lao trong lòng khi viếng lăng Bác, thể hiện được những tình cảm thành kính, sâu sắc với Bác Hồ.
- Bài thơ có giọng điệu phù hợp với nội dung bài tình cảm, cảm xúc. Đó là giọng vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết đau xót tự hào.

ĐỀ SỐ 14

Câu 1	Trong Bến quê , Nguyễn Minh Châu đã xây dựng tình huống truyện như thế nào? Và nhằm thể hiện điều gì?	1 điểm
Câu 2	Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: ” Đó là tiếng ” ba” mà nó cố nén trong bao nhiêu năm nay. Tiếng ” ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và giang hai tay ôm lấy cổ ba nó ” (Nguyễn Quang Sáng – Chiếc lược ngà) a) Đoạn văn đã sử dụng biện pháp tu từ nào? b) Đoạn văn đã sử dụng phương tiện liên kết gì?	1 điểm
Câu 3	Viết một văn bản nghị luận ngắn(khoảng một trang giấy thi) bàn về vẻ đẹp là giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, của quê hương được gợi ra từ nhân vật Nhĩ trong tác phẩm Bến quê của Nguyễn Minh Châu.	3 điểm
Câu 4	Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu lúc giao mùa trong bài Sang thu của Hữu Thỉnh ” Bỗng nhận ra hương ổi Phá vào trong gió se Sương chùng chình qua ngõ Hình như thu đã về Sông được lúc dềnh dàng Chim bắt đầu vội vã Có đám mây mùa hạ	5 điểm

	Vắt nửa mình sang thu Vẫn còn bao nhiêu nắng Đã vơi dần cơn mưa Sấm cũng bớt bất ngờ Trên hàng cây đứng tuổi”	
--	---	--

TRẢ LỜI :

CÂU 1 ; Trong Bến quê , Nguyễn Minh Châu đã xây dựng tình huống truyện như thế nào? Và nhằm thể hiện điều gì?

a) **Tình huống truyện:**

- Nhận vật Nhĩ làm công việc, anh đi khắp mọi nơi, nhưng cuối đời anh lại bị bệnh liệt toàn thân.
- Khi phát hiện vẻ đẹp bên kia bên bãi bồi, Nhĩ khao khát muốn đặt chân lên đó.Đành nhờ cậu con trai thực hiện , nhưng đứa con không thực hiện được ước mơ của cha, mãi chơi nên có thể lỡ chuyến đò sang ngang duy nhất trong ngày.

b) **Ý nghĩa của tình huống truyện:**

- Đặt nhân vật vào một chuỗi tình huống có tính chất nghịch lí, truyện muốn phát hiện một điều có tính quy luật. Trong cuộc đời của con người thường khó tránh khỏi những vòng vèo , chùng chình.
- Đồng thời thức tỉnh mọi người hãy biết trân trọng những vẻ đẹp bình dị, gần gũi, bền vững gia đình, quê hương.

CÂU 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

” Đó là tiếng ” ba” mà nó cố nén trong bao nhiêu năm nay. Tiếng ” ba” như vỡ tung ra từ đá lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và giang hai tay ôm lấy cổ ba nó”

(Nguyễn Quang Sáng – Chiếc lược ngà)

a) Đoạn văn đã sử dụng biện pháp tu từ nào?

b) Đoạn văn đã sử dụng phương tiện liên kết gì?

Trả lời:

a) Đoạn văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh: ”**nhANH NHƯ CON SỐC**” , điệp từ ” Ta”

b) Sử dụng phương tiện liên kết : Phép lặp ” Nó”

CÂU 3: Viết một văn bản nghị luận ngắn(khoảng một trang giấy thi) bàn về vẻ đẹp là giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, của quê hương được gợi ra từ nhân vật Nhĩ trong tác phẩm Bến quê của Nguyễn Minh Châu.

Bến quê được xuất bản năm 1985. Với cốt truyện rất bình dị nhưng truyện chứa đựng những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình của quê hương.

Nhĩ là một con người từng trải và có địa vị, đi rộng biết nhiều “*Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất*”, anh đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ, Có thể nói bao cảnh đẹp những nơi phồn hoa đô hội gần xa, những miếng ngon nơi đất khách quê người, anh đã được thưởng thức, nhưng những cảnh đẹp gần gũi, những con người tình nghĩa thân thuộc nơi quê hương cho đến ngày tháng năm ốm đau trên giường bệnh khi sắp từ giã cõi đời anh mới cảm thấy một cách sâu sắc, cảm động

Nhìn qua cửa sổ nhà mình, Nhĩ xúc động trước vẻ đẹp của quê hương mà trước đây anh đã ít nhìn thấy và cảm thấy, phải chăng vì cuộc sống bận rộn, tất tả ngược xuôi hay bởi tại vô tình mà quên lãng. **Nhắc nhở người đọc phải biết gắn bó, trân trọng những cảnh vật quê hương vì những cái đó là máu thịt là tâm hồn của mỗi chúng ta.**

Khẳng định sự phát hiện và trân trọng những vẻ đẹp gần gũi và bình dị của cuộc sống và tình yêu cuộc sống mãnh liệt của nhân vật Nhĩ.

CÂU 4: Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu lúc giao mùa trong bài **Sang thu** của **Hữu Thỉnh**

a) **Mở bài:**

**” Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng”**

- Mùa thu là đề tài muôn thuở của thơ ca. Biết bao nhà thơ đã dành tình yêu cho mùa thu của đất trời, mùa thu của lòng người.
- Hữu Thỉnh viết bài thơ Sang Thu năm 1977, cũng viết về đề tài mùa thu nhưng lại là thời khắc giao mùa từ hạ sang thu.
- Cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh sắc mùa thu lúc giao mùa thời từ hạ sang thu qua tình cảm thiết tha và tâm hồn tinh tế của nhà thơ.

B)Thân bài:

+ Vẻ đẹp của đất trời trong thời khắc giao mùa từ hạ sang thu:

- Sự biến đổi của đất trời từ lúc sang thu : Tác giả nhận ra những tín hiệu hạ đang qua và thu đang tới bằng sự chuyển mùa của ngọn gió se và bằng hương thơm của mùi ổi chín.

**”Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về”**

Từ ”Bỗng” diễn tả sự đột nhiên nhận ra sự thay đổi của đất trời vào thời khắc giao mùa. Những làn gió thu nhẹ đầu tiên đưa theo hương ổi chín báo hiệu thu đang ” tiến” hạ đi

Dấu hiệu thu sang còn được tác giả nhận biết qua sự thay đổi của làn

sương mỏng, của dòng sông, của tiếng chim và của đá mây. Qua sự cảm nhận của làn sương mỏng ” chùng chình”

- Nắng cuối hạ vẫn còn nồng, còn sáng nhưng nhạt dần. Những ngày giao mùa này đã ít đi những cơn mưa rào ào ạt, bất ngờ. Còn những cánh chim bắt đầu vội vã:

**”Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”**

Sông nước đầy nên mới ” dềnh dàng” , nhẹ trôi như cố tình àm chậm chạp, thiếu khẩn trương, để mất nhiều thì giờ chim bay ” vội vã” đó là những đàn cú ngói những đàn sâm cầm, những đàn chim di mùa tránh rét từ phương Bắc xa xôi bay vội vã về phương Nam.

Dòng sông, cánh chim , đám mây mùa thu đều được nhân hóa. Bức tranh thu trở nên hữu tình , chứa chan thi vị.

**”Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”**

Mây như kéo dài ra, vắt lên, đặt ngang trên bầu trời, buông thông xuống. Câu thơ miêu tả đám mây mùa thu của Hữu Thỉnh khá hay và độc đáo, chách chịn từ và dùng từ sáng tạo.

✚ **Tâm trạng và sự suy ngẫm của nhà thơ trước thời khắc giao mùa:**

- Khổ thơ cuối nói lên một vài cảm nhận và suy ngẫm của nhà thơ khi nhìn cảnh vật trong những ngày đầu thu:

**”Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi”**

Nắng , mưa , sấm, những hiện tượng của thiên nhiên trong thời khắc giao mùa: mùa hạ- mùa th được Hữu Thỉnh cảm nhận một cách tinh tế. Các từ” vẫn còn” ” đã vơi dần” ” cũng bớt bất ngờ” gợi tả rất hay thời lượng và sự hiện hữu của sự vật.

Từ ngoại cảnh ấy nhà thơ lại suy ngẫm cuộc đời ” sấm ” và ” hàng cây đứng tuổi” là hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa tượng trưng cho những biến đổi , những khó khăn thử thách, từng trải , được tôi luyện trong nhiều gian khổ, khó khăn trong cuộc đời của mỗi con người.

c) **Kết bài:**

- Tác giả sử dụng khá thành công một số biện pháp tu từ nghệ thuật như nhân hóa, ẩn dụ.... Các biện pháp nghệ thuật có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp của dịu dàng, êm ả của đất trời khi sang thu.
- Qua bài thơ, ta thấy lòng yêu thiên nhiên , yêu vẻ đẹp rất riêng của thời khắc giao mùa và thấy được tâm trạng, suy ngẫm của nhà thơ trước đất trời, trước

cuộc đời.

ĐỀ SỐ 15

Câu 1	Nhà thơ Thanh Hải đặt tên cho bài của mình là Mùa xuân nho nhỏ. Nhan đề đó gợi cho em suy nghĩ gì?	1 điểm
Câu 2	Tìm thành phần biệt lập trong câu sau và nêu rõ đó là thành phần nào: ” Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó. Những cái đó ở thật xa...Rồi, bỗng chốc, sau một cơn mưa đá, chúng xoáy mạnh như sóng trong tâm trí tôi” (Lê Minh Khuê – Những ngôi sao xa xôi)	1 điểm
Câu 3	Dựa vào ý chủ đề bài Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, hãy viết một văn bản nghị luận(khoảng một trang giấy thi) bàn về lẽ sống cao đẹp của con người.	3 điểm
Câu 4	Phân nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng của Kim Lân. Từ đó có suy nghĩ gì về tình cảm yêu làng, yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vừa qua.	5 điểm

TRẢ LỜI:

CÂU 1: Nhà thơ Thanh Hải đặt tên cho bài của mình là Mùa xuân nho nhỏ. Nhan đề đó gợi cho em suy nghĩ gì?

- Tựa đề mùa xuân nho nhỏ là một sáng tạo độc đáo của Thanh Hải. Đó chính là hình ảnh mang nghĩa ẩn dụ sâu sắc. Mùa xuân nho nhỏ được tạo nên từ tiếng con chim hót, một cành hoa và một nốt trầm. Nhiều mùa xuân nho nhỏ như thế làm nên mùa xuân lớn đất nước.

- Nhà thơ muốn gửi vào đó một khát vọng lớn lao mà khiêm nhường; muốn làm một mùa xuân nho nhỏ, nghĩa là muốn sống một cuộc đời đẹp với tất cả sức xuân tươi trẻ, có ích như mùa xuân góp vào mùa xuân của đất nước, của cuộc đời chung.

CÂU 2: Tìm thành phần biệt lập trong câu sau và nêu rõ đó là thành phần nào:
” Chao ôi, có thể là tất cả những cái đó. Những cái đó ở thật xa...Rồi, bỗng chốc, sau một cơn mưa đá, chúng xoáy mạnh như sóng trong tâm trí tôi”

(Lê Minh Khuê – Những ngôi sao xa xôi)

✚ ” Chao ôi” -> Là thành phần cảm thán trong câu.

CÂU 3: Dựa vào ý chủ đề bài Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, hãy viết một văn bản nghị luận (khoảng một trang giấy thi) bàn về lẽ sống cao đẹp của con người.

Mùa xuân nho nhỏ là sáng tác cuối cùng của Thanh Hải, được viết trước khi ông qua đời (1980), ghi lại những cảm xúc và suy nghĩ trước mùa xuân của thiên

nhiên , trước cuộc đời và lời tâm niệm về khát vọng cống hiến của nhà thơ. Chính hoàn cảnh ra đời của bài thơ đã làm tăng thêm ý nghĩa của bài thơ.

Mạch cảm xúc bắt nguồn từ những cảm xúc trực tiếp, hồn nhiên và trong trẻo trước mùa xuân của thiên nhiên. Và mở rộng thêm là cảm xúc về mùa xuân của đất nước với hình ảnh người cầm súng người ra đồng...

Từ cảm xúc về mùa xuân , tác giả chuyển mạch thơ một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm của mình về lẽ sống , về ý nghĩa giá trị của cuộc đời mỗi con người. Đó là ước nguyện âm một mùa xuân nho bé góp thêm hương sắc x cho mùa xuân của dân tộc lớn lao. Đó chính là khát vọng hòa nhập vào cuộc đời chung.

Qua bài thơ, Thanh Hải muốn thể hiện ước nguyện chân thành muốn được cống hiến tất cả cuộc đời sức xuân của mình cho đất nước. Đó chính là một lẽ sống đẹp của nhà thơ.

CÂU 4: Phân nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng của Kim Lân. Từ đó có suy nghĩ gì về tình cảm yêu làng, yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp vừa qua

A. Mở bài:

- Kim Lân tên thật là Nguyễn Văn Tài, quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
- Truyện ngắn Làng sáng tác đầu kháng chiến, được in năm 1948.
- Truyện ca ngợi tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến sôi nổi của người nông dân, thông qua nhân vật ông Hai.

B. Thân bài

a. Tình yêu làng, một bản chất có tính truyền thống trong ông Hai.

- Ông Hai tự hào sâu sắc về làng quê..Trước Cm T 8 tự hào về làng với một tình cảm tự nhiên, ngộ nhận vì ông khoe cả cái làm tổn hại đến công sức của người dân trong làng

- Cái làng đó với người nông dân có một ý nghĩa cực kì quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần.

Khi phải xa làng đi tản cư

b. Sau cách mạng, đi theo kháng chiến, ông đã có những chuyển biến mới trong tình cảm.

- Được cách mạng giải phóng, ông tự hào về phong trào cách mạng của quê hương, về việc xây dựng làng kháng chiến của quê ông. Phải xa làng, ông nhớ quá cái không khí “đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...”; rồi ông lo “cái chòi gác,... những đường hầm bí mật,...” đã xong chưa?

- Tâm lí ham thích theo dõi tin tức kháng chiến, thích bình luận, náo nức trước tin thắng lợi ở mọi nơi

c. Tình yêu làng gắn bó sâu sắc với tình yêu nước của ông Hai bộc lộ sâu sắc trong tâm lí ông khi nghe tin làng theo giặc.

- Khi mới nghe tin xấu đó, ông sững sờ, chưa tin. Nhưng khi người ta kể rành

rọt, không tin không được, ông xấu hổ lảng ra về. Nghe họ chì chiết ông đau đớn cúi gằm mặt xuống mà đi.

- Về đến nhà, nhìn thấy các con, càng nghĩ càng tủi hổ vì chúng nó “cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi”. Ông giận những người ở lại làng, nhưng điếm mặt từng người thì lại không tin họ “đổ đôn” ra thế. Nhưng cái tâm lí “không có lửa làm sao có khói”, lại bắt ông phải tin là họ đã phản nước hại dân.

- Ba bốn ngày sau, ông không dám ra ngoài. Cái tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp. Ông luôn hoảng hốt giật mình. Không khí nặng nề bao trùm cả nhà.

- Tình cảm yêu nước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt: Đã có lúc ông muốn quay về làng vì ở đây tủi hổ quá, vì bị đẩy vào bế tắc khi có tin đồn không đâu chứa chấp người làng chợ Dầu. Nhưng tình yêu nước, lòng trung thành với kháng chiến đã mạnh hơn tình yêu làng nên ông lại dứt khoát: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”. Nói cứng như vậy nhưng thực lòng đau như cắt.

- Tấm lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng với kháng chiến mà biểu tượng của kháng chiến là cụ Hồ được biểu lộ rất mộc mạc, chân thành. Tình cảm đó sâu nặng, bền vững và vô cùng thiêng liêng: có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

d. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí tủi nhục được trút bỏ, ông Hai bật cười vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.

- Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí “Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước” của người nông dân lao động bình thường.

- Việc ông kể rành rọt về trận chống càn ở làng chợ Dầu thể hiện rõ tinh thần kháng chiến và niềm tự hào về làng kháng chiến của ông.

3. Nhân vật ông Hai để lại một dấu ấn không phai mờ là nhờ nghệ thuật miêu tả tâm lí tính cách và ngôn ngữ nhân vật của người nông dân dưới ngòi bút của Kim Lân.

- Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống thử thách bên trong để nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

- Miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.

- Ngôn ngữ của Ông Hai vừa có nét chung của người nông dân lại vừa mang đậm cá tính nhân vật nên rất sinh động.

C-Kết bài:

- Qua truyện ngắn Làng người đọc thấm thía tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao

động bình thường.

- Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yêu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn Làng của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý.

ĐỀ SỐ 16

Câu 1	Nhan đề Bài thơ tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật có gì khác lạ? Vì sao có thể nói hình ảnh những chiếc xe không kính trong bài thơ là hình ảnh độc đáo?	1 điểm
Câu 2	Phân tích: ” Hay là quay về làng? Vừa chớm nghĩ như vậy ông lão đã lập tức phản đối ngay” (Kim Lân – Làng)	1 điểm
Câu 3	Viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 10 – 12 dòng) bàn về đức hi sinh (trong đó có một câu chứa thành phần khởi ngữ)	3 điểm
Câu 4	Trong truyện ngắn Làng lẽ Sa Pa, tác giả có viết: ” Trong cái im lặng của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước” Qua nhân vật anh thanh niên , em hãy làm sáng rõ ý nghĩa triết lí của đoạn văn trên.	5 điểm

TRẢ LỜI:

CÂU 1: Nhan đề Bài thơ tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật có gì khác lạ? Vì sao có thể nói hình ảnh những chiếc xe không kính trong bài thơ là hình ảnh độc đáo?

a) Nhan đề:

-Nhan đề **bài thơ về tiểu đội xe không kính** khá dài , có vẻ lạ nhưng đã có tác dụng làm nổi bật hình ảnh độc đáo của toàn bài:Những chiếc xe không kính. Hai chữ ” Bài thơ” tương thừa nhưng thể hiện rõ cách nhìn, cách khai thác hiện thực của tác giả.

- Ông viết về những chiếc xe không kính không chỉ phản ánh hiện thực khốc liệt của chiến tranh mà còn nói về chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ anh hùng hiên ngang dũng cảm , vượt lên gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến vì lí tưởng cao đẹp.

B) Hình ảnh:

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là hình ảnh độc đáo vì đó là hình ảnh thực, bị bom đạn làm cho biến dạng thêm” không có kính, rồi xe không có kính-không có mui xe, thùng xe có xước” Nhưng xe băng ra chiến trường.Nó trở thành

hình tượng thơ độc đáo của thời chống Mĩ qua hồn thơ nhạy cảm, ngang tàng của Phạm Tiến Duật.

CÂU 2: Phân tích:

” Hay là quay về làng?”

Vừa chớm nghĩ như vậy ông lão đã lập tức phản đối ngay”

(Kim Lân – Làng)

- Phân tích sử dụng phương thức liên kết: Phép thế ” Như vậy” là từ thay thế cho ” hay là quay về làng”

CÂU 3: Viết một đoạn văn nghị luận ngắn(khoảng 10 – 12 dòng) bàn về đức hi sinh

(trong đó có một câu chứa thành phần khởi ngữ)

Ai trong mỗi chúng ta hẳn cũng đôi ba lần nhìn thấy cái dáng vẻo thon thon, gầy gò, bàn tay gân guốc xanh sao của mẹ. Tấm lòng, sự hy sinh của mẹ đã giành cho con tất cả. Nhưng con đã vô tình quá, tàn nhẫn quá phải không mẹ?

Mẹ ơi ! đã bao lần mẹ mong đợi ở con một tiếng lòng: ” Con yêu mẹ!”.Chỉ ba tiếng ấy thôi cũng làm mẹ sung sướng, quên đi những lo toan, mệt mỏi trong cuộc sống. Nhưng con đã không làm được. Buồn thay, con lại cho rằng những từ ngữ ấy thật giả tạo, hoặc có thể nó không hợp với con. Làm sao đôi môi khô khan lại có thể vang lên những tiếng ngọt ngào như thế? Bao giờ con mới biết ôm lấy mẹ, và cất tiếng gọi tha thiết **” Mẹ, Con yêu mẹ lắm !”**

Mẹ ơi ! mẹ đã cho con tất cả, tất cả. Mẹ thật cao cả, vĩ đại làm sao. Mẹ đã hy sinh vì con nhiều quá. Hôm nay, đi học về con đã khóc vì con đã biết gọi lên hai tiếng” Mẹ ơi !”.Con đã gọi bao lần hai tiếng ấy, nhưng con còn muốn gọi nghìn vạn lần nữa : ” Mẹ, mẹ ơi !”

 Câu chứa khởi ngữ: **” Mẹ, Con yêu mẹ lắm !”**

CÂU 4: Trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa, tác giả có viết:

” Trong cái im lặng của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước”

Qua nhân vật anh thanh niên, em hãy làm sáng rõ ý nghĩa triết lí của đoạn văn trên.

a) **Mở bài:**

- Tác giả: - Nguyễn Thành Long (1925 – 1991), viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp. Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông là một cây bút cần mẫn và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật, lại rất coi trọng thâm nhập thực tế đời sống. Sáng tác của Nguyễn Thành Long hầu như chỉ viết về những vẻ đẹp bình dị của con người và thiên nhiên đất nước.

- Truyện ngắn *”Lặng lẽ Sa Pa”* là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập *”Giữa trong xanh”* in năm 1972.

- Cảm nhận chung về nhân vật anh thanh niên. **”Trong cái im lặng của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ**

đến chuyện nghĩ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước”

b. Thân bài:

- Anh thanh niên là nhân vật trung tâm của truyện, chỉ xuất hiện trong giấy lát nhưng vẫn là điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh mà tác giả thể hiện.

- Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét, với công việc “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày”. Công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Gian khổ nhất đối với anh là phải sống trong hoàn cảnh cô độc, một mình trên đỉnh núi cao hàng tháng hàng năm. Điều ấy khiến anh trở thành một trong những người “cô độc nhất thế gian” và thêm người đến nỗi thỉnh thoảng phải ngăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để gặp người trò chuyện.

- Ý thức công việc và lòng yêu nghề của mình. Thấy được công việc lặng thầm này là có ích cho cuộc sống và cho mọi người (cụ thể khi ấy là phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ; Góp phần bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên cầu Hàm Rồng, Thanh Hóa). Anh thấy cuộc sống và công việc của mình thật có ý nghĩa, thật hạnh phúc.

- Yêu sách và rất ham đọc sách – những người thầy, người bạn tốt lúc nào cũng sẵn sàng bên anh.

- Anh không cảm thấy cô đơn vì biết tổ chức, sắp xếp cuộc sống khoa học, ngăn nắp, chủ động, ngoài công việc anh còn chăm hoa, nuôi gà, nhà cửa và nơi làm việc nhỏ nhắn, xinh xắn, gọn gàng và khá đẹp.

- Ở người thanh niên ấy còn có những nét tính cách và phẩm chất rất đáng quý: sự cởi mở, chân thành, rất quý trọng tình cảm con người, khao khát gặp gỡ mọi người.

- Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực. Cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe về mình là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé so với bao nhiêu người khác. Khi ông họa sĩ muốn kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại và giới thiệu những người khác cho ông vẽ.

- Anh còn là người rất ân cần chu đáo, hiếu khách: Trao gói tam thất cho bác lái xe, tiếp đón nồng nhiệt, chân thành tự nhiên với ông học sĩ và cô kĩ sư, tặng hoa, tặng làn trứng tươi cho hai vị khách quý...

c. Kết bài:

Chỉ qua một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, qua cảm nhận của các nhân vật khác, chân dung tinh thần của người thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu đã hiện lên rõ nét và đầy sức thuyết phục với những phẩm chất tốt đẹp, trong sáng về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về nghề nghiệp, cuộc sống. Đó là một trong những con người lao động trẻ tuổi, làm công việc lặng lẽ mà vô cùng cần thiết, có ích cho nhân dân, đất nước.

Cách 2:

- Mở bài:

- Tác giả: Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông là một cây bút cần mẫn và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật, lại rất coi trọng thâm nhập thực tế đời sống. Sáng tác của Nguyễn Thành Long hầu như chỉ viết về những vẻ đẹp bình dị của con người và thiên nhiên đất nước.

- Truyện ngắn “*Lặng lẽ SaPa*” là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập “*Giữa trong xanh*” in năm 1972.

- Cảm nhận chung của em về truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa.

b. Thân bài:

- Truyện ngắn “*Lặng lẽ SaPa*” viết về những con người sống đẹp, có ích cho đời, có lí tưởng ước mơ, niềm tin yêu vững bền vào nghề nghiệp, kiên thức, trình độ khoa học mà nhân vật anh thanh niên là hiện thân vẻ đẹp đó.

- Nhân vật anh thanh niên, ở tuổi đời hai mươi bảy tự nguyện rời nơi phồn hoa đô hội lên công tác ở đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Điều kiện làm việc vô cùng khắc nghiệt, vất vả nhưng bằng lòng yêu nghề, tình yêu cuộc sống đã khiến anh quyết định gắn bó với công việc khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

- Khó khăn nhất mà anh phải vượt qua chính là sự cô đơn lạnh lẽo đến mức “*thèm người*” và được bác lái xe mệnh danh là “*người cô độc nhất thế gian*”.

- Ngoài là người có học thức, có trình độ, anh thanh niên còn có một tâm hồn trong sáng, yêu đời, yêu cuộc sống.

- Có niềm vui đọc sách, trồng rau, trồng hoa, nuôi gà cải thiện cuộc sống. Biết sắp xếp công việc, cuộc sống một cách ngăn nắp, chủ động.

- Ở anh thanh niên còn toát lên bản tính chân thành, khiêm tốn, cởi mở, hiếu khách, luôn biết sống vì mọi người.

- Qua lời kể của anh thanh niên, ông kĩ sư nông nghiệp ở vườn ươm su hào, anh kĩ sư lập bản đồ chống sét... đều là những người sống thầm lặng trên mảnh đất SaPa mà lao động cần mẫn, say mê quên mình vì công việc.

- Bác lái xe trong vai người dẫn truyện là điểm dừng cho mọi cuộc gặp gỡ. Tạo nên sự hấp dẫn, tò mò tìm hiểu của người đọc. Ông họa sĩ là nhân vật hóa thân của nhà văn - người xem đây là một chuyến đi may mắn trong cuộc đời nghệ thuật của mình. Cô kĩ sư đã phát hiện ra nhiều điều mới mẻ trong chuyến đi đầu đời.

- Nghệ thuật: Xây dựng tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.

c. Kết bài:

Nguyễn Thành Long đã góp một tiếng nói ca ngợi cuộc sống và tái hiện một cách đầy đủ những vẻ đẹp của con người. Khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng. Niềm hạnh phúc của con người trong lao động có ích.

ĐỀ SỐ 17

Câu 1	Vì sao Chính Hữu đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là ” Đồng chí”	1 điểm
Câu 2	Đọc đoạn văn sau” ” Mặt lão đột nhiên co rún lại. Những vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu máo như con nít. Lão hu hu khóc” a) Các câu trong đoạn văn được liên kết chủ yếu bằng phép liên kết nào? b) Những từ ngữ nào trong đoạn văn cùng trường từ vựng. Đặt tên cho trường từ vựng đó.	1 điểm
Câu 3	Viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 10 – 12 dòng) bàn về tính trung thực. Trong đoạn văn có sử dụng phép liên kết và nêu rõ tên của phép liên kết đó.	3 điểm
Câu 4	Cảm nhận và suy nghĩ của em về nhân vật bé Thu trong truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng	5 điểm

TRẢ LỜI:

CÂU 1: Vì sao Chính Hữu đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là ” Đồng chí”

- Đồng chí là cùng chung lí tưởng, lí tưởng cao đẹp. Đây cũng là cách xưng hô của những người cùng trong một đoàn thể cách mạng.
- Vì vậy, đặt tên bài thơ là ” Đồng chí”, tác giả muốn nhấn mạnh tình đồng chí chính là bản chất cách mạng của tình đồng đội và thể hiện sâu sắc tình đồng đội.

CÂU 2:

✚ Các câu trong đoạn văn được liên kết chủ yếu bằng phép lặp từ: ” lão” ở câu 1, 3, 4.

✚ Những từ cùng trường từ vựng:

- Đầu , mặt, mắt, miệng (chỉ, bộ phận cơ thể)
- Co rún, xô lại, ép, ngoẹo , mếu, khóc (chỉ hoạt động)

CÂU 3: Viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 10 – 12 dòng) bàn về tính trung thực. Trong đoạn văn có sử dụng phép liên kết và nêu rõ tên của phép liên kết đó

Trên khắp mọi nơi ở đất nước ta, từ xưa đến nay bất kể thời đại nào thì nhân dân ta vẫn luôn đặt đạo đức là chuẩn mực hàng đầu đối với con người. Điều đó lại càng đặc biệt cả thiết trong xã hội hiện đại ngày nay. Mà trong số đó, trung thực là đức tính đầu tiên con người cần phải có.

Trung thực vốn là một đức tính truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta. Vậy nên trong xã hội ngày nay thì những cái lợi mà trung thực đem lại không phải là nhỏ. Với

người học sinh thì tính trung thực sẽ giúp hoàn thiện nhân cách, không những vậy còn nâng cao được vốn kiến thức. Trung thực, thẳng thắn nhận ra những khuyết điểm sẽ giúp thầy cô, cha mẹ, bạn bè có thể giúp đỡ ta vươn lên, học tốt lên.

Trong cuộc sống, đức tính trung thực ta lại không thể thấy ở một số con người. Gian lận trong học tập, trong các kì thi, nạn học giả, bằng thật vẫn còn phổ biến trong xã hội. Sự thiếu trung thực ở một số lãnh đạo tham ô, tham nhũngkhông thể tưởng tượng được hậu quả của thiếu trung thực trong đời sống.

Tóm lại, phát huy truyền thống vốn có của dân tộc là trách nhiệm của mỗi người, mỗi học sinh chúng ta và đặc biệt là đức tính trung thực. Đó là điều vô cùng quan trọng. Tin rằng, nếu làm được như vậy thì chúng ta sẽ nhận lại được những kết quả đáng mừng cho bản thân ta và cả xã hội.

✚ **Phép liên kết chủ yếu là lặp từ: "Trung thực"**

✚ **Phép liên kết thế: Từ "Trung thực" thế từ "Đó"**

CÂU 4: Cảm nhận và suy nghĩ của em về nhân vật bé Thu trong truyện **Chiếc lược ngà** của **Nguyễn Quang Sáng**.

a) **Mở bài:**

‘Tuốt gươm không chịu sống quỳ

Tuổi xanh chẳng tiếc, sá chi bạc đầu

Lớp cha trước, lớp con sau

Đã thành đồng chí, chung câu quân hành” (Tố Hữu)

- Vần thơ ấy gợi nhớ trong lòng ta thế hệ trẻ Việt Nam anh hùng thời đánh Mĩ. Hình ảnh nhân vật Thu - nữ giao liên trong truyện “chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng đã cho ta nhiều ngưỡng mộ.

- Qua nhân vật ông Sáu, Nguyễn Quang Sáng đã dành cho bé Thu bao tình cảm quý mến và trân trọng. Với tính cách “ương bỉnh, cứng đầu” hồn nhiên ngây thơ của bé Thu.

2. Thân bài:

Phân tích diễn biến tâm lý của nhân vật bé Thu - nhân vật chính của đoạn trích “Chiếc lược ngà” một cô bé hồn nhiên ngây thơ, có cá tính bướng bỉnh nhưng yêu thương ba sâu sắc.

- Khái quát được cảnh ngộ của gia đình bé Thu, đất nước có chiến tranh, cha đi công tác khi Thu chưa đầy một tuổi, lớn lên em chưa một lần gặp ba được ba chăm sóc yêu thương, tình yêu Thu dành cho ba chỉ gửi trong tấm ảnh ba chụp chung cùng má.

- Diễn biến tâm lý của bé Thu trước khi nhận anh Sáu là cha:

+ Yêu thương ba nhưng khi gặp anh Sáu, trước những hành động vội vã thái độ xúc động, nôn nóng của cha... Thu ngạc nhiên lạ lùng, sợ hãi và bỏ chạy.... những hành động chứa đựng sự lảng tránh đó lại hoàn toàn phù hợp với tâm lí trẻ thơ bởi trong suy nghĩ của Thu anh Sáu là người đàn ông lạ lại có vết sẹo trên mặt khiến dễ sợ.

+ Trong hai ngày sau đó Thu hoàn toàn lạnh lùng trước những cử chỉ đầy yêu

thương của cha, nó cự tuyệt tiếng ba một cách quyết liệt trong những cảnh huống mời ba vào ăn cơm, xử lí nồi cơm sôi, và thái độ hất tung cái trứng cá trong bữa cơm... Từ cự tuyệt nó đã phản ứng mạnh mẽ.... nó căm ghét cao độ người đàn ông mắt theo kia, nó tức giận, và khi bị đánh nó đã bỏ đi một cách bất cần.... đó là phản ứng tâm lí hoàn toàn tự nhiên của một đứa trẻ có cá tính mạnh mẽ... Hành động tưởng như vô lễ đáng trách của Thu lại hoàn toàn không đáng trách mà còn đáng thương, bởi em còn quá nhỏ chưa hiểu được những tình thế khắc nghiệt éo le của đời sống. Đằng sau những hành động ấy ẩn chứa cả tình yêu thương ba, sự kiêu hãnh của trẻ thơ về một tình yêu nguyên vẹn trong sáng mà Thu dành cho ba.

- Diễn biến tâm lý của Thu khi nhận ba:

+ Sự thay đổi thái độ đến khó hiểu của Thu, không ương bướng mà buồn rầu nghĩ ngợi sâu xa, ánh mắt cử chỉ hành động của bé Thu như thể hiện sự ân hận, sự nuối tiếc, muốn nhận ba nhưng e ngại vì đã làm ba giận.

+ Tình yêu thương ba được bộc lộ hối hả ào ạt mãnh liệt khi anh Sáu nói “Thôi ba đi nghe con”. Tình yêu ấy kết đọng trong âm vang tiếng **Ba** trong những hành động vội vã: Chạy nhanh như con sóc, nhảy thót lên, hôn ba nó cùng khắp, trong lời ước nguyện mua cây lược, tiếng khóc nức nở... Đó là cuộc hội ngộ chia tay đầy xúc động, thiêng liêng đã tác động sâu sắc đến bác Ba, mọi người ...

- Khẳng định lại vấn đề: Ngôi bút miêu tả tâm lý khắc họa tính cách nhân vật tinh tế thể hiện được ở bé Thu một cô bé hồn nhiên ngây thơ, mạnh mẽ cứng cỏi yêu ghét rạch ròi. Trong sự đối lập của hành động thái độ trước và sau khi nhận ba lại là sự nhất quán về tính cách về tình yêu thương ba sâu sắc.

- Những năm tháng sống gắn bó với mảnh đất Nam Bộ, trái tim nhạy cảm, nhân hậu, am hiểu tâm lý của trẻ thơ đã giúp tác giả xây dựng thành công nhân vật bé Thu.

- Suy nghĩ về đời sống tình cảm gia đình trong chiến tranh, trân trọng tình cảm gia đình trong cuộc sống hôm nay.

3. Kết bài:

- Nhân vật bé Thu có một cuộc đời và vẻ đẹp trong tính cách, tâm hồn tiêu biểu cho thiếu nhi miền Nam thời chống Mỹ

- Những cử chỉ hồn nhiên, chân thật, xúc động, thấm tình cha con ấy đã góp phần khẳng định tình cha con là thiêng liêng cao đẹp, nhất là trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, vì thế nó càng có giá trị nhân văn sâu sắc.

ĐỀ SỐ 19

Câu 1	Tựa đề Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê, theo em có ẩn ý gì không?	1 điểm
Câu 2	Câu văn: ” Thì ra, ngày thường, ở một mình, nàng hay đùa con trỏ bóng mình mà bảo cha Đản”, Có chứa thành phần biệt lập nào?	1 điểm

Câu 3	Viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 10 – 12 dòng) bàn về một thói quen xấu cần phải được thay đổi trong giới trẻ ngày nay.	3 điểm
Câu 4	Phân tích nhân vật ông Sáu trong truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng. Từ đó có suy nghĩ gì về tình cảm cha con trong chiến tranh.	5 điểm

TRẢ LỜI:

CÂU 1: Tựa đề Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê, theo em có ẩn ý gì không?

- Tựa đề Những ngôi sao xa xôi gợi hình ảnh đẹp về những ngôi sao nhỏ, sáng trong, lấp lánh trên bầu trời cao vời vợi. Từ đó liên tưởng tới vẻ đẹp trong sáng trong tâm hồn của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn những năm tháng đánh Mỹ.
- Những cô gái dũng cảm, hồn nhiên, yêu đời, lãng mạn và giàu hình ảnh....có thể "xa xôi" với chúng ta cả về thời gian và không gian, nhưng tâm hồn sáng trong của họ vẫn mãi như những ngôi sao kia tỏa sáng bất tận.

CÂU 2: Câu văn: " Thì ra, ngày thường, ở một mình, nàng hay đùa con trở bóng mình mà bảo cha Đản", Có chứa thành phần biệt lập nào?

 - Có chứa thành phần biệt lập - > chỉ tình thái (" thì ra...")

CÂU 3: Viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng 10 – 12 dòng) bàn về một thói quen xấu cần phải được thay đổi trong giới trẻ ngày nay.

Trong cuộc sống, bên cạnh nhiều tập quán, thói quen tốt còn có những tập quán, thói quen xấu có hại cho con người và xã hội. Những thói quen xấu đó có sức quyến rũ ghê gớm như cờ bạc, thuốc lá, ma túy, rượu hoặc băng đĩa có nội dung độc hại, nếu như giới trẻ của chúng ta không kiên định vẫn lập trường tự chủ, dần dần sẽ bị nó ràng buộc, chi phối và biến thành nô lệ.

Cờ bạc, thuốc lá, ma túylà những thói hư tật xấu gây ra tác hại ghê gớm cho bản thân, gia đình và xã hội về nhiều mặt: tư tưởng, đạo đức, sức khỏe, kinh tế, nòi giốngđây cũng là mối nguy cơ trước mắt và lâu dài của đất nước, dân tộc.

Tóm lại, tất cả những tập quán xấu, thói quen xấu có ma lực cuốn hút con người. Bởi vậy, giới trẻ của chúng ta hiện nay, để không bị biến thành nạn nhân của nó, mỗi chúng ta phải tự rèn luyện, tu dưỡng không ngừng trong học tập, trong lao động và phải nâng cao nhận thức về tác hại của các tệ nạn xã hội.

CÂU 4: Phân tích nhân vật ông Sáu trong truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng. Từ đó có suy nghĩ gì về tình cảm cha con trong chiến tranh.

Truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng là một truyện cảm động về tình cha con của những gia đình Việt Nam mà ở đó "lớp cha trước, lớp con sau, đã thành đồng chí chung câu quân hành". Trong truyện đoạn cảm động nhất là đoạn "ba ngày nghỉ phép về quê của anh Sáu".

Năm 1946, năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, anh Sáu lên đường

theo tiếng gọi của quê hương. Bấy giờ, bé Thu, con gái anh chưa đầy một tuổi. Chín năm đằng đẳng xa quê, xa nhà, anh Sáu vẫn mong có một ngày trở về quê gặp lại vợ con. Thế rồi, kháng chiến thắng lợi, anh được nghỉ 3 ngày phép về thăm quê, một làng nhỏ bên bờ sông Cửu Long. Về đến nhà, anh tưởng tượng bé Thu - con gái anh sẽ rất vui mừng khi được gặp cha. Giờ đây, nó cũng đã mười tuổi rồi còn gì. Mang một nỗi niềm rạo rực, phấn chấn, anh nôn nóng cho mau về đến nhà.

Không chờ xuồng cập bến, anh đã nhảy lên bờ vừa bước, vừa gọi: “*Thu! Con!*” thật tha thiết. Ta có thể tưởng tượng nỗi vui sướng của anh như thế nào. Khi anh vừa bước đi, vừa lom khom người xuống đưa tay chờ con. Thế nhưng ngược lại với những điều anh Sáu mong chờ.

Bé Thu tròn mắt nhìn anh ngạc nhiên rồi bỏ chạy. Phản ứng của bé Thu khiến anh Sáu sững sờ, đau khổ. Còn gì đáng buồn hơn khi đưa con mà anh hết lòng thương yêu và khắc khoải từng ngày để được gặp mặt, giờ đây trở nên xa lạ đến mức phủ phàng ấy.

Thế rồi, anh Sáu tìm mọi cách gặp con để làm quen dần vì anh nghĩ rằng khi anh đi nó vừa mấy tháng tuổi nên nó lạ. Anh mong sao nó gọi một tiếng “*ba*”, vào ăn cơm nó chỉ nói trống không “*Vô ăn cơm!*”

Bữa sau, cũng là ngày phép thứ hai, bé Thu trông hộ mẹ nôi cơm để chị Sáu chạy mua thức ăn. Trước khi đi, chị Sáu dặn nó có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nôi cơm quá to mà bé Thu thì còn nhỏ, vậy mà khi nôi cơm sôi không tìm được cách nào để chắt nước, loay hoay mãi, nó nhìn anh Sáu một lúc rồi kêu lên: “*Cơm sôi rồi, chắt nước dùm cái!*” anh Sáu vẫn ngồi im, chờ đợi sự thay đổi của nó. Thế nhưng, nó nghĩ ra cách lấy vá múc ra từng vá nước chứ nhất định không chịu gọi anh Sáu bằng “*Ba*”. Con bé thật đáo để!

Đến bữa ăn cơm, anh Sáu gấp cho bé Thu một cái trứng cá to, vàng bỏ vào chén. Lúc đầu nó để đó rồi bất thần hất cái trứng ra làm cơm đổ tung toé. Giận quá, không kìm được nữa, anh Sáu vung tay đánh vào mông nó. Thế là bé Thu vội chạy ra xuồng mở “*lòi tói*” rồi bơi qua sông lên nhà bà ngoại.

Phép chỉ còn ngày cuối cùng, anh Sáu phải trở về đơn vị để nhận nhiệm vụ mới. Bao nhiêu mơ ước được hôn, ôm con vào lòng từ bấy lâu nay của anh Sáu giờ chỉ càng làm cho anh thêm đau lòng và gần như anh không còn để ý đến nó nữa.

Thân nhân, họ hàng đến chia tay anh cũng khá đông nên anh cứ bịn rịn mãi. Chị Sáu cũng lo sắp xếp đồ đạc cho chồng, không ai quan tâm bé Thu đang đứng bơ vơ một mình bên cửa nhà. Thì ra nó theo bà ngoại trở về vì bà ngoại sang đây để tiễn chân anh Sáu. Giờ này, trên gương mặt Thu không còn cái vẻ bướng bỉnh, ương ngạnh nữa, mà thoáng một nét buồn trông đến dễ thương. Nó nhìn mọi người, nhìn anh Sáu. Đến lúc mang ba lô và bắt tay với mọi người, anh Sáu mới nhìn quanh tìm bé Thu. Thấy con, dường như mọi việc trong ba ngày phép hiện lên trong anh nên anh chỉ đứng nhìn con với bao nỗi xót xa ... cuối cùng, anh cũng phải nói lời chia tay với con mà không hy vọng bé Thu sẽ gọi một tiếng “*ba*” thiêng liêng ấy.

Thật là đột ngột và không ngờ, bé Thu chạy đến bên anh Sáu và tiếng “*Ba!*”

được thốt lên thật cảm động biết nhường nào. Nó ôm chầm thật chặt như không muốn rời ba nữa. Nó khóc, khóc thật nhiều và thét lên những lời khiến mọi người xung quanh đều xúc động: “*Không cho ba đi nữa, ba ở nhà với con!*”

Sung sướng, hạnh phúc và cũng thật đau lòng, anh Sáu cũng chỉ biết ôm con và khóc cùng với con. Rồi cũng đến lúc phải chia tay, thật bịn rịn vô cùng. Vừa mới nhận được tiếng “*ba*” của đứa con thân yêu cũng là lúc phải nghẹn ngào chia tay với con để trở về đơn vị làm tròn trách nhiệm khi đang ở quân ngũ.

Trước kia anh Sáu đã thương con, giờ đây anh càng thương con gấp bội. Bởi lẽ anh đã hiểu lí do vì sao bé Thu quyết định từ chối không gọi anh bằng “*ba*” từ ba hôm nay.

Làm sao chấp nhận một người xa lạ mà khuôn mặt không giống trong tấm ảnh mà mẹ nó thường ngày vẫn nói với nó đó là “*ba*” được. Chính vết sẹo quái ác kia đã làm cho bé Thu không nhận anh Sáu, hằn học với anh Sáu. Sau khi hiểu rõ nguyên nhân của vết sẹo hằn trên gương mặt của ba, bé Thu mới thấy hổ thẹn và ăn năn. Tình cảm cha con bỗng dâng đầy, tràn ngập trong lòng em. Tình cảm đó được thể hiện bằng thái độ, cử chỉ dồn dập, gấp rút khi nó gọi và ôm chầm lấy anh Sáu.

Ba ngày phép ngắn ngủi nhưng lại rất nặng nề với anh Sáu và bé Thu. Nghịch cảnh này là một trong muôn ngàn nghịch cảnh khác mà đã có biết bao gia đình phải ngậm ngùi vì những ngộ nhận đáng thương. Đó cũng là một sự thật đau lòng của nước Việt Nam ta trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược.

ĐỀ SỐ 20

Câu 1	Viết tiếp 6 câu thơ kế tiếp sau: ” Dù ở gần con” (Chế Lan Viên – Con cò) Và nêu nội dung của những câu thơ đó	1 điểm
Câu 2	Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 10 – 12 dòng) giới thiệu những nét chính trong cuộc đời của Nguyễn Du mà có ảnh hưởng tới sự nghiệp sáng tác của nhà thơ. Trong đoạn văn có sử dụng phép liên kết và cho biết tên của biện pháp liên kết đó.	1 điểm
Câu 3	Viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) bàn về khả năng kì diệu của văn học đối với con người.	3 điểm
Câu 4	Qua việc phân tích nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn Bến quê, hãy làm rõ ý nghĩa triết lí mà tác giả Nguyễn Minh Châu muốn gửi tới bạn đọc.	5 điểm

CÂU 3: Viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) bàn về khả năng kì diệu của văn học đối với con người.

“Khi tôi còn nhỏ thơ giống như bà mẹ,
Tôi lớn lên, thơ lại giống người yêu
Chăm sóc tuổi già, thơ sẽ là con gái

Lúc từ già cuộc đời kỉ niệm hóa thơ huu” (**GAMZA- TỐP**)

Người ta thường gọi văn học là nhân học, Tôi công nhận điều này. Nhưng với tôi văn học không chỉ là môn khoa học nghiên cứu con người. Cái cốt lõi là lòng nhân ái. Điều này chính là điều kì diệu mà tất cả các môn khoa học khác không có đối với con người.

“ Văn học là nhân học”. Nhân học còn đòi hỏi chân lí. Nhưng một chân lí chưa đủ. Nó đòi hỏi văn học phản ánh hiện thực khách quan thông qua lăng kính chủ quan của nhà văn. Văn học còn khám phá thể hiện chiều sâu tính cách, số phận con người. Thế giới bên trong của mỗi con người. Văn học là sự giữ gìn tư tưởng , thái độ, tình cảm của con người, thông qua hình tượng nhằm cải tạo thế giới ở cách sống của tâm hồn...

Tóm lại, khả năng kì diệu của văn học đối với con người mà tất cả các môn khoa học khác không có.

CÂU 4: Qua việc phân tích nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn Bến quê, hãy làm rõ ý nghĩa triết lí mà tác giả Nguyễn Minh Châu muốn gửi tới bạn đọc.

a) .Mở bài:

- Nguyễn Minh Châu là cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mỹ. Sau năm 1975, bằng những tìm tòi đổi mới sâu sắc về văn học nghệ thuật, đặc biệt là về truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu trở thành một trong những người mở đường cho công cuộc đổi mới văn học.

- *Bến quê được xuất bản năm 1985. Với cốt truyện rất bình dị nhưng truyện chứa đựng những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình của quê hương.*

b). Thân bài:

- Nhĩ là một con người từng trải và có địa vị, đi rộng biết nhiều “**Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất**”, anh đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ, Có thể nói bao cảnh đẹp những nơi phồn hoa đô hội gần xa, những miếng ngon nơi đất khách quê người, anh đã được thưởng thức, nhưng những cảnh đẹp gần gũi, những con người tình nghĩa thân thuộc nơi quê hương cho đến ngày tháng năm ốm đau trên giường bệnh khi sắp từ già cõi đời anh mới cảm thấy một cách sâu sắc, cảm động

- Những suy nghĩ, trải nghiệm của nhân vật Nhĩ qua cảnh vật nơi bến quê:

+ Qua cửa sổ nhà mình Nhĩ cảm nhận được trong tiết trời lập thu vẻ đẹp của hoa bằng lăng “**đậm sắc hơn**”. Sông Hồng “**màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm**

ra”, bãi bồi phù sa lâu đời ở bên kia sông dưới những tia nắng sớm đầu thu đang phô ra “*một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non...*” và bầu trời, vòm trời quê nhà “*như cao hơn*”

+ Nhìn qua cửa sổ nhà mình, Nhĩ xúc động trước vẻ đẹp của quê hương mà trước đây anh đã ít nhìn thấy và cảm thấy, phải chăng vì cuộc sống bận rộn, tất tả ngược xuôi hay bởi tại vô tình mà quên lãng

=> Nhắc nhở người đọc phải biết gắn bó, trân trọng những cảnh vật quê hương vì những cái đó là máu thịt là tâm hồn của mỗi chúng ta.

- Tình cảm và sự quan tâm của vợ con với Nhĩ

- Liên, vợ Nhĩ tần tảo, giàu đức hi sinh khiến Nhĩ cảm động “*Anh cứ yên tâm. Vất vả tốn kém đến bao nhiêu em và các con cũng chăm lo cho anh được*” “*tiếng bước chân rón rén quen thuộc*” của người vợ hiền thảo trên “*những bậc gỗ mòn lõm*” và “*lần đầu tiên anh thấy Liên mặc tấm áo vá*” Nhĩ đã ân hận vì sự vô tình của mình với vợ. Nhĩ hiểu ra rằng: Gia đình là điểm tựa vững chắc nhất của cuộc đời mỗi con người,

- Tuấn là đứa con thứ hai của Nhĩ. Nhĩ đã sai con đi sang bên kia sông “*qua đò đặt chân lên bờ bên kia, đi chơi loanh quanh rồi ngồi xuống nghỉ chân ở đâu đó một lát, rồi về*”. Nhĩ muốn con trai thay mặt mình qua sông, để ngắm nhìn cảnh vật thân quen, bình di mà suốt cuộc đời Nhĩ đã lãng quên.

+ Tuấn “*đang sà vào một đám người chơi phá cờ thế trên hè phố*” mà quên mất việc bố nhờ, khiến Nhĩ nghĩ một cách buồn bã “*con người ta trên đường đời khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình*” để đến chằm hoặc không đạt được mục đích của cuộc đời.

- Quan hệ của Nhĩ với những người hàng xóm:

- Bọn trẻ: “*Cả bọn trẻ xúm vào, chúng giúp anh đặt một bàn tay lên bậu cửa sổ, kê cao dưới móng anh bằng cả một chiếc chăn gấp lại rồi sau đó mới bê cái chõng gối đặt sau lưng*”

- Ông cụ giáo Khuyến “*Đã thành lệ, buổi sáng nào ông cụ già hàng xóm đi xếp hàng mua báo về cũng ghé vào hỏi thăm sức khỏe của Nhĩ*”

=> Đó là một sự giúp đỡ vô tư, trong sáng, giàu cảm thông chia sẻ, giản dị, chân thực.

C) Kết luận

- Khẳng định sự phát hiện và trân trọng những vẻ đẹp gần gũi và bình dị của cuộc sống và tình yêu cuộc sống mãnh liệt của nhân vật Nhĩ.

ĐỀ SỐ 21

Câu 1	Viết một văn bản ngắn (khoảng nửa trang giấy thi) thuyết minh giá trị Truyện Kiều của Nguyễn Du	1 điểm
Câu 2	Tìm phép liên kết ở đoạn văn sau: ” Ở rừng mùa này thường như thế. Nhưng mưa đá.Lúc đầu tôi không biết. Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang. Có cái gì vô cùng sắc xẻ không khí ra từng mảnh vụn. Gió. Và tôi thấy đau, ướt ở má” (Lê Minh Khuê – Những ngôi sao xa xôi)	1 điểm
Câu 3	Viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi có sử dụng phép liên kết , phép nối, phép thế) nêu suy nghĩ của bản thân về ý kiến sau. ” Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”	3 điểm
Câu 4	Vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trong tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê .	5 điểm

TRẢ LỜI:

CÂU 2: Tìm phép liên kết ở đoạn văn sau:

” Ở rừng mùa này thường như thế. Nhưng mưa đá.Lúc đầu tôi không biết. Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang. Có cái gì vô cùng sắc xẻ không khí ra từng mảnh vụn. Gió. Và tôi thấy đau, ướt ở má”

(Lê Minh Khuê – Những ngôi sao xa xôi)

 **Đoạn văn trên dùng phép liên kết: Từ nối “ Nhưng” ở câu 2, 3 ,Từ “ và” ở cuối câu.**

CÂU 3: Viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi có sử dụng phép liên kết, **phép nối, phép thế**) nêu suy nghĩ của bản thân về ý kiến sau.
” Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”

Chúng ta được sống dưới mái nhà chủ nghĩa xã hội như ngày hôm nay thì chúng ta phải ghi nhớ công ơn của các vị anh hùng. “Vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”

Câu nói trên của Bác hoàn toàn đúng đắn. Bác nêu trách nhiệm cho thế trẻ của chúng ta hôm nay, phải có thái độ, tình cảm đúng đối với các vị anh hùng dân tộc. Vì các vị anh hùng đã hi sinh thân mình , đã nhuộm đỏ lá cờ Tổ quốc bằng chính dòng máu của mình để: “ **Đơm hoa độc lập,kết trái tự do**”. Họ là những vị anh hùng vô danh nhưng tấm lòng vàng của họ mãi mãi sáng ngời trong lòng đất Việt và con người Việt Nam.

Tóm lại, chúng ta là thế hệ sau, phải thể hiện đạo lí : “ Uống nước nhớ nguồn”, phải có suy nghĩ, hành động, nhận thức của bản thân đúng đắn.

 **Phép thế: Anh hùng - > Họ**

Phép nối: Từ “vì”

CÂU 4: Về đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trong tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

1. Mở bài

- Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên con đường đổi mới.

- Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

2. Thân bài

* Về đẹp chung của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

- Đó là những cô gái tuổi đời còn trẻ. Vì nhiệm vụ giải phóng miền Nam, họ đã không tiếc tuổi xuân chiến đấu, cống hiến cho đất nước.

- Công việc của họ là trinh sát mặt đường gặp nhiều khó khăn nguy hiểm. Họ phải làm việc dưới mưa bom bão đạn, phải phá bom thông đường để những đoàn quân tiến vào giải phóng miền Nam.

- Họ mang lí tưởng chiến đấu để thống nhất Tổ Quốc nên đều giàu tinh thần trách nhiệm, coi thường gian khổ. Mỗi nhân vật có nét tính cách riêng nhưng họ yêu thương, lạc quan, có niềm tin vào tình yêu đất nước.

* Về đẹp riêng của các cô gái thanh niên xung phong

a) *Nhân vật Phương Định.*

- Đây là cô gái Hà Nội trẻ trung yêu đời. Phương Định thích ngắm mình trong gương, là người có ý thức về nhan sắc của mình. Cô có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Đôi mắt màu nâu, dài dài, hay nheo nheo như chói nắng...

- Phương Định là nhân vật kể chuyện xưng tôi đầy nữ tính. Cô đẹp nhưng không kiêu căng mà có sự thông cảm, hoà nhập. Cô thích hát dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca ý, đặc biệt hát bài Ca Chiu Sa. Cô có tài bịa lời cho những bài hát. Những bài hát về cuộc đời, về tình yêu và sự sống cất lên giữa cuộc chiến tranh ác liệt tôn thêm vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong có niềm tin vào cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc.

- Phương Định là cô gái dễ thương, hay xúc động. Chứng kiến cảnh trận mưa đá cô nhớ về Hà Nội, nhớ mẹ, nhớ cái cửa sổ, nhớ những ngôi sao, nhớ quảng trường lung linh... Những hoài niệm; kí ức dội lên sâu thẳm càng chứng tỏ sự nhạy cảm trong tâm hồn cô gái Hà Nội mơ mộng, lãng mạn, thật đáng yêu.

b) *Nhân vật Thao*

Đây là cô gái lớn tuổi nhất trong nhóm, là đội trưởng tổ trinh sát mặt đường. ở chị có những nét dễ nhớ ấn tượng. Chị cũng tía tốt lông mày nhỏ như cái tăm,

cương quyết, mạnh mẽ, táo bạo. Chị không sợ bom đạn, chỉ đạo công việc dứt khoát nhưng lại rất sợ máu và vết.

- Chị yêu thương đồng đội đúng vai trò của người chị cả. Khi Nho bị thương, chị rất lo lắng, săn sóc tận tình từng hớp nước, cốc sữa. Tình đồng đội sưởi ấm tâm hồn những cô gái lúc khó khăn nhất.

- Chị Thao cũng thích hát dù hát sai lời và sai nhạc. Tiếng hát yêu đời, cất lên từ cuộc chiến tranh để khẳng định bản lĩnh, sức mạnh, niềm tin vào lí tưởng của thanh niên thời đại những năm chống Mĩ.

c) *Nhân vật Nho.*

- Nho xuất hiện trong thời điểm quan trọng của câu chuyện. Đó là lúc phá bom, khi ranh giới của sự sống và cái chết gần kề gang tấc. Nho nhỏ nhẹ, dịu dàng, duyên dáng " Trông nó nhẹ mát mẻ như một que kem trắng"

3. kết luận

- Khẳng định tâm hồn trong sáng sự hồn nhiên và tính cách dũng cảm, lạc quan của các nhân vật nữ thanh niên xung phong.

ĐỀ SỐ 22

Câu 1	Viết một đoạn văn khoảng một trang giấy thi giới thiệu những nét chính trong cuộc đời – sự nghiệp của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.	1 điểm
Câu 2	Người xưa thường nói: " Chị ngã em nâng" là có hàm ý gì?	1 điểm
Câu 3	Nhớ câu kiến ngãi bất vi Làm người thế ấy cũng phi anh hùng (Nguyễn Đình Chiểu – Lục Vân Tiên) Dựa vào ý của hai câu thơ trên hãy viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về tinh thần nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên ngày nay.	3 điểm
Câu 4	Hình ảnh người chiến sĩ trong các tác phẩm : Đồng chí (Chính Hữu), Tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật) , Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng) và Những Ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)	5 điểm

TRẢ LỜI:

CÂU 1: Viết một đoạn văn khoảng một trang giấy thi giới thiệu những nét chính trong cuộc đời – sự nghiệp của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

Nguyễn Đình Chiểu, tự là Mạnh Trạch, hiệu là Trọng Phú và Hối Trai, sinh ngày 01. 07. 1822, tại làng tân Thới , tỉnh Gia Định. Ông xuất thân gia đình nhà nho , cha là Nguyễn Đình Huy , người Thừa Thiên.

Nguyễn Đình Chiểu là một trong những nhà thơ đầu tiên ở Nam kì đã dùng chữ Nôm phương tiện sáng tác chủ yếu, để cho đời sau một khối lượng thơ ca khá

lớn. Trước khi thực dân Pháp xâm lược, sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu thiên về thể loại truyện thơ Nôm truyền thống, xoay quanh đề đề đạo đức xã hội, nổi tiếng nhất là truyện "Lục Vân Tiên"....

Nguyễn Đình Chiểu đã dùng ngòi bút của mình một "thiên chức" lớn lao là truyền bá đạo làm người chân chính và đấu tranh không mệt mỏi với những gì xấu xa, trái đạo lý nhân tâm.

CÂU 2: Người xưa thường nói: "Chị ngã em nâng" là có hàm ý gì?

Câu tục ngữ mang **hàm ẩn**: Nhân dân mượn hình ảnh cụ thể: "Chị ngã em nâng" (Khi chị chẳng may bị vấp ngã thì em phải nâng đỡ) để khuyên nhủ chị em trong gia đình. Chị em lúc khó khăn cần phải thương yêu nhau giúp đỡ đùm bọc lẫn nhau.

CÂU 3:

**"Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng"**

(Nguyễn Đình Chiểu – Lục Vân Tiên)

Dựa vào ý của hai câu thơ trên hãy viết một đoạn văn nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về tinh thần nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên ngày nay.

Truyện "Lục Vân Tiên" tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu, sáng tác vào giai đoạn trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta. Truyện ca ngợi những con người trung hiếu lễ nghĩa như Lục Vân Tiên. Hình tượng cao đẹp đó được khắc họa qua hai câu thơ:

**"Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng"**

Vân Tiên con một gia đình thường dân, một thư sinh khôi ngô tuấn tú, con người có tài đức văn võ song toàn, sống rất có tình có lý. Chuyên làm những việc nghĩa cứu người, hành động vô tư không tính toán, thấy việc nghĩa không làm không phải làm anh hùng, vì nghĩa sẵn sàng vào hiểm nguy không sợ hiểm nguy. Đó là lý tưởng sống quân tử.

Lục Vân Tiên là một nhân vật lý tưởng, Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm tất cả tâm huyết của mình vào Lục Vân Tiên, đó cũng là hình bóng của cuộc đời tác giả.

CÂU 4: Hình ảnh người chiến sĩ trong các tác phẩm :

Đồng chí (Chính Hữu), Tiểu đội xe không kính (Phạm Tiến Duật), Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng) và Những Ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)

✚ Cái bắt gặp đầu tiên của những người lính là từ những ngày đầu gặp mặt. Họ đều có sự tương đồng về cảnh ngộ nghèo khó "*quê hương anh nước mặn đồng chua, làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*". Những người lính là những người của làng quê nghèo lam lũ, vất vả với cày cấy, ruộng đồng với những làng quê khác nhau. Họ từ các phương trời không hề quen nhau "*từ muôn phương về tụ hội trong hàng ngũ của những người lính cách mạng*". Đó chính là cơ sở của tình đồng chí sự đồng cảm giai cấp của những người lính cùng chung nhiệm

vụ chiến đấu để giải phóng quê hương, đất nước. Diễn đạt ý nghĩa đó, tác giả đã diễn tả bằng hình ảnh:

“Súng bên súng, đầu sát bên đầu”.

“Súng - đầu” sát bên nhau là tượng trưng cho ý chí và tình cảm, cùng chung lý tưởng, nhiệm vụ chiến đấu, sát cánh bên nhau. Tình đồng chí, đồng đội nảy nở và hình thành bền chặt trong sự chan hoà và chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui. Đó là mối tình tri kỷ của những người bạn chí cốt mà tác giả đã biểu hiện bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm: *“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ”*. Sau câu thơ này, nhà thơ hạ một câu, một dòng thơ, hai tiếng *“Đồng chí”* vang lên như một *“nốt nhấn”*, là sự kết tinh của mọi cảm xúc, mọi tình cảm. Câu thơ *“Đồng chí”* vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, đồng thời lại như một cái bản lề gắn kết đoạn đầu với đoạn thứ hai của bài thơ. Dòng thơ hai tiếng *“Đồng chí”* như khép lại, như lắng sâu vào lòng người cái tình ý sáu câu thơ đầu của bài thơ, như một sự lí giải về cơ sở của tình đồng chí. Sáu câu thơ trước hai tiếng *“Đồng chí”* ấy là cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí keo sơn giữa những người đồng đội.

Mạch cảm xúc và suy nghĩ trong bài thơ được triển khai trong đoạn thơ thứ hai là những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí và sức mạnh của tình đồng chí. Sự biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của nó được tác giả gợi bằng hình ảnh ở những câu thơ tiếp:

*“ Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước, gốc đa nhớ người ra lính ”*

“Đồng chí” - đó là sự cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau. Ba câu thơ trên đưa người đọc trở lại với hoàn cảnh riêng của những người lính vốn là những người nông dân đó. Họ ra đi trở thành những người lính nhưng mỗi người có một tâm tư, một nỗi lòng về hoàn cảnh gia đình, người thân, công việc đồng quê. Họ gửi lại tất cả cho hậu phương, gửi bạn thân cày cấy ruộng nương của mình. Họ nhớ lại những gian nhà trống không *“mặc kệ gió lung lay”*. Nhưng đành để lại, đành gửi lại, họ phải ra đi vì nghĩa lớn *“cứu nước, cứu nhà.”*

Giờ ở tiền tuyến, họ nhớ về hậu phương với một tình cảm lưu luyến khó quên. Hậu phương, tiền tuyến (người ở lại nơi giếng nước, gốc đa) không nguôi nhớ thương người thân của mình là những người lính nơi tiền tuyến. Tuy dứt khoát, mạnh mẽ ra đi nhưng những người lính không chút vô tình. Trong chiến đấu gian khổ, hay trên đường hành quân họ đều nhớ đến hậu phương- những người thân yêu nhất của mình:

*“ Ôi! Những đêm dài hành quân nung nấu
Bỗng bồi hồi nhớ mắt người yêu ”*

(Nguyễn Đình Thi)

“Đồng chí” - đó là cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn của cuộc đời người lính với những hình ảnh chân thực, xúc động, gợi tả và gợi hình (từng cơn ốm lạnh sốt run người, vầng trán ướt mồ hôi, áo rách vai, quần vài mảnh vá, miệng cười buốt

già, chân không giày) những ngày tháng ở rừng.

Để diễn tả được sự gắn bó, chia sẻ, sự giống nhau về cảnh ngộ người lính tác giả đã xây dựng những câu thơ sóng đôi, đối ứng với nhau trong từng cặp, từng câu:

“ Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi”

.....
Miệng cười buốt giá
Chân không giày”

Sức mạnh nào đã giúp họ vượt qua tất cả?

Hình ảnh “*thương nhau tay nắm lấy bàn tay*” biểu hiện thật giản dị và xúc động của tình cảm đồng chí, đồng đội thiêng liêng của những người lính. Tình cảm đó là nguồn sức mạnh và niềm vui để họ vượt qua. Cái “*bắt tay*” (như bàn tay biết nói) chính là tình cảm của người lính truyền cho nhau sức mạnh và niềm tin để họ vượt qua tất cả những gian lao, thiếu thốn, thử thách trong chiến đấu.

Tình đồng chí, đồng đội còn biểu hiện ở sự thử thách. Đoạn thơ cuối thật cô đọng bằng hình ảnh khi nhà thơ viết:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo”.*

Đây là một bức tranh đẹp của tình đồng chí, đồng đội- một bức tranh đặc sắc và có ý nghĩa.

Bức tranh trên là một cảnh thực trong một đêm phục kích “*chờ giặc tới*” tại một cảnh “*rừng hoang sương muối*” hoang vắng lạnh lẽo nổi bật lên ba hình ảnh gắn kết với nhau “*vàng trắng khẩu súng và người lính*” vàng trắng như treo khẩu súng của người lính. Người lính thì “*đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*”.

Câu thơ “*đầu súng trăng treo*” (chỉ có 4 chữ) gây cho người đọc một sự bất ngờ lí thú “*súng và trăng*” sao lại hoà quyện vào nhau đẹp thế! Hình ảnh thơ nói lên ý nghĩa cao đẹp của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của anh bộ đội cụ Hồ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

Bài thơ có ba khổ, ba tứ thơ, chủ yếu tạo thành ý chung xuyên suốt toàn bài thơ “*Đồng chí*”. “*Đồng chí thương nhau nắm lấy bàn tay - đầu súng trăng treo*”

Bài thơ hàm súc, mộc mạc, chân thực trong sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh, gợi tả, có sức khái quát cao, khắc hoạ được một trong những phẩm chất tốt đẹp của anh bộ đội cụ Hồ. Đó là mối tình đồng chí, đồng đội gắn bó, keo sơn, thấm đượm tình cảm, gian khổ có nhau, sống chết có nhau. Bài thơ có thực, có mơ toạ nên vẻ đẹp của bài thơ, gây cho người đọc những suy tư sâu sắc những cảm xúc sâu lắng. Bài thơ “*Đồng chí*” có những nét thành công trong việc khắc hoạ hình ảnh người lính cách mạng trong thơ ca kháng chiến.

✚ Bài thơ đã xây dựng một hình tượng độc đáo đó là những chiếc xe, nói cho đúng là cả một tiểu đội xe không có kính chắn gió, chắn bụi bằng băng ra trận.

Mà độc đáo thật, vì chỉ gặp ở Việt Nam, ở những chiến sĩ lái xe quân sự thời chống Mỹ. Có thể nói “chất” độc đáo này được lên men từ chiến trường ác liệt:

*“Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi”*

Nguyên nhân xe không kính là vậy. Đây là một hiện thực trần trụi mà tác giả không thể hư cấu.

Bên cạnh hiện thực trần trụi đây là hình ảnh người lính lái xe hiện lên rất đẹp. Cứ tưởng với hiện thực dữ dội, ác liệt, trớ trêu ấy, người lính lái xe phải bó tay, thế nhưng vẫn nổi lên với tư thế:

*“Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.”*

Nghĩa là xe cứ đi. Không những ung dung mà người lính lái xe còn tỏ ra rất chủ động, hiên ngang vượt lên tất cả.

Nói đến người lái xe là nói đến con mắt, nói đến cái nhìn. Tô đậm cái nhìn của người lái xe, chỉ trong một dòng thơ, tác giả đã sử dụng 3 lần từ “nhìn” (điệp từ). Nhìn trời là để phát hiện máy bay hay pháo sáng về ban đêm. Nhìn thẳng là cái nhìn nghề nghiệp, hiên ngang. Và cũng từ ca - bin không kính, qua cái nhìn đã tạo nên những ấn tượng, cảm giác rất sinh động, cụ thể đối với người lái xe:

*“Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái”*

Những cảm giác này, dù mang ý nghĩa tả thực hay tượng trưng, đều thể hiện cái thế ung dung tinh thần vượt lên của người lái xe.

Hai khổ thơ tiếp, hình ảnh người lái xe được tô đậm. Cái tài của Phạm Tiến Duật trong khổ thơ này là cứ hai câu đầu nói về hiện thực nghiệt ngã phải chấp nhận thì hai câu sau nói lên tinh thần vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh của người lái xe trong thời gian chiến tranh ác liệt.

Xe không kính nên “*bụi phun tóc trắng như người già*” là lẽ đương nhiên, xe không có kính nên “*ướt áo, mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời*” là lẽ tất nhiên.

Những cụm từ “*ừ thì có bụi*”, “*ừ thì ướt áo*” chứng tỏ họ không những đã ý thức được mà còn rất quen với những gian khổ đó.

Chính vì thế:

*“Chưa cần lửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”*

Và cao hơn:

*“Chưa cần thay lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa mau khô thôi.”*

Đây là những câu thơ đậm chất người lính, nói rất đúng tinh thần và cuộc sống của người lính. Các động tác “*phì phèo châm điếu thuốc*” tuy có vụng về nhưng sao

đáng yêu thế?. Cái cười “ha ha” nở ra trên khuôn mặt lấm lem của mọi người sao mà rạng ngời đến thế? Bởi vậy, đọc những câu thơ này giúp ta hiểu được phần nào cuộc sống của người lính ngoài chiến trường những năm tháng đánh Mỹ. Đó là cuộc sống gian khổ trong bom đạn ác liệt nhưng tràn đầy tinh thần lạc quan, yêu đời và tinh thần hoàn thành nhiệm vụ cao.

Hai khổ thơ tiếp nói về cảnh sinh hoạt và sự họp mặt sau những chuyến vận tải trên những chặng “đường đi tới”. Vẫn những câu thơ có giọng điệu riêng, đậm chất văn xuôi rất riêng của Phạm Tiến Duật đã thể hiện được tình đồng chí, đồng đội trong kháng chiến. Ở hai khổ thơ này, tác giả vẫn tô đậm cái hình tượng thơ “xe không kính”, nhưng lại có cách nói khác rất lính:

*“Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”*

Khổ thơ cuối cùng, kết thúc bài thơ, tác giả muốn nói với chúng ta một điều như một điều dự báo: đâu chỉ là tiểu đội xe không kính mà tương lai còn là tiểu đội xe không đèn, không mui xe, ... Hiện thực của cuộc chiến tranh diễn ra còn hết sức ác liệt, người lính lái xe còn phải đối mặt với bao nhiêu nguy hiểm, thử thách: “*Không có kính rồi xe không đèn, không có mui, thùng xe có xước*” nhưng nhất định họ sẽ hoàn thành nhiệm vụ, sẽ chiến thắng bởi vì phía trước họ là miền Nam thân yêu và vì họ sẵn có một nhiệt tình cách mạng, một trái tim quả cảm - trái tim người lính Bác Hồ.

*“Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

Bài thơ là bức tượng đài nghệ thuật về người lính lái xe trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta.

Cuộc gặp gỡ của hai cha con sau 8 năm xa cách:

+ Anh Sáu thoát li đi kháng chiến từ lúc đứa con gái chưa đầy một tuổi. Vì hoàn cảnh công tác, 8 năm sau anh có dịp ghé thăm nhà.

+ Anh vui mừng khôn xiết, muốn bày tỏ tình cảm yêu thương, âu yếm đối với con.

+ Ngược lại, bé Thu đối với anh như người xa lạ: sợ hãi, xa lánh, dù má giải thích thế nào đi nữa, bé vẫn dứt khoát không nhận cha.

+ Bữa cơm đoàn tụ, anh Sáu gắp cho con miếng trứng cá, bé Thu vùng vằng hất xuống đất. Anh Sáu nổi giận đánh con một cái vào mông. Bé Thu giận, chèo xuồng sang sông với bà.

- Cảnh chia tay cảm động:

+ Trong phút chia tay, tình yêu thương và nỗi khát khao được gặp cha bùng dậy trong lòng bé Thu khiến bé hồi hã, cuống quýt bày tỏ tình cảm của mình.

+ Bé bật kêu lên tiếng gọi “ba”, chạy tới ghì lấy cổ ba không rời, khóc nức nở, không cho ba đi nữa.

+ Chứng kiến cảnh này, ai cũng xúc động, xót xa. Bác Ba (bạn của anh Sáu)

“bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim”.

- Truyện “Chiếc lược ngà” đã diễn tả chân thực tình cha con thấm thiết, sâu nặng trong hoàn cảnh chiến tranh, tình cảm ấy càng thiêng liêng, ngời sáng.

- Ẩn dưới câu chuyện được kể một cách khách quan là tiếng nói lên án chiến tranh xâm lược gây bao đau khổ cho con người.

.....
+ Truyện " Những ngôi sao xa xôi" ở trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

- Lê Minh Khuê am hiểu căn kẽ nỗi lòng cùng với tâm lí của những con người tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn.

- Truyện được trần thuật qua lời một nhân vật nữ Phương Định, một cô gái thanh niên xung phong trẻ nhiều mơ mộng, có tâm hồn nhạy cảm và trong sáng.

- Truyện “Những ngôi sao xa xôi” đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mộng mơ, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ

ĐỀ SỐ 23

Câu 1	Giới thiệu đôi nét về tác giả bài thơ Ánh trăng và nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ	1 điểm
Câu 2	Đọc đoạn trích sau: ” Ông Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi” ba vô ăn cơm” con bé cứ đứng im trong bếp nói vọng ra. - Cơm chín rồi ! Ông cũng không quay lại . Con bé bức quá, quay lại mẹ và bảo: - Con kêu rồi mà người ta không nghe” (Nguyễn Quang Sáng – Chiếc lược ngà) Con bé trong đoạn truyện vi phạm phương châm giao tiếp nào? Vì sao có sự vi phạm đó?	1 điểm
Câu 3	Nếu đề bài cho em chủ đề: ” Xin mẹ hãy yên lòng” thì em sẽ viết những suy nghĩ gì của mình trong nửa trang giấy thi?	3 điểm
Câu 4	Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam quau các tác phẩm: Bếp lửa (Bằng Việt) , Con cò (Chế Lan Viên) , Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ (Nguyễn Khoa Điềm),	5 điểm

	Những ngôi sao xa xôi Lê Minh Khuê) và bến quê (Nguyễn Minh Châu)	
--	--	--

TRẢ LỜI:

CÂU 1: Giới thiệu đôi nét về tác giả bài thơ Ánh trăng và nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ

a) **Giới thiệu đôi nét về Nguyễn Duy:**

- Nguyễn Duy tên thật là Nguyễn Duy Nhuệ sinh năm 1948, quê ở Thanh Hóa. Năm 1966 gia nhập quân đội. Ông là một trong những gương mặt tiêu biểu của lớp nhà thơ trẻ thời chống Mỹ cứu nước. Ông được trao giải nhất cuộc thi thơ báo văn nghệ.

- Những sáng tác thơ của Nguyễn Duy sâu lắng và thấm đẫm cái hồn của ca dao, dân ca Việt Nam. Thơ ông không cố tìm ra cái mới mà lại khai thác, đi sâu vào cái nghĩa tình muôn đời của người Việt. “Ánh trăng” là một bài thơ như vậy. Trăng đối với nhà thơ có ý nghĩa đặc biệt: đó là vàng trăng tri kỉ, vàng trăng tình nghĩa và vàng trăng thức tỉnh. Nó như một hồi chuông cảnh tỉnh cho mỗi con người có lối sống quên đi quá khứ.

b) **Hoàn cảnh ra đời của bài thơ:**

Bài thơ “Ánh trăng” được viết năm 1978 (khoảng 3 năm sau ngày giải phóng giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước), tại Thành Phố Hồ Chí Minh, in trong tập thơ cùng tên.

CÂU 2:

- ✚ Trong đoạn văn trên, câu nói: “ cơm chín rồi !” của né Thu đã vi phạm phương châm hội thoại lịch sự.
- ✚ Nó cố tình nói trống như vậy vì không muốn dùng tiếng ba để gọi ông Sáu khi nó chưa chấp nhận ông Sáu là ba.

CÂU 3: Nếu đề bài cho em chủ đề: “ Xin mẹ hãy yên lòng” thì em sẽ viết những suy nghĩ gì của mình trong nửa trang giấy thi?

Đọc đề bài tập làm văn với chủ đề: “ Xin mẹ hãy yên lòng”, tôi thật sự lo lắng vì không biết viết như thế nào đây để cho mẹ yên lòng về con.

Tôi đã sống xa mẹ từ khi lên 4 tuổi, cái tuổi mà những đứa trẻ nào cũng rất cần phải có mẹ bên cạnh chăm sóc. Còn tôi thì hoàn toàn trái ngược, tôi rất thèm cử chỉ, hành động chăm lo của mẹ. Mặc dù tôi sống trong nhung lụa đầy đủ vật chất với cha. Nhưng tinh thần thì hoàn toàn thiếu thốn ở tình mẹ.

Tôi nói như vậy, chắc có lẽ phần nào, các bạn đã hiểu. Bởi cha và mẹ tôi ly dị nhau và tôi lại sống với cha. Cha lo cho tôi đâu đủ không thiếu thứ gì nhưng trong cuộc sống tôi vẫn cảm thấy thiếu một cái gì đó trống vắng ở tâm hồn. Nhưng tôi xin hứa với mẹ, dù trong hoàn cảnh nào tôi cũng cố gắng học tập thật giỏi, để mỗi khi gặp lại mẹ, tôi sẽ báo cáo thành tích học tập của mình,

Xin mẹ hãy yên lòng.

CÂU 4: Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam qua các tác phẩm:

Bếp lửa (**Bằng Việt**), Con cò (**Chế Lan Viên**), Khúc hát ru những em bé lớn lên

trên lưng mẹ (**Nguyễn Khoa Điềm**), Những ngôi sao xa xôi (**Lê Minh Khuê**) và bến quê (**Nguyễn Minh Châu**)

✚ Trong cuộc đời, ai cũng có riêng cho mình những kỉ niệm của một thời ấu thơ hồn nhiên, trong sáng. Những kỉ niệm ấy là những điều thiêng liêng, thân thiết nhất, nó có sức mạnh phi thường nâng đỡ con người suốt hành trình dài và rộng của cuộc đời. Bằng Việt cũng có riêng ông một kỉ niệm, đó chính là những tháng năm sống bên bà, cùng bà nhóm lên cái bếp lửa thân thương. Không chỉ thế, điều in đậm trong tâm trí của Bằng Việt còn là tình cảm sâu đậm của hai bà cháu. Chúng ta có thể cảm nhận điều đó qua bài thơ “Bếp lửa” của ông.

✚ Tình cảm và những kỉ niệm về bà được khơi gợi từ hình ảnh bếp lửa. Ở nơi đất khách quê người, bắt gặp hình ảnh bếp lửa, tác giả chợt nhớ về người bà:

*“ Một bếp lửa chồn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.”*

Hình ảnh “chồn vờn” gợi lên những mảnh kí ức hiện về trong tác giả một cách chập chờn như khói bếp. Bếp lửa được thắp lên, nó hắt ánh sáng lên mọi vật và toả sáng tâm hồn đứa cháu thơ ngây. Bếp lửa được thắp lên đó cũng là bếp lửa của cuộc đời bà đã trải qua “ biết mấy nắng mưa”. Từ đó, hình ảnh người bà hiện lên. Dù đã cách xa nửa vòng trái đất nhưng dường như Bằng Việt vẫn cảm nhận được sự vỗ về, yêu thương, chăm chút từ đôi tay kiên nhẫn và khéo léo của bà. Trong cái khoảnh khắc ấy, trong lòng nhà thơ lại trào dâng một tình yêu thương bà vô hạn. Tình cảm bà cháu thiêng liêng ấy cứ như một dòng sông với con thuyền nhỏ chở đầy ắp những kỉ niệm mà suốt cuộc đời này chắc người cháu không bao giờ quên được và cung

chính

t? đó, sức ấm và ánh sáng của tình bà cháu cũng như của bếp lửa lan toả toàn bài thơ. Khổ thơ tiếp theo là dòng hồi tưởng của tác giả về những kỉ niệm của những năm tháng sống bên cạnh bà. Lời thơ giản dị như lời kể, như những câu văn xuôi, như thủ thỉ, tâm tình, tác giả như đang kể lại cho người đọc nghe về câu chuyện cổ tích tuổi thơ mình. Nếu như trong câu chuyện cổ tích của những bạn cùng lứa khác có bá tiên, có phép màu thì trong câu chuyện của bằng Việt có bà và bếp lửa. Trong những năm đói khổ, người bà đã gắn bó bên tác giả, chính bà là người xua tan bớt đi cái không khí ghê rợn của nạn đói 1945 trong tâm trí đứa cháu. Cháu lúc nào cũng được bà chở che, bà đâu có đói cũng để cháu thiếu bữa ăn nào, bà đi mót từng củ khoai, đào từng củ sắn để cháu ăn cho khỏi đói:

*“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!”*

Chính “mùi khói” đã xua đi cái mùi tử khí trên khắp các ngõ ngách. Cũng

chính cái mùi khói ấy đã quện lại và bám lấy tâm hồn đứa trẻ. Dù cho tháng năm có trôi qua, những kí ức ấy cũng sẽ để lại ít nhiều ấn tượng trong lòng đứa cháu để rồi khi nghĩ lại lại thấy “sống mũi còn cay”. Là mùi khói làm cay mắt người người cháu hay chính là tấm lòng của người bà làm đứa cháu không cầm được nước mắt?

*“Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm bếp
Tu hú kêu trên những cách đồng xa
Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!”*

“Cháu cùng bà nhóm lửa”, nhóm lên ngọn lửa của sự sống và của tình yêu bà cháy bỏng của một cậu bé hồn nhiên, trong trắng như một trang giấy. Chính hình ảnh bếp lửa quê hương, bếp lửa của tình bà cháu đó đã gợi nên một liên tưởng khác, một hồi ức khác trong tâm trí thi sĩ thuở nhỏ. Đó là tiếng chim tu hú kêu. Tiếng tu hú kêu như giục giã lúa mau chín, người nông dân mau thoát khỏi cái đói, và dường như đó cũng là một chiếc đồng hồ của đứa cháu để nhắc bà rằng: “Bà ơi, đến giờ bà kể chuyện cho cháu nghe rồi đấy!”. Từ “tu hú” được điệp lại ba lần làm cho âm điệu câu thơ thêm bồi hồi tha thiết, làm cho người đọc cảm thấy như tiếng tu hú đang từ xa vọng về trong tiềm thức của tác giả. Tiếng “tu hú” lúc mơ hồ, lúc vắng vắng từ những cánh đồng xa láng láng lòng người cháu xa xứ. Tiếng chim tu hú khắc khoải làm cho dòng kỉ niệm của đứa cháu trải dài hơn, rộng hơn trong cái không gian xa vắng của nỗi nhớ thương.

Nếu như trong những năm đói kém của nạn đói 1945, bà là người gắn bó với tác giả nhất, yêu thương tác giả nhất thì trong tám năm ròng của cuộc kháng chiến chống Mĩ, tình cảm bà cháu ấy lại càng sâu đậm:

*“Mẹ cùng cha bận công tác không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”*

Trong tám năm ấy, đất nước có chiến tranh, hai bà cháu phải rời làng đi tản cư, bố mẹ phải đi công tác, cháu vì thế phải ở cùng bà trong quãng thời gian ấy, nhưng dường như đối với đứa cháu như thế lại là một niềm hạnh phúc vô bờ. ? cùng bà, ngày nào cháu cũng cùng bà nhóm bếp. Và trong cái khói bếp chập chờn, mờ mờ ảo ảo ấy, người bà như một bà tiên hiện ra trong câu truyện cổ huyền ảo của cháu. Nếu như đối với mỗi chúng ta, cha sẽ là cánh chim để nâng ước mơ của con vào một khung trời mới, mẹ sẽ là cành hoa tươi thắm nhất để con cài lên ngực áo thì đối với Bằng Việt, người bà vừa là cha, vừa là mẹ, vừa là cánh chim, là một cành hoa của riêng ông. Cho nên, tình bà cháu là vô cùng thiêng liêng và quý giá đối với ông. Trong những tháng năm sống bên cạnh bà, bà không chỉ chăm lo cho cháu từng miếng ăn, giấc ngủ mà còn là người thầy đầu tiên của cháu. Bà dạy cho cháu những

chữ cái, những phép tính đầu tiên. Không chỉ thế, bà còn dạy cháu những bài học quý giá về cách sống, đạo làm người. Những bài học đó sẽ là hành trang mang theo suốt quãng đời còn lại của cháu.

Chiến tranh, một danh từ bình thường nhưng sức lột tả của nó thì khốc liệt vô cùng, nó đã gây ra đau khổ cho bao người, bao nhà. Và hai bà cháu trong bài thơ cũng trở thành một nạn nhân của chiến tranh: gia đình bị chia cắt, nhà bị giặc đốt cháy rụi...

*“Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:
“Bố ở chiến khu bố còn việc bố
Mày viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

Cuộc sống càng khó khăn, cảnh ngộ càng ngặt nghèo, nghị lực của bà càng bền vững, tấm lòng ủa bà càng mênh mông. Qua đó, ta thấy hiện lên một người bà cần cù, nhẫn nại và giàu đức hi sinh. Dù cho ngôi nhà, túp lều tranh của hai bà cháu đã bị đốt nhẵn, nơi nương thân của hai bà cháu nay đã không còn, bà dù có đau khổ thế nào cũng không dám nói ra vì sợ làm đứa cháu bé bỏng của mình lo buồn. Bà cứng rắn, dắt cháu vượt qua mọi khó khăn, bà không đứa con đang bận việc nước phải lo lắng chuyện nhà.

Kết thúc khổ thơ, Bằng Việt đã nâng hình ảnh bếp lửa trở thành hình ảnh ngọn, một ngọn lửa:

*“Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn,
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”.*

Hình ảnh ngọn lửa toả sáng trong câu thơ, nó có sức truyền cảm mạnh mẽ. Ngọn lửa của tình yêu thương, ngọn lửa của niềm tin, ngọn lửa ấm nồng như tình bà cháu, ngọn lửa đỏ hồng si sáng cho con đường đứa cháu. Bà luôn nhắc cháu rằng: nơi nào có ngọn lửa, nơi đó có bà, bà sẽ luôn ở cạnh cháu.

Những dòng thơ cuối bài cũng chính là những suy ngẫm về bà và bếp lửa mà nhà thơ muốn gửi tới bạn đọc, qua đó cũng là nh74ng bài học sâu sắc từ công việc nhỏ, lửa tưởng chừng đơn giản:

“Nhóm bếp lửa ấp iu, nồng đượm”

Một lần nữa, hình ảnh bếp lửa “ấp iu”, “nồng đượm” đã được nhắc lại ở cuối bài thơ như một lần nữa khẳng định lại cái tình cảm sâu sắc của hai bà cháu. “Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi”

Nhóm lên bếp lửa ấy, người bà đã truyền cho đứa cháu một tình yêu thương những người ruột thịt và nhắc cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghèo tình, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã sống vui nhau, những năm tháng mà hai bà cháu mình cùng chia nhau từng củ sắn, củ mì.

“Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui”

“Nồi xôi gạo mới sẻ chung vui” của bà hay là lời răn dạy cháu luôn phải mở lòng ra với mọi người xung quanh, phải gắn bó với xóm làng, đừng bao giờ có một lối sống ích kỉ.

“Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”.

Bà không chỉ là người chăm lo cho cháu đầy đủ về vật chất mà còn là người làm cho tuổi thơ của cháu thêm đẹp. thắm huyền ảo như trong truyện. Người bà có trái tim nhân hậu, người bà kì diệu đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục và thức tỉnh tâm hồn đứa cháu để mai này cháu khôn lớn thành người. Người bà kì diệu như vậy ấy, rất giản dị nhưng có một sức mạnh kì diệu từ trái tim, ta có thể bắt gặp người bà như vậy trong “Tiếng gà trưa” của Xuân Quỳnh:

*“Tiếng gà trưa
Mang bao nhiêu hạnh phúc
Đêm cháu về nằm mơ
Giấc ngủ hồng sắc trứng.”*

Suốt dọc bài thơ, mười lần xuất hiện hình ảnh bếp lửa là mười lần tác giả nhắc tới bà. Âm điệu những dòng thơ nhanh mạnh như tình cảm dâng trào lớp lớp sóng vỗ vào bãi biển xanh thẳm lòng bà. Người bà đã là, đang là và sẽ mãi mãi là người quan trọng nhất đối với cháu dù ở bất kì phương trời nào. Bà đã trở thành một người không thể thiếu trong trái tim cháu.

Giờ đây, khi đang ở xa bà nửa vòng trái đất, Bằng Việt vẫn luôn hướng lòng mình về bà:

*“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở
Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”*

Xa vòng tay chăm chút của bà để đến với chân trời mới, chính tình cảm của hai bà cháu đã sưởi ấm lòng tác giả trong cái mùa đông lạnh giá của nước Nga. Đứa cháu nhỏ của bà ngày xưa giờ đã trưởng thành nhưng trong lòng vẫn luôn đinh ninh nhớ về góc bếp, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau. Đứa cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của đứa cháu đã được nuôi dưỡng để lớn lên từ đó.

 **người mẹ dân tộc Tà-ôi.**

Lời ru thủ thỉ những điều đang diễn tả trong thực tại mà người con chưa thể biết:

*“Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối
Lưng đưa nôi và tim hát thành lời”*

Lời ru theo nhịp già gạo, mỗi câu bị ngắt nhịp làm hai như theo nhịp chày, nhịp thở. Hai mẹ con cùng chung một nhịp, mẹ làm việc, con ngủ ngon “Nhịp chày

nghiêng giấc ngủ em nghiêng". Hai từ "*Nghiêng*" đứng trong một câu thơ thể hiện niềm say mê của mẹ hoà cùng giấc ngủ của bé. Mẹ làm việc khổ cực trong hiện tại Bài thơ "*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*" của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đời giữa những năm tháng quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trên cả hai miền Bắc-Nam. Thời kì này, cuộc sống của cán bộ, nhân dân ta trên các chiến khu (*phần lớn là những vùng miền núi*) rất gian nan, thiếu thốn. Cán bộ, nhân dân ta phải bám rẫy, bám đất để tăng gia sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ căn cứ. Bài thơ là lời hát ru những em bé dân tộc Tà-ôi lớn trên lưng mẹ ở vùng chiến khu Trị-Thiên trong thời kì chiến tranh chống Mỹ.

Hình ảnh người mẹ Tà-ôi trong bài thơ, qua từng đoạn thơ với từng khúc hát ru được gắn với hoàn cảnh, công việc cụ thể.

Ở khúc thứ nhất, người mẹ hiện lên với dáng tần tảo, lam lũ, vất vả với công việc giã gạo nuôi bộ đội. Mẹ giã gạo, con vẫn trên lưng mẹ. Câu thơ: "*Vai mẹ gầy nhóp nhò làm gối*" thật cảm động. Mẹ gầy vì công việc giúp nuôi bộ đội đánh giặc. Mẹ gầy vì nuôi cho con nhanh lớn. Nhưng trái tim của mẹ vẫn hát về ước mơ:

"Mai sau con lớn vùng chày lún sân"

Trong khúc ru thứ hai, diễn tả công việc mẹ lên núi tria bắp. Câu thơ: "*Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ*" hình thành theo kết cấu đối lập làm nổi bật hình ảnh mẹ với công việc vất vả. Núi thì to, nương bắp thì rộng, mà sức mẹ có hạn. Trên lưng mẹ, em vẫn ngủ say:

*"Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng"*

Hình ảnh "*Mặt trời*" trong câu thơ sau được chuyển nghĩa (ẩn dụ): Cu Tai là mặt trời của mẹ. Em còn là tất cả của mẹ, là lí tưởng, là hi vọng của mẹ. Mẹ mơ ước về con:

"Mai sau lớn lên phát mười Ka-lui"

Đến khổ thứ ba, lời ru đôn dập, mạnh mẽ, gấp rút, bởi "*giặc Mỹ đến đánh*", đuổi ta phải rời suối rời nương "*Thằng Mỹ đuổi ta phải rời con suối*". Mẹ phải chuyển lán, đập rừng, cùng tham gia đánh giặc. Mẹ đến chiến trường, em vẫn trên lưng:

*"Từ trên lưng mẹ em đến chiến trường
Từ trong đôi khó em vào Trường Sơn"*

Trong khói lửa của chiến tranh mẹ mong ước: "*Mai sau con lớn làm người tự do*".

Ba khúc hát ru cũng là ba đoạn thơ diễn tả công việc cùng tấm lòng của mẹ ở trong chiến khu gian khổ, người mẹ Tà-ôi trong bài thơ còn thấm thiết yêu con và cũng nặng tình thương buôn làng, quê hương, bộ đội và khao khát mong cho đất nước độc lập, tự do.

Lời ru gắn với tình yêu con tha thiết của, nhưng lời ru của mẹ cao vút đến ngày mai. "*Mai sau con lớn vùng chày lún sân!!..*

Lời ru trên nương khi tria bắp ở trên núi Ka-lui, vẫn theo nhịp "*chọc lỗ*" tria

bắp nhưng hình ảnh lúc này thiên về đối lập “*Lưng núi to- lưng mẹ nhỏ*” và đối xứng “*Mặt trời của bắp- mặt trời của mẹ*”, tất cả toát lên tình thương vô hạn của người mẹ nghèo vẫn thương con, thương cách mạng, “*mặt trời của mẹ em nằm trên lưng*”- người mẹ vừa chịu đựng cái nóng vừa tha thiết yêu thương.

Lời ru của mẹ không chỉ hướng vào thực tại mà còn hướng về tương lai:

*“Ngủ ngoan A-kay ơi, ngủ ngoan A-kay hỡi
Mẹ thương A-kay, mẹ thương làng đói
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười Ka-Lui”*

Khi chuyển lán, trong lời ru thứ ba, nhịp thơ vẫn ngắt đôi, mỗi dòng theo bước chân đi nhưng lời thơ xếp theo lối hùn điệp, đuổi nhau giục giã, khẩn trương:

*“Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đập rừng
Thằng Mỹ đuổi ta phải rời con suối*

.....
Từ trong đói khổ em vào Trường Sơn”.

Cũng như đoạn thơ trên, lời ru của mẹ hướng vào đất nước, hướng vào tương lai chiến thắng”

*“ Ngủ ngoan A-kay ơi, ngủ ngoan A-kay hỡi
Mẹ thương A-kay, mẹ thương đất nước
Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người tự do”.*

Tình yêu thương con của người mẹ gắn liền với tình cảm đối với cán bộ, xóm làng, đất nước. Tình yêu của người mẹ Tà- ôi gắn liền với tình cảm cao đẹp khác. Đó là lòng thương yêu bộ đội, yêu thương dân làng, yêu thương đất nước. Những lời ru của người mẹ còn thể hiện ước mơ và ý chí của nhân dân ta. Người mẹ mong con lớn lên giúp mẹ giã gạo “*vung chày lún sân*”, giúp mẹ tria ngô, làm rẫy “*phát mười Ka-lui*”. Đó là niềm mong ước mọi người được sống ấm no “*hạt gạo trắng ngần, hạt bắp lên đều*”. Lời hát ru còn thể hiện ý chí chiến đấu, khát vọng tự do và niềm tin vào thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ:

*“Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người tự do...”*

Bài thơ xây dựng hình ảnh người mẹ Tà-ôi, nuôi con thơ mà làm đủ mọi việc cho công cuộc chống Mỹ, góp phần vào thắng lợi chung cho đất nước. Một người mẹ tuy lao động nhọc nhằn mà ước mơ bay bổng, toát lên một niềm tin vững chắc cho tương lai. Đây là một hình tượng hiếm có trong thơ ca cách mạng hiện đại, sánh cùng với những hình tượng khác hình ảnh người mẹ khác trong hai cuộc chiến của dân tộc ta đó là: mẹ Tom, mẹ Suốt, người mẹ-người cầm súng Út Tịch.....đã góp nên một bài ca của những người mẹ Việt Nam anh hùng: “*Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang*” với tám chữ vàng mà Bác Hồ trao tặng.

 **Phương Định – Những ngôi sao xa xôi :**

- "Những ngôi sao xa xôi" " của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu

của " *Tổ trình sát mặt đường*" trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mỹ. *Tổ trình sát mặt đường* gồm có ba cô thanh niên xung phong: Nho, Phương Định và chị Thao, họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, ở đó, máy bay Mỹ đánh phá dữ dội. Công việc của họ vô cùng nguy hiểm, gian khổ là đo và ước tính khối lượng đất đá bị địch đào xới, đếm, đánh dấu và phá bom nổ chậm, trong khi ấy thần chết là một tay không thích đùa *luôn lẩn trong ruột những quả bom*. Thần kinh căng như chảo. Xong việc từ cao điểm trở về hang, cô nào cũng chỉ thấy *hai con mắt lấp lánh, hàm răng loá lên*, khi cười, khuôn mặt thì *lem luốc*.

- Cả ba cô, cô nào cũng đáng mến, đáng cảm phục. Nhưng Phương Định là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng ta.

- Phương Định, con gái Hà Nội *hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn*. Đôi mắt cô được các anh lái xe bảo là *có cái nhìn sao mà xa xăm*. Nhiều pháo thủ và lái xe hay "*hỏi thăm*" hoặc "*viết những bức thư dài gửi đường dây*" cho Định. Cô có vẻ kiêu kì, làm "*điệu*" khi tiếp xúc với một anh bộ đội *nói giỏi* nào đấy, nhưng trong suy nghĩ của cô thì *những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ*.

- Phương Định là một cô gái rất hồn nhiên, yêu đời, giàu cá tính. Thuở nhỏ đã hay hát. Cô có thể ngồi lên thành cửa sổ căn phòng nhỏ bé nhà mình *hát say sưa âm ỉ*. Bàn học lúc nào cũng *bày bừa bải lên*, để đến nỗi mẹ phải mắng. Sống trong cảnh bom đạn ác liệt, cái chết kề bên, Định lại càng hay hát. Những bài hành khúc, những điệu dân ca quan họ, bài Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô, bài dân ca ý... Định còn bịa ra lời những bài hát, Định hát trong những khoảng khắc *im lặng*, hát để động viên Nho, chị Thao và động viên mình. Hát khi *máy bay rít, bom nổ*. Đúng là *tiếng hát át tiếng bom* của những người con gái trong tổ trình sát mặt đường, những con người *khao khát làm nên những sự tích anh hùng*.

- Trong kháng chiến chống Mỹ, tiền tuyến vậy gọi, hàng vạn cô gái mang chí khí Bà Trưng, Bà Triệu xung phong ra tiền tuyến trong đó có Phương Định. Con đường Trường Sơn huyền thoại được làm nên bằng xương máu, mồ hôi và bao sự tích phi thường của những người con gái Việt Nam anh hùng.

- *Những ngôi sao xa xôi* tái hiện chân thực diễn biến tâm lí Phương Định trong một lần phá bom nổ chậm. Cô dững cảm, bình tĩnh tiến đến gần quả bom *đàng hoàng mà bước tới*. Định dung lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, có lúc Định *rùng mình* vì cảm thấy tại sao mình làm chậm thế! Rồi bom nổ văng óc, đất rơi lộp bộp, mắt cay mãi mới mở được, cát lạo xạo trong miệng. Đó là cuộc sống thường nhật của họ. Phương Định cho biết *tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng đó là một cái chết mờ nhạt không cụ thể*. Phương Định cùng Nho, chị Thao đã sáng ngời trong khói bom lửa đạn. Chiến công thầm lặng của họ bất tử với năm tháng và lòng người.

- Phương Định cô gái Hà Nội xinh đẹp, dững cảm trong lửa đạn, giàu tình yêu thương đồng đội, trong sáng, mộng mơ, thích làm duyên như cô thôn nữ ngày xưa soi mình xuống giếng làng vừa mỉm cười vừa vuốt tóc. Họ có mặt trên những trọng

điểm của con đường Trường Sơn chiến lược và trái tim rực đỏ của họ của những người con gái Việt Nam anh hùng là *những ngôi sao xa xôi* mãi mãi lung linh, toả sáng.

VỢ NHĨ – BẾN QUÊ:

- Liên, vợ Nhĩ tần tảo, giàu đức hi sinh khiến Nhĩ cảm động “*Anh cứ yên tâm. Vất vả tốn kém đến bao nhiêu em và các con cũng chăm lo cho anh được*” “*tiếng bước chân rón rén quen thuộc*” của người vợ hiền thảo trên “*những bậc gỗ mòn lõm*” và “*lần đầu tiên anh thấy Liên mặc tấm áo vá*” Nhĩ đã ân hận vì sự vô tình của mình với vợ. Nhĩ hiểu ra rằng: Gia đình là điểm tựa vững chắc nhất của cuộc đời mỗi con người,

ĐỀ SỐ 24

Câu 1. (1,5 điểm)

a. Chép nguyên văn tám câu thơ cuối trong đoạn trích “*Kiều ở Lầu Ngưng Bích*”

bắt đầu từ câu: “*Buồn trông cửa bể chiều hôm*” .

b. Cho biết trong đoạn thơ trên Nguyễn Du đã sử dụng *bút pháp nghệ thuật* gì?

Câu 2. (1,5 điểm)

Chú ý những từ in nghiêng trong các câu sau:

- Những chiếc giỏ xe chở đầy *hoa* phượng.
- Thềm *hoa* một bước, lệ *hoa* mấy hàng.
- Tên riêng bao giờ cũng được viết *hoa*.

a. Chỉ ra từ nào dùng nghĩa gốc, từ nào dùng nghĩa chuyển?

b. Nghĩa chuyển của từ “*lệ hoa*” là gì?

Câu 3. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn với câu chủ đề sau: “*Được sống trong tình yêu thương là một hạnh phúc lớn*”.

(*Viết khoảng 4 đến 6 câu, trình bày theo cách diễn dịch, có dùng phép lặp hoặc phép thế để liên kết câu*).

Câu 4. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“...Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!”*

...
(Trích “Viếng lăng Bác”-VIỄN PHƯƠNG, Ngữ Văn 9, Tập 2)

HƯỚNG DẪN CHẤM

(Lưu ý: Những điểm bổ sung, điều chỉnh sẽ được in nghiêng và tô đậm)

Câu 1. (1,5 điểm)

Phần a.

- Cho 1,0 điểm khi HS chép đúng nguyên văn tám câu thơ trong đoạn trích “Kiều ở Lầu Ngưng Bích” (từ câu “Buồn trông cửa bể chiều hôm”...), không có sai sót về từ ngữ, chính tả.

- Trừ đến 0,25 điểm nếu có sai sót đến 3 trường hợp; dưới 3 trường hợp không tính.

Phần b.

- Cho 0,5 điểm, khi HS nêu được: Trong đoạn thơ trên Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. (*Bổ sung: Nếu HS nêu một số BPTT thì cho điểm-tùy theo mức độ*).

- Nếu diễn đạt khác đi mà không nhầm sang lĩnh vực nội dung, thì linh hoạt cho 0,25 điểm.

Câu 2. (1,5 điểm)

Phần a.

- Cho 1,0 điểm khi HS chỉ rõ:

+ từ “hoa” trong câu “Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng” dùng theo nghĩa gốc.

+ những từ “hoa” trong các câu khác đều dùng theo nghĩa chuyển.

Phần b.

- Cho 0,5đ nếu HS giải nghĩa được nghĩa chuyển của từ “*lệ hoa*”: giọt nước mắt của người đẹp

(*BS:- HS trả lời: “Nước mắt của Thúy Kiều” vẫn tính điểm; nếu HS giải nghĩa từ*

“lệ hoa” là “nước mắt” thì không cho điểm).

- Nếu HS diễn đạt khác nhưng vẫn hiểu là giọt nước mắt được cách điệu, diễn tả cái đẹp thì vận dụng đến

0,25 điểm.

Câu 3. (2,0 điểm). GV cần tổng hợp 2 phần điểm sau đây:

Cho 0,5 điểm khi HS viết đoạn văn đạt các yêu cầu về hình thức sau:

- Viết một đoạn văn đạt yêu cầu về dung lượng khoảng 4 - 6 câu.
- Trình bày theo hình thức diễn dịch, vị trí câu chủ đề

“Được sống trong tình yêu thương là một hạnh phúc lớn” đặt ở đầu đoạn văn.

- Tùy chọn phép liên kết: phép lặp hoặc phép thế.

Cho 1,5 điểm khi HS phát triển được nội dung câu chủ đề theo các ý sau

(chú ý: Không hẳn mỗi ý chứa trong một câu văn).

+ tình yêu thương là một khía cạnh quan trọng, nói lên bản chất đời sống của con người, 0,5 đ

+ sống trong tình yêu thương mỗi người sẽ hiểu thấu những nét đẹp đẽ của gia đình, người thân,

đồng loại và của chính mình; được sống trong tình yêu thương cũng là động lực giúp mỗi người

sống đẹp hơn, có thêm niềm tin, sức mạnh và khát khao vươn tới, 0,5 đ

+ sống thiếu tình thương con người sẽ trở nên đơn độc, thiếu tự tin và mất phương hướng; thật

bất hạnh biết bao nếu ai đó trong chúng ta không được sống trong tình yêu thương.

0,5 đ

Cho 1,0 điểm nếu:

- HS phát triển nội dung chủ đề khác với một số ý ở trên nhưng về logic hình thức vẫn bảo đảm)

- hoặc số câu viết được ít hơn 4 nhưng vẫn thể hiện vài ý như trên.

Câu 4. (5,0 điểm)

A. YÊU CẦU CHUNG

1. Bài văn đạt các yêu cầu nghị luận về một đoạn thơ/ bài thơ:

- Bố cục mạch lạc theo từng phần mở bài, thân bài, kết bài.

- Có sự cảm thụ riêng, nêu được các nhận xét, đánh giá của người viết gắn với việc phân tích,

biểu giá ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu, nội dung cảm xúc... của tác phẩm.

2. Bài văn chứng tỏ người viết nắm vững toàn bộ tác phẩm và có khả năng trình bày tốt, bằng

một lối hành văn phù hợp.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

I. Mở bài: giới thiệu vị trí đoạn thơ trong tác phẩm và khái quát nội dung cảm xúc của đoạn.

1-Viếng lăng Bác của Viễn Phương là bài thơ nói lên một cách thiết tha, cảm động những

Tình cảm thiêng liêng, thành kính của đồng bào miền Nam với Bác. Đây là

khổ thứ 2 và

thứ 3 của bài thơ.

2-ND đoạn thơ khẳng định Bác bắt tử, trường tồn cùng núi sông, dân tộc và tình cảm thành

kính, thiêng liêng,sâu sắc mà nhân dân dành cho Người là vĩnh viễn.

II. Thân bài: Lần lượt trình bày những suy nghĩ, đánh giá về ND và NT của đoạn thơ:

1. Tác giả như muốn khẳng định: Bác còn đó và còn mãi giữa non sông đất nước, giữa lòng dân tộc và nhân loại.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

- sử dụng điệp ngữ “ngày ngày ...đi qua, đi trong...” diễn tả dòng chảy của thời gian ngày tiếp ngày vô tận. Trong cái vô tận của thời gian ấy là cái vĩnh viễn, bất tử của tên tuổi Người.

- phát hiện sự tương phối của 2 hình ảnh “*Mặt trời đi qua trên lăng../ Mặt trời trong lăng*” và tìm thấy mối quan hệ đối ngẫu của 2 hệ giá trị Vũ trụ và Con người. Sự liên tưởng này tô đậm màu sắc trí tuệ cho bài thơ.

(*Ý này chỉ tính cho bài làm đạt khung điểm tối đa 4 đến 5 điểm*).

- hai hình ảnh “*mặt trời*” - một hình ảnh tả thực và một hình ảnh ẩn dụ - được nối với nhau

bằng chữ “*thấy*” là một sáng tạo: Người và thiên nhiên vũ trụ vô cùng gần gũi; đồng thời

liên tưởng này còn nói lên được một cách sâu sắc vẻ đẹp, sức sống và ý nghĩa cuộc đời của

Bác với dân tộc và nhân loại.

2. Nhà thơ cảm nhận sâu sắc lòng thương nhớ vô tận của con người VN và nhân loại với Bác.

- hình ảnh giàu giá trị biểu cảm “*dòng người đi trong thương nhớ*” vừa chân thực vừa có ý

nghĩa khái quát:Tình cảm nhân dân dành cho Người có cội rễ bền lâu như dòng sông

không bao giờ cạn.

- liên tưởng “*kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*” là một liên tưởng độc đáo, phù

hợp với khung cảnh viếng lăng Người làm cho hình tượng thơ thêm cao quý lộng lẫy.

3. Ở khổ thơ tiếp theo

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim!

Chủ đạo vẫn là mạch cảm xúc trở về với niềm xót xa thương tiếc khi nghĩ về sự ra đi của Người.

- Nhà thơ đã viết những dòng thơ giàu nhạc tính với những hình ảnh gằnggũi: *"giấc ngủ bình yên... vàng trắng dịu hiền"* tạo tình cảm tự nhiên, thân thuộc.
- Nhưng đâu biết *"trời xanh là mãi mãi"*, sự thật về việc Bác không còn nữa làm những giọt lệ thương tiếc lặng thầm vẫn cứ rung rung và con tim chợt nhói đau khó tả. Bác nằm trong lăng như đang trong giấc ngủ bình yên, có vàng trắng dịu hiền làm bạn. Nhưng cũng chính vì nhận ra sự vĩnh hằng ấy mà nhà thơ đau đớn hiểu rằng chúng ta sẽ vĩnh viễn xa Người.
- Nỗi đau ở con tim vừa là nỗi đau tinh thần vừa là nỗi đau thể xác. Đây là cảm giác có thực với bất kỳ ai khi đến viếng Bác Hồ kính yêu.
- Hai hình ảnh kì vĩ, lộng lẫy *"vàng trắng, trời xanh"* là những ẩn dụ đặc sắc nối tiếp nhau xuất hiện khiến ta suy ngẫm về cái bất diệt vô tận của vũ trụ đến cái bất tử vô cùng cao cả của con Người.

III. Kết bài: khái quát giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ

- Đoạn thơ mang trọn âm hưởng chủ đạo của bài thơ: Đó là tấm lòng thành kính, thiêng liêng không chỉ của riêng nhà thơ mà còn của cả miền Nam với Bác Hồ; là nỗi tiếc thương vô hạn không dấu được cùng với cảm thức về sự vĩnh hằng bất tử tên tuổi của Người.
- Đoạn thơ còn cho ta thấy một tài thơ của thể hệ nhà thơ đàn anh: Giàu chiêm nghiệm và suy tư, với nghệ thuật dùng từ độc đáo vừa giản dị tự nhiên vừa hàm súc sang trọng.

Cách cho điểm:

Điểm 4,0-5,0: Đạt các yêu cầu chung, cơ bản đạt các yêu cầu cụ thể; bố cục chặt chẽ, văn viết

mạch lạc, có cảm xúc; có một vài lỗi không đáng kể.

Điểm 3,0-3,75: Đạt một phần Yêu cầu chung- Yêu cầu 1; đạt các 2/3 số ý của Yêu cầu cụ thể

-không tính ND 2 của ý 1, ND 4 của ý 3 ; có chú ý về bố cục, lời văn; có một số lỗi không đáng kể.

Điểm 2,0-2,75: Nắm được tinh thần của bài thơ, khai thác đoạn thơ tập trung vào khía cạnh nội dung, có phân tích hình ảnh, câu chữ nhưng chưa sâu. Đạt 1/2 số ý của Yêu cầu cụ thể-không tính ND 3 của ý 1; có chú ý về bố cục, lời văn nhưng nhiều chỗ diễn đạt vụng và mắc nhiều lỗi chính tả.

Điểm dưới 2,0: Nắm tác phẩm hời hợt, làm bài không đúng hướng, sai rất nhiều về diễn đạt và từ ngữ, chữ viết xấu.

Trường hợp HS viết phân tích, cảm nhận toàn bài thơ thì dù viết tốt vẫn coi như

không hiểu đề,

không cho điểm tối đa. GK căn cứ mức độ thể hiện từng nội dung của HDC đề cho điểm.

ĐỀ SỐ 25

ĐỀ THI

Câu 1 : (1 điểm)

Truyện *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê được trần thuật từ nhân vật nào ?
Nêu tác dụng của việc chọn ngôi kể đó.

Câu 2 : (1 điểm)

Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

(Tiếng Việt – Lưu Quang Vũ)

Tìm và gọi tên thành phần biệt lập trong đoạn thơ trên. Cho biết thành phần ấy được dùng để làm gì trong đoạn thơ ?

Câu 3 : (3 điểm)

Trong loạt bài trên báo *Tuổi trẻ Chủ Nhật* bàn về *Thế hệ gấu bông*, có đề cập hai hiện tượng :

1. Cô bé mười lăm tuổi, được mẹ chở đi đánh cầu lông. Xe hai mẹ con bị va quệt, đồ đạc trên xe văng tung tóe. Người mẹ vội vàng gom nhặt, vài người đi đường cũng dừng lại phụ giúp, còn cô bé thờ ơ đứng nhìn. Đợi mẹ nhặt xong mọi thứ, cô bé leo lên xe và thản nhiên dặn: “Lát về mẹ nhớ mua cho con li chè!”.

2. Một cậu học sinh khi được hỏi về ca sĩ nổi tiếng mà cậu hâm mộ, cậu đã trả lời rất rành mạch về cách ăn mặc, sở thích của ca sĩ đó. Nhưng khi được hỏi về nghề nghiệp, sở thích của cha mẹ cậu, cậu ta ấp úng, không trả lời được.

Là người con trong gia đình, em hãy trình bày suy nghĩ về hai hiện tượng trên qua một bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi).

Câu 4 : (5 điểm)

Hãy chọn và phân tích một hoặc hai khổ thơ trong các bài thơ của chương trình văn học Việt Nam hiện đại lớp 9 để nêu bật vẻ đẹp con người Việt Nam.

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1 : (1 điểm)

Truyện *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê được trần thuật từ nhân vật Phương Định. Việc chọn ngôi kể theo ngôi thứ nhất (tự xưng là “tôi”) có tác dụng làm cho lời kể có màu sắc chủ quan, thể hiện những cảm xúc riêng. Tuy nhiên điểm nhìn của người kể bị hạn chế : chỉ có thể trực tiếp kể những gì mình nghe, thấy,...

Câu 2 : (1 điểm)

*Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như bùn và như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ.*

(*Tiếng Việt* – Lưu Quang Vũ)

Thành phần biệt lập trong đoạn thơ trên là thành phần cảm thán. Thành phần ấy được dùng để bộc lộ tâm lí của người nói : yêu quý vẻ đẹp của tiếng Việt.

Câu 3 : (3 điểm)

a. Yêu cầu về kĩ năng

Biết các làm bài văn nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng lí lẽ và dẫn chứng phải hợp lí ; cần làm rõ được các ý chính sau :

- Nêu được vấn đề cần nghị luận: Thói vô cảm của người con trong gia đình.
- Giải thích :

Thói vô cảm là một lối sống chỉ nhằm phục vụ cho chính bản thân mình, ích kỉ chỉ lo cho mình, thờ ơ, vô trách nhiệm với những người chung quanh mà cụ thể là hai bài báo trên : hai đứa con vô cảm, thờ ơ với cha mẹ.

- Bàn luận :

+ Biểu hiện : thói vô cảm đang tồn tại và có nguy cơ phát triển trong giới trẻ, trong xã hội với nhiều biểu hiện đau lòng...

+ Tác hại : thói vô cảm làm cho bản thân xấu xa, gia đình bị ảnh hưởng nặng nề, nền đạo đức xuống dốc...

+ Phê phán, đấu tranh để loại bỏ thói vô cảm trong mỗi cá nhân và trong nhận thức xã hội.

- Bài học nhận thức và hành động : cần thấy sự nguy hại của thói vô cảm của con cái trong gia đình ; cần tu dưỡng, rèn luyện bản thân để sống vị tha “mình vì mọi người”.

Câu 4 : (5 điểm)

Hãy chọn và phân tích một hoặc hai khổ thơ trong các bài thơ của chương

trình văn học Việt Nam hiện đại lớp 9 để nêu bật vẻ đẹp con người Việt Nam.

a. Yêu cầu về kĩ năng

Biết các làm bài văn nghị luận văn học : phân tích một đoạn thơ kết hợp với chứng minh một đặc điểm nhân vật. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát ; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

b. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các bài thơ của chương trình văn học Việt Nam hiện đại lớp 9, thí sinh có thể chọn và phân tích một hoặc hai khổ thơ nhưng cần làm rõ được ý cơ bản sau :

- Nêu được vấn đề cần nghị luận : vẻ đẹp con người Việt Nam.
- Ví dụ : Chọn khổ thơ thứ hai trong bài “*Nói với con*” của Y Phương :

“Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn”.

- Vẻ đẹp con người Việt Nam : có chí lớn, vượt qua mọi nỗi buồn khổ.
- “*Cao đo nỗi buồn*” “*Xa nuôi chí lớn*” : So sánh → Lấy cái "cao", "xa" của trời đất làm chiều kích diễn tả nỗi buồn vì sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc, lam lũ, thiên tai... nhưng luôn ấp ủ “chí lớn” : đó là sức mạnh để "người đồng mình" vượt qua bao gian khổ cuộc đời.

”Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói.”

- Vẻ đẹp con người Việt Nam : sống nghĩa tình, thủy chung
- “*Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*” ; “*Sống trong thung không chê thung nghèo đói*” : Điệp ngữ “không chê” → Không chê bai, phản bội quê hương, sống phải có nghĩa tình, chung thủy với dù quê hương còn nghèo, còn vất vả.

“Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc

Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con”

- Vẻ đẹp con người Việt Nam : sức sống mạnh mẽ.
- “*Sống như sông như suối*” : so sánh → sống khoáng đạt, hồn nhiên, mạnh mẽ.
- “*Lên thác xuống ghềnh*” → thành ngữ : những gian khổ, thử thách nguy hiểm.
- “*Không lo cực nhọc*” : sẵn sàng chịu đựng...

- “Người đồng mình thô sơ da thịt” : ăn mặc sơ sài, áo chàm, khăn piêu, cuộc sống mộc mạc thiếu thốn... nhưng “*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*” : không hề nhỏ bé về tâm hồn, ý chí nghị lực và đặc biệt là khát vọng xây dựng quê hương.

“Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục.”

- Vẻ đẹp con người Việt Nam : tình yêu quê hương, dân tộc.
- “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương” ; “*Còn quê hương thì làm phong tục.*” → *Từ ngữ gợi tả* : xây dựng quê hương bằng chính sức lực và sự bền bỉ của mình, sáng tạo, lưu truyền và bảo vệ phong tục tốt đẹp của mình, biết tự hào với truyền thống quê hương.

- Nghệ thuật : thể thơ tự do diễn tả cảm xúc dâng trào, nhịp điệu âm thanh hài hòa, giọng thơ nhẹ nhàng thiết tha, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.
- Đánh giá chung nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.

HOÀNG ĐỨC HUY
(Trường tư thực Nguyễn Khuyến)

ĐỀ SỐ 26

Câu 1 (1,5 điểm)

a. Các câu được in đậm trong đoạn văn thuộc kiểu câu nào (xét theo mục đích nói) ?

Đưa con gái lớn gồng đôi thúng không bước vào . (1) . Ông cất tiếng hỏi :

– Ở ngoài đấy làm gì mà lâu thế này ? (2)

Không để đưa con gái kịp trả lời , ông lão nhòm dây vợ lấy cái nón :

- Ở nhà trông em nhá ! (3) . Đừng có đi đâu đấy . (4)

(Làng – Kim Lân)

b. Chỉ ra và gọi tên thành phần biệt lập trong các câu sau :

Lão không hiểu tôi , tôi nghĩ vậy , và tôi buồn lắm .

(Lão Hạc – Nam Cao)

Có lẽ không thể gửi hình ảnh bóng ở đây được mãi , để mang tiếng xấu xa.

(Chuyện người con gái Nam Xương – Nguyễn Dữ)

Câu 2 (2,0 điểm) :

Đoạn kết trong sách giáo khoa Ngữ văn 9 có câu :

Không có kính , rồi xe không có đèn ,

a. Chép tiếp những câu thơ còn lại để hoàn chỉnh khổ thơ . Cho biết khổ thơ đó được trích trong bài thơ nào ? Tác giả là ai ? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ .

b. Hình ảnh ***xe không kính*** xuất hiện nhiều lần trong bài thơ mang ý nghĩa gì ?

Câu 3 (2,5 điểm) :

Trương lai của bạn được xây dựng trên rất nhiều yếu tố , nhưng cái quan trọng nhất là chính bạn .

(Theo sách *Sống tự tin* ,NXB Lao động Xã hội , 2004 , tr64)

Viết một đoạn văn khoảng 15 câu theo cách diễn dịch trình bày suy nghĩ của em về quan niệm trên . Gạch chân câu chủ đề đoạn văn .

Câu 4 (4,0 điểm) :

Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Phương Định trong đoạn trích *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê (SGK Ngữ văn 9 – Tập 2)

ĐỀ SỐ 27

Phần I (7 điểm):

Nhà thơ Phạm Tiến Duật có câu thơ thật độc đáo:

“ Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi”

Và trên chiếc xe ấy, người chiến sĩ lái xe đã:

“ Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.:

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2011)

1. Những câu thơ vừa dẫn trích trong tác phẩm nào? Cho biết năm sáng tác của tác phẩm đó.

Gợi ý:

Những câu thơ trên trích trong tác phẩm ***“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”*** được sáng tác năm 1969.

2. Chỉ ra từ phủ định trong câu thơ độc đáo trên. Việc dùng liên tiếp từ phủ định ấy nhằm khẳng định điều gì và góp phần tạo nên giọng điệu nào cho bài thơ?

Gợi ý:

+ Từ phủ định là từ: “không”

+ Việc dùng liên tiếp từ phủ định trên nhằm khẳng định:

Nguyên nhân vì sao chiếc xe không có kính. Đó là do “Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi”.

Phản ánh rõ hiện thực khốc liệt của cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước diễn ra trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Cách sử dụng liên tiếp từ phủ định cũng góp phần tạo nên giọng điệu ngang tàng, thản nhiên, câu thơ rất gần với câu văn xuôi.

3. Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch làm rõ cảm giác của người chiến sĩ lái xe trên chiếc xe không kính, trong đó có sử dụng câu phủ định và phép thế (gạch dưới câu phủ định và những từ ngữ dùng làm phép thế)

Gợi ý:

- Học sinh viết đoạn văn đảm bảo những yêu cầu cơ bản sau:

***Về cấu trúc đoạn nghị luận:** Viết theo cách lập luận diễn dịch (có câu mở đoạn, thân đoạn phát triển các ý nhỏ làm rõ ý khái quát, không có câu kết); Độ dài đoạn văn khoảng 12 câu, chữ đầu đoạn viết thụt vào một ô...

***Về ngữ pháp:** Gạch chân và chú thích rõ ràng: Câu phủ định và phép thế mà học sinh đã sử dụng thích hợp trong đoạn văn.

***Về nội dung:** Học sinh làm rõ ý chính của đoạn là: Cảm giác của người chiến sĩ lái xe trên chiếc xe không kính qua khổ thơ mà đề bài yêu cầu, với một số gợi ý sau:

+ **Câu mở đoạn:**

- Giới thiệu 4 câu thơ trích từ Tác phẩm “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.

- Ý chính: Bạn đọc cảm nhận được cảm giác mạnh mẽ, đột ngột cụ thể của người lái xe ngồi trong chiếc xe không kính.

+ **Thân đoạn:**

- Qua khung cửa xe không có kính chắn gió, người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài:

+ Học sinh phân tích điệp ngữ “ nhìn thấy” kết hợp với các hình ảnh được liệt kê: gió, con đường, sao trời, cánh chim, làm rõ những khó khăn mà người lính lái xe đang phải đối mặt khi làm nhiệm vụ, nhưng cũng mang lại cho họ cảm giác thích thú: “xoa mắt đắng”, “chạy thẳng vào tim”, “Như sa như ùa vào buồng lái” => phân tích thêm những động từ là nghệ thuật nhân hóa: “xoa”, “chạy thẳng”, “sa”, “ùa” để thấy cảm giác rất cụ thể của người lính.

- Qua các điệp ngữ “thấy” và “như”, khổ thơ cũng diễn tả một cách chính xác và gợi cảm tốc độ của những chiếc xe đang lao nhanh ra chiến trường. Người đọc cảm nhận được đoạn đường của xe chạy: khi thì là con đường chạy thẳng: “con đường chạy thẳng vào tim”, khi thì xe đang chạy ở lưng chừng núi, ở độ cao tiếp xúc với “sao trời”, với “cánh chim”. Người đọc cảm nhận được cung đường gấp ghe, khúc khuỷu đầy khó khăn mà người lính lái xe phải vượt qua.

- Qua cảm giác mạnh, đột ngột của người lính lái xe khi ngồi trong buồng lái, người đọc thấy được thái độ bất chấp khó khăn, nguy hiểm và tâm hồn lạc quan, trẻ trung, yêu đời của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn qua hình ảnh:

“... Sao trời và đột ngột cánh chim”
Như sa như ùa vào buồng lái”

Lưu ý:

- Học sinh có thể có những cách cảm nhận riêng, sắp xếp mạch ý theo lập luận của mình nhưng phải làm rõ ý chính của đề bài.

- Các câu văn phải có liên kết ý, phân tích ý thơ từ, câu chữ, nghệ thuật, diễn đạt ý rõ và có cảm xúc của người viết.

4. Chép lại hai câu thơ liên tiếp sử dụng từ phủ định trong tác phẩm (được xác định ở câu hỏi 1)

Gợi ý:

Hai câu thơ liên tiếp sử dụng từ phủ định trong tác phẩm là:

“Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước”

Phần II (3 điểm)

1. **Lặng lẽ Sa Pa** là một truyện ngắn thành công của nhà văn Nguyễn Thành Long. Em hãy giới thiệu ngắn gọn (khoảng nửa trang giấy thi) về tác phẩm này.

Gợi ý:

+ “**Lặng lẽ Sa Pa**” là kết quả của chuyến đi Lào Cai hè năm 1970 của nhà văn Nguyễn Thành Long, thời kỳ miền Bắc xây dựng XHCN và đấu tranh giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước.

+ Nội dung câu chuyện xoay quanh cuộc gặp gỡ tình cờ của người họa sĩ đi tìm ý tưởng sáng tác trước khi nghỉ hưu và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ vừa ra trường lên Lai Châu nhận công tác với anh thanh niên 27 tuổi (nhân vật chính của truyện) làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu, sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét đã được 4 năm trong vòng 30 phút qua lời giới thiệu của bác lái xe.

+ Tác giả Nguyễn Thành Long đã giới thiệu anh thanh niên là người rất yêu nghề, sống có lý tưởng, biết sống vì mọi người. Anh đã vượt lên khó khăn của cuộc sống cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng

người để báo về “ốp” đều đặn những con số bằng máy bộ đàm vào 4 giờ, 11 giờ, 7 giờ tối và 1 giờ sáng một cách chính xác, đều đặn. Anh thanh niên còn chủ động tổ chức, sắp xếp cuộc sống một mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, như trồng hoa, nuôi gà, tự học và tự đọc sách ngoài giờ làm việc. Anh khiêm tốn từ chối ông họa sĩ dùng vẽ chân dung mình mà giới thiệu hai người khác đáng được vẽ hơn, đó là ông kỹ sư nghiên cứu giống su hào cho to củ ở vườn rau Sa Pa và người nghiên cứu vẽ bản đồ sét cho đất nước.

+ Qua câu chuyện anh thanh niên kể về công việc và qua cuộc sống hàng ngày của anh, ông họa sĩ đã tìm được ý tưởng sáng tác về con người mới, còn cô gái trẻ hàm ơn anh vì cô đã khẳng định được việc mình từ bỏ mối tình nhạt nhẽo ở thành phố để lên Lai Châu nhận công tác là đúng.

+ Truyện “**Lặng lẽ Sa Pa**” giàu chất trữ tình, có dáng dấp như một bài thơ. Thông qua khung cảnh thiên nhiên ở Sa Pa thơ mộng, qua các nhân vật trong câu chuyện không có tên riêng cụ thể mà mang tên chung khái quát cho lứa tuổi, nghề nghiệp, vẻ đẹp của nhân vật chính hiện dần qua cảm nhận của các nhân vật phụ, nhà văn Nguyễn Thành Long đã phản ánh tới bạn đọc hiện thực của đất nước Việt Nam những năm 1970: ca ngợi những con người lao động lặng lẽ, âm thầm, cống hiến hết mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

2. Trong nhan đề **Lặng lẽ Sa Pa**, tác giả đã sắp xếp các từ khác với trật tự thông thường như thế nào? Cách sắp xếp ấy có dụng ý gì trong việc thể hiện chủ đề truyện ngắn?

Gợi ý:

Tác giả đã đảo vị ngữ “lặng lẽ” lên trước chủ ngữ “Sa Pa”. Cách sắp xếp này có dụng ý thể hiện chủ đề của truyện là:

“Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kỹ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi”, ở đó có những con người lao động lặng lẽ, âm thầm, cống hiến hết mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

3. Ghi lại một dẫn chứng ở một bài thơ đã học (Nêu rõ tên tác phẩm) để thấy rằng cách sắp xếp đó được nhiều tác giả sử dụng trong sáng tác của mình

Gợi ý:

Trong một số bài thơ mà các tác giả có sự sắp xếp các từ khác với trật tự thông thường tương tự như “**Lặng lẽ Sa Pa**” là:

+ Câu “Đột ngột vàng trăng tròn” trong Bài thơ “**Ánh trăng**” của Nguyễn Duy.

+ Câu “Vẫn còn bao nhiêu nắng” trong bài thơ “**Sang thu**” của Hữu Thỉnh.

+ Câu “Dập dìu tài tử giai nhân” trong đoạn trích “**Cảnh ngày xuân**” (Truyện **Kiều** của Nguyễn Du)

.....

Lưu ý: Học sinh chỉ chọn một trong những dẫn chứng như trên để làm bài.

ĐỀ SỐ 28

ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu 1. (1 điểm)

Cho các từ ngữ : **nói có sách, mách có chứng; nói leo; nói dối; nói ra đầu ra đuôi**. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:

a/ Nói có căn cứ chắc chắn là /.....(a)...../

b/ Nói rành mạch rõ ràng, cặn kẽ, có trước có sau là /.....(b)...../

c/ Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là /.....(c)...../

d/ Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là /.....(d)...../

Câu 2. (1 điểm)

Trong hai từ **xuân** dưới đây, từ nào được dùng theo nghĩa gốc, từ nào được dùng theo nghĩa chuyển?

a/ Ngày **xuân** con én đưa thoi,

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi. (Nguyễn Du, Truyện Kiều)

b/ Ngày **xuân** em hãy còn dài,

Xót tình máu mủ thay lời nước non. (Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 3. (1 điểm)

Tìm câu rút gọn trong đoạn trích sau:

Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đề lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom ...

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít : ba lần.

(Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi, Ngữ Văn 9, tập 2)

Câu 4. (2 điểm)

Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả. (A-mi-xi, Những tấm lòng cao cả, Ngữ văn 7, tập 1)

Viết một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về lời nhắc nhở trên.

Câu 5. (5 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ, *Ngữ Văn 9*, tập 1).

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1. (1 điểm)

Cho các từ ngữ : **nói có sách, mách có chứng; nói leo; nói dối; nói ra đầu ra đuôi**. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống:

- a/ Nói có căn cứ chắc chắn là **nói có sách, mách có chứng**.
 b/ Nói rành mạch rõ ràng, căn kẽ, có trước có sau là **nói ra đầu ra đũa**.
 c/ Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là **nói leo**.
 d/ Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là **nói dối**.

Câu 2. (1 điểm)

Chữ **xuân** trong câu a/ được dùng theo nghĩa gốc; chữ **xuân** trong câu b/ được dùng theo nghĩa chuyển.

Câu 3. (1 điểm)

Trong đoạn trích, câu rút gọn là :

- Quen rồi.
- Ngày nào ít : ba lần.

Câu 4. (2 điểm)

Đây là một câu nghị luận xã hội. Câu hỏi yêu cầu thí sinh viết một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ về lời nhắc nhở, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả.

Thí sinh có thể viết một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn. Đề không giới hạn độ dài cụ thể, tuy nhiên với yêu cầu “ngắn”, thí sinh cần phải biết cô đọng vấn đề.

Thí sinh có thể triển khai vấn đề theo nhiều cách khác nhau. Đây chỉ là một ví dụ cụ thể :

- Con người là một động vật cao cả vì con người có tình yêu thương và những đức hạnh. Có thể nói một trong những đức hạnh cao cả nhất của con người là tình yêu thương, kính trọng đối với cha mẹ. Chính vì vậy mà A-mi-xi đã từng nhắc nhở chúng ta : “*Con hãy nhớ rằng, tình yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng hơn cả*”. Tại sao A-mi-xi lại khẳng định như vậy ?.

- Giải thích thế nào là yêu thương, kính trọng cha mẹ: biết vâng lời cha mẹ, biết quan tâm đến niềm vui, nỗi buồn và sở thích của cha mẹ; lễ phép với cha mẹ; nuôi dưỡng, chăm sóc khi cha mẹ ốm đau, già nua; tôn trọng những lời dạy bảo của cha mẹ; không làm buồn lòng cha mẹ, không làm những việc ảnh hưởng xấu tới danh dự của cha mẹ và gia đình...

- Giải thích tại sao yêu thương, kính trọng cha mẹ là tình cảm thiêng liêng nhất: không ai gần gũi, thân thiết, hy sinh và hết lòng với chúng ta hơn là cha mẹ. Những lúc chúng ta bị vấp ngã trên đường đời thì cha mẹ chính là chỗ dựa êm ái và vững chắc nhất. Tình cảm cha mẹ dành cho chúng ta bao la hơn biển cả. Cha mẹ chính là những vị ân nhân lớn nhất đời của chúng ta. “Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra” – câu ca dao trên cũng đã khẳng định công lao to lớn, tình nghĩa mệnh mong của cha mẹ, cha mẹ chính là nguồn cội của tinh thần, tình cảm của tất cả mọi người.

- Mỗi quan hệ giữa con người với cha mẹ là mối quan hệ tự nhiên, thiêng liêng và gần gũi. Nó là gốc rễ của những phẩm chất căn bản của con người: một người không biết yêu thương cha mẹ thì không thể là một người tốt đối với xã hội. Yêu thương, kính trọng cha mẹ cần phải được thể hiện một cách chân thật, cụ thể

trong suy nghĩ, việc làm, lời nói.

- Chính vì vậy, từ xưa đến nay, ở phương Đông cũng như phương Tây, biểu hiện của tình yêu thương, kính trọng của con cái đối với cha mẹ chính là đạo hiếu mà tất cả đều công nhận là nền tảng của đạo đức. Từ ngàn xưa chữ hiếu đã được đặt lên hàng đầu và là người Việt Nam, không ai không nhớ đến những ca dao quen thuộc: “Một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”. Trong lịch sử cũng như văn học, rất nhiều tấm gương hiếu thảo đã được đề cập và nhắc nhở, ví dụ như trong “Nhị thập tứ hiếu”... và những tấm gương ấy luôn tạo được những xúc động trong tâm hồn của người đọc ở mọi thời đại.

- Nếu tất cả mọi người đều làm tròn bổn phận yêu thương và kính trọng cha mẹ thì chắc chắn xã hội loài người sẽ trở nên tốt đẹp hơn nhiều.

- Cuộc sống càng vội vàng, hối hả bao nhiêu, lời nhắc nhở của nhà văn A-mi-xi càng có giá trị đối với mọi người bấy nhiêu. Đây có thể là một liều thuốc giúp mọi người chống lại bệnh vô cảm và ích kỷ?.

Câu 5: (5 điểm)

- Đây là dạng bài nghị luận văn học : phân tích nhân vật có định hướng.

- Thí sinh cần làm rõ vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ.

- Thí sinh có thể triển khai bài viết với những nội dung cụ thể khác nhau. Tuy nhiên, bài viết nên thể hiện một số nội dung sau :

+ Giới thiệu vài nét về Nguyễn Dữ và truyện *Chuyện người con gái Nam Xương*.

+ Giới thiệu nhân vật Vũ Nương, một hình tượng mang vẻ đẹp của người phụ nữ:

* Đó là một người phụ nữ mang vẻ đẹp truyền thống.

· Người con dâu hiếu thảo :

Mẹ chồng ốm: lo thuốc thang, lễ bái thần phật; lấy lời ngọt ngào, khôn khéo khuyên lơn khiến mẹ chồng xúc động.

Mẹ chồng mất : thương xót, ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ ruột của mình.

· Người vợ hiền thực, thủy chung :

Khi mới về nhà chồng: tư dung đẹp đẽ, thủy mị nét na; giữ gìn khuôn phép không để vợ chồng phải thất hòa.

Khi đưa tiễn chồng đi lính: tha thiết dặn dò, chỉ nghĩ tới sự an nguy của chồng: *thiếp chẳng dám mong chàng đeo ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ mong ngày về mang theo hai chữ bình an.*

Khi chờ chồng: lúc nào cũng mong ngóng, tha thiết chờ đợi: *nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được.*

* Tuy nhiên, đó cũng là người phụ nữ mang số phận bi kịch, oan nghiệt: Bị chồng nghi ngờ mà không thể phân trần, minh oan; chỉ còn cách quyền sinh để tự mình oan; khi chồng hiểu được nỗi oan, cô cũng không thể trở về cõi thế.

- + Nghệ thuật xây dựng nhân vật :
 - Nhân vật được xây dựng theo thi pháp của văn học trung đại.
 - Đặc điểm được thể hiện qua lời nói, cử chỉ, hành động của nhân vật.
 - Nội tâm nhân vật ít được chú ý, miêu tả : lúc Vũ Nương chờ chồng; khi bị Trương Sinh ngờ oan.
 - Sự việc hành động nhân vật được thể hiện theo trình tự thời gian bình thường.
- + Ý nghĩa của hình ảnh nhân vật :
 - Tiêu biểu cho vẻ đẹp truyền thống và số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Nhân vật để lại nhiều ấn tượng sâu đậm cho người đọc xưa cũng như nay.
 - Thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm.
 - Góp phần biểu hiện giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

ĐỀ SỐ 29

Đề thi chuyên văn

Câu 1 (2 điểm): Nêu hai tình huống thể hiện tình cha con sâu sắc trong truyện ngắn Chiếc lược ngà (Nguyễn Quang Sáng).

Câu 2 (2 điểm): Nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong những câu thơ sau:

Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Sè sè nấm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 3 (4 điểm): Nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của tình yêu thương. (Học sinh không viết quá một trang giấy)

Câu 4 (12 điểm): Tình bà cháu trong bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt.

GỢI Ý GIẢI ĐỀ THI

Câu 1 (2 điểm):

Học sinh cần nêu rõ hai tình huống chính thể hiện tình cha con sâu sắc trong truyện Chiếc lược ngà:

- Tình huống thứ nhất: Ông Sáu về thăm nhà, gặp con sau tám năm xa cách, nhớ thương nhưng thật trớ trêu là bé Thu lại không nhận cha. Đến lúc bé nhận ra cha và biểu lộ tình cảm thắm thiết với cha thì ông Sáu lại phải ra đi.
- Tình huống thứ hai: Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ

con vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con nhưng chưa kịp trao món quà ấy cho con thì đã hy sinh.

Câu 2 (2 điểm):

Học sinh cần thể hiện một số yêu cầu sau:

- Chỉ ra những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ: nao nao, rầu rầu.
- Nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trên trong đoạn thơ, cụ thể là:
- + Các từ láy nao nao, rầu rầu là những từ láy vốn thường được dùng để diễn tả tâm trạng con người.
- + Trong đoạn thơ, các từ láy nao nao, rầu rầu chẳng những biểu đạt được sắc thái cảnh vật (từ nao nao: góp phần diễn tả bức tranh mùa xuân thanh nhẹ với dòng nước lững lờ trôi xuôi trong bóng chiều tà; từ rầu rầu: gợi sự ảm đạm, màu sắc úa tàn của cỏ trên nấm mộ Đạm Tiên) mà còn biểu lộ rõ nét tâm trạng con người (từ nao nao: thể hiện tâm trạng băng khuâng, luyến tiếc, xao xuyến về một buổi du xuân, sự linh cảm về những điều sắp xảy ra - Kiều sẽ gặp nấm mộ Đạm Tiên, gặp Kim Trọng; từ rầu rầu: thể hiện nét buồn, sự thương cảm của Kiều khi đứng trước nấm mồ vô chủ).
- + Được đảo lên đầu câu thơ, các từ láy trên có tác dụng nhấn mạnh tâm trạng con người - dụng ý của nhà thơ. Các từ láy nao nao, rầu rầu đã làm bật lên nghệ thuật tả cảnh đặc sắc trong đoạn thơ: cảnh vật được miêu tả qua tâm trạng con người, nhuộm màu sắc tâm trạng con người.

Câu 3 (4 điểm):

Đề bài yêu cầu học sinh nêu suy nghĩ của bản thân về ý nghĩa của tình yêu thương.

Các em có thể trình bày dưới hình thức một bài viết ngắn, một bức thư... (không quá một trang). Dù trình bày dưới hình thức nào các em cũng cần trình bày được một số ý cơ bản sau:

- Tình yêu thương: tình cảm tốt đẹp nhất của con người. Theo nghĩa hẹp (là tình cảm gia đình, thầy cô, bè bạn...); theo nghĩa rộng (là tình yêu đồng bào, quê hương, đất nước).
- Những biểu hiện của tình yêu thương: sự quan tâm, chở che, đùm bọc, sự dạy dỗ, ý thức trách nhiệm đối với mọi người, với quê hương, đất nước.
- Ý nghĩa to lớn của tình yêu thương (ý chính): con người không thể sống mà không có tình yêu thương. Tình yêu thương tạo nên sự thân ái, đoàn kết trong cộng đồng...
- Nêu phương hướng, trách nhiệm của bản thân.

Trong bài viết, học sinh có thể so sánh, liên hệ với thực tế (đặc biệt là liên hệ ý nghĩa của tình yêu thương với truyền thống nhân đạo của dân tộc) để bài viết thêm sâu sắc và thuyết phục.

Câu 4 (12 điểm):

Đây là bốn dạng đề mở. Vì vậy, học sinh có thể trình bày suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tình bà cháu trong bài thơ Bếp lửa của Bằng Việt. Học sinh có thể trình bày bài làm của mình dưới nhiều cách, song cần đáp ứng được một số yêu cầu cơ bản sau:

a. Giới thiệu khái quát về tác giả Bằng Việt (thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành trong

thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Thơ Bằng Việt hấp dẫn người đọc bởi sự trong trẻo, mượt mà và chiều sâu triết lý ; về bài thơ Bếp lửa (chú ý hoàn cảnh sáng tác).

b. Suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tình bà cháu trong bài thơ:

Tình bà cháu thấm thiết, cảm động được khơi gợi qua hình ảnh bếp lửa.

- Hình ảnh thân thương, ấm áp về bếp lửa: Một bếp lửa chờn vờn sương sớm / Một bếp lửa ấp iu nồng đượm khơi gợi kỷ niệm thời thơ ấu bên người bà. Bếp lửa hiện lên trong kí ức như tình bà ấm áp, như sự đùm bọc của bà.

- Những suy ngẫm về người bà: đó là những suy ngẫm về cuộc đời nhiều gian khổ nhưng giàu hi sinh, tần tảo của người bà. Bà là người nhóm lửa, cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng và tỏa sáng trong mỗi gia đình: Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ / Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm / Nhóm bếp lửa ấp ui nồng đượm... Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa - ngọn lửa của sự sống, của niềm tin cho các thế hệ sau: Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen / Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn / Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

- Đứa cháu dù đi xa, vẫn không thể quên bếp lửa của bà, không quên tấm lòng thương yêu đùm bọc của bà. Bếp lửa ấy đã trở thành kỉ niệm ấm lòng, thành niềm tin, nâng bước cháu trên chặng đường dài. Kỳ diệu hơn, người cháu nhờ hiểu và yêu bà mà thêm hiểu nhân dân, dân tộc mình. Bếp lửa và bà đã trở thành biểu tượng cho hình ảnh quê hương xứ sở.

c. Đánh giá chung:

- Bài thơ khiến người đọc xúc động bởi tình cảm bà cháu chân thành, thấm thiết. Nhà thơ đã khéo sử dụng hình ảnh bếp lửa. Đây là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo, có giá trị thẩm mỹ cao: vừa cụ thể, chân thực vừa mang ý nghĩa biểu tượng, góp phần thể hiện chiều sâu triết lý của bài thơ.

- Tình cảm yêu quý, biết ơn của người cháu đối với bà trong bài thơ chính là biểu hiện cụ thể của tình yêu thương, sự gắn bó với gia đình, quê hương, điểm khởi đầu của tình yêu đất nước.

ĐỀ SỐ 30

ĐỀ BÀI

Câu 1 (2,0 điểm)

a) Thế nào là thành phần khởi ngữ?

b) Tìm thành phần khởi ngữ trong các câu sau:

- Ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm. Điều này ông khổ tâm hết sức.

(Kim Lân, *Làng*)

- Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

(Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa*

xôi)

Câu 2 (3,0 điểm)

Nêu các yếu tố kì ảo và phân tích ý nghĩa của những yếu tố kì ảo trong “*Chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ.

Câu 3 (5,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của em về quan niệm sau của M. Gorki:

“*Người bạn tốt nhất bao giờ cũng là người đến với ta trong những giây phút khó khăn, cay đắng nhất của cuộc đời.*”

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

I. Hướng dẫn chung

- Giám khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.

- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.

- Giám khảo cần vận dụng đầy đủ các thang điểm. Tránh tâm lí ngại cho điểm tối đa. Cần quan niệm rằng một bài đạt điểm tối đa vẫn là một bài làm có thể còn những sơ suất nhỏ.

- Việc chi tiết hóa điểm số của các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và được thống nhất trong hội đồng chấm thi.

- Điểm lẻ của câu 1, 2 được tính đến 0,25 điểm; riêng câu 3 (phần làm văn) tính đến 0,5 điểm. ***Sau khi chấm xong, không làm tròn điểm toàn bài.***

II. Đáp án và thang điểm

ĐÁP ÁN		ĐIỂM
Câu 1	a) Thế nào là thành phần khởi ngữ? b) Tìm thành phần khởi ngữ trong các câu.	2,00
	a) Thành phần khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.	1,00
	b) - Điều này - mắt tôi	0,50 0,50

Câu 2	Nêu các yếu tố kì ảo và phân tích ý nghĩa của những yếu tố kì ảo đó trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.	3,00
	-Các yếu tố kì ảo:	
	+Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.	0,50
	+Phan Lang lạc vào động rùa của Linh Phi, được đãi tiệc yến và gặp Vũ Nương - người cùng làng đã chết, được sứ giả của Linh Phi rẽ nước đưa về dương thế.	0,50
	+Hình ảnh Vũ Nương hiện ra sau khi Trương Sinh lập đàn tràng giải nỗi oan cho nàng ở bến Hoàng Giang lung linh huyền ảo với kiệu hoa, võng lọng...lúc ẩn lúc hiện rồi bóng Vũ Nương mờ nhạt dần và biến mất.	0,50
	-Phân tích ý nghĩa của những yếu tố kì ảo:	
	+Làm hoàn chỉnh thêm những nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương (một con người dù đã ở thế giới khác vẫn nặng tình với cuộc đời, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, vẫn khao khát được phục hồi danh dự).	0,50
	+Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho tác phẩm, thể hiện ước mơ ngàn đời của nhân dân về sự công bằng trong cuộc đời - người tốt dù có trải qua bao oan khuất, cuối cùng cũng được minh oan.	0,50
	+Tình tiết Vũ Nương trở lại dương thế: Hạnh phúc dương thế của những con người như Vũ Nương khao khát chỉ là ảo ảnh thoáng chốc, khó lòng tìm thấy được - điều đó khẳng định niềm cảm thương của tác giả đối với số phận bi thảm của người phụ nữ trong chế độ phong kiến.	0,50
	Lưu ý: +Học sinh có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý chính trên. +Điểm quy định cho từng ý là điểm tối đa của ý đó. Giáo viên căn cứ thực tiễn bài làm của học sinh để tính toán điểm số hợp lí.	
Câu 3	Trình bày suy nghĩ của em về quan niệm sau của M. Gorki: “Người bạn tốt nhất bao giờ cũng là người đến với ta trong những giây phút khó khăn, cay đắng nhất của cuộc đời.”	5,00
	a) Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lí. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	

	b)Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ các ý chính sau:	
	*Giải thích, chứng minh -Trong diễn biến bình thường của đời sống, con người thường có nhiều bạn bè (xuất phát từ sự tương đồng về sở thích, tâm hồn, ước mơ, lí tưởng...) nhưng không phải ai trong số đó cũng là người dám đến với ta trong những thời điểm khó khăn nhất của cuộc đời ta.	1,00
	-Người bạn tốt nhất (người đến với ta bằng một tình bạn chân tình, không vụ lợi) không chỉ đến với ta trong những lúc bình thường mà chính là người sẵn sàng cùng ta đối mặt với khó khăn, hoạn nạn (đối mặt với những giờ phút khó khăn, cay đắng nhất của cuộc đời ta) vì người bạn đó hiểu rằng đó là lúc ta u sầu, tuyệt vọng, cần sự cảm thông và chia sẻ nhất.	1,50
	-Bằng hành động đến và chia sẻ cùng ta lúc ta khó khăn phiên muộn nhất, bạn sẽ giúp ta vượt qua khó khăn của cảnh ngộ, giữ vững niềm tin để vươn lên.	1,00
	*Đánh giá Quan niệm của M. Gorki là một quan niệm đúng đắn về tình bạn. Quan niệm đó giúp mỗi người chúng ta hiểu rõ hơn sự đẹp đẽ của tình bạn, xây dựng được cách nhìn đúng đắn về một người bạn tốt.	1,50
	Lưu ý: Chỉ cho điểm tối đa khi học sinh đạt được cả hai yêu cầu về kĩ năng và kiến thức. Trường hợp học sinh không có ý thức tổ chức phân đánh giá như một yêu cầu bắt buộc ở phần thân bài mà chuyển phần này vào kết bài, giám khảo chỉ cho điểm tối đa phần này là 0,5 điểm.	

ĐỀ SỐ 31

Cu 1 (2,0 điểm)

Hy kể tn cc thnh phần biệt lập.

Cu 2 (2,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau v thực hiện cc yu cầu của đề:

Vừa lúc ấy, tôi đ đến gần anh. Với lịng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xơ vo lịng anh, sẽ om chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con b giật mình, trịn mắt nhìn. Nĩ ngơ ngc, lạ lng. Cịn anh, anh không ghìim nổi xc động...

(Nguyễn Quang Sng, *Chiếc lược ng*)

- Chỉ ra câu văn có chứa thnh phần khởi ngữ.
- Xác định những từ láy được dng trong đoạn trích.
- Hy cho biết cu thứ nhất v cu thứ hai của đoạn trích được lin kết với nhau bằng php lin kết no?
- Từ “trịn” trong cu “Nghe gọi, con b giật mình, trịn mắt nhìn.” đ được dng như từ thuộc từ loại no?

Cu 3 (2,0 điểm)

Nu những điểm chung đ gip những cơ gi thanh nin xung phong (trong truyện “*Những ngôi sao xa xoi*” của L Minh Khu) gắn bĩ lm nn một khối thống nhất.

Cu 4 (4,0 điểm)

Em hy phn tích vẻ đẹp của người lính li xe trong bi thơ “*Bi thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật.

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

I. Hướng dẫn chung

- Gim khảo cần nắm vững yu cầu của hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bi lm của học sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nn gim khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án v thang điểm; khuyến khích những bi viết cũ cảm xc v sng tạo.
- Giám khảo cần vận dụng đầy đủ các thang điểm. Tránh tâm lí ngại cho điểm tối đa. Cần quan niệm rằng một bi đạt điểm tối đa vẫn l một bi lm cũ thể cịn những sơ suất nhỏ.
- Việc chi tiết hóa điểm số của các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý v được thống nhất trong hội đồng chấm thi.

- Điểm lẻ của câu 1, 2, 3 được tính đến 0,25 điểm; riêng câu 4 (phần làm văn) tính đến 0,5 điểm. **Sau khi chấm, không làm tròn điểm toàn bài.**

II. Đáp án và thang điểm

	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Cu 1	Hy kể tên các thành phần biệt lập.	2,00
	- Các thành phần biệt lập: thành phần tình thái, thành phần cảm thán, thành phần gọi - đáp, thành phần phụ chú (đúng mỗi thành phần được 0,5 điểm).	
Cu 2	Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu của đề:	2,00
	a. Câu chứa thành phần khởi ngữ: “ <i>Cận anh, anh không ghìm nổi xúc động.</i> ”	0,50
	b. Từ láy trong đoạn trích: ngỡ ngàng, lạ lẫm.	0,50
	c. Câu thứ nhất và câu thứ hai của đoạn trích được liên kết với nhau bằng phép liên kết: phép lặp từ ngữ.	0,50
	d. Từ “ <i>trận</i> ” trong câu “ <i>Nghe gọi, con b giật mình, trận mất nhìn.</i> ” được dùng như động từ.	0,50
	Lưu ý: Đối với câu a: Học sinh có thể trả lời bằng nhiều cách khác nhau miễn sao đáp ứng được yêu cầu của đề.	
Cu 3	Nêu những điểm chung để giúp những cơ sở thành nên xung phong (trong truyện “<i>Những ngôi sao xa xôi</i>” của L Minh Khuê) gắn bó làm nên một khối thống nhất.	2,00
	- Cùng chung hồn cảnh sống và chiến đấu:	
	+ Cùng chung hồn cảnh sống: Họ ở trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, c liệt...	0,50
	+ Cùng chung nhiệm vụ chiến đấu: Công việc của họ là tính khối lượng đất đá bị bom đo xói, đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bom. Đó là công việc hết sức nguy hiểm vì phải đối mặt với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đợi chờ sự dũng cảm và bình tĩnh...	0,50
	- Có chung phẩm chất cao đẹp: Cởi tình thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ, dũng cảm, không ngại hy sinh, dũng cảm đồng đội gắn bó...	0,50
	- Cởi những nét chung về tâm hồn của những cơ sở trẻ: Dễ xúc cảm, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui mừng cũng dễ trầm tư, thích làm đẹp cho cuộc sống của mình dù trong hoàn cảnh chiến tranh c liệt...	0,50

	Lưu ý: Trong từng điểm chung, bi lm không nhất thiết phải nu trọn vẹn cc ý nhỏ cụ thể.	
Cu 4	Em hy phn tích vẻ đẹp của người lính li xe trong bi thơ “Bi thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.	4,00
	a. Yu cầu về kĩ năng: - Bi lm phải được tổ chức thnh bi lm văn hơn chính. - Biết vận dụng kĩ năng nghị luận về một bi thơ. - Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy; hạn chế lỗi chính tả, dng từ, ngữ pháp.	
	b. Yu cầu về kiến thức: Trn cơ sở những hiểu biết về nh thơ Phạm Tiến Duật v hình ảnh người lính li xe trong bi thơ “Bi thơ về tiểu đội xe không kính”, học sinh cũ thể diễn đạt v trình by theo nhiều cch khc nhau nhưng cần lm r cc ý cơ bản sau:	
	- Vẻ đẹp của người lính li xe nổi ln trn hiện thực những chiếc xe không kính:	
	+ Tư thế ung dung, hin ngang.	1,00
	+ Tinh thần dũng cảm bất chấp khó khăn gian khổ, hiểm nguy.	0,50
	+ Niềm vui sôi nổi của tuổi trẻ trong tình đồng đội.	0,50
	+ Ý chí chiến đấu vì mục đích giải phĩng miền Nam, thống nhất đất nước.	1,00
	- Vẻ đẹp của người lính li xe trong bi thơ “Bi thơ về tiểu đội xe không kính” được tc giả khắc họa thnh cong, gĩp phần lm tăng thm gi trị nghệ thuật v tư tưởng của bi thơ; gĩp cho thế hệ trẻ của ngy hôm nay hiểu đầy đủ hơn những phẩm chất đẹp đẽ của người lính thời chống Mĩ.	1,00
	* Giám khảo chỉ cho điểm tối đa khi học sinh đạt được cả hai y cầu về kĩ năng v kiến thức.	

ĐỀ SỐ 32

Câu 1(1,5 điểm)

- a. Từ “xuân” trong câu thơ dưới đây được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?
Ngày **xuân** em hãy còn dài

Xót tình máu mủ thay lời nước non

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

b. Xác định từ láy trong câu thơ sau:

Tà tà bóng ngả về tây
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

a. Tóm tắt đoạn trích truyện ngắn Làng của Kim Lân (SGK Ngữ Văn 9, tập 1.NXB Giáo dục, 2005) không quá 15 dòng.

b. Nêu ngắn gọn chủ đề của truyện ngắn làng.

Câu 3 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng trình bày suy nghĩ của em về đạo làm con với cha mẹ.

Câu 4 (4,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ dưới đây:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

(Hữu Thỉnh, Sang thu)

SGK Ngữ văn 9 tập 2, NXB Giáo dục, 2005)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. LƯU Ý CHUNG

1. Câu 2a, 3 4: phải đảm bảo là một văn bản (hoặc đoạn văn bài văn theo yêu cầu của từng câu)
2. Không cho quá điểm trung bình những bài có dấu hiệu sao chép văn mẫu.
3. Những bài làm có sự sáng tạo mới và kiến giải hợp lí giám khảo căn cứ vào bài làm cụ thể để cho điểm cho phù hợp.
4. Trân trọng những bài làm cẩn thận, rõ ràng, chữ viết đẹp.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Câu1 (1,5 điểm):

a. Từ “xuân” được dùng với nghĩa chuyên.(0,5 điểm)

b. Các từ láy: “tà tà, thơ thẩn”(1,0 điểm)

Câu 2(2,5 điểm):

a, Tóm tắt: Bài viết cần nêu được những tình tiết của cốt truyện trong đoạn trích.

+ Ông Hai rất yêu làng chợ Dầu. ở vùng tản cư, suốt ngày ông kể về làng, khoe về làng.(0, 5điểm)

+ Khi nhận được tin làng chợ Dầu theo Tây, ông rất đau khổ nằm lì trong nhà ba bốn ngày liền.(0,5 điểm)

+ Ông Hai nghe được tin cải chính: Làng chợ Dầu không phải là làng Việt gian, không theo Tây. Ông sung sướng đi khoe với mọi người. Mặc dù nhà bị đốt, nhưng ông Hai lại rất vui mừng vì làng ông vẫn là làng kháng chiến. (1,0 điểm).

b. Nêu chủ đề: Thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư (0,5 điểm).

Câu 3(2,0 điểm): Đảm bảo các yêu cầu.

- Hình thức : là một đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

- Nội dung: trình bày được lòng biết ơn đối với công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Là con cái phải nghe lời cha mẹ, có trách nhiệm với cha mẹ. Hiểu được niềm vui của cha mẹ là con cái thành đạt, hạnh phúc. Mở rộng vấn đề: Hiện nay trong xã hội vẫn có hiện tượng con cái cãi lại cha mẹ, ngược đãi cha mẹ, ăn ở với trái với đạo lý... (1,75 điểm).

Câu 4(4,0 điểm)

a. Hình thức: là một bài văn hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

b. Nội dung: Đảm bảo một số ý sau:

- Tác giả, tác phẩm:

+ Hữu Thỉnh sinh năm 1942, quê ở Tạm Dương, Vĩnh Phúc. Ông là một nhà thơ tiêu biểu trong kháng chiến chống Mỹ (0,25 điểm)

+ Bài thơ Sang thu viết năm 1977, in trong tập Từ chiến hào đến thành phố. Hai khổ đầu là cảm nhận tinh tế của tác giả về những biến chuyển của trời đất ở thời khắc giao mùa từ hạ sang thu, được thể hiện qua hình ảnh và ngôn từ giàu sức biểu cảm.. (0,25 điểm).

- Phân tích:

+ Khổ 1: Nhà thơ cảm nhận sự chuyển biến của trời đất ở thời khắc sang thu qua hương vị: hương ổi, qua vận động của gió của sương: gió se, sương chùng chình. Hương ổi nồng nàn lan trong gió bắt đầu hơi se lạnh, sương thu chùng chình chậm lại...Mùa thu sang ngỡ ngàng được cảm nhận qua sự phán đoán. Phân tích các từ: bỗng,phả, chùng chình, hình như ... (1.5 điểm).

+ Khổ 2: Không gian mở rộng từ dòng sông đến bầu trời. Dòng sông mùa thu chảy chậm hơn, cánh chim bắt đầu vội vã như cảm nhận được cái se lạnh của tiết trời...Hình ảnh đám mây duyên dáng, mềm mại như một dải lụa nối hai mùa hạ và thu...Phân tích các từ: dềnh dàng, vội vã, ... (1.5 điểm).

- Đánh giá nâng cao: Bằng những hình ảnh, ngôn từ giàu sức gợi cảm, hai khổ thơ đã tái hiện một bức tranh sang thu đẹp, gợi cảm, nên thơ. Qua đó cho thấy sự quan sát và cảm nhận tinh tế của nhà thơ về khoảnh khắc giao mùa. Ắn trong đó là tình yêu tha thiết mà tác giả dành cho quê hương xứ sở của mình.... (0,25 điểm)

ĐỀ SỐ 33

Câu 1(1,5 điểm)

a. Từ “xuân” trong câu thơ dưới đây được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Ngày **xuân** con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

b. Xác định từ láy trong câu thơ sau:

Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

a. Tóm tắt đoạn trích truyện ngắn Lặng lẽ sa Pa của Nguyễn Thành Long (SGK Ngữ Văn 9, tập 1.NXB Giáo dục, 2005) không quá 15 dòng.

b. Nêu ngắn gọn chủ đề của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa.

Câu 3 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng trình bày suy nghĩ của em về mối quan hệ giữa con cháu đối với ông bà

Câu 4 (4,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ dưới đây:

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy quanh lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...

(Thanh Hải, Mùa xuân nho nhỏ,
SGK Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2005)

A. LƯU Ý CHUNG

1. Câu 2a, 3 4: phải đảm bảo là một văn bản (hoặc đoạn văn bài văn theo yêu cầu của từng câu)
2. Không cho quá điểm trung bình những bài có dấu hiệu sao chép văn mẫu.
3. Những bài làm có sự sáng tạo mới và kiến giải hợp lý giám khảo căn cứ vào bài làm cụ thể để cho điểm cho phù hợp.
4. Trân trọng những bài làm cẩn thận, rõ ràng, chữ viết đẹp.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Câu 1 (1,5 điểm):

- a. Từ “xuân” được dùng với nghĩa gốc.(0,5 điểm)
- b. Các từ láy: “nao nao, nho nhỏ”(1,0 điểm)

Câu 2(2,5 điểm):

- a, Tóm tắt: Bài viết cần nêu được những tình tiết của cốt truyện trong đoạn trích.
+ Trên chuyến xe đi qua Sa Pa, bác lái xe kể về anh thanh niên- một chàng trai 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh yên Sơn cao 2600mét, làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Đó là người cô độc nhất thế gian và rất thèm người.
+ Anh thanh niên xuất hiện và rất vui mừng khi được gặp mọi người. ông họa sĩ, cô kĩ sư đã có dịp chứng kiến cuộc sống một mình của anh và được anh say sưa kể về công việc cũng như những suy nghĩ của mình. Ông họa sĩ có mong muốn được vẽ chân dung của anh nhưng anh đã từ chối.
+ Sau cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, giây phút chia tay diễn ra với nhiều cảm xúc và để lại ấn tượng sâu đậm ở mỗi người, đặc biệt là cô kĩ sư và ông họa sĩ già. (2.0 điểm)
- b. Nêu chủ đề: Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng trong cuộc sống (0,5 điểm).

Câu 3(2,0 điểm): Đảm bảo các yêu cầu.

- Hình thức : là một đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)
- Nội dung: Ông bà là thế hệ sinh thành nuôi dưỡng, tạo dựng nền móng con cháu, là cội nguồn của gia đình. Con cháu phải có lòng biết ơn, kính trọng đối với ông bà, phải có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng để tỏ lòng hiếu thảo...ông bà phải là tấm gương cho con cháu noi theo. Mở rộng vấn đề: hiện nay vẫn còn hiện tượng không tôn trọng ông bà, đối xử chưa tốt với ông bà, trái với đạo lý làm người của dân tộc Việt Nam.

trình bày được lòng biết ơn đối với công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Là con cái phải nghe lời cha mẹ, có trách nhiệm với cha mẹ. Hiểu được niềm vui của cha mẹ là con cái thành đạt, hạnh phúc. Mở rộng vấn đề: Hiện nay trong xã hội vẫn có hiện tượng con cái cãi lại cha mẹ, ngược đãi cha mẹ, ăn ở với trái với đạo lý... (1,75 điểm).

Câu 4(4,0 điểm)

- a. **Hình thức:** là một bài văn hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

b. Nội dung: Đảm bảo một số ý sau:

- Tác giả, tác phẩm:

+ Thanh Hải 1930- 1980 quê ở Phong Điền- Thừa Thiên- Huế. Ông là một trong những cây bút có công XD nền VHCM ở Mnam từ những ngày đầu.

+ Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ viết 1980, lúc nhà thơ đang nằm trên giường bệnh. Hai khổ thơ đầu của bài thơ miêu tả bức tranh mùa xuân trong sáng, đầy sức sống và cảm xúc rạo rực niềm yêu mến thiết tha cuộc sống của tác giả.

- **Phân tích:**

+ Khổ 1: Bức tranh mùa xuân hiện lên với những nét vẽ có tính chất chấm phá. Không gian tươi sáng, hài hòa giữa màu sắc, đường nét, âm thanh: dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, bầu trời cao rộng... Âm thanh trong trẻo vang vọng của tiếng chim chiền chiện khiến mùa xuân trở nên rộn rã, tươi vui hơn, âm thanh đó như đọng lại thành từng giọt long lanh rơi... Hình ảnh từng giọt long lanh rơi là hình ảnh đặc sắc, gợi nhiều liên tưởng ở người đọc. Cảm xúc của tác giả được thể hiện ở cái nhìn trìu mến, say mê trước cảnh vật, đặc biệt là động tác đón nhận đầy trân trọng : tôi đưa tay tôi hứng... Phân tích giá trị nghệ thuật của các biện pháp tu từ: đảo ngữ, ẩn dụ(...**1,5 điểm**)

+ Khổ 2: Mùa xuân gắn liền với cuộc sống của con người, của đất nước. Xuân đến, xuân về, xuân được tạo dựng cùng công cuộc lao động, chiến đấu của nhân dân. Xuân đồng hành cùng người cầm súng, người ra đồng... Phân tích ý nghĩa của từ: lộc, hoi hã, xôn xao, điệp khúc cuối đoạn tất cả như hoi hã, tất cả như xôn xao...(**1,5 điểm**)

- Đánh giá nâng cao: Hai khổ thơ là những nốt nhạc thiết tha trong bản giao hưởng bất tận về mùa xuân. Mùa xuân đất trời hòa quện cùng mùa xuân đất nước tạo nên một bức tranh đầy sức sống, thể hiện niềm tin yêu cuộc đời của tác giả. Thể thơ 5 tiếng, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, hình ảnh đẹp, giản dị mà gợi cảm ... đã góp phần thể hiện vẻ đẹp của bức tranh xuân và cảm xúc của nhà thơ...**0,25 điểm**

ĐỀ SỐ 34

Câu 1(1,5 điểm)

a. Từ “xuân” trong câu thơ dưới đây được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

b. Xác định từ láy trong câu thơ sau:

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

- a. Tóm tắt đoạn trích truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng (SGK Ngữ Văn 9, tập 1. NXB Giáo dục, 2005) không quá 15 dòng.
b. Nêu ngắn gọn chủ đề của truyện ngắn Chiếc lược ngà.

Câu 3 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng trình bày suy nghĩ của em về mối quan hệ giữa anh em ruột thịt trong gia đình.

Câu 4 (4,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ dưới đây:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

(Thanh Hải, Mùa xuân nho nhỏ,
SGK Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2005)

HƯỚNG DẪN CHẤM**A. LƯU Ý CHUNG**

1. Câu 2a, 3 4: phải đảm bảo là một văn bản (hoặc đoạn văn bài văn theo yêu cầu của từng câu)
2. Không cho quá điểm trung bình những bài có dấu hiệu sao chép văn mẫu.
3. Những bài làm có sự sáng tạo mới và kiến giải hợp lý giám khảo căn cứ vào bài làm cụ thể đề cho điểm cho phù hợp.
4. Trân trọng những bài làm cẩn thận, rõ ràng, chữ viết đẹp.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ**Câu 1 (1,5 điểm):**

- a. Từ “xuân” được dùng với nghĩa gốc.(0,5 điểm)
b. Các từ láy: “thấp thoáng, xa xa”(1,0 điểm)

Câu 2(2,5 điểm):

- a, Tóm tắt: Bài viết cần nêu được những tình tiết của cốt truyện trong đoạn trích.
+ Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến lúc bé Thu mới chưa được đầy một tuổi. Bảy năm sau ông mới được về thăm nhà. Trong 3 ngày ở nhà, ông vui mừng muốn vỗ về ôm ấp con nhưng con không nhận là cha mà ăn nói cộc lốc, trống không, có thái độ và những hành động không chấp nhận ông Sáu là cha của mình. Nguyên nhân vì trên mặt ông Sáu có một vết sẹo không giống như trong ảnh. Bé Thu đã được ngoại giải

thích, nó nhận ông Sáu là cha trong niềm xúc động.

+ Ông Sáu phải trở lại đơn vị công tác. Ông đã dồn hết tình yêu thương, nỗi nhớ đứa con gái yêu vào việc làm một chiếc lược ngà để tặng con. Trong một trận càn, ông đã hi sinh. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược ấy cho một người bạn. Cuối cùng, chiếc lược ấy đến được tay bé Thu thì cha con không bao giờ được hội ngộ nữa. (2,0 điểm)

b. Nội dung : Đoạn trích truyện Chiếc lược ngà ca ngợi tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. (0,5 điểm)

Câu 3 (2,0 điểm): Đảm bảo các yêu cầu.

- Hình thức : là một đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

- Nội dung: Trình bày tình cảm anh em ruột thịt gắn bó như chân với tay, như cội với cành. Phải yêu thương nhau giúp nhau trong cuộc sống. Biết chia sẻ những buồn vui trong cuộc đời. Mở rộng vấn đề: vẫn có hiện tượng anh em mất đoàn kết, không thông cảm dẫn đến xích mích, hiểu lầm nhau, sống không có tôn ti trật tự trái với đạo lí...(1,75 điểm).

Câu 4(4,0 điểm)

a. **Hình thức:** là một bài văn hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

b. **Nội dung:** Đảm bảo một số ý sau:

- Tác giả, tác phẩm:

+ Thanh Hải 1930- 1980 quê ở Phong Điền- Thừa Thiên- Huế. Ông là một trong những cây bút có công XD nền VHCM ở Mnam từ những ngày đầu.

+ Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ viết 1980, lúc nhà thơ đang nằm trên giường bệnh. Hai khổ thơ 4, 5 thể hiện ước vọng làm một mùa xuân nho nhỏ của tác giả. (0,25 điểm)

- **Phân tích:**

+ Khổ 4: Tập trung thể hiện, làm nổi bật ước nguyện muốn dâng hiến mùa xuân nho nhỏ của mình cho mùa xuân của dân tộc, muốn hóa thân thành con chim hót, cành hoa, nốt trầm...để điểm tô cho mùa xuân đất nước. Phân tích các biện pháp điệp ngữ: ta làm để thấy được sự tha thiết, cháy bỏng, chân thành trong ước nguyện của nhà thơ (1,5 điểm)

+ Khổ 5: Phân tích làm nổi bật sự thâm lặng, khiêm nhường, giản dị trong ước nguyện của nhà thơ. Phân tích các hình ảnh hoán dụ: tuổi hai mươi, khi tóc bạc, điệp ngữ dù là...để thấy được khát khao cống hiến trọn vẹn mãi mãi của tác giả cho đất nước (1,5 điểm)

- Đánh giá, nâng cao: Hai khổ thơ là một điệp khúc của ước nguyện chân thành: cống hiến hết mình cho quê hương, đất nước. Đó cũng là bức thông điệp mà tác giả muốn chuyển tới người đọc. Biện pháp tu từ: điệp ngữ, hoán dụ kết hợp với nhịp điệu thiết tha, sâu lắng đã giúp tác giả chuyển tải thành công tư tưởng tình cảm của mình (0,25 điểm)

ĐỀ SỐ 35

Câu 1(1,5 điểm)

- a. Từ “xuân” trong câu thơ dưới đây được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

- b. Xác định từ láy trong câu thơ sau:

Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

- a. Tóm tắt đoạn trích truyện ngắn Nhwngrx ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê (SGK Ngữ Văn 9, tập 2.NXB Giáo dục, 2005) không quá 15 dòng.
b. Nêu ngắn gọn chủ đề của truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.

Câu 3 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của con cháu với tổ tiên.

Câu 4 (4,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ dưới đây:

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

(Nguyễn Duy, Ánh trăng,
SGK Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2005)

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. LƯU Ý CHUNG

1. Câu 2a, 3 4: phải đảm bảo là một văn bản (hoặc đoạn văn bài văn theo yêu cầu của từng câu)

2. Không cho quá điểm trung bình những bài có dấu hiệu sao chép văn mẫu.
3. Những bài làm có sự sáng tạo mới và kiến giải hợp lí giám khảo căn cứ vào bài làm cụ thể để cho điểm cho phù hợp.
4. Trân trọng những bài làm cẩn thận, rõ ràng, chữ viết đẹp.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Câu 1 (1,5 điểm):

- a. Từ “xuân” được dùng với nghĩa chuyên.
- b. Các từ láy: “rầu rầu, xanh xanh”

Câu 2 (2,5 điểm):

- a. Tóm tắt: Bài viết cần nêu được những tình tiết của cốt truyện trong đoạn trích.

Những ngôi sao xa xôi kể về 3 cô gái TNXP ở một tổ trinh sát phá bom trên cao điểm. Đó là Phương Định, Thao và Nho. Công việc được giao của các cô là ngồi quan sát địch ném bom, khi có bom nổ thì chạy lên đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Tình đồng đội của họ hết sức cao đẹp. Cuộc sống chiến đấu của ba cô gái trẻ nơi trọng điểm giữa chiến trường dù là khắc nghiệt và muôn vàn nguy hiểm song các cô vẫn vui tươi, hồn nhiên, lãng mạn, gắn bó với nhau dù mỗi người một tính cách. Trong một lần phá bom, Nho bị thương, Phương Định và Thao đã chăm sóc chu đáo, tận tình (2,0 điểm).

- b. Nêu chủ đề: Truyện Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái TNXP trên tuyến đường Trường Sơn. Đó là những hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ (0,5 điểm).

Câu 3 (2,0 điểm): Đảm bảo các yêu cầu.

- Hình thức : là một đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)
- Nội dung: trình bày được trách nhiệm của con cháu đối với tổ tiên. Đó là lòng biết ơn cội nguồn. Những biểu hiện cụ thể như vào dịp lễ tết tưởng nhớ đến những người đã khuất. Phát huy được truyền thống gia đình, dòng tộc. Mở rộng vấn đề: phê phán những hành động vô ơn với tổ tiên, trái với đạo lí... (1,75 điểm).

Câu 4 (4,0 điểm)

- a. Hình thức: là một bài văn hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)
- b. Nội dung: Đảm bảo một số ý sau:
 - Tác giả, tác phẩm:
 - + Nguyễn Duy sinh năm 1948, quê ở Thành phố Thanh Hóa. Ông là một nhà thơ tiêu biểu trong kháng chiến chống Mĩ (0,25 điểm)
 - + Bài thơ ánh trăng in trong tập thơ cùng tên viết năm 1978. hai khổ cuối là niềm khát khao hướng thiện, sự tri ân với quá khứ. (0,25 điểm).
 - Phân tích:
 - + Khổ 4: Tình huống mất điện đối mặt với vầng trăng đã làm sống dậy bao cảm xúc

trong lòng nhà thơ. Trăng là thiên nhiên, là đồng, là bể, là sông, là rừng; trăng còn là biểu tượng cho quá khứ vẹn nguyên, nghĩa tình. Đối mặt với trăng cũng là đối mặt với chính mình, với quá khứ đó. Các hình ảnh: như là sông là bể, như là sông là rừng trong kết cấu đầu cuối tương ứng còn mang ý nghĩa nhấn mạnh niềm khát khao hướng thiện của con người (1.5 điểm).

+ Khổ 5: Phân tích các từ : cứ, vánh vánh, im, phẳng phắc, giặt mình. Vầng trăng hiện diện bao dung, độ lượng mà nghiêm khắc đủ khiến con người phải giặt mình dừng lại để suy nghĩ, để sám hối để ân hận. Đó cũng là bắt đầu của cuộc tự vấn lương tâm rất đáng trân trọng. (1.5 điểm).

- Đánh giá nâng cao: Khổ thơ là sự tự nhận thức về mình và niềm khát khao hướng thiện của con người đừng bao giờ lãng quên quá khứ, luôn biết tri ân với quá khứ. Thành công nghệ thuật của đoạn thơ là những hình ảnh giàu tính biểu cảm, giọng điệu tâm tình, tự nhiên, gần gũi, mà chất chứa suy ngẫm triết lí... (0,25 điểm)

ôn luyện ngữ văn 9 Vào THPT
ôn luyện các đề Phân Tự luận

Bài 1

Câu 1. Đoạn văn

Cảm nhận của em trước bức hoạ tuyệt đẹp về mùa xuân trong bốn câu thơ đầu đoạn trích: “Cảnh ngày xuân” (trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du)

Gợi ý:

a. Yêu cầu về nội dung:

- Cần làm rõ 4 câu thơ đầu của đoạn trích "Cảnh ngày xuân" là một bức hoạ tuyệt đẹp về mùa xuân.

+ Hai câu thơ đầu gợi *không gian và thời gian* – Mùa xuân thấm thoát trôi mau. Không gian tràn ngập vẻ đẹp của mùa xuân, rộng lớn, bát ngát.

+ Hai câu thơ sau tập trung miêu tả làm nổi bật lên vẻ đẹp mới mẻ, tinh khôi giàu sức sống, nhẹ nhàng thanh khiết và có hồn qua: *đường nét, hình ảnh, màu sắc, khí trời cảnh vật...*

- Tâm hồn con người vui tươi, phấn chấn qua cái nhìn thiên nhiên trong trẻo, tươi tắn hồn nhiên.

- Ngôi bút của Nguyễn Du tài hoa, giàu chất tạo hình, ngôn ngữ biểu cảm gợi tả.

b. Yêu cầu về hình thức :

- Trình bày thành văn bản ngắn. Biết sử dụng các thao tác biểu cảm để làm rõ nội dung.

- Câu văn mạch lạc, có cảm xúc.

- Không mắc các lỗi câu, chính tả, ngữ pháp thông thường (gọi chung là lỗi diễn đạt)

Câu 2.

Truyện ngắn làng của Kim Lân gọi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp.

Dựa vào đoạn trích trong Ngữ văn 9, tập một, để trình bày ý kiến của em.

Gợi ý :

I/ Tìm hiểu đề :

- Đề yêu cầu phân tích một nhận xét : Những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Cái tình cảm có tính chất chung được nhà văn biểu hiện rất sinh động cụ thể trong nhân vật ông Hai. Vì thế cần phân tích tình yêu làng thấm thiết thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến ở nhân vật ông Hai.

- Nhưng truyện thuộc loại có cốt truyện tâm lí, nhân vật ít hành động, chủ yếu biểu hiện nhân vật qua các tình huống bên trong nội tâm nhân vật. Do đó phải phân tích kĩ diễn biến tâm trạng ông Hai trong tình huống nghe tin làng theo giặc. Từ đó làm nổi rõ đặc điểm tính cách yêu làng, yêu nước của nhân vật.

- Do yêu cầu của đề, cách viết nên có sự phân tích chung, rồi đi sâu vào nhân vật ông Hai, sau đó nhấn mạnh và khẳng định sự gắn bó giữa tình yêu làng có tính truyền thống với những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam trong sự giác ngộ cách mạng.

- Dựa vào đoạn trích là chủ yếu, nhưng để phân tích được trọn vẹn, có thể trình bày lướt qua về nhân vật ở những đoạn khác.

II/ Dàn bài chi tiết

A- Mở bài:

- Kim Lân thuộc lớp các nhà văn đã thành danh từ trước Cách mạng Tháng 8 – 1945 với những truyện ngắn nổi tiếng về vẻ đẹp văn hoá xứ Kinh Bắc. Ông gắn bó với thôn quê, từ lâu đã am hiểu người nông dân. Đi kháng chiến, ông tha thiết muốn thể hiện tinh thần kháng chiến của người nông dân

- Truyện ngắn *Làng* được viết và in năm 1948, trên số đầu tiên của tạp chí *Văn nghệ* ở chiến khu Việt Bắc. Truyện nhanh chóng được khẳng định vì nó thể hiện thành công một tình cảm lớn lao của dân tộc, tình yêu nước, thông qua một con người cụ thể, người nông dân với bản chất truyền thống cùng những chuyển biến mới trong tình cảm của họ vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

B- Thân bài

1. Truyện ngắn *Làng* biểu hiện một tình cảm cao đẹp của toàn dân tộc, tình cảm quê hương đất nước. Với người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến thì tình yêu làng xóm quê hương đã hoà nhập trong tình yêu nước, tinh thần kháng chiến. Tình cảm đó vừa có tính truyền thống vừa có chuyển biến mới.

2. Thành công của Kim Lân là đã diễn tả tình cảm, tâm lí chung ấy trong sự thể hiện sinh động và độc đáo ở một con người, nhân vật ông Hai. ở ông Hai tình cảm chung đó mang rõ màu sắc riêng, in rõ cá tính chỉ riêng ông mới có.

- a. *Tình yêu làng, một bản chất có tính truyền thống trong ông Hai.*
- Ông hay khoe làng, đó là niềm tự hào sâu sắc về làng quê.
 - Cái làng đó với người nồn dân có một ý nghĩa cực kì quan trọng trong đời sống vật chất và tinh thần.
- b. *Sau cách mạng, đi theo kháng chiến, ông đã có những chuyển biến mới trong tình cảm.*
- Được cách mạng giải phóng, ông tự hào về phong trào cách mạng của quê hương, về việc xây dựng làng kháng chiến của quê ông. Phải xa làng, ông nhớ quá cái không khí “đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...”; rồi ông lo “cái chòi gác,... những đường hầm bí mật,...” đã xong chưa?
 - Tâm lí ham thích theo dõi tin tức kháng chiến, thích binh luận, náo nức trước tin thắng lợi ở mọi nơi “*Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, ngày mai dăm khẩu, tích tiểu thành đại, làm gì mà thằng Tây không bước sớm*”.
- c. *Tình yêu làng gắn bó sâu sắc với tình yêu nước của ông Hai bộc lộ sâu sắc trong tâm lí ông khi nghe tin làng theo giặc.*
- Khi mới nghe tin xấu đó, ông sững sờ, chưa tin. Nhưng khi người ta kể rành rọt, không tin không được, ông xấu hổ lảng ra về. Nghe họ chì chiết ông đau đớn cúi gằm mặt xuống mà đi.
 - Về đến nhà, nhìn thấy các con, càng nghĩ càng tủi hổ vì chúng nó “*cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi*”. Ông giận những người ở lại làng, nhưng điếm mặt từng người thì lại không tin họ “*đồ đốn*” ra thế. Nhưng cái tâm lí “*không có lửa làm sao có khói*”, lại bắt ông phải tin là họ đã phản nước hại dân.
 - Ba bốn ngày sau, ông không dám ra ngoài. Cái tin nhục nhã ấy choán hết tâm trí ông thành nỗi ám ảnh khủng khiếp. Ông luôn hoảng hốt giật mình. Không khí nặng nề bao trùm cả nhà.
 - Tình cảm yêu nước và yêu làng còn thể hiện sâu sắc trong cuộc xung đột nội tâm gay gắt: Đã có lúc ông muốn quay về làng vì ở đây tủi hổ quá, vì bị đẩy vào bế tắc khi có tin đồn không đâu chứa chấp người làng chợ Dầu. Nhưng tình yêu nước, lòng trung thành với kháng chiến đã mạnh hơn tình yêu làng nên ông lại dứt khoát: “*Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù*”. Nói cứng như vậy nhưng thực lòng đau như cắt.
 - Tình cảm đối với kháng chiến, đối với cụ Hồ được bộc lộ một cách cảm động nhất khi ông chúi nỗi lòng vào lời tâm sự với đứa con út ngây thơ. Thực chất đó là lời thanh minh với cụ Hồ, với anh em đồng chí và tự nhủ mình trong những lúc thử thách căng thẳng này:
 - + Đứa con ông bé tí mà cũng biết giơ tay thề: “*ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!*” nữa là ông, bố của nó.
 - + Ông mong “*Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông*”.
- + Qua đó, ta thấy rõ:

- Tình yêu sâu nặng đối với làng chợ Dầu truyền thống (chứ không phải cái làng đồ đón theo giặc).
- Tấm lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng với kháng chiến mà biểu tượng của kháng chiến là cụ Hồ được biểu lộ rất mộc mạc, chân thành. Tình cảm đó sâu nặng, bền vững và vô cùng thiêng liêng : có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.

d. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí tủi nhục được trút bỏ, ông Hai tột cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.

- Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí “*Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước*” của người nông dân lao động bình thường.

- Việc ông kể rành rọt về trận chống càn ở làng chợ Dầu thể hiện rõ tinh thần kháng chiến và niềm tự hào về làng kháng chiến của ông.

3. Nhân vật ông Hai để lại một dấu ấn không phai mờ là nhờ nghệ thuật miêu tả tâm lí tính cách và ngôn ngữ nhân vật của người nông dân dưới ngòi bút của Kim Lân.

- Tác giả đặt nhân vật vào những tình huống thử thách bên trong để nhân vật bộc lộ chiều sâu tâm trạng.

- Miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến nội tâm qua ý nghĩ, hành vi, ngôn ngữ đối thoại và độc thoại.

Ngôn ngữ của Ông Hai vừa có nét chung của người nông dân lại vừa mang đậm cá tính nhân vật nên rất sinh động.

C- Kết bài:

- Qua nhân vật ông Hai, người đọc thấm thía tình yêu làng, yêu nước rất mộc mạc, chân thành mà vô cùng sâu nặng, cao quý trong những người nông dân lao động bình thường.

- Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yêu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn Làng của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý.

Bài 2

Câu 1. Đoạn văn

Bằng đoạn văn khoảng 8 câu, hãy phân tích sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ về biến chuyển trong không gian lúc sang thu ở khổ thơ:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.*

(Sang thu – Hữu Thỉnh)

Gợi ý :

1. Về hình thức:

- Trình bày bằng một đoạn văn khoảng 8 câu, có thể dùng đoạn diễn dịch, quy nạp hoặc tổng hợp – phân tích – tổng hợp.
- Đoạn văn diễn đạt mạch lạc, tự nhiên, không mắc lỗi về diễn đạt.

2. Về nội dung:

- Phân tích để thấy biến chuyển trong không gian được nhà thơ cảm nhận tinh tế qua hương ổi chín đậm, nồng nàn phả vào gió se, lan toả trong không gian và qua làn sương mỏng “chùng chình” chuyển động chậm chậm, nhẹ nhàng đầu ngõ, đường thôn.
- Trạng thái cảm giác về mùa thu đến của nhà thơ được diễn tả qua các từ “Bỗng” – “hình như” mở đầu và kết thúc khổ thơ, đó là sự ngạc nhiên thú vị như còn chưa tin hẳn.

Câu 2. Đoạn văn

Cho câu thơ sau:

“Lặn đận đời bà biết mấy nắng mưa”

.....

- Hãy chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo.
- Đoạn thơ vừa chép nằm trong bài thơ nào và ai là người sáng tác?
- Từ “nhóm” trong đoạn thơ vừa chép có những nghĩa nào?
- Hình ảnh bếp lửa và hình ảnh ngọn lửa được nhắc đến nhiều lần trong bài thơ có ý nghĩa gì?

Gợi ý:

- Từ “nhóm” trong đoạn thơ được nhắc đi nhắc lại tới 4 lần với cả nghĩa đen và nghĩa bóng.

- *Nghĩa đen* : Nhóm là làm cho lửa bắt vào, bén vào chất đốt dễ cháy lên.
- *Nghĩa bóng* : Khơi lên, gọi lên trong tâm hồn con người những tình cảm tốt đẹp.

d.

- Hình ảnh bếp lửa trong bài thơ có ý nghĩa:

+ Bếp lửa luôn gắn liền với hình ảnh của người bà. Nhớ đến bếp lửa là cháu nhớ đến người bà thân yêu (bà là người nhóm lửa) và cuộc sống gian khổ.

+ Bếp lửa bàn tay bà nhóm lên mỗi sớm mai là nhóm lên niềm yêu thương, niềm vui sưởi ấm, san sẻ.

+ Bếp lửa là tình bà ấm nóng, tình cảm bình dị mà thân thuộc, kì diệu, thiêng liêng.

- Hình ảnh ngọn lửa trong bài thơ có ý nghĩa:

+ Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài.

+ Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu.

Câu 3. Bài làm văn

Vẻ đẹp và sức mạnh của người lao động trước thiên nhiên – vũ trụ trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.

Gợi ý:

A. Phần thân bài

1. Bức tranh thiên nhiên trong bài thơ: đẹp, rộng lớn, lồng lộng.

* Cảm hứng vũ trụ đã mang đến cho bài thơ những hình ảnh thiên nhiên hoành tráng.

- Cảnh hoàng hôn trên biển và cảnh bình minh được đặt ở vị trí mở đầu, kết thúc bài thơ vẽ ra không gian rộng lớn mà thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ.

- Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi: không phải là con thuyền mà là đoàn thuyền tập nập.

Con thuyền không nhỏ bé mà kì vĩ, hoà nhập với thiên nhiên, vũ trụ.

- Vẻ đẹp rực rỡ của các loại cá, sự giàu có lồng lộng. Trí tưởng tượng của nhà thơ đã chấp cánh cho hiện thực, làm giàu thêm, đẹp thêm vẻ đẹp của biển khơi.

2. Người lao động giữa thiên nhiên cao đẹp

* Con người không nhỏ bé trước thiên nhiên mà ngược lại, đầy sức mạnh và hoà hợp với thiên nhiên.

- Con người ra khơi với niềm vui trong câu hát.

- Con người ra khơi với ước mơ trong công việc.

- Con người cảm nhận được vẻ đẹp của biển, biết ơn biển

- Người lao động vất vả nhưng tìm thấy niềm vui, phấn khởi trước thắng lợi.

Hình ảnh người lao động được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn cho thấy niềm vui phơi phới của họ trong cuộc sống mới. Thiên nhiên và con người phóng khoáng, lớn lao. Tình yêu cuộc sống mới của nhà thơ được gửi gắm trong những hình ảnh thơ lãng mạn đó.

B. Về hình thức:

- Bố cục bài chặt chẽ. Biết xây dựng luận điểm khi phân tích tác phẩm thơ.

- Diễn đạt ý mạch lạc, có cảm xúc.

Bài 3

Câu 1. Đoạn văn

Trong chương trình Ngữ văn lớp 9, em có học một tác phẩm, trong đó có hai câu thơ :

*“Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”*

a. Hãy cho biết hai câu thơ ấy trích trong tác phẩm nào?

b. Em hãy giới thiệu những nét chính về tác giả của tác phẩm đó.

c. Em hiểu nghĩa của hai câu thơ như thế nào? Tác giả muốn gửi gắm điều gì qua hai câu thơ ấy?

Gợi ý:

a. Hai câu thơ trong đoạn “*Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*”, trích trong tác phẩm truyện thơ “*Lục Vân Tiên*” của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

b. Giới thiệu được những nét chính về cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu:

- Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888), tục gọi là Đồ Chiểu, sinh tại quê mẹ ở làng Tân Thới, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh); quê cha ở xã Bồ Điền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đồ Tú tài năm 21 tuổi, nhưng 6 năm sau ông bị mù.

- Sống bằng nghề dạy học và bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân.

- Thực dân Pháp xâm lược Nam Kỳ, ông tích cực tham gia kháng chiến, sáng tác thơ văn khích lệ tinh thần chiến đấu của nhân dân. Là nhà thơ lớn của dân tộc, để lại cho đời nhiều tác phẩm văn chương có giá trị nhằm truyền bá đạo lý và cổ vũ lòng yêu nước, ý chí cứu nước.

c. Biết vận dụng kiến thức từ Hán – Việt để giải thích ý nghĩa hai câu thơ. Từ đó rút ra ý tứ của tác giả muốn gửi gắm qua hai câu thơ.

- **Kiến:** thấy (chứng kiến).

- **Ngãi:** (nghĩa): lẽ phải làm khuôn phép cư xử.

- **Bất:** chẳng, không.

- **Vi:** làm (hành vi).

- **Phi:** trái, không phải.

* Từ đó ta có thể hiểu nghĩa của hai câu thơ là thấy việc hợp với lẽ phải mà không làm thì không phải là người anh hùng.

* Qua hai câu thơ, tác giả muốn thể hiện một qua niệm đạo lý: người anh hùng là người sẵn sàng làm việc nghĩa một cách vô tư, không tính toán. Làm việc nghĩa là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán.

Câu 2. Đoạn văn

a. Cho câu thơ sau:

“Kiều càng sắc sảo mặn mà”

...

Hãy chép chính xác những câu thơ tiếp theo tả sắc đẹp của Thuý Kiều.

b. Em hiểu như thế nào về những hình tượng nghệ thuật ước lệ “thu thủy”, “xuân sơn”? Cách nói “làn thu thủy”, “nét xuân sơn” dùng nghệ thuật ẩn dụ hay hoán dụ? Giải thích rõ vì sao em chọn nghệ thuật ấy?

c. Nói khi vẻ đẹp của Thuý Kiều, tác giả Nguyễn Du đã dự báo trước cuộc đời và số phận của nàng có đúng không? Hãy là rõ ý kiến của em?

Gợi ý:

a. Yêu cầu HS phải chép chính xác các câu thơ tả sắc đẹp của Thuý Kiều :

“Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”.

b.

* Hình tượng nghệ thuật ước lệ “thu thủy”, “xuân sơn” có thể hiểu là:

+ “Thu thủy” (nước hồ mùa thu) tả vẻ đẹp của đôi mắt Thuý Kiều trong sáng, thể hiện sự tinh anh của tâm hồn và trí tuệ; làn nước màu thu gợi lên thật sinh động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt.

+ “Xuân sơn” (núi mùa xuân) gợi lên đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung tràn đầy sức sống.

+ Cách nói “làn thu thủy”, “nét xuân sơn” là cách nói ẩn dụ vì về so sánh là đôi mắt và đôi lông mày được ẩn đi, chỉ xuất hiện về được so sánh là “làn thu thủy”, “nét xuân sơn”

c. Khi tả sắc đẹp của Kiều, tác giả Nguyễn Du đã dự báo trước cuộc đời và số phận của nàng qua hai câu thơ:

“ Hoa ghen thua thắm, liễu gờm kém xanh ”

Vẻ đẹp của Thuý Kiều làm cho tạo hoá phải ghen ghét, phải đố kỵ: “hoa ghen”, “liễu gờm” nên số phận nàng éo le, đau khổ, đầy trắc trở.

Câu 2. Tập làm văn

Phân tích bài thơ “Đồng chí”, để chứng tỏ bài thơ đã diễn tả sâu sắc tình đồng chí cao quý của các anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp

Gợi ý:

I/ Tìm hiểu đề

- Đề đã xác định hướng phân tích bài thơ: bài thơ đã diễn tả sâu sắc tình đồng chí cao quý của các anh bộ đội thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Để tìm được ý cần đọc kĩ bài thơ và trả lời các câu hỏi:

+ *Tình đồng chí ấy biểu hiện cụ thể ở những điểm nào?*

+ *Những từ ngữ, hình ảnh, chi tiết nào thể hiện từng luận điểm đó?*

II/ Dàn bài chi tiết

A- Mở bài:

- Bài thơ ra đời năm 1948, khi Chính Hữu là chính trị viên đại đội thuộc Trung đoàn Thủ đô, là kết quả của những trải nghiệm thực, những cảm xúc sâu xa của tác giả với đồng đội trong chiến dịch Việt Bắc.

- Nêu nhận xét chung về bài thơ (như đề bài đã nêu)

B- Thân bài:

1. Tình đồng chí xuất phát từ nguồn gốc cao quý

- Xuất thân nghèo khổ: *Nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá*

- Chung lí tưởng chiến đấu: *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*

- Từ xa cách họ nhập lại trong một đội ngũ gắn bó keo sơn, từ ngôn ngữ đến hình ảnh đều biểu hiện, từ sự cách xa họ ngày càng tiến lại gần nhau rồi như nhập làm một: *nước mặn, đất sỏi đá* (người vùng biển, kẻ vùng trung du), *đôi người xa lạ, chẳng hẹn quen nhau*, rồi đến *đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*.

- Kết thúc đoạn là dòng thơ chỉ có một từ : *Đồng chí* (một nốt nhấn, một sự kết tinh cảm xúc).

2. Tình đồng chí trong cuộc sống gian lao

- Họ cảm thông chia sẻ tâm tư, nỗi nhớ quê: nhớ ruộng nương, lo cảnh nhà gieo neo (*ruộng nương... gửi bạn, gian nhà không ... lung lay*), từ “*mặc kệ*” chỉ là cách nói có vẻ phớt đời, về tình cảm phải hiểu ngược lại), giọng điệu, hình ảnh của ca dao (*bến nước, gốc đa*) làm cho lời thơ càng thêm thấm thiết.

- Cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng nguy hiểm: những chi tiết đời thường trở thành thơ, mà thơ hay (*tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh,...*) ; từng cặp chi tiết thơ sóng đôi như hai đồng chí bên nhau : *áo anh rách vai / quần tôi có vài mảnh vá ; miệng cười buốt giá / chân không giày ; tay nắm / bàn tay*.

- Kết đoạn cũng quy tụ cảm xúc vào một câu : *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay* (tình đồng chí truyền hơi ấm cho đồng đội, vượt qua bao gian lao, bệnh tật).

3. Tình đồng chí trong chiến hào chờ giặc

- Cảnh chờ giặc căng thẳng, rét buốt : *đêm, rừng hoang, sương muối*.

- Họ càn sát bên nhau vì chung chiến hào, chung nhiệm vụ chiến đấu : *chờ giặc*.

- Cuối đoạn mà cũng là cuối bài cảm xúc lại được kết tinh trong câu thơ rất đẹp : *Đầu súng trăng treo* (như bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí, cách biểu hiện thật độc đáo, vừa lãng mạn vừa hiện thực, vừa là tinh thần chiến sĩ vừa là tâm hồn thi sĩ,...)

C- Kết bài :

- Đề tài dễ khô khan nhưng được Chính Hữu biểu hiện một cách cảm động, sâu lắng nhờ biết khai thác chất thơ từ những cái bình dị của đời thường. Đây là một sự cách tân so với thơ thời đó viết về người lính.

- Viết về bộ đội mà không tiếng súng nhưng tình cảm của người lính, sự hi sinh của người lính vẫn cao cả, hào hùng.

Bài 4

Câu 1. Đoạn văn

a. Nêu tên tác giả, hoàn cảnh sáng tác bài thơ “*Đoàn thuyền đánh cá*”.

b. Cảm hứng về lao động của tác giả đã tạo nên những hình ảnh đẹp tráng lệ, giàu màu sắc lãng mạn về con người lao động trên biển khơi bao la. Hãy chép lại các câu thơ đầy sáng tạo tạo ấy.

c. Hai câu thơ:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm sập cửa”*

được tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nào? Cho biết tác dụng của những biện pháp nghệ thuật ấy.

Gợi ý:

a. HS nêu được:

- Tác giả của bài thơ: Huy Cận

- Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1958, khi đất nước đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc được

giải phóng và đi vào xây dựng cuộc sống mới. Huy Cận có một chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh. Bài thơ được ra đời từ chuyến đi thực tế đó.

b. Học sinh phải chép đúng và đue các câu thơ viết về con người lao động trên biển khơi bao la bằng bút pháp lãng mạn:

- *Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

- *Thuyền ta lái gió với buồm trăng.*

Lướt giữa mây cao với biển bằng

- *Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.*

c. Hai câu thơ sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh và nhân hoá.

- *“Mặt trời xuống biển như hòn lửa”*

+ *“Mặt trời”* được so sánh như *“hòn lửa”*.

+ Tác dụng: khác với hoàng hôn trong các câu thơ cổ (so sánh với thơ của Bà Huyện Thanh Quan – Qua Đèo Ngang), hoàng hôn trong thơ Huy Cận không buồn hiu hắt mà ngược lại, rực rỡ, ấm áp.

- *“Sóng đã cài then, đêm sập cửa”*

+ Biện pháp nhân hoá, gán cho sự vật những hành động của con người sóng *“cài then”*, đêm *“sập cửa”*.

+ Tác dụng: Gợi cảm giác vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ và những gợn sóng là thân cài cửa. Con người đi trong biển đêm mà như đi trong ngôi nhà thân thuộc của mình. Thiên nhiên vũ trụ bắt đầu đi vào trạng thái nghỉ ngơi, con người lại bắt đầu vào công việc của mình, cho thấy sự hăng say và nhiệt tình xây dựng đất nước của người lao động mới.

Câu 2. Đoạn văn

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay,

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

1. Ghi rõ tên, năm sáng tác và tên tác giả của bài thơ có những câu thơ trên.

Theo em, cần nhớ những điểm cơ bản nào về hoàn cảnh sáng tác để hiểu bài thơ hơn?

2. Từ *“mặc kệ”* đặt giữa câu thơ cùng với hình ảnh làng quê quen thuộc đã gợi cho em cảm xúc gì về tình cảm của anh bộ đội vốn xuất thân từ nông dân trong kháng chiến chống Pháp.

3. Đọc ba câu thơ trên, em nhớ tới bài ca dao nào? Điều gì khiến em có sự liên tưởng đó.

Gợi ý:

Câu 3. Tập làm văn

Cảm nhận của em về những chiếc xe không kính và những người chiến sĩ lái xe ấy trên đường Trường Sơn năm xưa, trong *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật.

II/ Tìm hiểu đề

- *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* ở trong chùm thơ của Phạm Tiến Duật được

giải nhất cuộc thi thơ báo *Văn nghệ* năm 1969 – 1970.

- Đề yêu cầu phân tích bài thơ từ sáng tạo độc đáo của nhà thơ : hình ảnh những chiếc xe không kính, qua đó mà phân tích về người chiến sĩ lái xe. Cho nên trình tự phân tích nên “bổ dọc” bài thơ (Phân tích hình ảnh chiếc xe từ đầu đến cuối bài thơ; sau đó lại trở lại từ đầu bài thơ phân tích hình ảnh người chiến sĩ lái xe cho đến cuối bài).

- Cần tập trung phân tích: Cách xây dựng hình ảnh rất thực, thực đến trần trụi; giọng điệu thơ văn xuôi và ngôn ngữ giàu chất “lính tráng”.

II/ Dàn bài chi tiết

A- Mở bài:

- Thời chống Mỹ cứu nước chúng ta đã có một đội ngũ đông đảo các nhà thơ - chiến sĩ; và hình tượng người lính đã rất phong phú trong thơ ca nước ta. Song Phạm Tiến Duật vẫn tự khẳng định được mình trong những thành công về hình tượng người lính.

- “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” đã sáng tạo một hình ảnh độc đáo : những chiếc xe không kính, qua đó làm nổi bật hình ảnh những chiến sĩ lái xe ở tuyến đường Trường Sơn hiên ngang, dũng cảm.

B- Thân bài:

1. Những chiếc xe không kính vẫn băng ra chiến trường

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là hình ảnh thực trong thời chiến, thực đến mức thô ráp.

- Cách giải thích nguyên nhân cũng rất thực: như một câu nói tỉnh khô của lính:

Không có kính, không phải vì xe không có kính.

Bom giập, bom rung, kính vỡ đi rồi.

- Giọng thơ văn xuôi càng tăng thêm tính hiện thực của chiến tranh ác liệt.

- Những chiếc xe ngoan cường:

Những chiếc xe từ trong bom rơi ;

Đã về đây họp thành tiểu đội.

- Những chiếc xe càng biến dạng thêm, bị bom đạn bóc trần trụi : *không có kính, rồi xe không có đèn ; không có mui xe, thùng xe có xước, nhưng xe vẫn chạy vì Miền Nam,...*

2. Hình ảnh những chiến sĩ lái xe.

- Tả rất thực cảm giác người ngồi trong buồng lái không kính khi xe chạy hết tốc lực : (tiếp tục chất văn xuôi, không thi vị hoá) *gió vào xoa mắt đắng, thấy con đường chạy thẳng vào tim* (câu thơ gợi cảm giác ghê rợn rất thật).

- Tư thế ung dung, hiên ngang : *Ung dung buồng lái ta ngồi ; Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

- Tâm hồn vẫn thơ mộng : Thấy sao trời và đột ngột cánh chim như sa, như ùa vào buồng lái (những câu thơ tả rất thực thiên nhiên đường rừng vùn vút hiện ra theo tốc độ xe ; vừa rất mộng: thiên nhiên kì vĩ nên thơ theo anh ra trận.)

- Thái độ bất chấp khó khăn, gian khổ, nguy hiểm : thể hiện trong ngôn ngữ ngang

tàng, cử chỉ phớt đời (*ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo, phì phèo châm điếu thuốc,...*), ở giọng đùa tếu, trẻ trung (*bắt tay qua cửa kính vỡ rồi, nhìn nhau mặt lúm cười ha ha,...*).

3. Sức mạnh nào làm nên tinh thần ấy

- Tình đồng đội, một tình đồng đội thiêng liêng từ trong khói lửa : *Từ trong bom rơi đã về đây họp thành tiểu đội, chung bát đĩa nghĩa là gia đình đây,...*

- Sức mạnh của lí tưởng vì miền Nam ruột thịt : *Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước, chỉ cần trong xe có một trái tim.*

C- Kết bài :

- Hình ảnh, chi tiết rất thực được đưa vào thơ và thành thơ hay là do nhà thơ có hồn thơ nhạy cảm, có cái nhìn sắc sảo.

- Giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, giàu chất lính làm nên cái hấp dẫn đặc biệt của bài thơ.

- Qua hình ảnh những chiếc xe không kính, tác giả khắc hoạ hình tượng người lính lái xe trẻ trung chiến đấu vì một lí tưởng, hiên ngang, dũng cảm.

Bài 5

Câu 1. Đoạn văn

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...*

(“Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải)

Em hãy viết một đoạn văn ngắn, phân tích để làm rõ giá trị của các điệp ngữ trong đoạn thơ trên

Gợi ý:

1. Về hình thức:

- Trình bày đúng yêu cầu của đoạn văn.
- Số câu theo quy định 8 câu (+2).
- Không mắc lỗi diễn đạt.

2. Về nội dung :

- Chỉ rõ các điệp ngữ trong đoạn : *mùa xuân, lộc, tất cả.*
- Vị trí điệp ngữ : đầu câu.
- Cách điệp ngữ : cách nhau và nối liền nhau
- Tác dụng : Tạo nhịp điệu cho câu thơ, các điệp ngữ tạo nên điểm nhấn trong câu thơ như nốt nhấn trong bản nhạc, góp phần gợi không khí sôi nổi, tấp nập của bức tranh đất nước lao động chiến đấu.

Câu 2. Đoạn văn

Người đồng mình thô sơ da thịt

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục*

(“Nói với con” – Y Phương)

Viết một đoạn văn ngắn có dùng dẫn chứng trực tiếp để nêu suy nghĩ của em về những điều người cha nói với con trong các câu thơ trên.

Gợi ý :

Nội dung của đoạn văn cần làm rõ những ý sau :

- Người cha đã ca ngợi đức tính cao đẹp của người đồng mình bằng những hình ảnh đầy ấn tượng :

+ Đó là người đồng mình thô sơ da thịt ; những con người chân chất, khoẻ khoắn. Họ mộc mạc mà không nhỏ bé về tâm hồn, ý chí, họ tự chủ trong cuộc sống.

+ Đó là những người tự đục đá kê cao quê hương, lao động cần cù, không lùi bước trước khó khăn. Họ giữ vững bản sắc văn hoá của dân tộc.

+ Họ yêu quê hương, lấy quê hương làm chỗ dựa tâm hồn.

- Nói với con về những điều đó, người cha mong con biết tự hào về truyền thống của quê hương, tự hào về dân tộc để tự tin trong cuộc sống.

Câu 3. Tập làm văn

Em cảm nhận được người cha nói những gì với con qua bài thơ “Nói với con” của Y Phương.

I/ Tìm hiểu đề

- Đề yêu cầu phân tích bài thơ, nhưng chưa nêu rõ phải phân tích nội dung cụ thể nào, do đó người viết phải tự tìm ra những nội dung đó. Cần đọc kĩ cả bài, rồi từng đoạn để nắm bắt ý tứ.

- Tìm hiểu xem những ý tứ đó được biểu hiện như thế nào trong từng chi tiết hình ảnh, từ ngữ của bài thơ.

- Chú cách dùng từ, lối so sánh ví von của người miền núi kết hợp với những so sánh liên tưởng đặc sắc của riêng nhà thơ (*Đan lờ cài nan hoa – Vách nhà ken câu hát ; Rừng cho hoa – Con đường cho những tấm lòng,...*).

II/ Dàn bài chi tiết

A- Mở bài :

- Cha mẹ sinh con đều ước mong con khôn lớn, tiếp nối truyền thống của gia đình, quê hương. Đó là tình yêu con cao đẹp nhất.

- Y Phương cũng nói lên điều đó nhưng bằng hình thức người tâm tình, dặn dò con, nên đem đến cho bài thơ giọng thiết tha, trù mến, tin cậy.

B- Thân bài :

1. Mượn lời nói với con, Y Phương gọi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người.

a. Người con lớn lên trong tình yêu thương, sự nâng đỡ của cha mẹ (Phân tích câu đầu)

- Gọi cảnh đưa trẻ chập chững tập đi rất chính xác.

- Tạo được không khí gia đình đầm ấm, niềm vui của cha mẹ khi đón nhận từng

biểu hiện lớn lên của đứa trẻ.

b. Con lớn lên trong cuộc sống lao động nên thơ của quê hương

- Cuộc sống lao động cần cù, tươi vui (Đan lò cài nan hoa – Vách nhà ken câu hát).

- Rừng núi quê hương thơ mộng và tình nghĩa (Rừng cho hoa ; Con đường cho những tấm lòng).

2. Mượn lời nói với con để truyền cho con niềm tự hào về quê hương và bày tỏ lòng mong ước của người cha đối với con.

a. Tự hào về người đồng mình gian khổ mà can đảm:

- Nhắc đến người đồng mình bằng những câu cảm thán (Yêu lắm, thương lắm con ơi!...) : tình quê thật thấm thiết, đầm ấm, cách bộc lộ mộc mạc chân thành.

- Người đồng mình sống vất vả nhưng chí lớn (Cao đo nỗi buồn; Xa đo chí lớn,...).

- Mong con gắn bó với quê nghèo thì phải biết chấp nhận vượt qua gian khổ để xây dựng quê hương:

*Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trên thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc.*

b. Tự hào về người đồng mình mộc mạc nhưng giàu ý chí, niềm tin (thô sơ da thịt, chẳng bé nhỏ,...); giàu truyền thống kiên trì, nhẫn nại làm nên văn hoá độc đáo (đục đá kê cao quê hương... làm phong tục,...).

c. Niềm mong muốn càng tha thiết khi con trưởng thành : bốn câu thơ cuối hầu như chỉ nhắc lại hai ý trên, nhưng cách nói mạnh hơn:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con*

- Cũng dùng câu đối lập kết hợp câu phủ định để khẳng định, nhưng thay từ mạnh hơn (ở trên thì ... thô sơ da thịt – chẳng mấy ai nhỏ bé...; còn ở cuối ...tuy thô sơ da thịt –không bao giờ nhỏ bé ...).

- Kết hợp với tiếng gọi Con ơi, với những câu cầu khiến Lên đường, Nghe con: tạo nên giọng điệu dặn dò, khuyên bảo, thôi thúc,...

C- Kết bài:

- Cùng với cách nói giàu hình ảnh vừa cụ thể vừa khái quát, vừa mộc mạc, vừa ý nghĩa sâu xa là giọng điệu tâm tình thấm thiết, trìu mến dặn dò, phù hợp với cách diễn tả cảm xúc và tâm hồn chất phác của người miền núi.

- Bài thơ diễn tả rất sâu sắc tình yêu con và ước mong của cha mẹ là con được nuôi dưỡng trong tình gia đình quê hương đầm ấm thì lớn lên phải tình nghĩa thủy chung, luôn tự hào và phát huy được truyền thống của tổ tiên quê nhà.

Bài 6

Câu 1: Đoạn văn

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

(“Viếng lăng Bác” – Viễn Phương)

- a. Hãy phân tích ý nghĩa hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” ở câu thơ trên.
- b. Chép hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời trong một bài thơ mà em đã học (Ghi rõ tên và tác giả bài thơ).

Gợi ý:

- a. Phân tích để thấy:

- Hai câu thơ sóng đôi hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ “mặt trời”. Điều đó khiến ẩn dụ “mặt trời trong lăng” nổi bật ý nghĩa sâu sắc.
- Dùng hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” để viết về Bác, Viễn Phương đã ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước.
- Đồng thời, hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” cũng thể hiện sự tôn kính, lòng tôn kính của nhân dân với Bác, niềm tin Bác sống mãi với non sông đất nước ta.

- b. Hai câu thơ có hình ảnh ẩn dụ mặt trời:

Mặt trời của Bác thì nằm trên đôi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

(“Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ” – Nguyễn Khoa

Diêm).

Câu 2. Đoạn văn:

- a. Truyện ngắn “Bến quê” đã xây dựng được những tình huống độc đáo. Đó là những tình huống nào? Xây dựng những tình huống truyện ấy tác giả nhằm mục đích gì?

- b. Nêu chủ đề của truyện?

Gợi ý:

- a. Truyện “Bến quê” xây dựng trên hai tình huống:

- *Tình huống thứ nhất:*

+ Khi còn trẻ, Nhĩ đã đi rất nhiều nơi. Gót chân anh hầu như đặt lên khắp mọi xó xỉnh trên trái đất.

+ Về cuối đời, anh mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo nên bị liệt toàn thân, không tự di chuyển dù chỉ là nhích nửa người trên giường bệnh. Mọi việc đều phải nhờ vào vợ.

→ Đây là một tình huống đầy nghịch lí để người ta có thể chiêm nghiệm một triết lí về đời người.

- *Tình huống thứ hai :*

+ Phát hiện ra vẻ đẹp của bãi bồi bên sông khi đã liệt toàn thân, Nhĩ khao khát một lần được đặt chân đến đó. Biết mình không thể làm được, anh đã nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình cái điều khao khát ấy. Nhưng cậu con trai lại sa vào đám đông chơi cờ thế bên hè phố, bỏ lỡ mất chuyến đò ngang trong ngày qua sông.

→ Qua tình huống nghịch lí này, tác giả muốn lưu ý người đọc đến một nhận thức về cuộc đời : Cuộc sống và số phận con người chứa đầy những điều bất thường và nghịch lí

, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài dự định, ước muốn và toan tính. Cuộc đời con người thật khó tránh được những cái vòng vèo, chùng chình. Và chỉ khi Nhĩ (chúng ta) cảm nhận thấm thía vẻ đẹp của quê hương ; tình yêu thương và đức hi sinh của những người thân khi người ta sắp từ giã cõi đời.

b. Chủ đề tác phẩm :

Truyện ngắn Bến quê là những phát hiện có tính quy luật : Trong cuộc đời, con người thường khó tránh khỏi những sự vòng vèo, chùng chình ; đồng thời thức tỉnh về những giá trị và vẻ đẹp đích thực của đời sống ở những cái gần gũi, bình thường mà bền vững.

Câu 3. Tập làm văn

Cảm về thể hệ trẻ Việt Nam trong sự nghiệp thống nhất đất nước qua hai tác phẩm Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật và đoạn trích Những Ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.

1. Yêu cầu về nội dung

* Đề bài đề một khoảng tương đối tự do cho người viết. Người viết có thể phân tích, bình luận hoặc phát biểu cảm nghĩ về hình ảnh thể hệ trẻ Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước.

* Bài viết có thể linh hoạt về kiểu bài, nhưng cần làm rõ các nội dung :

- Nêu được hoàn cảnh của cuộc chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt và cũng đầy hi sinh mất mát mà những người lính, những cô gái thanh niên xung phong phải chịu đựng.

- Trong hoàn cảnh khó khăn ấy, họ vẫn vươn lên và tỏa sáng những phẩm chất cao đẹp tuyệt vời.

+ Họ vẫn giữ được vẻ trẻ trung, trong sáng hồn nhiên của tuổi trẻ.

+ Họ luôn dũng cảm đối diện với gian khổ, chấp nhận hi sinh với thái độ hiên ngang, quả cảm.

+ Họ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó thân thiết, sẵn sàng sẻ chia với nhau trong cuộc sống chiến đấu thiếu thốn và gian khổ, hiểm nguy.

+ Sống có lí tưởng, có mục đích, có trách nhiệm, có trái tim yêu nước nồng nàn, sẵn sàng hi sinh, cống hiến tuổi xuân cho sự nghiệp giải phóng đất nước.

+ Tâm hồn đầy lãng mạn, mơ mộng.

- Hình ảnh người lính hay các nữ thanh niên xung phong hiện lên trong hai tác phẩm thật chân thực, sinh động và có sức thuyết phục với người đọc.

- Qua hình ảnh của họ, chúng ta càng hiểu thêm lịch sử hào hùng của dân tộc, hiểu và khâm phục hơn về một thế hệ cha anh :

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước

Mà lòng phơi phới dậy tương lai

- Có thể liên hệ với thế hệ trẻ Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng đất nước hôm nay đang kế tiếp và phát triển chủ nghĩa anh hùng cách mạng của thế hệ cha anh đi

trước trong việc giữ gìn và bảo vệ Tổ quốc.

2. Yêu cầu hình thức:

- Bài viết phải có bố cục 3 phần rõ ràng.
 - Lập luận chặt chẽ, lời văn có cảm xúc.
 - Tránh sai những lỗi diễn đạt thông thường.
-

Bài 7

Câu 1. Đoạn văn

Trong “Truyện Kiều” có câu:

*“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
.....”*

Hãy chép 7 câu thơ tiếp theo.

1. Đoạn thơ vừa chép diễn tả tình cảm của ai với ai?
2. Trật tự diễn tả tâm trạng nhớ thương đó có hợp lí không ? Tại sao ?
3. Viết một đoạn văn ngắn theo cách diễn dịch phân tích tâm trạng của nhân vật trữ tình trong đoạn thơ trên.

Gợi ý :

- 1.
2. Đoạn thơ vừa chép nói lên tình cảm nhớ thương Kim Trọng và cha mẹ của Thuý Kiều trong những ngày sống cô đơn ở lầu Ngưng Bích.
3. Trật tự diễn tả tâm trạng nhớ thương của Kiều: nhớ Kim Trọng rồi nhớ đến cha mẹ, thoát độc thì thấy không hợp lí, nhưng nếu đặt trong cảnh ngộ của Kiều lúc đó thì lại rất hợp lí.
 - Kiều nhớ tới Kim Trọng trước khi nhớ tới cha mẹ là vì:
 - + Vàng trắng ở câu thứ hai trong đoạn trích gợi nhớ tới lời thề với Kim Trọng hôm nào.
 - + Nàng đau đớn xót xa vì mối tình đầu đẹp đẽ đã tan vỡ.
 - + Cảm thấy mình có lỗi khi không giữ được lời hẹn ước với chàng Kim.
 - Với cha mẹ dù sao Kiều cũng đã phần nào làm tròn chữ hiếu khi bán mình lấy tiền cứu cha và em trong cơn tai biến.
 - Cách diễn tả tâm trạng trên là rất phù hợp với quy luật tâm lí của nhân vật, thể hiện rõ sự tinh tế của ngòi bút Nguyễn Du, đồng thời cũng cho ta thấy rõ sự cảm thông đối với nhân vật của tác giả.

* GV hướng dẫn và yêu cầu HS viết một đoạn văn diễn dịch theo yêu cầu của đề.

Câu 2. Đoạn văn

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng*

1. Hai câu thơ có trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác?
2. Hình ảnh “buồm trắng” trong câu thơ, theo em là ẩn dụ hay hoán dụ?
3. Em hãy viết một đoạn văn phân tích chất thực và chất lãng mạn của hình ảnh đó.
4. Trong bài thơ khác mà em đã học ở lớp 9 có một hình ảnh lãng mạn được xây dựng trên cơ sở quan sát như hình ảnh “buồm trắng”. Hãy chép lại câu thơ đó.

Gợi ý:

1. Hai câu thơ trong “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận
2. Hình ảnh vầng trăng là ẩn dụ.
3. Trong đoạn văn cần làm rõ ý:
 - Hình ảnh ẩn dụ “Buồm trắng” được xây dựng trên sự quan sát rất thực và sự cảm nhận lãng mạn của nhà thơ Huy Cận:
 - + Từ xa nhìn lại, trên biển có lúc thuyền đi vào khoảng sáng của vầng trăng. Trăng và cánh buồm chập vào nhau, trăng trở thành cánh buồm.
 - + Vẻ đẹp thiên nhiên làm nhòa đi cánh buồm vất vả, cũ kĩ → công việc nhẹ nhàng, lãng mạn.
 - Con người và vũ trụ hoà hợp.
4. Một hình ảnh cũng được xây dựng trên cơ sở quan sát như vậy là : “Đầu súng trăng treo” (“Đồng chí” – Chính Hữu).

Câu 3. Tập Làm văn

- (1) Những cảm nhận tinh tế, sâu sắc của nhà thơ Hữu Thỉnh về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu qua bài thơ “Sang thu”.
- (2) Phân tích những cảm nhận tinh tế của nhà thơ Hữu Thỉnh về thời khắc giao mùa cuối hạ sang đầu thu trong bài thơ “Sang thu”

Gợi ý:

I/ Tìm hiểu đề

- Theo nhà thơ Hữu Thỉnh, bài thơ còn có những suy ngẫm sâu xa về đời người, nhưng đề bài này chỉ yêu cầu tập trung phân tích những đặc điểm về sự biến đổi của thiên nhiên đất trời từ cuối hạ sang đầu mùa thu qua cảm nhận tinh tế của nhà thơ. Người viết cần chú ý điều đó.
- Cần phân tích những đặc điểm giao mùa được thể hiện qua nhiều hình ảnh đặc sắc và gợi cảm; cùng một số từ ngữ diễn tả trạng thái, cảm giác của nhiều giác quan về sự vật và tâm hồn.
- Bố cục của bài viết nên theo trình tự từng khổ thơ, chú ý cách sắp xếp các dấu hiệu mùa thu ngày một rõ nét của nhà thơ.

II/ Dàn ý chi tiết

A- Mở bài :

- Đề tài mùa thu trong thi ca xưa và nay rất phong phú (ba bài thơ thu nổi tiếng của Nguyễn Khuyến: *Thu vịnh*, *Thu điếu* và *Thu ẩm*; *Đầu mùa thu tới* của Xuân Diệu,...). Cùng với việc tả mùa thu, cảnh thu, các nhà thơ đều ít nhiều diễn tả những dấu hiệu giao mùa.
- “Sang thu” của Hữu Thỉnh lại có nét riêng bởi chỉ diễn tả các yếu tố chuyển giao

màu. Bài thơ thoáng nhẹ mà tinh tế.

B- Thân bài:

1. Những dấu hiệu ban đầu của sự giao mùa

- Mở đầu bài thơ bằng từ “*bỗng*” nhà thơ như diễn tả cái hơi giật mình chợt nhận ra dấu hiệu đầu tiên từ làn “*gió se*” (xúc giác: gió mùa thu nhẹ, khô và hơi lạnh) mang theo hương ổi bắt đầu chín (khứu giác).

- *Hương ổi* ; *Phả vào trong gió se* : sự cảm nhận thật tinh (vì hương ổi không nồng nàn mà rất nhẹ) ; ở đây có sự bất ngờ và cũng có chút khẳng định (*phả* : toả ra thành luồng); bằng bạc một hương vị quê.

- Rồi bằng thị giác : sương đầu thu nên đến chậm chậm, lại được diễn tả rất gợi cảm “*chùng chình qua ngõ*” như cố ý đợi khiến người vô tình cũng phải để ý.

- Tất cả các dấu hiệu đều rất nhẹ nên nhà thơ dường như không dám khẳng định mà chỉ thấy “*hình như thu đã về*”. Chính sự không rõ rệt này mới hấp dẫn mọi người.

- Ngoài ra, từ “*bỗng*”, từ “*hình như*” còn diễn tả tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc băng khuâng,...

2. Những dấu hiệu mùa thu đã dần dần rõ hơn, cảnh vật tiếp tục được cảm nhận bằng nhiều giác quan.

- Cái ngỡ ngàng ban đầu đã nhường chỗ cho những cảm nhận tinh tế, cảnh vật mùa thu mới chớm với những bước đi rất nhẹ, rất dịu, rất êm.

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

- Đã hết rồi nước lũ cuộn cuộn nên dòng sông thông thả trôi (Sông *dềnh dàng* như con người được lúc thư thả).

- Trái lại, những loài chim di cư *bắt đầu vội vã* (cái tinh tế là ở chữ *bắt đầu*).

- Cảm giác giao mùa được diễn tả rất thú vị bằng hình ảnh : *có đám mây mùa hạ ; Vắt nửa mình sang thu* – chưa phải đã hoàn toàn thu để có bầu trời thu *xanh ngắt mấy tầng cao* (Nguyễn Khuyến) mà vẫn còn mây và vẫn còn tiết hạ, nhưng mây đã khô, sáng và trong. Sự giao mùa được hình tượng hoá thành dáng nằm duyên dáng *vắt nửa mình sang thu* thì thật tuyệt.

3. Tiết thu đã dần dần thời tiết hạ

- Nắng cuối hạ còn nồng, còn sáng nhưng nhạt màu dần ; đã ít đi những cơn mưa (mưa lớn, ào ạt, bất ngờ,...) ; sấm không nổi to, không xuất hiện đột ngột, có chăng chỉ âm ỉ xa xa nên *hàng cây đứng tuổi* không bị giật mình (cách nhân hoá giàu sức liên tưởng thú vị).

- Sự thay đổi rất nhẹ nhàng không gây cảm giác đột ngột, khó chịu được diễn tả khéo léo bằng những từ chỉ mức độ rất tinh tế :*vẫn còn, đã vội, cũng bớt*.

C- Kết bài:

- Bài thơ bé nhỏ xinh xắn nhưng chứa đựng nhiều điều thú vị, bởi vì mỗi chữ, mỗi

dòng là một phát hiện mới mẻ. Cái tài của nhà thơ là đã khiến bạn đọc liên tiếp nhận ra những dấu hiệu chuyển mùa thường vẫn có mà mọi khi ta chẳng cảm nhận thấy. Những dấu hiệu ấy lại được diễn tả rất độc đáo.

- Chúng tỏ một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, một tài thơ đặc sắc.

Bài 8

Câu 1. Đoạn văn

Đoạn kết thúc một bài thơ có câu:

“Trăng cứ tròn vành vạnh”

- Hãy chép tiếp các câu thơ còn lại để hoàn chỉnh khổ thơ.
- Đoạn thơ vừa chép trích trong tác phẩm nào ? Của ai?
- Hình ảnh vầng trăng trong bài thơ có ý nghĩa gì? Từ đó em hiểu gì về chủ đề của bài thơ?

Gợi ý:

- Chép chính xác 3 câu thơ còn lại của bài thơ:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
Kể chi người vô tình
Ánh trăng im phăng phắc
Đủ cho ta giật mình*

- Nêu được tên bài thơ : *“Ánh trăng”*.

Tên tác giả của bài thơ : Nguyễn Duy.

c.

- Giải thích được vầng trăng trong bài thơ mang rất nhiều ý nghĩa tượng trưng
 - + Vầng trăng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn suốt thời nhỏ tuổi, rồi chiến tranh ở rừng.
 - + Vầng trăng là biểu tượng của quá khứ nghĩa tình, hơn thế, trăng còn là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống.
 - + ở khổ thơ cuối cùng, trăng tượng trưng cho quá khứ vẹn nguyên chẳng thể phai mờ, là người bạn, nhân chứng nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

- Từ đó hiểu chủ đề của bài thơ *“Ánh trăng”*.

Bài thơ là tiếng lòng, là những suy ngẫm thâm thúy, nhắc nhở ta về thái độ, tình cảm đối với những năm tháng quá khứ gian lao, nghĩa tình, đối với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu.

Bài thơ có ý nghĩa nhắc nhở, củng cố người đọc thái độ sống *“Uống nước nhớ nguồn”*, ân nghĩa, thủy chung cùng quá khứ.

Câu 2. Đoạn văn

Trong *“Chuyện người con gái Nam Xương”*, chi tiết cái bóng có ý nghĩa gì trong cách kể chuyện.

Gợi ý:

1. Yêu cầu nội dung

- Đề bài yêu cầu người viết làm rõ giá trị nghệ thuật chi tiết nghệ thuật trong câu chuyện.

- Cái bóng trong câu chuyện có ý nghĩa đặc biệt vì đây là chi tiết tạo nên cách thắt nút, mở nút hết sức bất ngờ.

+ Cái bóng có ý nghĩa thắt nút câu chuyện vì :

- Đối với Vũ Nương: Trong những ngày chồng đi xa, vì thương nhớ chồng, vì không muốn con nhỏ thiếu vắng bóng người cha nên hàng đêm, Vũ Nương đã chỉ bóng mình trên tường, nói dối con đó là cha nó. Lời nói dối của Vũ Nương với mục đích hoàn toàn tốt đẹp.
- Đối với bé Đản: Mới 3 tuổi, còn ngây thơ, chưa hiểu hết những điều phức tạp nên đã tin là có một người cha đêm nào cũng đến, mẹ đi cũng đi, mẹ ngồi cũng ngồi, nhưng nín thin thít và không bao giờ bế nó.
- Đối với Trương Sinh: Lời nói của bé Đản về người cha khác (chính là cái bóng) đã làm nảy sinh sự nghi ngờ vợ không thủy chung, nảy sinh thái độ ghen tuông và lấy đó làm bằng chứng để về nhà mắng nhiếc, đánh đuổi Vũ Nương đi để Vũ Nương phải tìm đến cái chết đầy oan ức.

+ Cái bóng cũng là chi tiết mở nút câu chuyện.

Chàng Trương sau này hiểu ra nỗi oan của vợ cũng chính là nhờ cái bóng của chàng trên tường được bé Đản gọi là cha.

Bao nhiêu nghi ngờ, oan ức của Vũ Nương đều được hoá giải nhờ cái bóng.

- Chính cách thắt, mở nút câu chuyện bằng chi tiết cái bóng đã làm cho cái chết của Vũ Nương thêm oan ức, giá trị tố cáo đối với xã hội phong kiến nam quyền đầy bất công với người phụ nữ càng thêm sâu sắc hơn.

b. Yêu cầu hình thức:

- Trình bày bằng văn bản ngắn.
- Dẫn dắt, chuyển ý hợp lí.
- Diễn đạt lưu loát.

Câu 3. Tập làm văn

Truyện “*Chiếc lược ngà*” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng là một câu chuyện cảm động về tình cha con sâu nặng

Hãy phân tích đoạn trích đã học để làm rõ ý kiến trên

Gợi ý:

* Đề bài yêu cầu bằng kiến thức và kĩ năng của kiểu bài phân tích một tác phẩm tự sự, người viết chứng minh truyện ngắn “Chiếc lược ngà” là một câu chuyện cảm động về tình cha con sâu nặng trong một hoàn cảnh hết sức éo le.

* Để làm rõ yêu cầu đó bài viết cần có các nội dung sau:

- Hoàn cảnh của câu chuyện

+ Ông Sáu đi kháng chiến, xa nhà nhiều năm. Ông chưa được biết mặt đứa con gái – bé Thu.

+ Tám năm sau, một lần về thăm nhà trước khi đi nhận công tác mới, ông được gặp

con, nhưng bé Thu nhất định không nhận ông Sáu là cha.

- *Tình cảm của bé Thu dành cho ông Sáu*

+ Thoạt đầu, khi thấy ông Sáu vui mừng, vô vấp nhận bé Thu là con, Thu tỏ ra ngờ vực, lảng tránh và lạnh nhạt, xa cách.

+ Cô bé Thu có thái độ ngang ngạnh, thậm chí hỗn xược với ông Sáu.

+ Được bà ngoại trò chuyện, tìm ra lí do Thu không nhận ông Sáu là cha và khuyên nhủ, cô bé đã thay đổi thái độ. Trước khi ông Sáu lên đường, cô bé đã cất tiếng gọi “ba” và thể hiện tình cảm yêu quý một cách mãnh liệt.

Sự ngang ngạnh và hành động ngang ngược của Thu không đáng trách. Cô bé không nhận ông Sáu là cha vì cô bé chỉ nhớ một người duy nhất là cha, đó là người chụp chung ảnh với má. Ông Sáu có thêm vết sẹo trên má khi bị thương nên khác với người trong ảnh. Đó thực sự là tình yêu thương sâu sắc và cảm động mà Thu dành cho người cha của mình.

- *Tình cảm của ông Sáu dành cho con:*

+ Gặp lại con sau bao năm xa cách, ông Sáu hết sức vui mừng.

+ Trước thái độ lạnh nhạt, ông đã rất đau khổ, cảm thấy bất lực.

+ Có lúc giận quá, không kìm được ông đã đánh con, và ân hận mãi vì việc làm đó.

+ Xa con, ông dồn hết tình cảm yêu thương con vào việc làm chiếc lược ngà cho con.

+ Trước khi hi sinh, ông dồn hết sức lực còn lại gửi người ạn mang cây lược cho con gái.

- Tình cảm yêu thương cha sâu sắc, dứt khoát, rạch ròi đầy cá tính của bé Thu và tình cảm yêu thương con sâu nặng của ông Sáu làm cho người đọc xúc động và thấm thía nỗi đau thương mất mát, éo le do chiến tranh gây ra.

Bài 9

Câu 1. Đoạn văn

a. Chép chính xác 8 câu cuối của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.

b. Trong 8 câu thơ vừa chép, điệp ngữ “Buồn trông” được lặp lại 4 lần. Cách lặp đi lặp lại điệp ngữ đó có tác dụng gì.

Gợi ý:

a. Chép chính xác 8 câu cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”.

b. Tác dụng của điệp ngữ “buồn trông”:

- Cụm từ “buồn trông” mở đầu các câu lục (câu 6 tiếng) trong thể thơ lục bát đã tạo nên âm hưởng trầm buồn, báo hiệu những đau buồn mà Kiều sẽ phải gánh chịu trong suốt cuộc đời lưu lạc, chìm nổi.

- Điệp từ góp phần diễn tả tâm trạng buồn sầu của Kiều kéo dài triền miên, gây nên một tâm trạng đầy nặng nề, lo âu, sợ hãi. Tâm trạng ấy tưởng không bao giờ kết thúc và ngày càng tăng.

Câu 2. Đoạn văn

a. Chép chính xác 4 câu đầu đoạn bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương.

b. Viết đoạn văn khoảng 8 câu phân tích hình ảnh hàng tre trong khổ thơ trên, trong đoạn có câu văn dùng phần phụ chú (gạch chân phần phụ chú đó).

Gợi ý:

a. Chép chính xác 4 câu thơ

b. Đoạn văn có các ý:

- “Hàng tre bát ngát” trong sương là hình ảnh thực, hết sức thân thuộc của làng quê – hàng tre bên lăng Bác.

- “Hàng tre xanh xanh Việt Nam...” là ẩn dụ, biểu tượng của dân tộc với sức sống bền bỉ, kiên cường.

Hình ảnh ẩn dụ cũng gợi liên tưởng đến hình ảnh cả dân tộc bên Bác: đoàn kết, kiên cường thực hiện lí tưởng của Bác, của dân tộc.

Câu 3. Tập làm văn

Bằng những hiểu biết của em về “Truyện Kiều”, hãy trình bày về nghệ thuật miêu tả và khắc hoạ tính cách nhân vật của Nguyễn Du.

I/ Tìm hiểu đề

- Đề yêu cầu phân tích một giá trị nghệ thuật nổi bật của nghệ thuật Truyện Kiều: nghệ thuật xây dựng nhân vật. Có thể nói trong văn học trung đại, không có một tác giả thứ hai nào thành công trong việc miêu tả nhân vật như Nguyễn Du (theo Giáo sư Nguyễn Lộc).

- Chủ yếu sử dụng kiến thức trong các đoạn trích học, có thể vận dụng thêm một số hiểu biết về các nhân vật trong truyện thông qua một vài câu miêu tả mỗi nhân vật.

- Căn cứ vào từng đoạn trích đã học mà khái quát lên đặc điểm bút pháp xây dựng nhân vật của Nguyễn Du, để bố cục bài viết. Không nên phân tích cách viết từng nhân vật, sẽ trùng lặp và thiếu sâu sắc.

II/ Dàn bài chi tiết

A- Mở bài:

- Sức hấp dẫn mạnh mẽ của Truyện Kiều chính là bởi nội dung sâu sắc tình đời được biểu hiện bằng hình thức nghệ thuật đạt đến trình độ mẫu mực của văn chương cổ điển.

- Một trong những thành công xuất sắc của Nguyễn Du là nghệ thuật miêu tả và khắc hoạ tính cách nhân vật.

B- Thân bài :

1. Miêu tả ngoại hình rất độc đáo

Nguyễn Du khắc hoạ ngoại hình mỗi nhân vật hết sức cô đọng mà vẫn in dấu nét mặt, bộ dạng của từng nhân vật, không ai giống ai.

- Thúy Vân, Thúy Kiều đều đẹp, nhưng Vân thì:

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.*

Còn Kiều thì :

*Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.*

- Cũng là trang nam nhi, Từ Hải là anh hùng cho nên chàng hiện ra oai phong lẫm liệt:

*Râu hùm hàm én mày ngài
Vai năm tấc rộng thân mười thước cao.*

Kim Trọng là văn nhân, hiện ra thật nho nhã, hào hoa:

*Tuyết in sắc ngựa câu giòn,
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.*

- Cùng là những kẻ xấu xa, bỉ ổi, nhưng Mã Giám Sinh thì : *Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao* ; còn Sở Khanh thì : *Hình dung trái chuốt áo khăn dịu dàng*.

Nhìn chung, Nguyễn Du miêu tả nhân vật chính diện theo bút pháp ước lệ nhưng có sự sáng tạo nên vẫn sinh động ; tả nhân vật phản diện bằng bút pháp hiện thực như ngôn ngữ đời thường cũng rất sinh động.

2. Miêu tả nội tâm tinh tế và sâu sắc

- Nguyễn Du thường đặt nhân vật vào những cảnh ngộ có kịch tính để nhân vật bộc lộ tâm trạng : Bị đẩy vào lầu xanh, định thoát chết để thoát nhục lại không chết ; bị giam lỏng ở Lầu Ngưng Bích, chưa biết tương lai lãnh dữ ra sao.

- Ông đặc biệt thành công trong miêu tả nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ tự sự của tác giả, qua độc thoại nội tâm và qua tả cảnh ngụ tình :

+ Tâm trạng của Kim Trọng và Thúy Kiều lần đầu tiên gặp nhau được miêu tả qua lời kể của tác giả :

*Người quốc sắc kẻ thiên tài,
Tình trong như đã mặt ngoài còn e.
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,
Rốn ngồi chẳng tiện dứt về chín khôn.*

+ Tâm trạng nhớ người yêu của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích được bộc lộ qua tiếng nói nội tâm của nàng.

+ Tâm trạng cô đơn, lo lắng của Kiều khi một mình ở lầu Ngưng Bích được miêu tả qua cảnh thiên nhiên.

3. Nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật sắc sảo

a) Khắc họa tính cách qua diện mạo, cử chỉ

- **Thúy Vân**: Với vẻ khuôn trăng đầy đặn, hoa cười ngọc thốt cho thấy tính cách đoan trang, phúc hậu.

- **Thúy Kiều** : với đôi mắt như làn thu thủy, nét xuan sơn toát lên tính cách thông minh, đa cảm,...

- **Mã Giám Sinh** : vẻ mặt mày râu nhẵn nhụi, trang phục quần áo bảnh bao, cử chỉ ngời tót sỗ sàng, cho thấy đó là kẻ trai lơ, thô lỗ.

- **Hồ Tôn Hiến** : cái vẻ mặt sắt cũng ngậy vì tình tố cáo bản chất độc ác và dâm ô của viên “trọng thần”.

b) Khắc họa tính cách qua ngôn ngữ đối thoại

- Lời lẽ Từ Hải thường có tính khẳng định thể hiện rõ tính cách khẳng khái, tự tin:

Một lời đã biết đến ta,

Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau

- Thuý Kiều nói với Thúc Sinh : *nghĩa nặng nghìn non, Tại ai há dám phụ lòng cố nhân*, tỏ rõ nàng là con người trọng ân nghĩa.

- Hoạn Thư liệu điều kêu xin : *chút phân đàn bà, ghen tuông thì cũng người ta thường tình*, thì đây quả là con người khôn ngoan, giáo hoạt,...

C- Kết bài :

- Về phương diện xây dựng nhân vật, Nguyễn Du đạt những thành công mà chưa tác giả đương thời nào theo kịp. Nhà thơ thường miêu tả rất súc tích, chỉ cần một vài câu thơ ông đã có thể khắc hoạ rõ nét ngoại hình và tính cách nhân vật. Nhưng tuyệt diệu nhất là nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật.

- Truyện Kiều sống mãi với thời gian phần lớn cũng là do những thành tựu nghệ thuật này.

Bài 10

Câu 1. Đoạn văn

Những cảm xúc, suy nghĩ của em khi đọc khổ thơ

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

(Viếng lăng Bác – Viễn Phương)

Gợi ý :

- Trình bày được những suy nghĩ về tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác, muốn hoá thân nhập vào cảnh vật bên lăng. Đặc biệt, muốn làm cây tre trung hiếu nhập vào cùng hàng tre xanh xanh Việt Nam, nghĩa là nguyện sống đẹp, trung thành với lí tưởng của Bác, của dân tộc.

- Nêu được cảm xúc của mình khi đọc đoạn thơ, về tình cảm của nhà thơ, của nhân dân với Bác.

Câu 2. Đoạn văn

Viết một đoạn văn khoảng sáu câu trình bày cách hiểu của em về hai câu thơ cuối bài ***Sang thu*** (Hữu Thỉnh)

*Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi*

Gợi ý :

- Trong đoạn văn viết cần trình bày được cách hiểu hai câu thơ cả về nghĩa cụ thể và nghĩa ẩn dụ :

+ *Tầng nghĩa thứ nhất* (nghĩa cụ thể) diễn tả ý : sang thu, mưa ít đi, sấm cũng bớt. Hàng cây không còn bị giật mình vì những tiếng sấm bất ngờ nữa. Đó là hiện tượng tự nhiên.

+ *Tầng nghĩa thứ hai* (nghĩa ẩn dụ) : suy ngẫm của nhà thơ về cuộc đời, về con người : khi đã từng trải, con người đã vững vàng hơn trước những tác động bất ngờ

của ngoại cảnh, của cuộc đời.

Câu 3. Tập làm văn

Trong truyện ngắn **Làng**, nhà văn Kim Lân đã thể hiện một cách sinh động và tinh tế diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc.

Em hãy phân tích để làm rõ.

Gợi ý :

1. Yêu cầu về nội dung :

* Đề bài yêu cầu người viết phải vận dụng kiến thức đã học về nghị luận một tác phẩm tự sự để phân tích, làm rõ nghệ thuật thể hiện sinh động, tinh tế diễn biến tâm trạng của nhân vật. Tâm trạng của nhân vật cần làm rõ ở đây là ông Hai trong truyện ngắn **Làng** của nhà văn Kim Lân với diễn biến đầy phức tạp khi nghe tin làng quê mình theo giặc.

* Để làm rõ diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng Dầu theo giặc, ta phải chú ý một số nội dung sau :

- Phân tích hoàn cảnh của ông Hai : rất yêu làng , tự hào, hay khoe về làng, nhưng lại phải xa làng chợ Dầu thân yêu để đi tản cư.
- Tình yêu làng của ông lão lại bị đặt vào một hoàn cảnh gay gắt, đầy thử thách : tin làng chợ Dầu theo giặc, phản bội lại Cách mạng, kháng chiến.
- Ông Hai đã phải trải qua tâm trạng đầy dằn vặt, đau đớn phải đấu tranh tư tưởng rất quyết liệt để lựa chọn con đường đi đúng đắn cho mình.

Diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai trải qua các tình cảm, thái độ khác nhau

+ Thoạt đầu nghe tin làng chợ Dầu theo giặc từ người đàn bà tản cư nói ra, ông lão bàng hoàng, sững sờ, nghi ngờ, không thể tin được.

+ Khi cái tin ấy được khẳng định chắc chắn, ông lão *buộc phải tin*. Tâm trạng ông Hai bị *ám ảnh, day dứt với mặc cảm là kẻ phản bội*.

+ Luôn sống trong tâm trạng *nom nớp, lo sợ, xấu hổ, nhục nhã* nên chôn biệt ở trong nhà.

+ *Tủi thân, thương con, thương dân làng chợ Dầu* và thương thân mình phải mang tiếng là dân làng Việt gian.

- Ông Hai tiếp tục bị đặt vào một tình huống thử thách căng thẳng, quyết liệt hơn khi chủ nhà báo sẽ đuổi hết người làng chợ Dầu khỏi nơi sơ tán.

+ Ông lão cảm nhận hết nỗi *nhục nhã, lo sợ vì tuyệt đường sinh sống*.

+ Bị đẩy vào đường cùng, tâm trạng vô cùng bế tắc. Mâu thuẫn nội tâm được đẩy đến đỉnh điểm.

+ Giận lây và trách cứ những người trong làng phản bội, nhưng lòng yêu làng, tin những người cùng làng khiến ông lão bán tín bán nghi.

+ Định quay về làng, nhưng hiểu rõ thế là phản bội cách mạng, phản bội cụ Hồ.

+ Tâm sự với đứa con để củng cố niềm tin vào cách mạng, kháng chiến; tự nhủ mình *“Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”*.

+ Giữ được tình cảm trung thành với cách mạng, kháng chiến, cụ Hồ.

- Tâm trạng nhân vật được miêu tả cụ thể, gợi cảm qua diễn biến nội tâm, ý nghĩ hành vi, ngôn ngữ nên rất sinh động.
- Ngôn ngữ kể, ngôn ngữ nhân vật đặc sắc, bộc lộ rõ tâm trạng và thái độ của nhân vật.
- Tình huống truyện giúp nhân vật bộc lộ tâm trạng cụ thể, đa dạng.

2. Yêu cầu về hình thức

- Bố cục có đủ ba phần
- Lập luận chặt chẽ, mạch lạc. Dẫn chứng phong phú, tiêu biểu.
- Ngôn ngữ phân tích chính xác, biểu cảm.

Câu 1. Đoạn văn

Hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 10 câu theo cách **tổng hợp – phân tích – tổng hợp**, nội dung trình bày những cảm nhận của em về bức tranh mùa xuân xứ Huế trong đoạn thơ :

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng*

(Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải)

Gợi ý:

- Bố cục đoạn văn theo cách tổng - phân - hợp
 - * Trình bày được những cảm nhận về bức tranh mùa xuân xứ Huế trong đoạn thơ.
- Có thể nói đến các ý sau:
- Chỉ bằng vài nét, Thanh Hải đã phác họa bức tranh mùa xuân xứ Huế với không gian cao rộng, màu sắc tươi thắm đặc trưng của xứ Huế (dẫn chứng)
 - Bức tranh sống động với hình ảnh con chim chiền chiện và tiếng hót vang vọng, tươi vui.
 - Bức tranh đầy sức sống.

Câu 2. Đoạn văn

Mở đầu bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”, Thanh Hải viết:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc*

Em hãy viết một đoạn văn khoảng 8 câu phân tích nét đặc sắc về cách đặt câu trong câu thơ trên.

Gợi ý:

- Phát hiện được cách đặt câu đặc biệt của câu thơ là dùng đảo ngữ: từ “mọc” được đặt ở đầu câu.

- Phân tích được giá trị của cách đặt câu đó:
+ Gợi ấn tượng về sự xuất hiện của bông hoa tím → sức sống mãnh liệt của mùa xuân.

+ Diễn tả cảm xúc ngạc nhiên, thú vị của nhà thơ trước một hình ảnh của mùa xuân

Đoạn tham khảo:

Hình ảnh bông hoa tím biếc mọc lên giữa dòng sông xanh thật nổi bật, thật ấm áp. Động từ “mọc” được đảo lên đầu câu và cả bài thơ khiến ta thấy rõ hơn sự vươn lên khoẻ khoắn và sức sống mãnh liệt của bông hoa. Màu tím biếc của hoa và màu xanh của dòng sông thật hài hoà, đó là những gam màu dịu gọi lên trong mỗi chúng ta cái cảm giác dịu dàng, êm ái thanh bình biết bao. Trong khung cảnh thơ mộng đó bỗng vang lên tiếng hót lạnh lốt của chú chim chiến chiến:

*Ơi! Con chim chiến chiến
Hót chi mà vang trời*

Câu 3. Đoạn văn

*Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến
Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc*

(Mùa xuân nho nhỏ – Thanh Hải)

Em hãy viết một đoạn văn khoảng 10 dòng diễn tả những suy nghĩ về nguyện ước chân thành của Thanh Hải trong đoạn thơ trên.

Gợi ý:

- Nêu và phân tích được những suy nghĩ của bản thân về nguyện ước chân thành của nhà thơ, ví dụ:

+ Đó là nguyện ước hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến cho cuộc đời chung.

+ Ước nguyện đó được Thanh Hải diễn tả bằng những hình ảnh đẹp, sáng tạo.

+ Ước nguyện đó vô cùng cao đẹp.

+ Ước nguyện của nhà thơ cho ta hiểu mỗi người phải biết sống, cống hiến cho cuộc đời – Thế nhưng hiến dâng, hào nhập mà vẫn giữ được nét riêng của mỗi người...

Tham khảo:

Trong cái ước mơ chung cho đất nước, nhà thơ cũng gửi gắm niềm mơ ước riêng thật giản dị:

Ta làm con chim hót

...

Một nốt trầm xao xuyến

Không mơ ước ngưỡng gì to tát, cao siêu ; nhà thơ chỉ ước được làm một tiếng chim hót để cất lên tiếng hót lạnh lốt như con chim chiến chiến, góp phần làm cho mùa xuân quê hương thêm rạo rực, sống động. Nhà thơ nguyện làm một cành hoa, một cành hoa nhỏ bé trong trắng tô điểm thêm cho hương sắc của mùa xuân quê hương đất nước. Thế rồi không mơ làm một nốt nhạc cao vút trong bản hoà ca của dân tộc, nhà thơ khiêm nhường làm một nốt trầm xao xuyến lòng người. Nốt trầm ấy có thể chỉ là một nốt phụ nhưng không thể thiếu bởi nó là một yếu tố góp phần làm nên sự thành công của bản hoà ca. Điệp ngữ *ta làm* được lặp lại nhiều lần như càng nhấn mạnh những ước nguyện tuy đơn sơ, bình dị nhưng không kém phần đa diết, trăn trở của nhà thơ

Nếu như ở khổ thơ trên, nhà thơ xưng *tôi* thì ở khổ thơ này nhà thơ lại xưng *ta* ; đó là biểu tượng cho sự gặp gỡ giữa *cái tôi* và *cái ta*, *cái chung* và *cái riêng*. Ta vừa là số ít (nhà thơ), vừa là số nhiều (tất cả). Dường như ước nguyện của mỗi cá nhân đã hoà vào dòng chảy của muôn người : tất cả đều muốn cống hiến một phần công sức nhỏ bé của mình cho quê hương đất nước!

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Một “mùa xuân nho nhỏ” hay phải chăng cũng là một ẩn dụ cho cuộc đời Thanh Hải: sống là cống hiến, cống hiến là mùa xuân cuộc đời nhà thơ? Nhà thơ khiêm nhường xin làm một “Mùa xuân nho nhỏ” và nếu mỗi người là một “mùa xuân nho nhỏ” thì sẽ có một mùa xuân lớn lao của dân tộc. Thế nhưng, có lẽ điều làm cho người đọc xúc động chính là sự khiêm nhường ấy đồng nghĩa với những hi sinh thầm lặng “lặng lẽ dâng cho đời” và sự hi sinh thầm lặng ấy là vô điều kiện, nó vượt qua mọi không gian, thời gian quy ước:

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc

“Tuổi hai mươi” và “khi tóc bạc” ở đây là hai hình ảnh hoán dụ giàu sức gợi. Nó không những chỉ một đời người từ trẻ đến già mà còn chỉ mọi thế hệ: già cũng như trẻ, gái cũng như trai. Điệp ngữ “dù là” được lấy lại như một lời hứa, lời khẳng định của nhà thơ: sống là phải cống hiến tuyệt đối! Phải chăng đó chính là lẽ sống đầy trách nhiệm mà Thanh Hải muốn nhắn gửi đến chúng ta?

Bài 11

Câu 1. Đoạn văn

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

(Sang thu – Hữu Thỉnh)

Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp của hình ảnh “đám mây mùa hạ” trong khổ thơ trên.

Gợi ý :

Đoạn văn có thể gồm các ý:

- Hình ảnh được cảm nhận tinh tế kết hợp với trí tưởng tượng của nhà thơ
- Diễn tả đám mây mùa hạ còn sót lại trên bầu trời mùa thu trong xanh, mỏng, kéo dài nhẹ trôi rất hững hờ như còn vương vấn, lưu luyến không lỡ rời xa, cảnh có hồn.
- Đó là hình ảnh gợi rõ cảm giác giao mùa, hạ đã qua mà thu chưa đến hẳn

Câu 2. Đoạn văn

Bằng đoạn văn khoảng 8 câu, có câu đơn trần thuật (gạch chân câu đơn trần thuật đó), em hãy giới thiệu về bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương.

Gợi ý:

Về nội dung, đoạn văn cần có các ý sau

- Năm 1976, một năm sau khi đất nước được thống nhất, nhà thơ Viễn Phương – người con của miền Nam – ra thăm miền Bắc, vào viếng lăng Bác Hồ.
- Bài thơ được sáng tác trong dịp đó và in trong tập “Như mấy mùa xuân” (1978).
- Bài thơ có giọng điệu tha thiết, trang trọng; nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm; ngôn ngữ bình dị mà cô đúc
- Bằng cảm xúc chân thành, Viễn Phương đã thể hiện được trong bài thơ lòng thành kính thiêng liêng, niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của nhân dân đối với Bác.

Câu 3. Tập làm văn

Giá trị nhân đạo trong “chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ

I/ Tìm hiểu đề

- Đề yêu cầu phân tích một giá trị nội dung của tác phẩm – giá trị nhân đạo. Giá trị nhân đạo thể hiện trong tác phẩm văn chương còn gọi là giá trị nhân văn.
- Văn học trung đại Việt Nam thường biểu hiện tiếng nói nhân văn ở sự trân trọng mọi phẩm giá con người, đồng tình thông cảm với khát vọng của con người, đồng cảm với số phận bi kịch của con người và lên án những thế lực bạo tàn chà đạp lên con người
- Dựa vào những điều cơ bản trên, người viết soi chiếu và “Chuyện người con gái Nam Xương” để phân tích những biểu hiện cụ thể về nội dung nhân văn trong tác phẩm. Từ đó đánh giá những đóng góp của Nguyễn Dữ vào tiếng nói nhân văn của văn học thời đại ông.
- Tuy cần dựa vào số phận bi thương của nhân vật Vũ Nương để khai thác vấn đề, nhưng nội dung bài viết phải rộng hơn bài phân tích nhân vật, do đó cách trình bày phân tích cũng khác.

II/ Dàn bài chi tiết

A- Mở bài:

- Từ thế kỉ XVI, xã hội phong kiến Việt Nam bắt đầu khủng hoảng, vấn đề số phận con người trở thành mối quan tâm của văn chương, tiếng nói nhân văn trong các tác phẩm văn chương ngày càng phát triển phong phú và sâu sắc.

- Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ là một trong số đó. Trong 20 thiên truyện của tập truyện kì, “chuyện người con gái Nam Xương” là một trong những tác phẩm tiêu biểu cho cảm hứng nhân văn của Nguyễn Dữ.

B- Thân bài:

1. Tác giả hết lời ca ngợi vẻ đẹp của con người qua vẻ đẹp của Vũ Nương, một phụ nữ bình dân

- Vũ Nương là con nhà nghèo (“thiếp vốn con nhà khó”), đó là cái nhìn người khá đặc biệt của tư tưởng nhân văn Nguyễn Dữ.

- Nàng có đầy đủ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: thủy mị, nét na. Đối với chồng rất mực dịu dàng, đầm thắm thủy chung; đối với mẹ chồng rất mực hiếu thảo, hết lòng phụ dưỡng; đối với con rất mực yêu thương.

- Đặc biệt, một biểu hiện rõ nhất về cảm hứng nhân văn, nàng là nhân vật để tác giả thể hiện khát vọng về con người, về hạnh phúc gia đình, tình yêu đôi lứa:

+ Nàng luôn vun vén cho hạnh phúc gia đình.

+ Khi chia tay chồng đi lính, không mong chồng lập công hiển hách để được “án phong hầu”, nàng chỉ mong chồng bình yên trở về.

+ Lời thanh minh với chồng khi bị nghi oan cũng thể hiện rõ khát vọng đó: “Thiếp sở dĩ nương tựa và chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất”

Tóm lại : dưới ánh sáng của tư tưởng nhân văn đã xuất hiện nhiều trong văn chương, Nguyễn Dữ mới có thể xây dựng một nhân vật phụ nữ bình dân mang đầy đủ vẻ đẹp của con người. Nhân văn là đại diện cho tiếng nói nhân văn của tác giả.

2. Nguyễn Dữ trân trọng vẻ đẹp của Vũ Nương bao nhiêu thì càng đau đớn trước bi kịch cuộc đời của nàng bấy nhiêu.

- Đau đớn vì nàng có đầy đủ phẩm chất đáng quý và lòng tha thiết hạnh phúc gia đình, tận tụy vun đắp cho hạnh phúc đó lại chẳng được hưởng hạnh phúc cho xứng với sự hi sinh của nàng:

+ Chờ chồng đăng đẳng, chồng về chưa một ngày vui, sóng gió đã nổi lên từ một nguyên cớ rất vu vơ (Người chồng chỉ dựa vào câu nói ngây thơ của đứa trẻ đã khăng khăng kết tội vợ).

+ Nàng hết mực van xin chàng nói rõ mọi nguyên cớ để cởi tháo mọi nghi ngờ; hàng xóm rõ nỗi oan của nàng nên kêu xin giúp, tất cả đều vô ích. Đến cả lời than khóc xót xa tột cùng “*Nay đã bình rơi trâm gãy, ... sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió, ... cái én lìa đàn, ...*” mà người chồng vẫn không động lòng.

+ Con người trong trắng bị xúc phạm nặng nề, bị đập vùi tàn nhẫn, bị đẩy đến cái chết oan khuất

→ *Bi kịch đời nàng là tấn bi kịch cho cái đẹp bị chà đạp nát tan, phủ phàng.*

3. Nhưng với tấm lòng yêu thương con người, tác giả không để cho con người trong sáng cao đẹp như nàng đã chết oan khuất.

- Mượn yếu tố kì ảo của thể loại truyền kì, diễn tả Vũ Nương trở về để được rửa sạch nỗi oan giữa thanh thiên bạch nhật, với vẻ đẹp còn lộng lẫy hơn xưa.

- Nhưng Vũ Nương được tái tạo khác với các nàng tiên siêu thực : nàng vẫn khát vọng hạnh phúc trần thế (ngâm ngùi, tiếc nuối, chua xót khi nói lời vĩnh biệt “*thiếp chẳng thể về với nhân gian được nữa*”).

- Hạnh phúc vẫn chỉ là ước mơ, hiện thực vẫn quá đau đớn (hạnh phúc gia đình tan vỡ, không gì hàn gắn được).

4. Với niềm xót thương sâu sắc đó, tác giả lên án những thế lực tàn ác chà đạp lên khát vọng chính đáng của con người.

- XHPK với những hủ tục phi lí (trọng nam khinh nữ, đạo tòng phu,...) gây bao nhiêu bất công. Hiện thân của nó là nhân vật Trương Sinh, người chồng ghen tuông mù quáng, vũ phu.

- Thế lực đồng tiền bạc ác (Trương Sinh con nhà hào phú, một lúc bỏ ra 100 lạng vàng để cưới Vũ Nương). Thời này đạo lí đã suy vi, đồng tiền đã làm đen bạc tình nghĩa con người.

→ Nguyễn Dữ tái tạo truyện cổ Vợ chàng Trương, cho nó mạng dấp dấp của thời đại ông, XHPKVN thế kỉ XVI.

C- Kết bài:

- “*Chuyện người con gái Nam Xương*” là một thiên truyện kì giàu tính nhân văn. Truyện tiêu biểu cho sáng tạo của Nguyễn Dữ về số phận đầy tính bi kịch của người phụ nữ trong chế độ phong kiến.

- Tác giả thấu hiểu nỗi đau thương của họ và có tài biểu hiện bi kịch đó khá sâu sắc.

Bài 12

Bài tập rèn luyện kĩ năng dựng đoạn

Đoạn văn diễn dịch

1. Em hãy viết một đoạn văn theo kiểu diễn dịch (toàn thể – bộ phận) như đã được sử dụng trong đoạn văn sau:

Chẳng có nơi nào như sông Thao quê tôi, rừng cọ trập trùng. Thân cọ cao vút. Búp cọ dài như thanh kiếm sắc. Lá cọ tròn xoè ra nhiều phiến nhọn dài.

(Nguyễn Thái Vận)

Gợi ý:

Đoạn văn được viết theo kiểu toàn thể – bộ phận. Đó là đoạn văn câu đầu chỉ ý toàn thể, những câu sau chỉ bộ phận của toàn thể đó.

Ví dụ:

Chú chuồn chuồn nước mới đẹp làm sao! Màu vàng trên lưng chú lấp lánh. Bốn cái cánh mỏng như giấy bóng. Cái đầu tròn và hai con mắt long lanh như thủy tinh. Thân chú nhỏ và thon vàng như màu vàng của nắng mùa thu.

(Nguyễn Thế Hội)

Mới dạo nào, những cây ngô còn lấm tấm như mạ non, thế mà nay đã thành cây

rung rung trước gió. Những lá ngô rộng, dài, trở ra mạnh mẽ, nồn nà. Núp trong cuống lá, những bắp ngô non nhú lên và lớn dần. Mình nó có nhiều khía vàng và những sợi râu ngô được bọc trong làn áo mỏng óng ánh.

(Nguyễn Hồng)

Đoạn văn quy nạp

Cho câu chủ đề sau đây đứng ở cuối đoạn. Em hãy viết những câu khác vào trước câu chủ đề này để tạo thành một đoạn văn theo kiểu quy nạp.

Trong thơ Bác, ánh trăng luôn luôn tràn đầy.

Gợi ý:

Trăng đã đi vào rất nhiều bài thơ của mọi thế hệ thi sĩ. Trăng cũng đã đi vào thơ Bác ở nhiều bài thơ thuộc những giai đoạn khác nhau. Trăng đã là ánh sáng, là thanh bình, là hạnh phúc, là ước mơ, là niềm an ủi, là người bạn tâm tình của Bác. ánh trăng làm cho cái đẹp của cảnh vật trở nên êm đềm, sâu sắc, làm cho cảm nghĩ của con người thêm thâm trầm, trong trẻo. *Trong thơ Bác, ánh trăng luôn luôn tràn đầy.*

Hoặc

Quan lại vì tiền mà bất chấp công lí; sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông; Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người; Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm; Khuyển Ưng vì tiền mà lao vào tội ác. *Cả một xã hội chạy theo tiền.*

Đoạn văn tổng – phân – hợp

1. Vì sao đoạn văn sau đây được gọi là đoạn văn có kiểu kết cấu tổng phân hợp

Tiếng Việt của chúng ta rất đẹp: đẹp như thế nào, đó là điều rất khó nói. Chúng ta không thể nói tiếng ta đẹp như thế nào, cũng như chúng ta không thể nào phân tích cái đẹp của ánh sáng, của thiên nhiên. Nhưng đối với chúng ta là người Việt Nam, chuiúng ta cảm thấy và thưởng thức một cách tự nhiên cái đẹp của tiếng nước ta, tiếng nói của quần chúng nhân dân trong ca dao và dân ca, lời của các nhà văn lớn. Có lẽ tiếng Việt của chúng ta đẹp, bởi vì tâm hồn của người Việt Nam ta rất đẹp, bởi vì đời sống, cuộc đấu tranh của nhân dân ta từ trước tới nay là cao quý, là vĩ đại, nghĩa là rất đẹp.

(Phạm Văn Đồng)

2. Dựa vào nội dung gợi ý sau đây, em hãy viết thành một đoạn văn theo kiểu kết cấu tổng phân hợp.

- “*Bình Ngô đại cáo*” là một áng văn chương bất hủ.

Gợi ý:

“*Bình Ngô đại cáo*” là áng văn chương yêu nước bất hủ của Nguyễn Trãi, là niềm tự hào của văn học cổ Việt Nam. Tư tưởng chủ đạo của toàn bộ áng văn chương này là niềm tự hào dân tộc của một đất nước đã giành được thắng lợi vẻ vang, đem lại hoà bình, độc lập cho toàn dân sau cuộc kháng chiến mười năm chống giặc Minh đầy gay go, gian khổ nhưng cũng đầy những chiến công hiển hách. Lời lẽ của bài cáo

vừa rắn rỏi mạnh mẽ, vừa sống động, cụ thể, vừa hào hùng khoáng đạt. “*Bình Ngô đại cáo*” đúng là một “*thiên cổ hùng văn*” có một không hai trong nền văn học yêu nước truyền thống của dân tộc.

Bài 13

Câu 1. Đoạn văn

Hãy tóm tắt truyện ngắn “*Những ngôi sao xa xôi*” bằng một đoạn văn khoảng 20 câu. Trong đó có câu dùng thành phần tình thái (gạch chân thành phần tình thái đó).

Gợi ý:

Đoạn tóm tắt gồm các ý:

- Tổ trình sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn gồm ba nữ thanh niên xung phong rất trẻ là Phương Định, Nho và tổ trưởng là chị Thao.
- Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ và phá bom.
- Công việc của họ nguy hiểm, thường xuyên đối mặt với thần chết.
- Cuộc sống của họ gian khổ, hiểm nguy nhưng họ vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những phút thanh thản mơ mộng và dù mỗi người một tính, họ vẫn rất yêu thương nhau.
- Phương Định là cô gái mơ mộng, hồn nhiên và dũng cảm.
- Phần cuối truyện kể về hành động, các nhân vật trong lúc chăm sóc Nho bị thương khi phá bom.

Câu 2. Đoạn văn

Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ xuất hiện nhiều yếu tố kì ảo.

Hãy chỉ ra các yếu tố kì ảo ấy và cho biết tác giả muốn thể hiện điều gì khi đưa ra những yếu tố kì ảo vào một câu chuyện quen thuộc ?

Gợi ý:

* Về nội dung :

- Đề bài yêu cầu phân tích một nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện nhằm mục đích làm rõ ý nghĩa chi tiết đó trong việc thể hiện nội dung tác phẩm và tư tưởng của tác giả
- Cần chỉ ra được các chi tiết kì ảo trong câu chuyện :
 - + Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa
 - + Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp; gặp lại Vũ Nương, được sứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.
 - + Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến mất.
- ý nghĩa của các chi tiết huyền ảo:
 - + Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, khao khát được phụ hồi danh dự.

- + Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.
- + thể hiện ước mơ về lẽ công bằng ở đời của nhân dân
- + Tăng thêm ý nghĩa tố cáo hiện thực của xã hội.

* Về hình thức:

- Câu trả lời ngắn gọn, giải thích làm rõ yêu cầu của đề bài.
- Các ý có sự liên kết chặt chẽ.
- Trình bày rõ ràng, mạch lạc.

Câu 3. Đoạn văn

Tình huống nào bộc lộ sâu sắc tình yêu làng và lòng yêu nước của nhân vật ông Hai? Nhận xét về nghệ thuật xây dựng tình huống truyện của tác giả?

Gợi ý:

Tình huống làm bộc lộ sâu sắc lòng yêu làng, yêu nước ở nhân vật ông Hai là khi ở nơi tản cư lúc nào cũng da diết nhớ về làng và tự hào về nó thì bỗng nghe được tin làng mình đã lập tề theo giặc. Chính tình huống ấy đã cho thấy lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến đã bao trùm và chi phối tình cảm quê hương ở ông Hai, đồng thời làm bộc lộ sâu sắc và cảm động tình yêu làng, yêu nước ở ông.

- Đánh giá nghệ thuật xây dựng tình huống:

Câu 4. Tập làm văn

... “Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc...”

Hãy phân tích hai khổ thơ trên để làm rõ tâm nguyện cao đẹp của Thanh Hải : *muốn được cống hiến phần tốt đẹp – dù nhỏ bé của cuộc đời mình cho cuộc đời chung – cho đất nước.*

Gợi ý:

A- Mở bài :

- Giới thiệu bài thơ “*Mùa xuân nho nhỏ*”, và đoạn trích hai khổ thơ trên.
- Giới thiệu nhận xét về hai khổ thơ trên (như đề bài đã nêu)

B- Thân bài :

* Từ cảm xúc về mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước, nhà thơ có khát vọng thiết tha, làm “mùa xuân nho nhỏ” dâng cho đời.

1. Ước nguyện được sống đẹp, sống có ích cho đời.

Muốn làm con chim hót, cành hoa, nốt trầm xao xuyến trong bản hoà ca → Phân tích các hình ảnh này để thấy vẻ đẹp ước nguyện của Thanh Hải.

- Điệp ngữ “*Ta làm...*”, “*Ta nhập vào...*” diễn tả một cách tha thiết khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước được cống hiến phần tốt đẹp – dù nhỏ bé của cuộc đời mình cho cuộc đời chung – cho đất nước.

- Điều tâm niệm ấy được thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh thơ đẹp một cách tự nhiên giản dị.

- + “*Con chim hót*”, “*một cành hoa*”, đó là những hình ảnh đẹp của thiên nhiên. ở khổ thơ đầu, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên đã được miêu tả bằng hình ảnh “*một bông hoa tím biếc*”, bằng âm thanh của tiếng chim chiền chiện “*hót chi mà vang trời*”. ở khổ thơ này, tác giả lại mượn những hình ảnh ấy để nói lên ước nguyện của mình : ***đem cuộc đời mình hoà nhập và cống hiến cho đất nước.***

2. Ước nguyện ấy được thể hiện một cách chân thành, giản dị, khiêm nhường

- Nguyện làm những nhân vật bình thường nhưng có ích cho đời

- + Giữa mùa xuân của đất nước, tác giả xin làm một “*con chim hót*”, làm “*Một cành hoa*”. Giữa bản “hoà ca” tươi vui, đầy sức sống của cuộc đời, nhà thơ xin làm “*một nốt trầm xao xuyến*”. Điệp từ “*một*” diễn tả sự ít ỏi, nhỏ bé, khiêm nhường.

- ý thức về sự đóng góp của mình: dù nhỏ bé nhưng là cái tinh túy, cao đẹp của tâm hồn mình góp cho đất nước.

- Hiểu mỗi quan hệ riêng chung sâu sắc: chỉ xin làm một nốt trầm khiêm nhường trong bản hoà ca chung.

- + Những hình ảnh *con chim, cành hoa, nốt nhạc trầm* cuối cùng dồn vào một hình ảnh thật đặc sắc: “*Một mùa xuân nho nhỏ – Lặng lẽ dâng cho đời*”. Tất cả là những hình ảnh ẩn dụ mang vẻ đẹp giản dị, khiêm nhường, thể hiện thật xúc động điều tâm niệm chân thành, tha thiết của nhà thơ.

- + Bằng giọng thơ nhỏ nhẹ, sâu lắng, ước nguyện của Thanh Hải đã đi vào lòng người đọc, và lung linh trong ánh sáng của một nhân sinh quan cao đẹp: Mỗi người phải mang đến cho cuộc đời chung một nét đẹp riêng, phải cống hiến cái phần tinh túy, dù nhỏ bé, cho đất nước, và phải không ngừng cống hiến “*Dù là tuổi hai mươi – Dù là khi tóc bạc*”. Đó mới là ý nghĩa cao đẹp của đời người.

- Sự thay đổi trong cách xưng hô “*tôi*” sang “*ta*” mang ý nghĩa rộng lớn là ước nguyện chung của nhiều người.

- Hình ảnh “*mùa xuân nho nhỏ*” đầy bất ngờ thú vị và sâu sắc: đặt cái vô hạn của trời đất bên cạnh cái hữu hạn của đời người, tìm ra mối quan hệ cá nhân và xã hội.

- Ước nguyện dâng hiến ấy thật lặng lẽ, suốt đời, sống đẹp để.

GV mở rộng:

Giữa hai phần của bài thơ có sự chuyển đổi đại từ nhân xưng của chủ thể trữ tình “*tôi*” sang “*ta*”. Điều này hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên mà đã được tác giả sử dụng như một dụng ý nghệ thuật, thích hợp với sự chuyển biến của cảm xúc và tư tưởng trong bài thơ. Chữ “*tôi*” trong câu thơ “*tôi đưa tay tôi hứng*” ở khổ đầu vừa thể hiện một cái “*tôi*” cụ thể rất riêng của nhà thơ vừa thể hiện sự nâng niu, trân trọng

với vẻ đẹp và sự sống của mùa xuân. Nếu thay bằng chữ “ta” thì hoàn toàn không thích hợp với nội dung cảm xúc ấy mà chỉ vẽ ra một tư thế có vẻ phô trương. Còn trong phần sâu, khi bày tỏ điều tâm niệm tha thiết như một khát vọng được dâng hiến những giá trị tinh túy của đời mình cho cuộc đời chung thì đại từ “ta” lại tạo được sắc thái trang trọng, thiêng liêng của một lời nguyện ước. Hơn nữa, điều tâm nguyện ấy không chỉ là của riêng nhà thơ, cái “tôi” của tác giả đã nói thay cho nhiều cái tôi khác, nó nhất thiết phải hoá thân thành cái ta. Nhưng “ta” mà không hề chung chung vô hình mà nhận ra được một giọng riêng nhỏ nhẹ, khiêm nhường, đầm thắm của cái “tôi” Thanh Hải : muốn được làm một nốt trầm xao xuyến trong bản hoà ca một cách lặng lẽ chứ không phô trương, ồn ào.

*** *Khổ thơ thể hiện xúc động một vấn đề nhân sinh lớn lao.***

Đặt khổ thơ trong mối quan hệ với hoàn cảnh của Thanh Hải lúc ấy, ta càng hiểu hơn vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ.

C- Kết bài :

- Tất cả đều thật đáng yêu, đáng trân trọng, đáng khâm phục.
- Chỉ một “mùa xuân nho nhỏ” nhưng ý nghĩa bài thơ lại rất lớn lao, cao đẹp.

Bài 14

Câu 1 . Tập làm văn

Phân tích bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương.

I/ Tìm hiểu đề

*** Nội dung:**

- Bài thơ thể hiện lòng thành kính đối với Bác Hồ khi nhà thơ từ Miền Nam ra Hà Nội thăm và viếng lăng Bác.
- Mạch cảm xúc và suy nghĩ của bài thơ: thương tiếc và tự hào khi nhìn thấy lăng; khi đến bên lăng; khi vào lăng và cũng là niềm ước muốn thiết tha được hoá thân để được gần Bác.

*** Nghệ thuật:**

- Âm điệu thiết tha, sâu lắng (giọng điệu), hình ảnh ẩn dụ, từ ngữ gợi cảm.

Dàn bài

I/ Mở bài:

- Nhân dân miền Nam tha thiết mong ngày đất nước được thống nhất để được đến MB thăm Bác

“ Miền Nam mong Bác nỗi mong cha ”

(“Bác ơi!” Tô Hữu)

- Bác ra đi để lại nỗi tiếc thương vô hạn với cả dân tộc. Sau ngày thống nhất, nhà thơ ra Hà Nội thăm lăng Bác, với cảm xúc dâng trào → sáng tác thành công bài thơ “Viếng lăng Bác”.

II/ Thân bài:

- 4 khổ thơ, mỗi khổ 1 ý (nội dung) nhưng được liên kết trong mạch cảm xúc.

1. Khổ thơ 1: Cảm xúc của nhà thơ trước lăng Bác

+ Nhà thơ ở tận MN, sau ngày thống nhất ra thăm lăng bác → Sự đồng nén, kết tinh ấy đã tạo ra tiếng thơ cô đúc, lắng đọng mà âm vang về Bác.

+ Cách xưng hô: “Con” thân mật, gần gũi.

+ ấn tượng ban đầu là ‘hàng tre quanh lăng’ – hàng tre biểu tượng của con người Việt Nam

- “Hàng tre bát ngát” : rất nhiều tre quanh lăng Bác như khắp các làng quê VN, đâu cũng có tre.

- “Xanh xanh VN”: màu xanh hiền dịu, tươi mát như tâm hồn, tính cách người Việt Nam.

- “Đứng thẳng hàng” : như tư thế dáng vóc vững chãi, tề chỉnh của dân tộc Việt nam.

→ K1 – không dừng lại ở việc tả khung cảnh quanh lăng Bác với hàng tre có thật mà còn gợi ra ý nghĩa sâu xa. Đến với Bác chúng ta gặp được dân tộc và nơi Bác yên nghỉ cũng xanh mát bóng tre của làng quê VN.

2. Khổ 2: đến bên lăng – tác giả thể hiện tình cảm kính yêu sâu sắc của nhân dân với Bác.

+ Hai cặp câu với những hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ

Mặt trời đi qua trên lăng /

Mặt trời trong lăng rất đỏ

Dòng người.../ tràng hoa...

- Suy ngẫm về mặt trời của thời gian (mặt trời thực): mặt trời vẫn toả sáng trên lăng, vẫn tuần hoàn tự nhiên và vĩnh cửu.

- Từ mặt trời của tự nhiên liên tưởng và ví Bác cũng là 1 mặt trời – mặt trời cách mạng đem đến ánh sáng cho cuộc đời, hạnh phúc cho con người → nói lên sự vĩ đại, thể hiện sự tôn kính của nhân dân của tác giả đối với Bác.

+ Hình ảnh dòng người / tràng hoa dâng lên 79 mùa xuân của Bác → sự so sánh đẹp, chính xác, mới lạ thể hiện tình cảm thương nhớ, kính yêu và sự gắn bó của nhân dân với Bác.

3. Khổ 3: cảm xúc của tác giả khi vào trong lăng

+ Không gian trong lăng với sự yên tĩnh thiêng liêng và ánh sáng thanh khiết, dịu nhẹ được diễn tả : hình ảnh ẩn dụ thích hợp “vầng trăng sáng dịu hiền” – nâng niu giấc ngủ bình yên của Bác.

- Giấc ngủ bình yên: cảm giác Bác vẫn còn, đang ngủ một giấc ngủ ngon sau một ngày làm việc.

- Giấc ngủ có ánh trăng vỗ về. Trong giấc ngủ vĩnh hằng có ánh trăng làm bạn.

+ “Vẫn biết trời xanh Trong tim” : Bác sống mãi với trời đất non sông, nhưng lòng vẫn quặn đau, một nỗi đau nhức nhối tận tâm can → Niềm xúc động thành kính và nỗi đau xót của nhà thơ đã được biểu hiện rất chân thành, sâu sắc.

4. Khổ 4 : Tâm trạng lưu luyến không muốn rời.

+ Nghĩ ngày mai xa Bác lòng bịn rịn, lưu luyến

- + Muốn làm con chim, bông hoa → để được gần Bác.
- + Muốn làm cây tre “trung hiếu” để làm tròn bổn phận thực hiện lời dạy “trung với nước, hiếu với dân”.

→ Nhịp dồn dập, điệp từ “muốn làm” nhắc ba lần mở đầu cho các câu → thể hiện nỗi thiết tha với ước nguyện của nhà thơ.

III/ Kết bài:

- Âm hưởng bài thơ tha thiết sâu lắng cùng với nghệ thuật ẩn dụ làm tăng hiệu quả biểu cảm.
- Bài thơ thể hiện tâm lòng của nhân dân, tác giả đối với Bác.

Câu 2. Đoạn văn

Cho câu thơ sau:

“Hỏi tên rằng Mã Giám Sinh”

- ...
- Chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo.
 - Đoạn thơ vừa chép nằm trong đoạn trích nào? Hãy cho biết vị trí đoạn trích trong tác phẩm.
 - Phân tích đoạn thơ vừa chép bằng một đoạn văn có cách trình bày theo kiểu **tổng – phân – hợp**, có độ dài từ 5 – 7 câu, làm rõ bản chất của nhân vật họ Mã.

Gợi ý :

- Khép chính xác các câu thơ tả hình dáng
- + Nêu tên đoạn trích.
 - + Nêu vị trí của đoạn trích
- Phân tích 8 câu thơ để làm rõ bản chất của họ Mã :
 - + Diện mạo : vẻ ngoài chải chuốt, lỗ lã, không phù hợp với lứa tuổi, che đậy sự giả dối
 - + Cử chỉ, thái độ : thô lỗ, bất lịch sự đến trơ trẽn, hỗn hào.
- **Hình thức :**
 - + Một đoạn văn dài từ 5 - 7 câu
 - + Cách trình bày đoạn văn : tổng – phân – hợp (câu chốt nằm ở đầu và cuối đoạn văn)
 - + Các câu văn liên kết chặt chẽ.

Câu 2. Đoạn văn

Viết đoạn văn (khoảng 6 câu) giới thiệu những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp của Chế Lan Viên và bài thơ “Con cò”. Trong đó có dùng câu ghép (gạch chân câu ghép đó).

Gợi ý:

* Về nội dung cần có các ý sau

- Chế Lan Viên (1920 – 1989) tên khai sinh là Phan Ngọc Hoan, quê ở Cam Lộ – Quảng Trị nhưng lớn lên ở Bình Định.
- Trước Cách mạng Tháng 8 – 1945 ông đã nổi tiếng trong phong trào “Thơ mới” với tập thơ “Điều tàn” (1937).
- Trong 50 năm sáng tác, có nhiều tác phẩm gây được tiếng vang trong công chúng.
- Là tên tuổi hàng đầu trong nền thơ ca Việt Nam thế kỉ XX
- 1996, ông được Nhà nước truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.
- Bài thơ “Con cò” sáng tác năm 1962. In trong tập “Hoa ngày thường – Chim báo bão” (1967) của Chế Lan Viên.

Bài 15

Câu 1. Tập làm văn

1. Yêu cầu về nội dung:

Nhận xét về số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến, Nguyễn Du đã xót xa:

Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung

Bằng các tác phẩm đã học: “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và những đoạn trích đã học của “Truyện Kiều” (Nguyễn Du), em hãy làm rõ điều đó.

Gợi ý:

* Học sinh phải vận dụng những kiến thức đã học về văn bản và kiểu văn bản nghị luận văn học để giải quyết vấn đề đặt ra : số phận đầy đau khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

* Qua hai tác phẩm đã học: “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và “Truyện Kiều” của Nguyễn Du, ta cần làm rõ những nỗi đau khổ mà người phụ nữ phải gánh chịu.

- Nàng Vũ Nương là nạn nhân của chế độ phong kiến nam quyền đầy bất công đối với người phụ nữ.

+ Cuộc hôn nhân của Vũ Nương với Trương Sinh có phần không bình đẳng (Trương Sinh xin mẹ mang trăm lạng vàng cưới Vũ Nương về làm vợ) – sự cách bức giàu nghèo khiến Vũ Nương luôn sống trong mặc cảm “*thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu*”, và cũng là cái thế để Trương Sinh đối xử với vợ một cách vũ phu, thô bạo và gia trưởng.

+ Chỉ vì lời nói con trẻ ngây thơ mà Trương Sinh tin nên đã hồ đồ đoán mắng nhiếc đánh đuổi vợ di, không cho nàng thanh minh, Vũ Nương buộc phải tìm đến cái chết oan khuất để tự minh oan cho mình.

+ Cái chết đầy oan ức của Vũ Nương cũng không hề làm cho lương tâm Trương

Sinh day dứt. Anh ta cũng không hề bị xã hội lên án. Ngay cả khi biết Vũ Nương bị nghi oan, Trương Sinh cũng coi nhẹ vì việc đã qua rồi. Kẻ bức tử Vũ Nương coi mình hoàn toàn vô can.

- Nàng Kiều lại là nạn nhân của xã hội đồng tiền đen bạc
- + Vì tiền mà bọn sai nha gây nên cảnh tan tác, chia lìa gia đình Kiều.

“ Một ngày lạ thói sai nha

Làm cho khốc liệt chẳng qua vì tiền ”

+ Để có tiền cứu cha và em khỏi bị đánh đập, Kiều đã phải bán mình cho Mã Giám Sinh – một tên buôn thịt bán người, để trở thành món hàng cho hắn cân đong, đo đếm, cò kè, mặc cả, ngã giá...

+ Cũng vì món lợi đồng tiền mà Mã Giám Sinh và Tú Bà đã đẩy Kiều vào chốn lầu xanh nhơ nhớp, khiến nàng phải đau đớn, cay đắng suốt mười lăm năm lưu lạc, phải *“thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần”*.

- Những người phụ nữ như Vũ Nương, Thuý Kiều đều phải tìm đến cái chết để giải mọi nỗi oan ức, để giải thoát cuộc đời đầy đau khổ, oan nghiệt của mình.

2. Yêu cầu về hình thức:

- Biết vận dụng kiến thức về nghị luận chứng minh để lập luận tạo thành một bài văn chứng minh hoàn chỉnh.

- Bố cục bài viết có đủ 3 phần

- Biết dùng dẫn chứng trực tiếp và gián tiếp để chứng minh.

- Diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.

Câu 2. Đoạn văn

Dòng thơ thứ 7 trong bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu có gì đặc biệt ? Vị trí của dòng thơ ấy trong mạch cảm xúc của bài thơ ?

Gợi ý :

Dòng thơ thứ 7 của bài thơ chỉ có một từ *Đồng chí* với một dấu chấm than. Hai tiếng ấy vang lên như một niềm xúc động sâu xa được thốt lên thành lời, đồng thời thể hiện niềm vui mừng, cảm động, tin tưởng với những người đồng đội khi đã thấu hiểu ý nghĩa và giá trị của tình đồng chí.

Những câu trước dòng thơ này là sự lí giải về cơ sở hình thành của tình đồng chí. Còn sau dòng thơ này là những biểu hiện cụ thể , cảm động về tình đồng chí, sức mạnh và vẻ đẹp của tình cảm ấy trong cuộc đời người lính.

Câu 3. Đoạn văn

Trong hai câu thơ :

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

Từ *giọt* có người hiểu là *giọt mưa xuân*, có người lại cho là *giọt âm thanh* tiếng chim ở câu thơ trước đó. Nêu cách hiểu của em và phân tích hai câu thơ trên.

Gợi ý :

Hiểu từ *giọt* trong hai câu thơ trên là *giọt mưa* (hay giọt sương) cũng có chỗ hợp lí. Mưa xuân cũng là một nét quen thuộc của khung cảnh mùa xuân và dễ gợi cảm xúc

xôn xao trong lòng người, vì mưa xuân thường nhẹ và ấm không giá lạnh như trong tiết đông. Nhưng cũng có chỗ chưa thật hợp lí, vì mưa xuân thường là mưa bụi, mưa nhỏ, khó có thể tạo thành từng giọt long lanh rơi. Cách hiểu giọt là giọt âm thanh tiếng chim chiền chiện xuất phát từ chỗ cho rằng giữa câu thơ này với hai dòng thơ trước nó là liền mạch. Hiểu như vậy thì câu thơ, không dừng lại ở tả thực mà là biểu hiện một sự chuyển đổi cảm giác : Tiếng hót lạnh lớt, vang vọng vừa con chim chiền chiện được cảm nhận hư một dòng âm thanh tuôn chảy và trong ánh sáng tươi r rỡ của trời xuân, giọt âm thanh cũng long lanh và nhà thơ nâng niu, trân trọng đưa tay đón lấy từng giọt. Tuy nhiên, cách hiểu sau có vẻ không quen thuộc với bút pháp vốn bình dị của nhà thơ Thanh Hải.

Bài 16

Câu 1. Đoạn văn

Tác giả Nguyễn Thành Long gọi truyện *Lặng lẽ Sa Pa* là *một bức chân dung*. Hãy chứng minh ý kiến ấy.

Gợi ý :

Nhà văn Nguyễn Thành Long có viết : Nghĩ cho cùng, *Lặng lẽ Sa Pa* là một bức chân dung, như tôi có nói trong đó. Truyện có nhiều nhân vật, nhưng nhân vật chính là anh thanh niên một mình công tác ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn 2600m, và bức chân dung trong truyện chính là hình ảnh nhân vật ấy. Nhưng vì sao tác giả lại gọi truyện của mình là một bức chân dung ?

Thứ nhất, vì tác giả chỉ để cho nhân vật này xuất hiện trong một khoảnh khắc ngắn ngủi là cuộc gặp gỡ với bác lái xe và hai người khách trên chuyến xe - ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ. Tác giả không viết một truyện tả tỉ mỉ về cuộc sống và công việc của người thanh niên ấy. Những điều đó chỉ được anh ta và bác lái xe kể lại vắn tắt, nó cũng hiện ra qua sự quan sát của hai người khách trong cuộc đến thăm ngắn ngủi của họ ở trạm khí tượng.

Thứ hai, nhân vật anh thanh niên được hiện ra qua sự quan sát, cảm nhận của người họa sĩ trong truyện và chính ông muốn nắm bắt và thể hiện bằng một bức chân dung. Nhưng cần hiểu *bức chân dung* trong truyện theo nghĩa rộng. Đây không phải là hình dáng, khuôn mặt bên ngoài của nhân vật mà chủ yếu là hình ảnh cuộc sống làm việc và những suy nghĩ, tình cảm của nhân vật được thể hiện và bộc lộ tập trung trong một khoảnh khắc thời gian ngắn ngủi.

Về hình ảnh người thanh niên xem phân tích....

Câu 2. Tập làm văn

Phân tích đoạn thơ sau :

“Nỗi mình thêm tức nỗi nhà

...

Nét buồn như cúc , điệu gầy như mai”

Gợi ý:

Dàn bài chi tiết

A- Mở bài:

- *Giới thiệu...*

- Truyện Kiều của Nguyễn Du là một bản cáo trạng bằng thơ lên án xã hội xấu xa tàn bạo mà còn biểu hiện nỗi đau khổ của những con người bị áp bức.

- Nàng Kiều nhân vật chính là hiện thân của những con người bị chà đạp. Nỗi đau khổ đầu tiên của Kiều phải chịu là sắc tài bị vùi dập thảm thương. Nhà thơ Nguyễn Du đã hoá thân vào nhân vật để hiểu tâm trạng nàng lúc đó:

(Trích dẫn ...)

“Nỗi mình thêm tức nỗi nhà

...

Thêm hoa một bước lệ hoa mấy hàng”

B- Thân Bài:

*Tâm trạng của nàng Kiều:

- *Đau đớn, tủi nhục, ê chề, nước mắt đầm đìa.*

- *Câm lặng, thụ động như một cái máy vì tự nguyện bán mình.*

+ *Nêu ngắn gọn những sự việc trước đó.*

Phải bán mình cho MGS bởi gia đình nàng gặp tai hoạ bất ngờ, thằng bán tơ đã vu oan cho gia đình nàng. Cha và em bị bắt, bị đánh đập dã man, tài sản của gia đình bị vợ vét sạch. Là đứa con trong gia đình không còn con đường nào khác, Kiều đành hi sinh mọi tình đầu, chấp nhận mình làm vợ lẽ MGS để có tiền cứu cha và em. Đoạn thơ này đã miêu tả cụ thể tâm trạng của nàng lúc đó.

+ *Phân tích cụ thể đoạn thơ:*

Mở đầu đoạn thơ, nhà thơ đã ghi lại cụ thể tâm trạng của nàng: “*Nỗi mình thêm tức nỗi nhà*” đó là nỗi đau uất hận cao độ bởi cảnh ngộ gia đình nàng bị chia li tan tác, cha và em bị đánh đập dã man, không chỉ vậy còn có nỗi niềm riêng của nàng. Cái “*nỗi mình*” mà thơ nhắc là tình yêu của nàng dành cho Kim Trọng. Mọi tình đầu trong sáng đang toả sắc lên hương. Giờ đây vì cảnh ngộ gia đình nàng phải chia li. *Hai nỗi niềm chồng chất đè nặng lên tâm tư nàng, khiến cho nàng càng đau xót.*

- Bởi vậy từ trong phòng bước ra, giáp mặt với MGS trong lễ “*vấn danh*” mỗi bước đi của nàng chứa đầy tâm trạng “*thêm hoa một bước lệ hoa mấy hàng*” → với cách miêu tả có tính chất ước lệ: *thêm hoa, lệ hoa*, câu thơ vừa có giá trị gợi hình, vừa có giá trị gợi cảm. Trước mắt người đọc hiện ra khuôn mặt thắm đầy nước mắt, những giọt nước mắt tủi phận, vừa thương cho mình, vừa thương cho cha và em, vừa căm tức cuộc đời ngang trái đã đổ ập tai hoạ xuống gia đình nàng.

- Không những vậy tâm trạng nàng lúc này còn là sự e ngại, ngượng ngùng: “*ngại ngùng dín gió e sương – nhìn hoa bóng thẹn trông gương mặt dày*”.

Là một thiếu nữ sinh ra và lớn lên trong gia đình gia giáo, sống trong cảnh “*êm đềm trướng rủ màn che*”. Thế mà giờ sắc tài của nàng phải chấp nhận để cho người ta xem xét, vạch vôi, thử, ép. Nàng vô cùng *tủi hổ, e thẹn*. Nhìn hoa mà thẹn với hoa, nhìn thấy gương mà như cảm thấy da mặt mình dày lên. Điều đó thể hiện nàng đã ý

thức rất rõ về nhân phẩm của mình nhưng vì cảnh ngộ gia đình, sự sống của cha và em, nàng đành chấp nhận, hình ảnh nàng lúc này giống cái bóng lạng cam nhoè dần trước ánh sáng của đồng tiền: “*Mỗi còng vén tóc bắt tay*”. Sắc đẹp “*nghiêng nước nghiêng thành*”, vẻ tươi tắn như hoa Hải Đường mơn mớn giờ như món hàng cho mục mỗi vén tóc bắt tay, co kéo, chào mời, nâng lên hạ xuống. Bởi vậy tâm trạng nàng: “*Nét buồn như cúc điệu gầy như mai*”. Với bút pháp so sánh và hình ảnh ước lệ, nhưng người đọc vẫn nhận rõ tâm trạng nàng lúc này, đó là nỗi buồn, tủi hận xót xa. Hình ảnh nàng chỉ là bông hoa cúc úa tàn, chỉ là cành mai gầy giữa gông bão của cuộc đời.

C- Kết bài :

Thông qua việc miêu tả tâm trạng nàng Kiều, đoạn thơ đã phản ánh một hiện thực lớn của lịch sử lúc đó, những người phụ nữ trong xã hội phong kiến đã trở thành một thứ hàng hoá. Những tên như kẻ bán tơ vu oan, tên qua xử kiện bất chấp công lí, tên buôn người vô lương tâm, và sức mạnh của đồng tiền đã gây ra bất hạnh ấy cho người phụ nữ. Nhà thơ đã lên án, phê phán những kẻ tàn bạo đó, đồng thời biểu hiện niềm xót đau với nàng kiều. Nhà thơ đã cùng cảm thông chia sẻ. Nếu trước ông từng trân trọng tài sắc của nàng bao nhiêu thì giờ ông càng đau xót cho sắc tài bị sỉ nhục, bởi vậy đây chính là tiếng kêu cứu của nhà thơ bên vực quyền sống cho người phụ nữ. Đoạn thơ cũng như toàn tác phẩm vừa mang giá trị hiện thực, vừa mang giá trị nhân đạo sâu sắc

Bài 17

Câu 1.

Trong bài Mùa xuân nho nhỏ, Thanh Hải viết :

Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa.

Kết thúc bài Viếng lăng Bác, Viễn Phương có viết :

Mai về Miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác.

- Hai bài thơ của hai tác giả viết về đề tài khác nhau nhưng có chung chủ đề. Hãy chỉ ra tư tưởng chung đó.
- Viết một đoạn văn khoảng 5 câu phát biểu cảm nghĩ về 1 trong hai đoạn thơ trên.

Gợi ý :

a. Khác nhau và giống nhau:

- *Khác nhau* :

+ Thanh Hải viết về đề tài thiên nhiên đất nước và khát vọng hoà nhập dâng hiến cho cuộc đời.

+ Viễn Phương viết về đề tài lãnh tụ, thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính khi tác giả từ Miền nam vừa được giải phóng ra viếng lăng Bác.

- *Giống nhau* :

+ Cả hai đoạn thơ đều thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết được hoà nhập, cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước, nhân dân... Ước nguyện khiêm nhường, bình dị muốn được góp phần dù nhỏ bé vào cuộc đời chung.

+ Các nhà thơ đều dùng những hình ảnh đẹp của thiên nhiên là biểu tượng thể hiện ước nguyện của mình.

b. HS chọn đoạn thơ để viết nhằm làm nổi bật thể thơ, giọng điệu thơ và ý tưởng thể hiện trong đoạn thơ.

- Đoạn thơ của Thanh Hải sử dụng thể thơ 5 chữ gần gũi với các điệu dân ca, đặc biệt là dân ca miền Trung, có âm hưởng nhẹ nhàng tha thiết. Giọng điệu thể hiện đúng tâm trạng và cảm xúc của tác giả : trầm lắng, hơi trang nghiêm mà tha thiết khi bộc lộ những tâm niệm của mình. Đoạn thơ thể hiện niềm mong muốn được cống hiến cho đời một cách tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót. Nét riêng trong những câu thơ của Thanh Hải là đề cập đến một vấn đề lớn : ý nghĩa của đời sống cá nhân trong quan hệ với cộng đồng.

- Đoạn thơ của Viễn Phương sử dụng thể thơ 8 chữ, nhịp thơ vừa phải với điệp từ muốn làm, giọng điệu phù hợp với nội dung tình cảm, cảm xúc. Đó là giọng điệu vừa nghiêm trang, sâu lắng, vừa thiết tha thể hiện đúng tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi phải xa Bác. Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn ở mãi bên lăng Bác và chỉ biết gửi tâm lòng mình bằng cách hoá thân hoà nhập vào những cảnh vật bên lăng : làm con chim cất tiếng hót

Câu 2.

Trong truyện **“Lặng lẽ Sa Pa”**, Nguyễn Thành Long có kể về cuộc gặp gỡ với anh thanh niên làm công tác khí tượng đã khiến cho cô kĩ sư trẻ tuổi cảm thấy như nhận được, cùng với bó hoa tươi anh hái tặng cô **“một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng”**.

Hãy phân tích để làm rõ : Vì sao cô gái trong truyện có thể nhận được sự **“háo hức và mơ mộng”** từ một anh thanh niên rất đỗi bình thường, làm một công việc thật đơn điệu giữa chốn núi rừng quanh năm lặng lẽ.

I/ Tìm hiểu đề

- Nên hiểu *háo hức và mơ mộng* chính là hai tính cách tâm hồn đáng mến ở nhân vật anh thanh niên làm công tác khí tượng trong truyện “Lặng lẽ Sa Pa”, hai đặc điểm dễ gây xúc động cho người khác khi tiếp xúc với anh.

- Những đặc điểm này được biểu hiện trong tâm sự chân thành về công việc, về ý nghĩa cuộc sống,... ở nhân vật anh thanh niên và sự suy ngẫm của cô kĩ sư. Cần phát hiện để phân tích.

- Tác giả thể hiện nhân vật chính, anh thanh niên, qua suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật cô kĩ sư nông nghiệp mới ra trường. Đây là bút pháp độc đáo của Nguyễn Thành Long trong truyện này. Cần phân tích tác dụng của cách viết đó.

II/ Dàn ý đại cương

A- Mở bài :

- Giới thiệu chủ đề của truyện Lặng lẽ Sa Pa và nghệ thuật xây dựng nhân vật chính của Nguyễn Thành Long.

- Nêu suy nghĩ của cô kĩ sư nông nghiệp (xem đề bài).

B- Thân bài :

1. Anh luôn háo hức và mơ mộng trong công việc

- Tính chất công việc có vẻ đơn điệu nhàm chán, lại phải làm một mình.

- Hằng hái nhận nhiệm vụ, làm việc hết mình, luôn vươn lên những kết quả cao hơn.

- Lúc nào cũng mơ ước, say sưa về công việc, gắn bó với nó thắm thiết.

2. Anh luôn háo hức và mơ mộng trong cuộc sống

- Hăm hở, sôi nổi, hồn nhiên khi tiếp xúc với mọi người

- Sống đầy mộng mơ : Một mình mà trồng cả một vườn hoa to, trò chuyện với sách như với bạn, cư xử tinh tế, sống có chiều sâu (nhiều suy ngẫm, triết lí về cuộc đời, về quan hệ với cuộc sống chiến đấu, sản xuất của cả nước,...)

3. Những đặc điểm đó ở anh không chỉ dễ gây xúc động mà còn khiến người khác khi tiếp xúc với anh phải suy nghĩ.

- Những suy nghĩ, nhận xét của bác lái xe.

- Những suy nghĩ và lời hứa quay trở lại với anh của ông họa sĩ.

- Nhất là những suy nghĩ rút ra bài học vào đời của cô gái.

4. Cách xây dựng nhân vật có chiều sâu của tác giả

- Ngoài việc để nhân vật tự biểu hiện, còn để nhân vật hiện lên qua suy nghĩ của nhân vật khác.

- Tác dụng : Sự đánh giá khách quan và sâu sắc.

C- Kết bài

- Cuộc gặp gỡ chỉ trong nửa giờ, được nhà văn kể thật dung dị qua những lời tâm sự, suy ngẫm, đối thoại.

- Qua đó thể hiện thật sinh động nhân vật chín và chủ đề của truyện tự hiện ra nhẹ nhàng, sâu lắng

Bài 18

Câu 1.

Vẻ đẹp trong lối sống, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long và nhân vật Phương Định trong “Những ngôi sao xa xôi” của Nguyễn Minh Khuê

Gợi ý :

a. Giới thiệu sơ lược về đề tài viết về những con người sống, cống hiến cho đất nước trong văn học. Nêu tên 2 tác giả và 2 tác phẩm cùng những vẻ đẹp của anh thanh niên và Phương Định.

b. Vẻ đẹp của 2 nhân vật trong hai tác phẩm :

* vẻ đẹp trong cách sống :

- + Nhân vật anh thanh niên : trong *Lặng lẽ Sa Pa*
 - Hoàn cảnh sống và làm việc : một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cây cỏ và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất...
 - Anh làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.
 - Anh đã vượt qua sự cô đơn vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.
 - Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người.
 - Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động : trồng hoa, nuôi gà, tự học...
 - + Cô xung phong Phương Định:
 - Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.
 - Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.
 - Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm...
 - * Vẻ đẹp tâm hồn:
 - + Anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa*:
 - Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.
 - Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.
 - Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.
 - Là người nhân hậu, chân thành, giản dị.
 - + Cô thanh niên Phương Định:
 - Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.
 - Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.
 - Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình.
- Các tác giả miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao tượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.
- c. Đánh giá, liên hệ.
- Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam

trong lao động và trong chiến đấu.

- Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc.

Liên hệ với lối sống, tâm hồn của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

Câu 2:

Hình tượng anh bộ đội trong thơ ca thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ vừa mang những phẩm chất chung hết sức đẹp đẽ của người lính Cụ Hồ vừa có những nét cá tính riêng khá độc đáo... Qua hai bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật, em hãy làm sáng tỏ nội dung vấn đề trên.

Gợi ý:

Yêu cầu: Biết làm bài văn nghị luận, bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lý.

Nội dung:

1. Mở bài: Giới thiệu về người lính trong hai bài thơ.

2. Thân bài: Cần làm rõ hai nội dung:

- Những phẩm chất chung hết sức đẹp đẽ của người lính Cụ Hồ.
- Những nét riêng độc đáo trong tính cách, tâm hồn của người lính.

Nội dung 1:

- Người lính chiến đấu cho một lí tưởng cao đẹp.

Những con người dũng cảm bất chấp khó khăn, coi thường thiếu thốn, hiểm nguy.

- Những con người thấm thiết tình đồng đội.

- Những con người lạc quan yêu đời, tâm hồn bay bổng lãng mạn.

Nội dung 2:

- Nét chân chất, mộc mạc của người nông dân mặc áo lính (bài thơ *Đồng chí*).

- Nét ngang tàng, trẻ trung của một thế hệ cầm súng mới (bài thơ *về tiểu đội xe không kính*).

Bài 19

Câu 1.

Phần cuối của tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” được tác giả xây dựng bằng hàng loạt những chi tiết hư cấu. Hãy phân tích ý nghĩa của các chi tiết đó.

Gợi ý :

- Các chi tiết hư cấu ở phần cuối truyện : Vũ Nương gặp Phan Lang dưới thủy cung, cảnh sống dưới thủy cung và những cảnh Vũ Nương hiện về trên bến sông cùng những lời nói của nàng khi kết thúc câu chuyện. Các chi tiết đó có tác dụng làm tăng yếu tố kì ảo và làm hoàn chỉnh nét đẹp của nhân vật Vũ Nương, dù chết nhưng nàng vẫn muốn rửa oan, bảo toàn danh dự, nhân phẩm cho mình.

- Câu nói cuối cùng của nàng : “Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa” là lời nói có ý nghĩa tố cáo sâu sắc, hiện thực xã hội đó không có chỗ cho nàng dung thân và làm cho câu chuyện tăng tính hiện thực ngay trong yếu tố kì ảo :

người chết không thể sống lại được.

Câu 2.

Phân tích bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận

Gợi ý :

Dàn bài

A – Mở bài :

- Huy Cận (1919 – 2005) nổi tiếng trong phong trào Thơ mới với những vần thơ lãng mạn “Sầu vũ trụ”.

- Sau 1945, đổi mới phong cách, Huy Cận viết nhiều về con người mới, cuộc sống mới cách mạng – “Đoàn thuyền đánh cá” (Trời mỗi ngày lại sáng – 1958) là một bài thơ tiêu biểu có phong cách mới của Huy Cận.

B – Thân bài :

1. *Cảnh ra khơi (Khổ 1, 2) :*

- Thời điểm : Lúc ngày tàn, đêm đến.
- Không gian : Biển cả lúc đêm xuống.
- Hoạt động : Đoàn ngư dân ra khơi sôi nổi, khí thế, mong đánh bắt nhiều cá.
- Nghệ thuật : Các hình ảnh so sánh, nhân hoá, sự đối lập thanh bằng – trắc, chi tiết tưởng tượng... gợi liên tưởng phong phú, sâu sắc.

2. *Cảnh đánh cá đêm trên biển (Khổ 3 – 6) :*

- Vẻ đẹp kì vĩ của trời biển Đông, của thiên nhiên đất nước.
- Biển Đông là kho cá vô tận với nhiều loại cá quý.
- Đoàn ngư dân sôi nổi hăng say lao động trên biển đêm : Thả lưới, kéo lưới đạt những mẻ cá lớn.
- Nghệ thuật : các hình ảnh ước lệ, khoa trương, bút pháp lãng mạn kết hợp tả thực và tưởng tượng.

3. *Cảnh trở về (Khổ 7) :*

- Thời điểm : Lúc rạng đông.
- Thành quả lao động to lớn, đánh bắt được nhiều cá.
- Nghệ thuật : Các hình ảnh khoa trương, nhân hoá, ẩn dụ, phóng đại đặc sắc.

C – Kết bài :

- Bài thơ có sự kết hợp bút pháp hiện thực và bút pháp lãng mạn.
- Cảm hứng lãng mạn cách mạng hoà nhập với cảm hứng vũ trụ, thiên nhiên.
- Nhịp điệu khoẻ khoắn, giọng điệu vui tươi, không gian trong sáng khác không gian buồn thảm trong thơ Huy Cận trước 1945.

Bài 20

Câu 1.

Nhận xét về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du qua đoạn trích “Mã Giám Sinh mua Kiều”.

Gợi ý :

Nhận xét về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du qua đoạn trích Mã Giám Sinh mua Kiều cần đạt được các ý cơ bản sau:

- **Bút pháp tả thực** được Nguyễn Du sử dụng để miêu tả nhân vật Mã Giám Sinh. Bằng bút pháp này, chân dung nhân vật hiện lên rất cụ thể và toàn diện :

- + Trang phục : *áo quần bảnh bao*
- + Diện mạo : *mày râu nhẵn nhụi*
- + Lời nói xác xược, vô lễ, cộc lốc “Mã Giám Sinh”.
- + Cử chỉ hách dịch : *ngồi tốt số sàng ...*

Tất cả làm hiện rõ bộ mặt trai lơ đều giả, trơ trẽn và lộ bịch của tên buôn thịt bán người giả danh trí thức.

- Trong Truyện Kiều, tác giả sử dụng bút pháp tả thực để miêu tả các nhân vật phản diện như Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến... phơi bày bộ mặt thật của bọn chúng trong xã hội đương thời, nhằm tố cáo, lên án xã hội phong kiến với những con người bỉ ổi, đê tiện đó.

Câu 2.

Suy nghĩ về tình cha con trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

Gợi ý :

- Yêu cầu cảm nhận được tình cha con ông Sáu thật sâu nặng và cảm động trên những ý cơ bản sau:

a. Giới thiệu về truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng : tác phẩm viết về tình cha con của người cán bộ kháng chiến đã hi sinh trong cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc.

b. Phân tích được 2 luận điểm sau :

*** Tình cảm của Thu dành cho cha thật cảm động và sâu sắc :**

- Bé Thu là cô bé ương ngạnh bướng bỉnh nhưng rất đáng yêu : Thu không chịu nhận ông Sáu là cha, sợ hãi bỏ chạy khi ông dang tay định ôm em, quyết định không chịu gọi ông là ba khi ăn cơm và khi nhờ ông chặt nước cơm giùm, bị la mắng nó im rồi bỏ sang nhà ngoại → Đó là sự phản ứng tự nhiên của đứa trẻ khi gần 8 năm xa ba. Người đàn ông xuất hiện với hình hài khác khiến nó đang tôn thờ và nung niu hình ảnh người cha trong bức ảnh. Tình cảm đó khiến người đọc day dứt và càng thêm đau xót cho bao gia đình vì chiến tranh mà chịu cảnh chia lìa, yêu bé Thu vì nó đang dành cho cha nó một tình cảm chân thành và đầy kiêu hãnh.

- Khi chia tay, phút giây nó kịp nhận ra ông Sáu là người cha trong bức ảnh, nó oà khóc tức tưởi cùng tiếng gọi như xé gan ruột mọi người khiến chúng ta cảm động. Những hành động ôm hôn ba của bé Thu xúc động mạnh cho người đọc.

*** Tình cảm của người lính dành cho con sâu sắc :**

- Ông Sáu yêu con, ở chiến trường nỗi nhớ con luôn giày vò ông. Chính vì vậy về tới quê, nhìn thấy Thu, ông đã nhảy vọt lên bờ khi xuống chưa kịp cập bến và định ôm hôn con cho thoả nỗi nhớ mong. Sự phản ứng của Thu khiến ông khựng lại, đau tê tái.

- Mấy ngày về phép, ông luôn tìm cách gần gũi con mong bù lại cho con những tháng xa cách nhưng con bé bướng bỉnh khiến ông chạnh lòng. Bực phải đánh con song vẫn kiên trì thuyết phục nó. Sự hệt hẫng của người cha khiến ta càng cảm thông chia sẻ những thiệt thòi mà người lính phải chịu đựng, nhận thấy sự hi sinh của các anh thật lớn lao.

- Phút giây ông được hưởng hạnh phúc thật ngắn ngủi và trong cảnh éo le : lúc ông ra đi bé Thu mới nhận ra ba và để ba ôm, trao cho nó tình thương ông hằng ấp ủ trong lòng mấy năm trời.

Bài 21

Câu 1.

Viết một đoạn văn khoảng 8 đến 10 câu nhận xét về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du qua đoạn trích “Chị em Thuý Kiều” (Ngữ văn 9 – Tập một).

* Gợi ý :

HS viết được các ý cụ thể :

- Tả chị em Thuý Kiều, Nguyễn Du sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để so sánh với vẻ đẹp của con người :

+ Thuý Vân : Đoan trang, phúc hậu, quý phái : *hoa cười, ngọc thốt, mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.*

+ Thuý Kiều : *Sắc sảo mặn mà, làn thu thủy, nét xuân sơn, hoa ghen liêu hờn.*

- Dùng lối ẩn dụ để ví von so sánh nhằm làm nổi bật lên vẻ đẹp đài các của hai cô gái mà qua đó, nhà thơ muốn đề cao vẻ đẹp của con người.

- Thủ pháp đòn bẩy, tả Vân trước, Kiều sau cũng là một bút pháp tài hoa của Nguyễn Du để nhấn vào nhân vật trung tâm : Thý Kiều, qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của nàng Kiều cùng những dự báo về nổi truân chuyên của cuộc đời nàng sau này.

Câu 2.

Chép lại bốn câu thơ nói lên nỗi nhớ cha mẹ của Thuý Kiều trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” và nhận xét về cách dùng từ ngữ hình ảnh trong đoạn thơ.

* Gợi ý :

Yêu cầu :

- Chép chính xác 4 dòng thơ :

*Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

Nhận xét cách ử dụng từ ngữ hình ảnh trong đoạn thơ : dùng những điển tích, điển cố Sân Lai, gốc tử để thể hiện nỗi nhớ nhung và sự đau đớn, dằn vặt không làm tròn chữ hiếu của Kiều. Các hình ảnh đó vừa gợi sự trân trọng của Kiều đối với cha mẹ

vừa thể hiện tâm lòng hiếu thảo của nàng.

Câu 2

Suy nghĩ về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.

* Gợi ý :

Vận dụng kĩ năng lập luận vào bài viết để làm nổi bật chân dung người lính trong kháng chiến chống Pháp qua bài thơ “Đồng chí” với những ý cơ bản sau:

a. Giới thiệu Đồng chí là sáng tác của nhà thơ Chính Hữu viết vào năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Chân dung người lính hiện lên chân thực, giản dị với tình đồng chí nồng hậu, sưởi ấm trái tim người lính trên những chặng đường hành quân.

b. Phân tích những đặc điểm của người lính:

* Những người nông dân áo vải vào chiến trường :

Cuộc trò chuyện giữa anh – tôi, hai người chiến sĩ về nguồn gốc xuất thân rất gần gũi chân thực. Họ ra đi từ những vùng quê nghèo khó, nước mặn đồng chua. Đó chính là cơ sở chung giai cấp của những người lính cách mạng. Chính điều đó cùng mục đích, cùng chung lí tưởng đã khiến họ từ mọi phương trời xa lạ tập hợp lại trong hàng ngũ quân đội cách mạng và trở nên thân quen với nhau. Lời thơ mộc mạc chân chất như chính tâm hồn tự nhiên của họ.

* Tình đồng chí cao đẹp của những người lính :

- Tình đồng chí được nảy sinh từ sự chung nhiệm vụ, sát cánh bên nhau chiến đấu : *Súng bên súng đầu sát bên đầu.*

- Tình đồng chí đồng đội nảy nở và thành bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui, đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả đã biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm : *Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*

Hai tiếng đồng chí vang lên tạo thành một dòng thơ đặc biệt, đó là một lời khẳng định, là thành quả, cội nguồn và sự hình thành của tình đồng chí keo sơn giữa những người đồng đội.

Tình đồng chí giúp người lính vượt qua mọi khó khăn gian khổ :

+ Giúp học chia sẻ, cảm thông sâu xa những tâm tư, nỗi lòng của nhau : *Ruộng nương anh gửi bạn thân cày ... Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính. .(Tr97- CBKT)*

Đề 2 .

Cảm nhận của em về vẻ nên thơ ở chốn Sa Pa lạnh lẽ sau khi đọc áng văn xuôi “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

(Dàn bài TLV – tr 100)

Chuyên đề 1

Phần văn học Trung đại Việt Nam Chuyện người con gái Nam Xương (Trích “Truyện kì mạn lục” – Nguyễn Dữ)

I/ Vài nét về tác giả, tác phẩm

? Nêu những hiểu biết của em về tác giả và tác phẩm.

1. Nguyễn Dữ là nhà văn tiêu biểu của VHVN nửa đầu thế kỉ XVI. Đây là thời kì xã hội phong kiến Việt Nam có nhiều biến động và khủng hoảng. Những giá trị chính thống của Nho giáo bị nghi ngờ, đảo lộn. Đặc biệt chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh – Mạc gây ra những loạn lạc, rối ren liên miên trong đời sống xã hội. Giống như nhiều tri thức khác của thời đại mình, Nguyễn Dữ chán nản và bi phẫn trước thời cuộc. Chính vì thế, sau khi đỗ Hương Cống, ông chỉ làm quan một năm rồi cáo quan về ở ẩn.

? Thể loại truyện kì

+ **Truyện kì:** là thể loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ Trung Quốc, thịnh hành từ thời Đường. Truyện kì thường dựa vào những cốt truyện dân gian hoặc dã sử. Trên cơ sở đó, nhà văn hư cấu, sắp xếp lại các tình tiết, tô đậm thêm các nhân vật... ở truyện kì, có sự đan xen giữa thực và ảo. Đặc biệt, các yếu tố kì ảo trở thành phương thức không thể thiếu để phản ánh hiện thực và kí thác những tâm sự, những trải nghiệm của nhà văn. “*Truyện kì mạn lục*” của Nguyễn Dữ là tác phẩm tiêu biểu cho thể loại truyện kì ở Việt Nam.

? Tác phẩm “*Chuyện người con gái Nam Xương*”

2. Là một trong 20 tác phẩm của “*Truyện kì mạn lục*”. Qua cuộc đời của Vũ Nương, Nguyễn Dữ tố cáo cuộc chiến tranh phi nghĩa đã làm vỡ tan hạnh phúc lứa đôi, đồng thời thể hiện sự cảm thông sâu sắc với khát vọng hạnh phúc cũng như bi kịch của người phụ nữ trong xã hội xưa. Tác phẩm cũng là sự suy ngẫm, day dứt trước sự mong manh của hạnh phúc trong kiếp người đầy bất trắc.

3. Tác phẩm cho thấy nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật già dặn. Sự đan xen thực ảo một cách nghệ thuật, mang tính thẩm mĩ cao.

II/ Hướng dẫn tiếp nhận

Chuyện người con gái Nam Xương là một truyện ngắn đặc sắc cả về nội dung lẫn nghệ thuật trong tác phẩm *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ. Truyện đã thể hiện

được sự phối hợp hài hoà giữa chất hiện thực (câu chuyện được lưu truyền trong dân gian) với những nét nghệ thuật đặc trưng của thể loại truyền kì (yếu tố kì lạ hoang đường).

1. Giá trị của tác phẩm :

? Nêu giá trị hiện thực của tác phẩm

1.1 Giá trị hiện thực

a. Tác phẩm đã đề cập tới số phận bi kịch của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương

Vốn là người con gái xuất thân từ tầng lớp bình dân thủy mị, nết na ; tư dung tốt đẹp. Khi chồng đi lính. Vũ Nương một mình vừa chăm sóc, thuốc thang ma chay cho mẹ chồng vừa nuôi con, đảm đang, tận tình, chu đáo. Để rồi khi chàng Trương trở về, chỉ vì câu nói ngây thơ của bé Đản mà Trương Sinh đã nghi ngờ lòng thủy chung của vợ. Từ chỗ nói bóng gió xa xôi, rồi mắng chửi, hắt hủi và cuối cùng là đuổi Vũ Nương ra khỏi nhà, Trương Sinh đã đẩy Vũ Nương tới bước đường cùng quẩn và bế tắc, phải chọn cái chết để tự mình oan cho mình.

b. Truyện còn phản ánh hiện thực về XHPKN với những biểu hiện bất công vô lí.

Đó là một xã hội dung túng cho quan niệm trọng nam khinh nữ, để cho Trương Sinh – một kẻ thất học, vũ phu ngang nhiên chà đạp lên giá trị nhân phẩm của người vợ hiền nết na.

- *Xét trong quan hệ gia đình*, thái độ và hành động của Trương Sinh chỉ là sự ghen tuông mù quáng, thiếu căn cứ → (chỉ dựa vào câu nói vô tình của đứa trẻ 3 tuổi, bỏ ngoài tai mọi lời thanh minh của vợ và lời can ngăn của hàng xóm).

- Nhưng *xét trong quan hệ xã hội* : hành động ghen tuông của Trương Sinh không phải là một trạng thái tâm lí bột phát trong cơn nóng giận bất thường mà là hệ quả của một loại tính cách – sản phẩm của xã hội đương thời.

? Nguyên nhân của cái chết Vũ Nương

Nếu Trương Sinh là thủ phạm trực tiếp gây nên cái chết của Vũ Nương thì nguyên nhân sâu xa là do chính XHPK bất công – xã hội mà ở đó người phụ nữ không thể đứng ra để bảo vệ cho giá trị nhân phẩm của mình, và lời buộc tội, gở tội cho người phụ nữ bất hạnh ấy lại phụ thuộc vào những câu nói ngây thơ của đứa trẻ 3 tuổi (lời bé Đản).

Đó là chưa kể tới một nguyên nhân khác nữa : do CTPK – dù không được miêu tả trực tiếp, nhưng cuộc CT ấy đã tác động hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp tới số phận từng nhân vật trong tác phẩm :

- + Người mẹ sầu nhớ con mà chết
- + VN và TS phải sống cảnh chia lìa
- + Bé Đản sinh ra đã thiếu thốn tình cảm của người cha và khi cha trở về thì mất mẹ

Đây là một câu chuyện diễn ra đầu thế kỉ XV (cuộc chiến tranh xảy ra thời nhà Hồ) được truyền tụng trong dân gian, nhưng phải chăng qua đó, tác phẩm còn ngầm phê phán cuộc nội chiến đẫm máu trong xã hội đương thời (thế kỉ XVI).

? Nêu giá trị nhân đạo

* *Khái niệm nhân đạo*: lòng yêu thương, sự ngợi ca, tôn trọng giá trị, phẩm chất, vẻ đẹp, tài năng... và quyền lợi của con người.

1.2. *Giá trị nhân đạo*:

Biểu hiện trước hết là:

a. Thái độ ngợi ca, tôn trọng vẻ đẹp của người phụ nữ thông qua hình tượng nhân vật Vũ Nương.

- Xuất thân từ tầng lớp bình dân nhưng ở Vũ Nương đã hội tụ đầy đủ những phẩm chất tốt đẹp của người PNVN theo quan điểm Nho giáo (có đủ tam tòng, tứ đức).

- Đặc biệt tác giả đã đặt nhân vật trong các mối quan hệ để làm toát lên vẻ đẹp ấy.

+ *Với chồng*: nàng là người vợ hiền thực luôn biết “*Giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hoà*”.

+ *Với con*: nàng là người mẹ dịu dàng, giàu tình yêu thương (chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản cũng xuất phát từ tấm lòng người mẹ, để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha)

+ *Với mẹ chồng*: nàng đã làm tròn bổn phận của một người con dâu hiếu thảo (thay chồng chăm sóc mẹ, động viên khi mẹ buồn, thuốc thang khi mẹ ốm, lo ma chay chu đáo khi mẹ qua đời)

- Những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương còn được thể hiện ngay cả khi nàng sống cuộc sống của một cung nữ dưới thủy cung.

+ Sẵn sàng tha thứ cho Trương Sinh

+ Một mực thương nhớ chồng con nhưng không thể trở về vì đã nặng ơn nghĩa đối với Linh Phi...

⇒ Ta thấy, Nguyễn Dữ đã dành cho nhân vật một thái độ yêu mến, trân trọng qua từng trang truyện, từ đó khắc họa thành công hình tượng nhân vật người phụ nữ với đầy đủ những phẩm chất đẹp.

b. Câu chuyện còn đề cao triết lý nhân nghĩa ở hiền gặp lành qua phần kết thúc có hậu giống như rất nhiều những câu chuyện cổ tích Việt Nam.

- Với đặc trưng riêng của thể loại truyện truyền kì, Nguyễn Dữ đã sáng tạo thêm phần cuối của câu chuyện. VN đã không chết, hay nói đúng hơn, nàng được sống khác bình yên và tốt đẹp hơn ở chốn thủy cung. Qua đó có thể thấy rõ ước mơ của người xưa (cũng là của tác giả) về một xã hội công bằng, tốt đẹp mà ở đó, con người sống và đối xử với nhau bằng lòng nhân ái, ở đó nhân phẩm của con người được tôn trọng đúng mức. Oan thì phải được giải, người hiền lành lương thiện như Vũ Nương phải được hưởng hạnh phúc.

? Nêu giá trị nghệ thuật của tác phẩm

1.3 *Giá trị nghệ thuật*:

- Đây là một tác phẩm được viết theo lối truyện truyền kì → tính chất truyền kì được thể hiện qua kết cấu hai phần:

+ Vũ nương ở trần gian

+ Vũ Nương ở thủy cung

Với kết cấu hai phần này, tác giả đã khắc hoạ được một cách hoàn thiện vẻ đẹp hình tượng nhân vật Vũ Nương.

Mặt khác, cũng như kết cấu của truyện cổ tích Tấm Cám → Kết cấu hai phần ở “*Chuyện người con gái Nam Xương*” đã góp phần thể hiện khát vọng về lẽ công bằng trong cuộc đời (ở hiền gặp lành). Tuy nhiên, nếu cô Tấm sau những lần hoá thân đã được trở về vị trí hoàng hậu, sống hạnh phúc trọn đời thì Vũ Nương lại chỉ thoáng hiện về rồi vĩnh viễn biến mất.

- Chất hoang đường kì ảo cuối truyện hình như cũng làm tăng thêm ý nghĩa phê phán đối với hiện thực: dù oan đã được giải nhưng người đã chết thì không thể sống lại được → Do đó, bài học giáo dục đối với những kẻ như Trương Sinh càng thêm sâu sắc hơn. Ngoài ra còn phải kể đến nghệ thuật tạo tính kịch trong câu chuyện mà yếu tố thắt nút và gỡ nút của tấn kịch ấy chỉ là câu nói của một đứa trẻ 3 tuổi (Bé Đản). Qua đó thể hiện sự bất công vô lí đối với người phụ nữ trong xã hội ấy.

III/ Thực hành luyện tập

Đề bài

Giá trị nhân đạo trong “*chuyện người con gái Nam Xương*” của Nguyễn Dữ

I/ Tìm hiểu đề

- Đề yêu cầu phân tích một giá trị nội dung của tác phẩm – giá trị nhân đạo. Giá trị nhân đạo thể hiện trong tác phẩm văn chương còn gọi là giá trị nhân văn.

- Văn học trung đại Việt Nam thường biểu hiện tiếng nói nhân văn ở sự trân trọng mọi phẩm giá con người, đồng tình thông cảm với khát vọng của con người, đồng cảm với số phận bi kịch của con người và lên án những thế lực bạo tàn chà đạp lên con người

- Dựa vào những điều cơ bản trên, người viết soi chiếu và “*Chuyện người con gái Nam Xương*” để phân tích những biểu hiện cụ thể về nội dung nhân văn trong tác phẩm. Từ đó đánh giá những đóng góp của Nguyễn Dữ vào tiếng nói nhân văn của văn học thời đại ông.

- Tuy cần dựa vào số phận bi thương của nhân vật Vũ Nương để khai thác vấn đề, nhưng nội dung bài viết phải rộng hơn bài phân tích nhân vật, do đó cách trình bày phân tích cũng khác.

II/ Dàn bài chi tiết

A- Mở bài:

- Từ thế kỉ XVI, xã hội phong kiến Việt Nam bắt đầu khủng hoảng, vấn đề số phận con người trở thành mối quan tâm của văn chương, tiếng nói nhân văn trong các tác phẩm văn chương ngày càng phát triển phong phú và sâu sắc.

- “*Truyền kì mạn lục*” của Nguyễn Dữ là một trong số đó. Trong 20 thiên truyện của tập truyện kì, “*chuyện người con gái Nam Xương*” là một trong những tác phẩm tiêu biểu cho cảm hứng nhân văn của Nguyễn Dữ.

B- Thân bài:

1. Tác giả hết lời ca ngợi vẻ đẹp của con người qua vẻ đẹp của Vũ Nương, một

phụ nữ bình dân

- Vũ Nương là con nhà nghèo (“thiếp vốn con nhà khó”), đó là cái nhìn người khá đặc biệt của tư tưởng nhân văn Nguyễn Dữ.

- Nàng có đầy đủ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: thủy mì, nét na. Đối với chồng rất mực dịu dàng, đảm thắm thủy chung; đối với mẹ chồng rất mực hiếu thảo, hết lòng phụ dưỡng; đối với con rất mực yêu thương.

- Đặc biệt, một biểu hiện rõ nhất về cảm hứng nhân văn, nàng là nhân vật để tác giả thể hiện khát vọng về con người, về hạnh phúc gia đình, tình yêu đôi lứa:

+ Nàng luôn vun vén cho hạnh phúc gia đình.

+ Khi chia tay chồng đi lính, không mong chồng lập công hiển hách để được “án phong hầu”, nàng chỉ mong chồng bình yên trở về.

+ Lời thanh minh với chồng khi bị nghi oan cũng thể hiện rõ khát vọng đó: “Thiếp sở dĩ nương tựa và chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất”

Tóm lại : dưới ánh sáng của tư tưởng nhân văn đã xuất hiện nhiều trong văn chương, Nguyễn Dữ mới có thể xây dựng một nhân vật phụ nữ bình dân mang đầy đủ vẻ đẹp của con người. Nhân văn là đại diện cho tiếng nói nhân văn của tác giả.

2. Nguyễn Dữ trân trọng vẻ đẹp của Vũ Nương bao nhiêu thì càng đau đớn trước bi kịch cuộc đời của nàng bấy nhiêu.

- Đau đớn vì nàng có đầy đủ phẩm chất đáng quý và lòng tha thiết hạnh phúc gia đình, tận tụy vun đắp cho hạnh phúc đó lại chẳng được hưởng hạnh phúc cho xứng với sự hi sinh của nàng:

+ Chờ chồng đăng đẳng, chồng về chưa một ngày vui, sóng gió đã nổi lên từ một nguyên cớ rất vu vơ (Người chồng chỉ dựa vào câu nói ngây thơ của đứa trẻ đã khăng khăng kết tội vợ).

+ Nàng hết mực van xin chàng nói rõ mọi nguyên cớ để cởi tháo mọi nghi ngờ; hàng xóm rõ nỗi oan của nàng nên kêu xin giúp, tất cả đều vô ích. Đến cả lời than khóc xót xa tột cùng “*Nay đã bình rơi trâm gãy, ... sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió, ... cái én lìa đàn, ...*” mà người chồng vẫn không động lòng.

+ Con người trong trắng bị xúc phạm nặng nề, bị đập vùi tàn nhẫn, bị đẩy đến cái chết oan khuất

→ *Bi kịch đời nàng là tấn bi kịch cho cái đẹp bị chà đạp nát tan, phủ phàng.*

3. Nhưng với tấm lòng yêu thương con người, tác giả không để cho con người trong sáng cao đẹp như nàng đã chết oan khuất.

- Mượn yếu tố kì ảo của thể loại truyền kì, diễn tả Vũ Nương trở về để được rửa sạch nỗi oan giữa thanh thiên bạch nhật, với vẻ đẹp còn lộng lẫy hơn xưa.

- Nhưng Vũ Nương được tái tạo khác với các nàng tiên siêu thực : nàng vẫn khát vọng hạnh phúc trần thế (ngâm ngùi, tiếc nuối, chua xót khi nói lời vĩnh biệt “*thiếp chẳng thể về với nhân gian được nữa*”).

- Hạnh phúc vẫn chỉ là ước mơ, hiện thực vẫn quá đau đớn (hạnh phúc gia đình tan vỡ, không gì hàn gắn được).

4. Với niềm xót thương sâu sắc đó, tác giả lên án những thế lực tàn ác chà

đạp lên khát vọng chính đáng của con người.

- XHPK với những hủ tục phi lí (trọng nam khinh nữ, đạo tòng phu,...) gây bao nhiêu bất công. Hiện thân của nó là nhân vật Trương Sinh, người chồng ghen tuông mù quáng, vũ phu.

- Thế lực đồng tiền bạc ác (Trương Sinh con nhà hào phú, một lúc bỏ ra 100 lạng vàng để cưới Vũ Nương). Thời này đạo lí đã suy vi, đồng tiền đã làm đen bạc tình nghĩa con người.

→ Nguyễn Dữ tái tạo truyện cổ Vợ chàng Trương, cho nó mạng dáng dấp của thời đại ông, XHPKVN thế kỉ XVI.

C- Kết bài:

- “*Chuyện người con gái Nam Xương*” là một thiên truyện kì giàu tính nhân văn. Truyện tiêu biểu cho sáng tạo của Nguyễn Dữ về số phận đầy tính bi kịch của người phụ nữ trong chế độ phong kiến.

- Tác giả thấu hiểu nỗi đau thương của họ và có tài biểu hiện bi kịch đó khá sâu sắc.

chị em thủy kiều

(Trích truyện kiều - nguyên du)

A. Giới thiệu

1. “Chị em Thủy Kiều” là đoạn trích ở phần mở đầu “truyện Kiều”, giới thiệu gia cảnh nhà Vương viên ngoại.

Nguyễn Du dành 24 câu thơ để nói về chị em Thủy Kiều, Thúy Vân.

2. Đoạn thơ gồm 3 phần :

+ 4 câu đầu : giới thiệu chung về hai chị em Thủy Kiều

+ 4 câu tiếp : gọi tả vẻ đẹp thủy Vân

+ 16 câu còn lại : gọi tả vẻ đẹp Thủy Kiều

Kết cấu như thế là chặt chẽ, thể hiện cách miêu tả nhân vật tinh tế của Nguyễn Du: từ ấn tượng chung về vẻ đẹp hai chị em, nhà thơ gọi tả vẻ đẹp Thúy Vân làm nền để cực tả vẻ đẹp của Thủy Kiều

B. Hướng dẫn tiếp cận văn bản

Đoạn trích “Chị em Thủy Kiều” trong Truyện Kiều đã gọi tả được vẻ đẹp đặc sắc của hai cô con gái nhà họ Vương. Vẻ đẹp chung của chị em Thủy Kiều cũng như vẻ đẹp của từng người được Nguyễn Du khắc họa một cách rõ nét bằng bút pháp ước lệ tượng trưng.

Trước hết Nguyễn Du giới thiệu vẻ đẹp chung về hai chị em trong gia đình:

Đầu hai ả tố nga,

Thủy Kiều là chị em là Thúy Vân.

Tiếp đến, tác giả giới thiệu một cách khái quát nét đẹp chung và riêng của hai chị em:

Mai cốt cách tuyết tinh thần,

Mỗi người một một vẻ mười phân vẹn mười.

Bằng bút pháp so sánh ước lệ, vẻ đẹp về hình dáng (Mai cốt cách) và vẻ đẹp về tâm hồn (tuyệt tình thần) của hai chị em được tôn lên đến độ hoàn mỹ. Cả hai đều đẹp mười phần vẹn mười. Trong cái đẹp chung ấy có cái đẹp riêng của từng người – Mỗi người một vẻ. Trừ câu đầu, cả ba câu sau mỗi câu được chia làm hai vế gọi cho người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của mỗi người. Bốn câu thơ đầu là bức tranh nền để từ đó tác giả dẫn người đọc lần lượt chiêm ngưỡng sắc đẹp của từng người.

Bốn câu tiếp theo tác giả đặc tả nhan sắc Thuý Vân – Một con người phúc hậu, đoan trang. Nàng có vẻ đẹp cao sang quý phái trang trọng khác vời. Vốn là bút pháp nghệ thuật ước lệ truyền thống nhưng vẻ đẹp của Thuý Vân lại hiện lên một cách cụ thể : Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang – Hoa cười ngọc thốt đoan trang – Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da. Từ khuôn mặt, nét ngài, tiếng cười, giọng nói, mái tóc, làn da đều được so sánh với trăng, hoa, ngọc, mây, tuyết. Thế là vẻ đẹp của Thuý Vân cứ dần được bộc lộ theo thủ pháp ẩn dụ, nhân hoá tài tình của tác giả. Vẻ đẹp của Thuý Vân là vẻ đẹp gần gũi, hoà hợp với thiên nhiên.

Nếu như Thuý Vân được mô tả với vẻ đẹp hoàn hảo thì vẻ đẹp của Thuý Kiều còn vượt lên trên cái hoàn hảo ấy. Kiều càng sắc sảo mặn mà. Đây là một thủ pháp nghệ thuật của văn chương cổ. Từ cái đẹp của Thuý Vân, Nguyễn Du chỉ cần giới thiệu một câu : Kiều càng sắc sảo mặn mà, thế là vẻ đẹp của Thuý Kiều đã vượt lên trên vẻ đẹp của Thuý Vân (sắc sảo) và tâm hồn (mặn mà). Tả Vân trước, tả Kiều sau đó là cách tác giả mượn Vân để tả Kiều. Qua vẻ đẹp của Vân mà người đọc hình dung ra vẻ đẹp của Kiều.

ở Vân tác giả không hề tả đôi mắt, còn ở Kiều tác giả lại đặc tả đôi mắt. Vẫn là nghệ thuật ước lệ tượng trưng, đôi mắt của Kiều được so sánh với : Làn thu thủy, nét xuân sơn. Cái sắc áo mặn mà của đôi mắt chính là biểu hiện của vẻ đẹp tâm hồn. Vẻ đẹp của Thuý Vân là vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu, thiên nhiên sẵn sàng thua và nhường còn vẻ đẹp của Kiều làm cho thiên nhiên

ôn luyện & bồi dưỡng ngữ văn 9 vào THPT
Năm học : 2007 - 2008

Chuyên đề

Tu từ từ vựng Tiếng Việt

Bài 1: So sánh

I/ Củng cố, mở rộng và nâng cao

1. Thế nào là so sánh?

So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

VD:

- Trong nh tiếng hạc bay qua

Đục nh tiếng suối mới sa nửa vời.

(Nguyễn Du)

- Mỏ Cốc nh cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất

(Tô Hoài)

2. Cấu tạo của phép so sánh

So sánh là cách công khai đối chiếu các sự vật với nhau, qua đó nhận thức được sự vật một cách dễ dàng cụ thể hơn. Vì vậy một phép so sánh thông thường gồm 4 yếu tố:

- Vế A : Đối tượng (sự vật) được so sánh.
- Bộ phận hay đặc điểm so sánh (phương diện so sánh).
- Từ so sánh.
- Vế B : Sự vật làm chuẩn so sánh.

Ta có sơ đồ sau đây:

Yếu tố 1	Yếu tố 2	Yếu tố 3	Yếu tố 4
Vế A (Sự vật được so sánh)	Phương diện so sánh	Từ so sánh	Vế B (Sự vật dùng để làm chuẩn so sánh)
Mây Bà già Dừa	Trắng sóng sánh đứng đỉnh	Nh Nh Nh là	bông bát nước chè đứng chơi

+ Trong 4 yếu tố trên đây yếu tố (1) và yếu tố (4) phải có mặt. Nếu vắng mặt cả yếu tố (1) thì giữa yếu tố (1) và yếu tố (4) phải có điểm tương đồng quen thuộc. Lúc đó ta có ẩn dụ.

Khi ta nói : *Cô gái đẹp nh hoa* là so sánh. Còn khi nói : *Hoa tàn mà lại thêm tươi* (Nguyễn Du) thì hoa ở đây là ẩn dụ.

+ Yếu tố (2) và (3) có thể vắng mặt. Khi yếu tố (2) vắng mặt người ta gọi là so sánh chìm vì phương diện so sánh (còn gọi là mặt so sánh) không lộ ra do đó sự liên tưởng rộng rãi hơn, kích thích trí tuệ và tình cảm người đọc nhiều hơn.

+ Yếu tố (3) có thể là các từ nh: giống, tựa, khác nào, tựa nh, giống nh, là, bao nhiêu,...bấy nhiêu, hơn, kém ... Mỗi yếu tố đảm nhận một sắc thái biểu cảm khác nhau:

- Nh có sắc thái giả định
- Là sắc thái khẳng định
- Tựa thể hiện mức độ cha hoàn hảo,...

+ Trật tự của phép so sánh có khi được thay đổi.

VD:

*Nh chiếc đảo bốn bề chao mặt sóng
Hồn tôi vang tiếng vọng của hai miền.*

3. Các kiểu so sánh

Dựa vào mục đích và các từ so sánh người ta chia phép so sánh thành hai kiểu:

a) So sánh ngang bằng

Phép so sánh ngang bằng thông đọc thể hiện bởi các từ so sánh sau đây: là, nh, y nh, tựa nh, giống nh hoặc cặp đại từ bao nhiêu...bấy nhiêu.

Mục đích của so sánh nhiều khi không phải là tìm sự giống nhau hay khác nhau mà nhằm diễn tả một cách hình ảnh một bộ phận hay đặc điểm nào đó của sự vật giúp người nghe, người đọc có cảm giác hiểu biết sự vật một cách cụ thể sinh động. Vì thế phép so sánh thông mang tính chất cộng điệu.

VD: *Cao nh núi, dài nh sông*

(Tố Hữu)

b) *So sánh hơn kém*

Trong so sánh hơn kém từ so sánh đọc sử dụng là các từ : *hơn, hơn là, kém, kém gì...*

VD:

- Ngôi nhà sàn dài hơn cả tiếng chiêng

Muốn chuyển so sánh hơn kém sang so sánh ngang bằng người ta thêm một trong các từ phủ định: *Không, cha, chẳng* vào trong câu và ngược lại.

VD:

Bóng đá quyền rũ tôi hơn những công thức toán học.

Bóng đá quyền rũ tôi không hơn những công thức toán học.

4. Tác dụng của so sánh

+ So sánh tạo ra những hình ảnh cụ thể sinh động. Phần lớn các phép so sánh đều lấy cái cụ thể so sánh với cái không cụ thể hoặc kém cụ thể hơn, giúp mọi người hình dung đọc sự vật, sự việc cần nói tới và cần miêu tả.

VD:

Công cha nh núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ nh nước trong nguồn chảy ra.

(Ca dao)

+ So sánh còn giúp cho câu văn hàm súc gợi trí tưởng tượng của ta bay bổng. Vì thế trong thơ thể hiện nhiều phép so sánh bất ngờ.

VD:

Tàu dừa chiếc lọc chài vào mây xanh

Cách so sánh ở đây thật bất ngờ, thật gợi cảm. Yếu tố (2) Và Yếu tố (3) bị lọc bỏ. Người đọc người nghe tha hồ mà tưởng tượng ra các mặt so sánh khác nhau làm cho hình tượng so sánh đọc nhân lên nhiều lần.

II/ Bài tập

1. Trong câu ca dao :

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi

Nh đứng đống lửa nh ngồi đống than

a) Từ bồi hồi bồi hồi là từ gì?

b) Giải nghĩa từ bồi hồi bồi hồi

c) Phân tích cái hay của câu thơ do phép so sánh đem lại.

Gợi ý:

- a) Đây là từ láy chỉ mức độ cao.
- b) Giải nghĩa : trạng thái có những cảm xúc, ý nghĩ cứ trở đi trở lại trong cơ thể con người.
- c) Trạng thái mơ hồ, trừu tượng chỉ được bộc lộ bằng cách đưa ra hình ảnh cụ thể: đứng đông lửa, ngồi đông than để người khác hiểu được cái mình muốn nói một cách dễ dàng. Hình ảnh so sánh có tính chất phóng đại nên rất gợi cảm.

2. Phép so sánh sau đây có gì đặc biệt:

*Mẹ già nh chuối và hong
Nh xôi nếp một, nh đồng lúa lau.*

(Ca dao)

Gợi ý:

Chú ý những chỗ đặc biệt sau đây:

- Từ ngữ chỉ phong diện so sánh bị lược bỏ.

Vế (B) là chuẩn so sánh không phải có một mà có ba: *chuối và hong – xôi nếp một – đồng lúa lau* là nhằm mục đích ca ngợi người mẹ về nhiều mặt, mặt nào cũng có nhiều ưu điểm đáng quý.

3. Tìm và phân tích phép so sánh (theo mô hình của so sánh) trong các câu thơ sau:

- a) *Ngoài thềm rơi chiếc lá đa
Tiếng rơi rất mỏng nh là rơi nghiêng.*

(Trần Đăng Khoa)

- b) *Quê hong là chùm khế ngọt
Cho con chèo hái mỗi ngày
Quê hong là đồng đi học
Con về rợp bóm vàng bay.*

(Đỗ Trung Quân)

Gợi ý:

Chú ý đến các so sánh

- a) Tiếng rơi rất mỏng nh là rơi nghiêng
- b) Quê hong là chùm khế ngọt
Quê hong là đồng đi học

Bài 2 : Nhân hoá

I/ Củng cố, mở rộng và nâng cao

1. Thế nào là nhân hoá ?

Nhân hoá là cách gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối đồ vật, ... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ tình cảm của con người.

Từ nhân hoá nghĩa là trở thành người. Khi gọi tả sự vật người ta thường gán cho sự vật đặc tính của con người. Cách làm nh vậy được gọi là phép nhân hoá.

VD:

*Cây dừa
Sải tay
Bơi
Ngọn mừng tôi
Nhảy múa*

(Trần Đăng Khoa)

2. Các kiểu nhân hoá

Nhân hoá được chia thành các kiểu sau đây:

+ **Gọi sự vật bằng những từ vốn gọi người**

VD:

*Đế Choắt ra cửa, hé mắt nhìn chị Cốc. Rồi hỏi tôi :
- Chị Cốc béo xù đứng trước cửa nhà ta đây hả ?*

(Tô Hoài)

+ **Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động, tính chất sự vật.**

VD :

*Muôn nghìn cây mía
Múa gợn
Kiến
Hành quân
Đầy đồng*

(Trần Đăng Khoa)

+ **Những từ chỉ hoạt động, tính chất của con người được dùng để chỉ hoạt động tính chất của thiên nhiên**

VD :

*Ông trời
Mặc áo giáp đen
Ra trận*

(Trần Đăng Khoa)

+ **Trò chuyện tâm sự với vật nh đối với người**

VD :

*Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất ?
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt trên vai*

(Ca dao)

*Em hỏi cây kơ nia
Gió mây thổi về đâu*

Về phương mặt trời mọc...

(Bóng cây kơ nia)

3. Tác dụng của phép nhân hoá

Phép nhân hoá làm cho câu văn, bài văn thêm cụ thể, sinh động, gợi cảm ; là cho thế giới đồ vật, cây cối, con vật đọc gần gũi với con người hơn.

VD :

*Bác giun đào đất suốt ngày
Hôm qua chết dới bóng cây sau nhà.*

(Trần Đăng Khoa)

II/ Bài tập

1. Trong câu ca dao sau đây:

*Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta*

Cách trò chuyện với trâu trong bài ca dao trên cho em cảm nhận gì ?

Gợi ý:

- Chú ý cách xưng hô của người đối với trâu. Cách xưng hô như vậy thể hiện thái độ tình cảm gì ? Tầm quan trọng của con trâu đối với nhà nông như thế nào ? Theo đó em sẽ trả lời được câu hỏi.

2. Tìm phép nhân hoá và nêu tác dụng của chúng trong những câu thơ sau:

a) *Trong gió trong ma
Ngọn đèn đứng gác
Cho thắng lợi, nối theo nhau
Đang hành quân đi lên phía trước.*

(Ngọn đèn đứng gác)

Gợi ý:

Chú ý cách dùng các từ vốn chỉ hoạt động của người như:

- Đứng gác, nối theo nhau, hành quân, đi lên phía trước.

Bài 3 : ẩn dụ

I/ Củng cố, mở rộng và nâng cao

1. Thế nào là ẩn dụ ?

Ẩn dụ là cách gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có **nét tương đồng** quen thuộc nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ẩn dụ thực chất là một kiểu so sánh ngầm trong đó yếu tố so sánh giảm đi chỉ còn yếu tố làm chuẩn so sánh được nêu lên.

Muốn có phép ẩn dụ thì giữa hai sự vật hiện tượng được so sánh ngầm phải có nét tương đồng quen thuộc nếu không sẽ trở nên khó hiểu.

Câu thơ:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*
(Viễn Phong)

Mặt trời ở dòng thơ thứ hai chính là ẩn dụ.

Hoặc

*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ em nằm trên lng*
(Nguyễn Khoa Điềm)

Ca dao có câu:

*Thuyền về có nhớ bến chăng ?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

Bến được lấy làm ẩn dụ để làm thời biểu thị ngời có tấm lòng thủy chung chờ đợi, bởi những hình ảnh cây đa, bến nước thông gắn với những gì không thay đổi là đặc điểm quen thuộc ở những có ngời có tấm lòng thủy chung.

ẩn dụ chính là một phép chuyển nghĩa làm thời khác với phép chuyển nghĩa thông xuyên trong từ vựng. Trong phép ẩn dụ, từ chỉ được chuyển nghĩa làm thời mà thôi.

2. Các kiểu ẩn dụ

Dựa vào bản chất sự vật hiện tượng được đưa ra so sánh ngầm, ta chia ẩn dụ thành các loại sau:

+ **ẩn dụ hình tượng** là cách gọi sự vật A bằng sự vật B.

VD:

Ngời Cha mái tóc bạc
(Minh Huệ)

Lấy hình tượng Ngời Cha để gọi tên Bác Hồ.

+ **ẩn dụ cách thức** là cách gọi hiện tượng A bằng hiện tượng B.

VD:

*Về thăm quê Bác làng Sen
Có hàng râm bụt thắp lên lửa hồng.*
(Nguyễn Đức Mậu)

Nhìn “hàng râm bụt” với những bông hoa đỏ rực tác giả tổng nh những ngọn đèn “thắp lên lửa hồng”.

+ **ẩn dụ phẩm chất** là cách lấy phẩm chất của sự vật A để chỉ phẩm chất của sự vật B.

VD:

ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

Tròn và dài được làm thời chỉ những phẩm chất của sự vật B.

+ **ẩn dụ chuyển đổi cảm giác** là những ẩn dụ trong đó B là một cảm giác vốn thuộc một loại giác quan dùng để chỉ những cảm giác A vốn thuộc các loại giác quan khác hoặc cảm xúc nội tâm. Nói gọn là lấy cảm giác A để chỉ cảm giác B.

VD:

*Mời đọc nghe giọng hồn dịu ngọt
Huế giải phóng nhanh mà anh lại muôn về.*
(Tố Hữu)

Hay:

*Đã nghe rét mướt luồn trong gió
Đã vẳng ngòi sang những chuyển đò*
(Xuân Diệu)

3. Tác dụng của ẩn dụ

Ẩn dụ làm cho câu văn thêm giàu hình ảnh và mang tính hàm súc. Sức mạnh của ẩn dụ chính là mặt biểu cảm. Cùng một đối tượng nhưng ta có nhiều cách thức diễn đạt khác nhau. (*thuyền – biển, mận – đào, thuyền – bến, biển – bờ*) cho nên một ẩn dụ có thể dùng cho nhiều đối tượng khác nhau. Ẩn dụ luôn biểu hiện những hàm ý mà phải suy ra mới hiểu. Chính vì thế mà ẩn dụ làm cho câu văn giàu hình ảnh và hàm súc, lôi cuốn người đọc người nghe.

VD :

Trong câu : *Ngồi Cha mái tóc bạc* nếu thay *Bác Hồ* mái tóc bạc thì tính biểu cảm sẽ mất đi.

II/ bài tập

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HUYỆN XUÂN TRƯỜNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)

Trong 8 câu hỏi sau, mỗi câu có 4 phương án trả lời A,B,C,D; trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy chọn phương án đúng để viết vào tờ giấy làm bài.

Câu 1: Bài thơ “Viếng lăng Bác” (Viễn Phương) được trích từ tập nào?

A. Hương cây - Bếp lửa.

B. Như mây mùa xuân.

C. Giữa trong xanh. D. Vàng trắng quàng
lửa.

Câu 2: Trong bài thơ “Ánh trăng” (Nguyễn Duy), hình ảnh ánh trăng trong câu thơ nào mang ý nghĩa: *Trăng tượng trưng cho quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên chẳng thể phai mờ?*

A. Câu thơ: *Vàng trắng thành tri kỉ.* B. Câu thơ: *Trăng cứ tròn vành vạnh.*

C. Câu thơ: *Vàng trắng đi qua ngõ.* D. Câu thơ: *Ánh trăng im phăng phắc.*

Câu 3: Trong những cặp từ sau, cặp từ nào có quan hệ trái nghĩa?

A. Ông - bà. B. Thông minh - lười. C. Giàu - khổ.
D. Xa - gần.

Câu 4: Trong các từ “*xuân*” sau đây (trích “Truyện Kiều” - Nguyễn Du), từ nào mang nghĩa chuyển?

A. *Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân.* B. *Làn thu thủy nét xuân sơn.*

C. *Ngày xuân con én đưa thoi.* D. *Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.*

Câu 5: Trong 4 đề bài sau, đề bài nào thuộc kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?

A. Hãy giải thích câu tục ngữ: “Uống nước nhớ nguồn”.
B. Bàn về đức tính khiêm nhường.
C. Trình bày suy nghĩ của em về một tấm gương học sinh nghèo vượt khó, học giỏi em đã gặp.

D. Suy nghĩ của em về lời dạy của Bác Hồ: “Điều gì phải thì cố làm cho kì được, dù là điều phải nhỏ. Điều gì trái thì hết sức tránh, dù là một điều trái nhỏ”.

Câu 6: Tác giả nào được nhắc đến sau đây: “...(1765 - 1820) tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên”?

A. Nguyễn Đình Chiểu. B. Nguyễn Dữ. C. Nguyễn Du. D. Nguyễn Quang Sáng.

Câu 7: “Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó lại bảo: - *Thì má cứ kêu đi.*” (Nguyễn Quang Sáng)

Câu văn in đậm trên thuộc kiểu câu nào?

A. Câu cầu khiến. B. Câu cảm thán. C. Câu trần thuật.
D. Câu nghi vấn.

Câu 8: Tác phẩm nào thuộc thể loại Truyện thơ Nôm?

A. Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ). B. Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu).

C. Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô gia văn phái). D. Bàn về đọc sách (Chu Quang Tiềm).

PHẦN II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): “(1)Tôi là con gái Hà Nội. (2)Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. (3)Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn.” (Lê Minh Khuê)

a. Trong những câu văn trên câu nào là câu ghép? Hãy phân tích cấu tạo câu ghép vừa tìm được.

b. Để liên kết các câu văn, tác giả đã dùng phép liên kết nào?

Câu 2 (2,0 điểm):

a. Truyện ngắn “Làng” (Kim Lân) đã xây dựng được tình huống truyện đặc sắc. Đó là tình huống nào?

b. Đoạn truyện bộc lộ một cách cảm động tâm trạng của ông Hai là đoạn ông trò chuyện với đứa con út. Qua những lời tâm sự với đứa con nhỏ, ta thấy rõ hơn ở ông Hai điều gì?

Câu 3 (5,0 điểm): Phân tích đoạn thơ sau trong bài “Đoàn thuyền đánh cá” (Huy Cận):

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa. Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,
Sóng đã cài then, đêm sập cửa. Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi, Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.
Câu hát căng buồm cùng gió khơi. Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”

(Ngữ văn 9, Tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục,
năm 2007)

-----HẾT-----

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO HUYỆN XUÂN TRƯỜNG**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
BÀI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
MÔN: NGỮ VĂN
Năm học 2013-2014
(Thời gian làm bài: 120 phút)**

Tổng điểm cho cả bài thi 10 điểm.

Yêu cầu về nội dung, hình thức và phân bố điểm như sau:

Phần I: Trắc nghiệm: (2,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	D	A	C	C	A	B

Trả lời đúng mỗi câu cho 0,25 điểm. Trả lời sai hoặc thừa thì không cho điểm.

Phần II: Tự luận: (8,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1: (1,0 điểm)	a. - Câu ghép: Câu 3. - Phân tích: + Cụm chủ - vị 1: <i>Hai bím tóc/ dày, tương đối mềm</i> C V + Cụm chủ - vị 2: <i>một cái cổ/ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn</i> C V (HS chỉ nêu được 1 cụm chủ - vị thì không cho điểm phân tích)	0,25 0,25
	b. Để liên kết các câu văn, tác giả đã dùng: - Phép lặp từ ngữ: Lặp từ <i>tôi</i> ở câu 1 và câu 2. - Phép đồng nghĩa: Từ <i>con gái</i> ở câu 1 và <i>cô gái</i> ở câu 2. (Nếu HS chỉ gọi tên 2 phép liên kết câu nhưng không chỉ rõ từ ngữ liên kết thì cho 0,25 điểm).	0,25 0,25
Câu 2: (2,0 điểm)	a. Truyện ngắn “Làng” (Kim Lân) đã xây dựng được tình huống truyện đặc sắc: Tác giả đặt nhân vật ông Hai vào một <u>tình huống gay cấn</u> để làm bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước của ông.	0,25
	Tình huống ấy là cái tin làng ông theo giặc, lập tề mà chính ông nghe được từ miệng những người tản cư dưới xuôi lên.	0,5
	b. Đoạn truyện bộc lộ một cách cảm động tâm trạng của ông Hai là đoạn ông trò chuyện với đứa con út.	
	Đây thực chất là lời ông Hai tự nhủ với mình, tự giải bày lòng mình; Qua những lời tâm sự với đứa con nhỏ, ta thấy rõ hơn ở ông Hai:	0,25
	+ Tình yêu sâu nặng với cái làng chợ Dầu của ông. + Tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng mà biểu tượng là Cụ Hồ. Tình cảm ấy là sâu nặng, bền vững và thiêng liêng.	0,5 0,5
Câu 3: (5,0 điểm)	*Phân tích đoạn thơ: A. Mở bài: Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề: Có thể giới thiệu khái quát về: + Tác giả Huy Cận + Bài thơ: Được sáng tác năm 1958 nhân chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh, được in trong tập thơ “Trời mỗi ngày lại sáng”. + Khái quát nội dung đoạn thơ: Đoạn thơ đã thể hiện cảnh đoàn thuyền đánh cá lên đường và tâm trạng náo nức của người lao động khi ra khơi.	0,5
	B. Thân bài: * Học sinh phân tích được cảnh đoàn thuyền đánh cá lên đường và tâm trạng náo nức của người lao động khi ra khơi. 1. Khổ 1: a. Câu 1,2: Cảnh biển vào đêm được tác giả miêu tả rất đặc sắc, với các hình thức nghệ thuật nổi bật, như: Sử dụng các biện pháp tu từ từ	4,0 1,75

	vững; nghệ thuật đối; từ ngữ chính xác... So sánh: <i>mặt trời xuống biển/như/hòn lửa</i>; cách dùng động từ “xuống biển” rất giàu sức gợi (liên hệ với kết thúc bài thơ là hình ảnh mặt trời đội biển); Nhân hóa: <i>Sóng cài then, đêm sập cửa</i> => Tác giả có sự liên tưởng so sánh rất thú vị: Vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với màn đêm buông xuống là chiếc cửa khổng lồ và những lượn sóng là then cửa; cảnh vật thiên nhiên vô tri vô giác trở nên sinh động có hồn và gần gũi với con người... b. Câu 3,4: Thời điểm đoàn thuyền đánh cá ra khơi: Khi thiên nhiên vạn vật chìm vào giấc ngủ thì những người lao động đánh cá trên biển lại bắt đầu một chuyến ra khơi (từ “lại” cho thấy đây là công việc diễn ra thường xuyên, đều đặn như một nhịp sống đã quen thuộc); Thời gian ra khơi về đêm dễ gợi lên sự mệt mỏi nhưng trái lại, với những người lao động đó là niềm vui hân hoan: <i>Câu hát căng buồm cùng gió khơi</i> => Thủ pháp phóng đại, với liên tưởng bất ngờ, đầy sáng tạo (tiếng hát hòa cùng gió mạnh thổi căng cánh buồm đẩy thuyền rẽ sóng ra khơi) nhấn mạnh sự hăm hở lên đường của đoàn thuyền, niềm lạc quan, vui tươi của những người dân đi biển. 2. Khổ 2: Là nội dung lời hát thể hiện tâm tư người lao động: - Nghệ thuật nổi bật: Nhịp thơ sôi nổi, hào hứng; những liên tưởng, sáng tạo về hình ảnh; sử dụng biện pháp tu từ so sánh đặc sắc... Từ hình dạng của loài cá thu, tác giả đã có liên tưởng, sáng tạo ra hình ảnh <i>Cá thu biển Đông như đoàn thoi</i>; <i>Đêm ngày dẹt biển muôn luồng sáng</i>: Từng đàn cá thu trên mặt biển như "đoàn thoi" trong máy dẹt. Con thoi mang sợi tơ dẹt vải thì cá thu mang ánh sáng phản chiếu lấp lánh dẹt nên muôn luồng sáng lung linh, kỳ ảo trên thẳm biển. Và từ đó, tác giả có sự liên tưởng độc đáo: "Đến dẹt lưới ta, đoàn cá ơi!". Chính sự say mê vẻ đẹp của biển đã làm giảm bớt bao nỗi nhọc nhằn, vất vả, đem lại niềm vui và sức mạnh cho con người chinh phục thiên nhiên. - Những từ ngữ trong khổ thơ: "cá bạc", "cá thu", "đoàn cá", "dẹt biển", "dẹt lưới" khiến câu hát như một điệp khúc nhấn mạnh sự giàu đẹp của biển cả quê hương. 3. Đánh giá: - Nghệ thuật: Sử dụng bút pháp lãng mạn với các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa, phóng đại; Ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, gợi liên tưởng. - Nội dung: + Đoạn thơ đã miêu tả vẻ đẹp của cảnh đánh cá đêm và niềm vui phơi phới tràn ngập biển cả, sao trời của những ngư dân.	1,5 0,75 0,25 0,5
--	---	---

	+ Bài thơ đã thể hiện nguồn cảm hứng lãng mạn ngợi ca biển cả lớn lao, giàu đẹp; ngợi ca sự hăng say nhiệt tình xây dựng đất nước của những người lao động mới những năm đầu xây dựng CNXH.	0,5
	C. Kết bài: Khẳng định vị trí, giá trị của đoạn thơ, bài thơ; bộc lộ cảm nghĩ sâu sắc của bản thân. Lưu ý: <i>Học sinh có thể trình bày các cách khác nhau nhưng phải có kỹ năng làm bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ; biết phân tích từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ... để làm sáng tỏ nội dung. Diễn đạt rõ ràng, trôi chảy, ngôn ngữ trong sáng. Khuyến khích những bài sáng tạo, có suy nghĩ sâu sắc, có cảm xúc. Những bài viết chung chung hoặc sơ sài không cho quá một nửa số điểm của câu này.</i>	
Lưu ý chung: - Giám khảo cần linh hoạt khi vận dụng đáp án, tránh hiện tượng chấm qua loa, đếm ý cho điểm. - Nếu mắc từ 5-10 lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt trừ 0,25 điểm; trên 10 lỗi trừ 0,5 điểm. - Điểm của toàn bài để điểm lẻ tới 0,25 điểm.		

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG

**ĐỀ CHÍNH
THỨC**

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

Năm học: 2013 -2014

MÔN: NGỮ VĂN 9

(Thời gian làm bài: 120 phút)

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)

Trong 8 câu hỏi sau, mỗi câu có 4 phương án trả lời A,B,C,D; trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy chọn phương án đúng để viết vào tờ giấy làm bài.

Câu 1: Tác phẩm “Tiếng nói của văn nghệ” (Nguyễn Đình Thi) được sáng tác vào năm nào?

- A. 1948. B. 1969. C. 1976. D. 1958.

Câu 2: Dòng nào sau đây nêu **không** đúng giá trị nổi bật của văn học Việt Nam?

- A. Tư tưởng yêu nước. B. Lòng yêu thiên nhiên.
C. Tinh thần nhân đạo. D. Sức sống bền bỉ và tinh thần lạc quan.

Câu 3: Cụm từ “*người đồng mình*” được nhắc lại mấy lần trong bài thơ “Nói với con” (Y Phương)?

- A. Hai. B. Ba. C. Bốn. D. Năm.

Câu 4: Việc vận dụng các phương châm hội thoại cần phù hợp với điều gì?

- A. Mục đích giao tiếp. B. Nội dung giao tiếp.
C. Đặc điểm của tình huống giao tiếp. D. Đối tượng giao tiếp.

Câu 5: “*Thực sự mẹ không lo lắng đến nỗi không ngủ được. Mẹ tin đứa con của mẹ lớn rồi. Mẹ tin vào sự chuẩn bị rất chu đáo cho con trước ngày khai trường. Còn điều gì để lo lắng nữa đâu! Mẹ không lo, nhưng vẫn không ngủ được. Cứ nhắm mắt lại là dường như vang bên tai tiếng đọc bài trầm bổng: “Hàng năm cứ vào cuối thu...Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp”.*” (Lí Lan)

Đoạn văn tự sự trên có sử dụng yếu tố nào?

- A. Nghị luận. B. Đối thoại. C. Miêu tả nội tâm.
D. Độc thoại.

Câu 6: Tác phẩm nào sau đây tác giả sáng tạo được tình huống truyện đặc sắc?

- A. Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long). B. Truyện Kiều (Nguyễn Du).
C. Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê). D. Làng (Kim Lân).

Câu 7: Trong những cách nói sau, cách nói nào **không** sử dụng phép nói quá?

- A. Chưa ăn đã hết. B. Đứt từng khúc ruột. C. Một tác đến trời.
D. Sợ vỡ mồ hôi.

Câu 8: Văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” (SGK Ngữ văn 9, tập 1) là của tác giả nào?

- A. Đ.Đi-phô. B. G.G.Mác-két. C. G.Lân-đơn. D. G.đơ Mô-pa-xăng.

PHẦN II: TỰ LUẬN (8,0 điểm)

Câu 1 (1,0 điểm): Cho đoạn thơ sau:

“*Tà tà bóng ngả về tây,*

Chị em thơ thần dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề **thanh thanh**.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu **nhỏ nhỏ** cuối ghềnh bắc ngang.”

(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

a. Trong những từ in đậm ở đoạn thơ trên, từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy?

b. Trong tóm tắt “Truyện Kiều”, đoạn thơ trên nằm ở phần thứ mấy? Hãy nêu tên phần này?

Câu 2 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 15-20 dòng) bày tỏ suy nghĩ của em về vấn đề: “*Trang phục hợp văn hóa, hợp đạo đức, hợp môi trường mới là trang phục đẹp.*” (theo Băng Sơn); Trong đó có 01 câu chứa thành phần phụ chú.

Câu 3 (5,0 điểm):

a. Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” (Nguyễn Quang Sáng) được kể theo lời trần thuật của một người bạn thân thiết của ông Sáu. Cách chọn vai kể như vậy có tác dụng gì trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện nội dung tư tưởng của truyện? (1,0đ)

b. Phân tích diễn biến tâm lí và tình cảm của bé Thu trong lần ông Sáu về thăm nhà. (4,0đ)

-----HẾT-----

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO HUYỆN XUÂN TRƯỜNG**

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
BÀI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT**

MÔN: NGỮ VĂN 9

Năm học 2013-2014

(Thời gian làm bài: 120 phút)

Tổng điểm cho cả bài thi 10 điểm.

Yêu cầu về nội dung, hình thức và phân bố điểm như sau:

Phần I: Trắc nghiệm: (2,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	C	C	C	D	D	B

Trả lời đúng mỗi câu cho 0,25 điểm. Trả lời sai hoặc thừa thì không cho điểm.

Phần II: Tự luận: (8,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1: (1,0 điểm)	a. - Từ ghép: Chị em (Nếu HS nêu đúng từ ghép nhưng đưa cả các từ láy vào từ ghép, thì vẫn cho điểm từ ghép) - Từ láy: Tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ. (HS trả lời đúng cả 5 từ láy mới cho 0,25 điểm)	0,25 0,25
	b. - Trong tóm tắt “Truyện Kiều”, đoạn thơ trên nằm ở phần thứ nhất. - Tên của phần này: Gặp gỡ và đính ước.	0,25 0,25
	Câu 2: (2,0 điểm) *Viết đoạn văn nghị luận bày tỏ ý kiến về vấn đề “Trang phục hợp văn hóa, hợp đạo đức, hợp môi trường mới là trang phục đẹp.” a. Về kiến thức: Cần làm rõ được các ý sau: - Câu nói nêu ra vấn đề về việc lựa chọn trang phục; đồng thời cũng khẳng định quan điểm: lựa chọn trang phục đẹp, đúng đắn, phù hợp là phải <i>hợp văn hóa, hợp đạo đức, hợp môi trường</i> . - Khẳng định việc lựa chọn trang phục phù hợp là rất cần thiết, quan trọng đối với mỗi con người: Giúp con người đẹp hơn, tự tin, gần gũi, hòa đồng hơn với mọi người; góp phần thể hiện con người, cá tính... - Phê phán những quan niệm, những biểu hiện lựa chọn trang phục không phù hợp, không đẹp, đặc biệt là với lứa tuổi HS. - Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân: Cần lựa chọn trang phục giản dị, nhẹ nhàng, trẻ trung, năng động phù hợp với lứa tuổi, hoạt động, kinh tế gia đình. b. Về kĩ năng: HS biết viết đoạn văn nghị luận, trong đó có 01 câu chứa thành phần phụ chú. Diễn đạt trong sáng. <u>Lưu ý:</u> + HS có thể có những lí giải, lập luận riêng; Nếu hợp lí, thuyết phục, kĩ năng lập luận tốt vẫn cho điểm tối đa. +Nếu bài làm dưới 15 dòng, trên 20 dòng: trừ 0,25 điểm.	 0,5 0,5 0,25 0,25 0,5
Câu 3: (5,0 điểm)	Câu a. Phân tích diễn biến tâm lí và tình cảm của bé Thu trong lần ông Sáu về thăm nhà.	4,0
	A. Mở bài: - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. - Nêu cảm nhận khái quát về diễn biến tâm lí và tình cảm của bé Thu trong lần ông Sáu về thăm nhà.	0,5
	B. Thân bài: * <i>Học sinh phân tích được sự thay đổi trong hành động, tâm lí của nhân vật; qua đó cảm nhận được tình cảm sâu sắc mà bé Thu dành</i>	3,0

	<i>cho cha.</i> 1. Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ra ông Sáu là cha: - Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái lên tám tuổi ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Gặp lại con, ông Sáu không tìm được nỗi vui mừng trong phút đầu nhìn thấy con. Nhưng thật trớ trêu, đáp lại sự vô vấp của cha, bé Thu lại tỏ ra ngờ vực, lảng tránh và ông Sáu càng muốn gần con thì đứa con lại càng tỏ ra lạnh nhạt, xa cách. Tâm lí và thái độ ấy của Thu được biểu hiện qua hàng loạt các chi tiết mà người kể chuyện quan sát và thuật lại rất sinh động: hốt hoảng, mặt tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên khi mới gặp ông Sáu; chỉ gọi trống không với ông Sáu mà không chịu gọi cha; nhất định không chịu nhờ ông giúp chắt nước nồi cơm to đang sôi, hất cái trứng cá mà ông gấp cho; cuối cùng khi bị ông Sáu tức giận đánh một cái thì bỏ về nhà bà ngoại, khi xuống xuồng còn cố ý khua dây cột xuồng kêu rồn rảng thật to. - Trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, bé Thu không tin ông Sáu là ba chỉ vì trên mặt ông có thêm vết sẹo, khác với hình ba mà nó đã được biết. Sự ương ngạnh, phản ứng của bé Thu là không đáng trách mà hoàn toàn tự nhiên. Qua đây ta thấy bé Thu có cá tính mạnh mẽ, tình cảm của em sâu sắc, chân thật, em chỉ yêu ba khi tin chắc đó đúng là ba. 2. Thái độ và hành động của Thu khi nhận ra ông Sáu chính là cha: - Trong buổi sáng cuối cùng, trước phút ông Sáu phải lên đường, <u>thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn.</u> + Lúc chia tay, sau khi bắt tay hết mọi người, ông Sáu đưa mắt nhìn con, <i>thấy nó đứng trong góc nhà</i>; Khi người cha nhìn với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu và tạm biệt thì <i>đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.</i> + Lần đầu tiên Thu cất tiếng gọi “ba”: Chi tiết bé Thu gọi cha được tác giả đặc biệt nhấn mạnh và miêu tả: <i>bỗng nó kêu thét lên: Ba...a...a...ba!; Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó.</i> + Hành động: <i>chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó, nói trong tiếng khóc... Hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa, ôm chặt lấy ba...hai tay nó siết chặt lấy cổ, ...dang cả hai chân rồi cúi chặt lấy ba, đôi vai nhỏ bé của nó run run.</i> - Trong đêm bỏ về nhà bà ngoại, Thu đã được bà giải thích về vết thẹo	1,25 0,75 0,5 1,25 0,75 0,5
--	---	---

	làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Sự nghi ngờ bấy lâu đã được giải tỏa và ở Thu nảy sinh một trạng thái như là sự ân hận, hối tiếc “nghe bà kể nó nằm im, lẫn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn”. Vì thế, trong giờ phút chia tay, tình yêu và nỗi mong nhớ với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ và hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận.	0,5 0,25
	3. <u>Đánh giá:</u> Đánh giá chung về nhân vật và nghệ thuật kể chuyện: - Nghệ thuật: Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, đặc biệt là nhân vật bé Thu; nghệ thuật xây dựng tình huống truyện bất ngờ mà tự nhiên của tác giả. - Nội dung: + Tác phẩm đã diễn tả một cách cảm động tình cảm thấm thiết, sâu nặng của bé Thu dành cho cha (trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh). Qua đó, tác giả khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc, và càng cao đẹp hơn trong những cảnh ngộ khó khăn. Tác phẩm còn gợi cho người đọc nghĩ đến những đau thương mất mát, éo le mà chiến tranh gây ra cho bao nhiêu con người, bao nhiêu gia đình.	0,25 0,5 1,0 0,5
	C. Kết bài: Khẳng định sự thành công của tác giả khi xây dựng nhân vật bé Thu và liên hệ bản thân.	
	<u>Câu b.</u> - Người kể chuyện trong vai một người bạn thân thiết của ông Sáu không chỉ là người chứng kiến khách quan và kể lại, mà còn bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật. Đồng thời, qua những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật kể chuyện, các chi tiết, sự việc và nhân vật khác trong truyện bộc lộ rõ hơn, ý nghĩa tư tưởng của truyện thêm sức thuyết phục. - Truyện được trần thuật theo lời của người bạn ông Sáu, người đã chứng kiến những cảnh ngộ éo le của cha con ông. Cảnh ngộ ấy đã gợi lên bao nhiêu xúc động ở nhân vật kể chuyện. Lòng trắc ẩn, sự thấu hiểu những hy sinh mà bạn mình phải chịu đựng khiến cho ông “<i>bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim</i>”. - Chọn nhân vật vật kể chuyện như vậy khiến cho câu chuyện trở nên đáng tin cậy. Người kể chuyện hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể theo trạng thái, cảm xúc của mình, chủ động xen vào những ý kiến bình luận, suy nghĩ để dẫn dắt sự tiếp nhận của người đọc, người nghe. <u>Lưu ý:</u> Học sinh có thể trình bày các cách khác nhau nhưng <u>phải có kỹ năng làm bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích); biết phân tích nhân vật, có dẫn chứng cụ thể,...</u> Diễn đạt rõ ràng, trôi chảy, ngôn ngữ trong sáng. Khuyến khích những bài sáng tạo, có suy nghĩ sâu sắc, có cảm xúc. Những bài viết chung chung hoặc sơ sài không	0,25 0,25

	cho quá một nửa số điểm của câu này.	
Lưu ý chung: - Giám khảo cần linh hoạt khi vận dụng đáp án, tránh hiện tượng chấm qua loa, đếm ý cho điểm. - Nếu mắc từ 5-10 lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt trừ 0,25 điểm; trên 10 lỗi trừ 0,5 điểm. - Điểm của toàn bài để điểm lẻ tới 0,25 điểm.		

SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
NAM ĐỊNH

ĐỀ CHÍNH THỨC

**ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRƯỜNG THPT
CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG**

NĂM HỌC 2013-2014

Môn: **NGŨ VĂN** (chung)

Thời gian làm bài: 120 phút

Câu 1: (2,0 điểm)

Từ “*mặt trời*” trong các ví dụ sau được sử dụng theo biện pháp tu từ nào? Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

a) *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

(Trích “*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*”-

Nguyễn Khoa Điềm)

b) *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

(Trích “*Viếng lăng Bác*”- Viễn Phương)

Câu 2: (1,0 điểm)

Khi trò chuyện với bác họa sĩ, nhân vật anh thanh niên trong “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long có nói:

“- *Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một - không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc “Thế là một - hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ơ, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu*

với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn” (Theo sgk Ngữ văn 9- Tập 1- tr 185- NXBGD- 2006)

- Qua những lời tâm sự trên, theo em, lí do nào khiến anh thanh niên cảm thấy hạnh phúc?

- Nêu ngắn gọn những cảm nhận của em về nhân vật qua đoạn văn?

Câu 3: (2,0 điểm)

Từ niềm hạnh phúc của nhân vật anh thanh niên thể hiện qua lời tâm sự trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 15- 20 câu (có đánh số thứ tự các câu trong đoạn văn) nêu lên suy nghĩ và quan niệm của em về hạnh phúc?

Câu 4: (5,0 điểm)

“*Thơ là tiếng lòng*” (Tố Hữu). Hãy lắng nghe *tiếng lòng* của Thanh Hải qua đoạn thơ sau trong bài “*Mùa xuân nho nhỏ*”:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

*Mùa xuân - ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế.*

(Theo sgk Ngữ văn 9 – Tập 2- Tr 56- NXBGD- 2012)

HẾT

Họ và tên thí sinh:

Giám thị số

1:

Số báo danh:

Giám

thị số 2:

Câu	Ý	Nội dung	Điểm
1	Tiếng Việt		2
	a	Hình ảnh “mặt trời” trong các ví dụ trên được dùng theo biện pháp tu từ: - Câu a) biện pháp điệp từ “mặt trời” ở cả hai câu thơ; ẩn dụ “mặt trời” ở câu thơ thứ hai. - Câu b) biện pháp điệp từ “mặt trời” ở cả hai câu thơ, ẩn dụ “mặt trời” ở câu thơ thứ hai.	1
	b	Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ trong các câu: - Câu a: Nghệ thuật điệp từ “mặt trời” tạo sự liên kết chặt chẽ về nội dung, hình thức ở hai câu thơ. Hình ảnh ẩn dụ “mặt trời của mẹ” để chỉ đứa con và sự quý giá của con đối với mẹ, nhấn mạnh vào tình yêu con, tình mẫu tử cao cả, thiêng liêng. - Câu b: Nghệ thuật điệp từ “mặt trời” tạo sự liên kết chặt chẽ về nội dung, hình thức ở hai câu thơ. Hình ảnh ẩn dụ “mặt trời” ở câu thơ thứ hai để chỉ Bác Hồ kính yêu và sự lớn lao, vĩ đại của Người; thể hiện lòng tôn kính, ngưỡng mộ của nhân dân, của nhà thơ đối với Bác. - Tác dụng chung của các biện pháp tu từ: đều nhấn mạnh vào nội dung cần thể hiện, làm cho các câu thơ trở nên vừa cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh, vừa đa nghĩa, có sức gợi.	1
2	Văn học		1
	a	Anh thanh niên cảm thấy hạnh phúc vì: - Anh lập được thành tích, góp phần phát hiện một đám mây khô giúp không quân ta hạ được máy bay phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Với anh, hạnh phúc là niềm vui được cống hiến, làm việc có ích cho đất nước. - Anh tự hào vì có ông bố “tuyệt lắm”, hai bố con cùng thi đua lập chiến công góp phần của mình cho đất nước. Niềm hạnh phúc của anh thanh niên còn là được sống, làm việc cùng những người thân yêu nhất vì mục đích xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	0
	b	Cảm nhận về nhân vật qua đoạn văn: - Anh thanh niên đóng góp tích cực cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước nhưng là người rất khiêm tốn, vô tư, đáng yêu.	0

		- Anh có lí tưởng sống đẹp, là người yêu gia đình, nhiệt tình cống hiến cho đất nước.	
3	Viết đoạn văn bày tỏ suy nghĩ, quan niệm về hạnh phúc		
	Về kĩ năng: Học sinh biết viết đoạn nghị luận đúng về hình thức, dung lượng (15-20 câu, có đánh số thứ tự các câu), biết vận dụng một số thao tác lập luận để bày tỏ suy nghĩ, quan niệm của bản thân. Diễn đạt trong sáng.		0, đi
	Về kiến thức: Cần đảm bảo một số ý: - Giải thích: Hạnh phúc là niềm vui, sự sung sướng khi được thỏa mãn nhu cầu nào đó về vật chất, về tinh thần. Có những niềm hạnh phúc lớn lao, cao cả, cũng có những niềm hạnh phúc bình dị, đơn sơ. (Dẫn chứng) - Quan niệm về hạnh phúc: Từ niềm hạnh phúc của nhân vật anh thanh niên học sinh có thể nêu quan niệm của bản thân về hạnh phúc. Chấp nhận những quan niệm khác nhau về hạnh phúc, miễn là có cách lí giải phù hợp và đặt quan niệm đó trong hoàn cảnh hiện tại, đối với lứa tuổi học sinh. Ví dụ: Hạnh phúc là được học tập, được theo đuổi những khát vọng chân chính; được thực hiện những ước mơ đem lại cuộc sống tốt đẹp cho bản thân, góp phần đem lại lợi ích chung cho xã hội; hạnh phúc là được sống trong một gia đình êm ấm, thương yêu... - Bàn luận: + Phê phán những người không biết trân trọng hạnh phúc mà mình đang có, không có ý thức vun đắp cho hạnh phúc, chỉ biết tận hưởng hạnh phúc một cách ích kỉ. + Hạnh phúc không tự đến. Con người cần phải biết tự mình tạo nên hạnh phúc, phấn đấu hết mình cho hạnh phúc của bản thân, gia đình và góp vào phần chung cho cộng đồng, xã hội. Khi gặp phải những bất hạnh, khổ đau trong cuộc đời không nên bi quan, chán nản mà cố gắng vượt qua, xem đó như cái giá của hạnh phúc, càng thấy hạnh phúc đáng quý hơn. (Dẫn chứng) - Rút ra bài học nhận thức và hành động: Biết trân trọng hạnh phúc, biết tạo nên hạnh phúc chân chính bằng những cố gắng của bản thân.		0, đi 0, đi 0, đi
	Lưu ý: Học sinh viết không đúng hình thức là đoạn văn hoặc số câu không đúng quy định trừ 0,25 điểm.		
4	Thơ là tiếng lòng...		5 đi
	Yêu cầu chung: Về kĩ năng: Biết viết bài văn có bố cục rõ ràng, biết vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận, các phương thức biểu đạt. Diễn đạt trong sáng. Về kiến thức: Hiểu được ý nghĩa nhận xét của Tố Hữu. Cảm nhận và phân tích tiếng lòng của tác giả Thanh Hải, nghệ thuật thể hiện tiếng lòng ấy qua đoạn thơ.		

	Yêu cầu cụ thể: Cần đảm bảo một số ý cơ bản sau: - Giới thiệu vấn đề: Thơ là tiếng nói tình cảm, là “tiếng lòng” của người làm thơ. “Mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng của Thanh Hải gửi lại cuộc đời trước lúc đi xa. Bài thơ được viết vào tháng 11- 1980, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời. Đó là tiếng nói bộc lộ tình cảm mến yêu, gắn bó thiết tha với cuộc đời, với quê hương, đất nước. Đoạn thơ là ước nguyện chân thành, là lời tâm niệm thể hiện tiếng lòng ấy của tác giả. - Giải thích ý kiến của Tố Hữu: Tiếng lòng ở đây được hiểu là tiếng nói của tâm hồn, là cảm xúc. Tố Hữu đã đề cập tới đặc trưng quan trọng nhất của thơ ca: là tiếng nói của tình cảm. - “Tiếng lòng” của Thanh Hải qua đoạn thơ: + Đó là tiếng lòng khát khao hòa nhập vào cuộc sống của nhân dân, đất nước; đem cái riêng của mình hòa vào với cái chung: Nhà thơ muốn làm con chim, nhành hoa, nốt trầm xao xuyến đem đến những âm thanh, những màu sắc, hương thơm cho cuộc đời. (Học sinh phân tích khổ “Ta làm con chim hót...”) + Tiếng lòng khát khao hòa nhập ấy được đẩy lên cao trở thành một lẽ sống cao đẹp, lẽ sống cống hiến và hi sinh: Nhà thơ nguyện làm một “mùa xuân nho nhỏ”, nguyện đem phần nhỏ bé nhưng đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất cống hiến cho đất nước; nguyện sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình để hiến dâng cho cuộc đời chung. Lẽ sống ấy rất giản dị, đáng quý, đáng trân trọng. Nó càng đáng quý hơn vì nó bền bỉ qua thời gian, bất chấp những thử thách, thăng trầm trong cuộc đời. “Dù là tuổi hai mươi” hay là “khi tóc bạc” đều nguyện sống với tâm niệm của mình- “lặng lẽ dâng cho đời”. Những câu thơ ngắn nhưng là cả một sự trải nghiệm của cuộc đời nhà thơ: tuổi trẻ đi theo cách mạng, phục vụ đất nước. Cho đến thời điểm viết bài thơ, tác giả đang ở trên giường bệnh. Vậy mà, ông vẫn tha thiết được góp phần của mình vào cái chung. Tiếng lòng ấy càng khiến ta xúc động. (Học sinh phân tích khổ “Một mùa xuân nho nhỏ..”) + Tiếng lòng yêu quê hương, đất nước lắng vào câu ca xứ Huế: Tác giả xin cất lên câu Nam ai, Nam bình của quê hương xứ Huế để hát về “nước non ngàn dặm”, hát lên khát vọng và tình yêu. Lời thơ thể hiện ân tình sâu nặng, sự gắn bó với vẻ đẹp tâm hồn của quê hương xứ sở, gắn bó với đất nước. Đồng thời tác giả cũng thể hiện niềm tin yêu vào cuộc đời (đặt trong hoàn cảnh sáng tác bài thơ). (Học sinh phân tích khổ kết) - Nghệ thuật thể hiện tiếng lòng: + Cấu tứ chặt chẽ theo kiểu đầu cuối tương ứng. Sự chuyển đổi cách xưng hô (ở đầu bài thơ là “tôi”, ở đoạn thơ này là “ta”) + Nghệ thuật ẩn dụ, hoán dụ: Những hình ảnh đẹp đẽ của thiên nhiên cũng là những hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng xuất hiện ở đầu tác phẩm và được lặp lại trong đoạn thơ để thể hiện tiếng lòng của tác giả: con chim, nhành hoa, mùa xuân... Hoán dụ: tuổi hai mươi, khi tóc bạc... + Nghệ thuật điệp (điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc...): Ta, ta làm, dù là, nước non	0, đi 0 đi 2 đi 1 đi
--	---	--

	ngàn dặm...vừa tạo tính nhạc vừa nhấn mạnh vào những cảm xúc chân thành của nhà thơ. + Từ ngữ biểu cảm: từ láy: “nhỏ nhỏ”, “lặng lẽ”, số từ “một”, các từ “mình”, “tình”...; giọng thơ nhỏ nhẹ, khiêm nhường, ngôn ngữ thơ giản dị có sức gọi... - Đánh giá, mở rộng: + Với thể thơ năm chữ, hình ảnh thơ đẹp, giản dị; ngôn ngữ thơ trong sáng, giàu nhạc điệu; kết hợp linh hoạt các thủ pháp nghệ thuật ẩn dụ, hoán dụ, điệp...đoạn thơ thể hiện xúc động tiếng lòng của tác giả. Đó là khát vọng cao đẹp, là lẽ sống cống hiến hi sinh, là trái tim yêu tha thiết đất nước quê hương. Tiếng lòng của Thanh Hải cũng chính là tiếng lòng của triệu triệu trái tim, con người Việt Nam. + Tiếng lòng của nhà thơ đã hòa cùng tiếng lòng của biết bao thế hệ. Ta từng bắt gặp nhiệt tình cống hiến ấy ở những người lính lái xe trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật, ở anh thanh niên và những con người làm việc âm thầm cho đất nước trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long....Tổ Hữu cũng từng tâm sự: “Nếu là con chim, chiếc lá/ Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh/ Lẽ nào vay mà không có trả/ Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”... - Kết thúc vấn đề: Khẳng định: Người làm thơ cũng phải có cái tài nhưng cái gốc của thơ vẫn là tình cảm. Tiếng lòng của Thanh Hải đã khơi gợi trong ta những suy ngẫm về lẽ sống: Được sống là một hạnh phúc. Vậy ta phải sống cho có ý nghĩa. Phải chăng đó là cách mà tác giả đã sống: sống bằng tất cả sức lực, nhiệt tình, trí tuệ của mình, dâng hiến cho cuộc đời, cho quê hương, đất nước. Lưu ý: - Học sinh có thể có những cách cảm nhận và phân tích khác nhau nhưng phải theo định hướng và đảm bảo được các ý trên. - Chỉ cho điểm tối đa ở mỗi ý khi học sinh có sự cảm nhận, phân tích sâu sắc. Giám khảo không đếm ý cho điểm.	0,2 điểm
--	--	-----------------

Lưu ý chung:

- Sau khi chấm điểm từng câu, giám khảo cần nhắc để cho điểm toàn bài một cách hợp lý, đảm bảo đánh giá đúng trình độ học sinh. Khuyến khích những bài viết hiểu đề và định hướng làm bài, có tính sáng tạo, suy nghĩ sâu sắc, văn viết có cảm xúc.
- Điểm toàn bài lẻ đến 0,25 điểm, không làm tròn.
- Phân thang điểm trên đây ghi điểm tối đa cho mỗi ý. Nếu học sinh chưa đáp ứng yêu cầu về kỹ năng và kiến thức thì không đạt số điểm này.

ĐỀ THI VÀO 10 THPT

Câu 1: (1,0 điểm)

Hãy kể tên và sắp xếp theo thời gian từ xưa đến nay 10 tác giả văn học, mỗi tác giả 1 tác phẩm được học trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

Câu 2: (2,5 điểm)

- Độc thoại trong tác phẩm tự sự là gì? Độc thoại nội tâm trong tác phẩm tự sự là gì?
- Tìm trong ví dụ dưới đây câu nào là độc thoại, câu nào là độc thoại nội tâm?

Chúng nó cũng là trẻ con Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng đấy ư? Khốn nạn, bằng ngần ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay mà rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này?

Câu 3: (1,5 điểm)

Đọc kỹ, sửa các lỗi chính tả và lỗi câu trong đoạn văn sau, chép vào bài thi đoạn văn đã sửa.

Trong bài thơ đoàn thuyền đánh cá đã vẽ thành công bức tranh lao động kì vĩ trên biển. Thiên nhiên động lớn, nung nính ánh trắng sao. Lời ca tiếng hát hòa lẫn tiếng xóng biển tạo lên bài ca lao động tập thể tưng bừng, đông vui.

Câu 4: (5,0 điểm)

Tình yêu quê hương thấm thiết, niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của dân tộc mình qua cách diễn tả độc đáo của nhà thơ Y Phương trong bài thơ *Nói với con*. Hãy phân tích đoạn thơ sau để làm rõ nhận xét trên.

Chân phải bước tới cha	Đan lò cài nan hoa
Chân trái bước tới mẹ	Vách nhà ken câu hát
Một bước chạm tiếng nói	Rừng cho hoa
Hai bước tới tiếng cười	Con đường cho những tấm
Người đồng mình yêu lắm lòng	Con đường cho những tấm
con ơi	Cha mẹ mãi nhớ về ngày
	cưới
	Ngày đầu tiên đẹp nhất
	trên đời.

ĐỀ THI VÀO 10 THPT

Câu 1: Xác định thành phần biệt lập phụ chú trong ví dụ sau:

Cô bé nhà bên (có ai ngờ)

Cũng vào du kích

Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích

Mắt đen tròn (thương thương quá đi thôi)

(Giang Nam, *Quê hương*)

Câu 2: Cho 2 đoạn thơ:

a. *Ta làm con chim hót*

Ta làm một nhành hoa

b. *Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác.

1. Hai đoạn thơ trích trong tác phẩm nào? Của tác giả nào? Năm sáng tác?
2. Mỗi đoạn thơ viết về một đề tài nhưng lại có chung chủ đề. Em hãy chỉ ra chủ đề chung ấy.
3. Viết đoạn văn khoảng 5 câu nêu cảm nghĩ của em về 1 trong 2 đoạn thơ trên.

Câu 3: Phân tích đoạn thơ sau:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ôi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng*

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy quanh lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...*

(Thanh Hải, *Mùa xuân nho nhỏ*)

ĐỀ THI VÀO 10 THPT

Câu 1: Trình bày ngắn gọn về tiểu sử và tên các sáng tác của tác giả Nguyễn Du.

Câu 2:

- a. Thế nào là trình bày nội dung đoạn văn theo cách diễn dịch? Vẽ sơ đồ minh họa.
- b. Từ câu chủ đề: “*Truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu xây dựng thành công tình huống độc đáo, hấp dẫn*”. Hãy viết một đoạn văn ngắn khoảng 8 câu theo cách trình bày diễn dịch.

Câu 3

- a. Kể tên những phương châm hội thoại được sử dụng trong giao tiếp tiếng Việt.
- b. Thành ngữ sau liên quan đến phương châm hội thoại nào:
 - “Nói ngọt lọt đến xương”.
 - “Nói có sách, mách có chứng”.

Câu 4: Em có suy nghĩ gì về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong truyện Người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

ĐỀ THI VÀO 10 THPT

Câu 1 (2,0 điểm). Cho đoạn văn:

“... Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội”.

(Ngữ văn 9, Tập 2, NXBGD –

2006)

- a. Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Của ai?

- b. Câu chủ đề của đoạn văn trên nằm ở vị trí nào?
- c. Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết nào là chủ yếu?
- d. Từ được in đậm trong câu “*Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.*” là thành phần biệt lập gì ?

Câu 2 (3,0 điểm).

Trong tác phẩm *Truyện Kiều*, Nguyễn Du viết:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.*

- a. Chép chính xác 6 câu thơ tiếp theo hai câu thơ trên.
- b. Những câu thơ vừa chép nằm trong đoạn trích nào của *Truyện Kiều*?
Nêu ngắn gọn giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích đó.
- c. Em hiểu từ “*chén đồng*” trong đoạn thơ trên như thế nào?

Câu 3 (5,0 điểm).

Cảm nhận của em về tình cảm của nhân vật ông Sáu dành cho con trong trích đoạn *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

ĐỀ THI VÀO 10 THPT

Câu 1 (2,0 điểm).

- a. Đoạn văn được trích từ văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” của tác giả Vũ Khoan. 0,5 đ
- b. Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn. 0,5 đ
- c. Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết chủ yếu là: phép lặp. 0,5 đ
- d. *Có lẽ* là thành phần biệt lập tình thái trong câu. 0,5 đ

Câu 2 (3,0 điểm).

- a. Chép tiếp 6 câu thơ (1,0 điểm):

*Bên trời góc bể bơ vơ,
Tám son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi góc tử đã vừa người ôm.*

* Cho điểm:

- Chép đúng (không kể dấu câu):
- + Đúng cả 6 câu: 0,75 điểm.

- + Đúng 4 – 5 câu: 0,5 điểm.
- + Đúng 2 – 3 câu: 0,25 điểm.
- Dấu câu:
 - + Đúng 4 dấu câu trở lên: 0,25 điểm.
 - + Sai hoặc thiếu từ 3 dấu câu trở lên: không cho điểm.

b. (1,5 điểm).

- Những câu thơ trên nằm trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”. (0,5 điểm).

- Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:

+ Về nội dung (0,5 điểm):

Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thuý Kiều.

+ Về nghệ thuật (0,5 điểm):

Nghệ thuật khắc hoạ nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

c. (0,5 điểm).

Chén đồng: Chén rượu thể nguyên cùng lòng cùng dạ (đồng tâm) với nhau.

Lưu ý: Thí sinh có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đúng tinh thần thì vẫn cho điểm tối đa.

Câu 3 (5,0 điểm).

*** Yêu cầu về kỹ năng**

Thí sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài; biết cách làm bài văn nghị luận văn học; bố cục ba phần rõ ràng; lập luận chặt chẽ, mạch lạc; dẫn chứng phong phú, tiêu biểu; không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; khuyến khích những bài viết sáng tạo.

*** Yêu cầu về kiến thức**

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở nắm chắc tác phẩm, không suy diễn tùy tiện. Bài viết phải làm nổi bật được tình yêu con sâu nặng của nhân vật ông Sáu trong tác phẩm *Chiếc lược ngà*. Cụ thể cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

- *Tình cảm của ông Sáu dành cho con trong 3 ngày phép*:

+ *Tình huống*: Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách nhưng thật trở trêu là bé Thu lại không chịu nhận ông là cha. Đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi.

+ *Nỗi nhớ* cồn cào mãnh liệt thúc ông Sáu về thăm con. Gặp con, cảm xúc hồi hộp, vui sướng trào dâng trong lòng ông. Nhưng vừa gặp, bé Thu đã hoảng sợ bỏ chạy khiến ông hụt hẫng “... mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”.

+ Trong 3 ngày ở nhà, ông Sáu dành cho con tình cảm sâu sắc và mong chờ tiếng gọi “ba” của con bé. Nhưng bé Thu bướng bỉnh không chịu nhận ba khiến ông rất đau khổ. *“Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.”*

+ Trong bữa ăn, ông gấp thức ăn cho Thu *“miếng trứng cá to vàng để vào chén nó”* thể hiện tình yêu thương, chăm chút, muốn bù đắp cho con. Khi con bé hất bỏ miếng trứng cá, ông Sáu rất tức giận đánh vào mông nó một cái và hét lên: *“Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?”*

+ Khi bé Thu nhận ông là ba, ông sung sướng, nghẹn ngào đến trào nước mắt.

- Trong những ngày ở khu căn cứ:

+ Sau buổi chia tay con, ông Sáu luôn nhớ con da diết xen lẫn với sự ân hận vì đã đánh mất con.

+ Thái độ vui mừng, sung sướng *“Mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà”* khi nhận được khúc gỗ voi, vì ông sẽ thực hiện được tâm nguyện làm cây lược cho con như đã hứa.

+ Ông Sáu làm cây lược với tất cả sự công phu, kĩ lưỡng, khéo léo. Việc làm đó vừa làm dịu đi nỗi nhớ thương, ân hận vì đã đánh con vừa đốt cháy thêm khao khát được gặp con. *“Có cây lược, anh càng mong gặp lại con”*.

+ Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp trao tận tay món quà cho con gái, nhưng ánh mắt ông, cái nhìn *“không đủ lời lẽ để tả lại”* của ông đã nói lên tất cả tình yêu ông dành cho con.

- Đánh giá:

+ Đó là tình cảm cao đẹp, sâu nặng, cảm động trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua đó người đọc thấm thía những mất mát không gì bù đắp được của con người Việt Nam trong chiến tranh vừa trân trọng tình cảm cao đẹp trong tâm hồn họ.

+ Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất, tạo tình huống độc đáo, đặc biệt thành công trong việc miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật góp phần thể hiện chân thực, cảm động tình cảm cao đẹp đó.

*** Thang điểm:**

Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ những yêu cầu nêu trên, văn viết có cảm xúc, diễn đạt tốt, dẫn chứng chọn lọc, phong phú. Có thể mắc một vài sai sót nhỏ.

Điểm 4: Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu nêu trên, diễn đạt lưu loát, bố cục rõ ràng, dẫn chứng hợp lí. Có thể mắc một số lỗi chính tả, dùng từ.

Điểm 3 : Đáp ứng được khoảng nửa số ý, diễn đạt được, làm rõ trọng tâm. Có thể mắc một số lỗi.

Điểm 1, 2 : Năm chưa chắc tác phẩm, dẫn chứng nghèo nàn. Bố cục lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

Điểm 0 : Không hiểu đề, sai lạc cả nội dung và phương pháp.

Các điểm còn lại giám khảo tự cân nhắc.

Lưu ý:

- Phần mở bài và phần kết bài cho điểm tối đa là 1,0 điểm.
- Tổng điểm phần thân bài là 4,0 điểm.
- Việc chi tiết hoá điểm số trong phần thân bài được thống nhất trong hội đồng chấm.
- Điểm của bài thi là tổng điểm các câu cộng lại; cho điểm từ 0 đến 10.
- Điểm lẻ làm tròn tính đến 0,25 điểm.

—Hết—

KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Khóa ngày 18 tháng 06 năm 2013 tại Hà Nội

Môn thi: Ngữ văn

Phần I: (6 điểm): Trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, Thanh Hải nguyện làm một con chim, một cành hoa và một nốt nhạc trầm để kết thành:

*“Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.”*

(Trích Ngữ văn 9, tập hai – NXB Giáo dục, 2012)

1. Nhan đề Mùa xuân nho nhỏ được cấu tạo bởi những từ loại nào? Việc kết hợp các từ loại ấy có tác dụng gì?
2. Nốt nhạc trầm trong bài thơ có nét riêng gì? Điều đó góp phần thể hiện ước nguyện nào của tác giả?
3. Dựa vào khổ thơ trên, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng hợp - phân tích - tổng hợp làm rõ tâm niệm của nhà thơ, trong đó có sử dụng câu bị động và phép thế (gạch dưới câu bị động và những từ ngữ dùng làm phép thế).

Phần II (4 điểm)

Dưới đây là một phần trong lệnh truyền của vua Quang Trung với quân lính:

“- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các người đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. (...) Các người đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn.”

(Trích Ngữ văn 9, tập một - NXB Giáo dục, 2012)

1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?
2. Nhà vua nói “đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị” nhằm khẳng định điều gì? Hãy chép 2 câu trong bài thơ Sông núi nước Nam có nội dung tương tự.
3. Từ đoạn trích trên, với những hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về hình ảnh những người chiến sĩ ngày đêm bảo vệ biên đảo thiêng liêng của dân tộc.

BÀI GIẢI GỢI Ý

Phần I :

1. Nhan đề Mùa xuân nho nhỏ được cấu tạo bởi hai từ loại: “mùa xuân” là danh từ và “nho nhỏ” là tính từ. Việc kết hợp các từ loại ấy có tác dụng miêu tả rõ đặc điểm của danh từ (mùa xuân).
2. Nốt nhạc trầm theo nghĩa hiện thực là nốt nhạc có cao độ thấp. Trong bài thơ nó là một hình ảnh ẩn dụ được nhà thơ sử dụng để nói lên cái khát vọng muốn được khiêm tốn cống hiến cho cuộc đời. Đó là một khát vọng cao thượng và chân thành.
3. Câu hỏi yêu cầu thí sinh phải viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu theo cách lập luận tổng hợp - phân tích - tổng hợp làm rõ tâm niệm của nhà thơ, trong đó có sử dụng câu bị động và phép thế (gạch dưới câu bị động và những từ ngữ dùng làm phép thế). Thí sinh phải đáp ứng những yêu cầu căn bản nói trên: viết một đoạn văn nghị luận; khoảng 12 câu; theo cách lập luận tổng hợp - phân tích - tổng hợp; nội dung làm rõ tâm niệm của nhà thơ Thanh Hải trong bốn câu thơ; câu văn phải có loại câu bị động và phép thế (chú ý phải gạch dưới câu bị động và những từ ngữ dùng làm phép thế). Mỗi thí sinh sẽ có nội dung cụ thể khác nhau, tuy nhiên đoạn văn phải đáp ứng những yêu cầu căn bản nói trên.

Đây chỉ là một đoạn văn mang tính chất gợi ý tham khảo:

(Sau khi đã chép bốn câu thơ trên)

Câu một: Khổ thơ thể hiện tâm nguyện của nhà thơ muốn được cống hiến cho cuộc đời.

Câu hai: Khát vọng đó được thể hiện qua hình ảnh mùa xuân nho nhỏ.

Câu ba: Đó là một hình ảnh khái quát xuyên suốt bài thơ có ý nghĩa biểu hiện cái đẹp của thiên nhiên, đất nước và cuộc sống.

Câu bốn: Trong khổ thơ này, mùa xuân được xây dựng thành hình ảnh ẩn dụ nói lên khát vọng cống hiến của nhà thơ cho cuộc đời.

Câu năm: Ý thức rằng cá nhân chỉ là một phần tử nhỏ bé, nhà thơ mong ước mình là một mùa xuân nho nhỏ.

Câu sáu: Hơn nữa, lại lặng lẽ dâng cho đời.

Câu bảy: Khiêm tốn biết bao là ước nguyện cống hiến của nhà thơ Thanh Hải.

Câu tám: Bởi lẽ, con người ta rất dễ trở nên tự đắc, tự kiêu trước những đóng góp của mình.

Câu chín: Thông thường, người ta quan niệm còn trẻ còn làm việc, già thì nghỉ ngơi an hưởng.

Câu mười: Thậm chí có khi còn đòi hỏi người khác phải phục vụ, phải tưởng nhớ cho những cống hiến của mình.

Câu mười một : Nhưng nhà thơ Thanh Hải lại quan niệm hoàn toàn khác: Nhà thơ khao khát cống hiến không chỉ là lúc tuổi hai mươi mà cả khi tóc bạc.

Câu mười hai: Cả khổ thơ là tâm nguyện chân thành cao đẹp của nhà thơ, là một lời nhắc nhở sâu sắc với mọi người về lẽ sống đáng để ghi nhớ và học tập.

Phần II:

1. Đoạn văn trên trích trong tác phẩm Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Tác giả là nhóm Ngô Gia Văn Phái, gồm có Ngô Thì Chí (1758-1788) và Ngô Thì Du (1772-1840).

2. Lời nói của nhà vua “Đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị” nhằm khẳng định chủ quyền của đất nước và kín đáo bày tỏ niềm tự hào về chủ quyền đất nước và sự bình đẳng giữa phương Bắc với phương Nam. Trong bài thơ Sông núi nước Nam của Lý Thường Kiệt có hai câu mang nội dung tương tự:

Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành đã định tại sách trời

(Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư)

3. Câu hỏi yêu cầu thí sinh trình bày suy nghĩ về hình ảnh người chiến sĩ ngày đêm bảo vệ biển đảo thiêng liêng của dân tộc.

Thí sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau. Sau đây chỉ là một số gợi ý để tham khảo :

- Việt Nam là một quốc gia nằm ven biển. Lãnh thổ bao gồm đất liền và rất nhiều hải đảo. Bên cạnh những người chiến sĩ bảo vệ chủ quyền của đất nước trên đất liền, trên không, chúng ta không thể không nghĩ tới những người chiến sĩ ngày đêm bảo vệ biển đảo thiêng liêng của dân tộc.

- Các anh là những người sống trong một khung cảnh có nhiều khó khăn gian khổ: sống giữa biển khơi, đầy nắng gió, thường xuyên gặp phải bão tố, ...

- Cuộc sống của các anh thiếu thốn phương tiện so với người dân ở đất liền: thiếu nước ngọt, thiếu sách báo,...

- Xa gia đình, xa người thân nên nhiều khi phải trải qua những nỗi buồn da diết vì nhớ nhà,...

- Tuy đầy gian khổ và khó khăn nhưng những điều này không làm mềm đi ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền tổ quốc, bảo vệ cuộc sống bình yên của người dân, nhất là những ngư dân trên biển cả.

- Đất nước được toàn vẹn, cuộc sống vẫn phát triển bình thường, hàng ngày các em được bình yên đến trường, bữa cơm mỗi ngày không thiếu những sản phẩm của biển cả,... nhờ có một phần không nhỏ công sức và sự hy sinh thầm lặng của các anh.

- Hình ảnh của các anh chiến sĩ ngoài biển đảo là những hình ảnh hào hùng ẩn chứa vẻ đẹp của sự hy sinh vì nghĩa lớn.

Nguyễn Hữu Dương

(*TT Luyện thi Đại học Vĩnh Viễn - TP.HCM*)

Đề I

Câu 1 (1 điểm): Hoàng Lê nhất thống chí của Ngô gia văn phái và Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du là những tác phẩm tiêu biểu của văn học trung đại Việt Nam. Hãy giải thích nhan đề hai tác phẩm trên.

Câu 2 (1 điểm): Giải thích ý nghĩa của các thành ngữ sau và cho biết mỗi thành ngữ có liên quan đến phương châm hội thoại nào:

a. Ông nói gà, bà nói vịt

b. Nói như đâm vào tai

Câu 3 (3 điểm): Viết văn bản nghị luận (không quá một trang giấy thi) về chủ đề quê hương.

Câu 4 (5 điểm): Phẩm chất và số phận người phụ nữ thời phong kiến qua nhân vật Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

Đề II

Phần I, 4 điểm

Cho đoạn văn sau: “*Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc 1 giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ đổ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung...*”

(Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, sách Ngữ

văn lớp 9, tập 1)

1. Đoạn văn trên là lời của nhân vật nào? Được nói ra trong hoàn cảnh nào?

Những hoàn cảnh đó giúp em hiểu gì về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật? Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật có gì đặc biệt?

2. Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy cho biết: trong hoàn cảnh ấy, điều gì đã giúp nhân vật trên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Chỉ ra một câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên

Phần II: 6 điểm Hình ảnh mùa xuân được khắc họa thật đẹp trong đoạn thơ sau:

“Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ôi con chim chiến chiến
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng”

1. Đoạn thơ trên thuộc bài thơ nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời tác phẩm ấy?
2. Dựa vào đoạn thơ trên, em hãy viết một đoạn văn dài khoảng 10-12 câu theo cách lập luận Tổng hợp- phân tích- tổng hợp, trong đó có chứa phép nối và câu có thành phần tình thái với chủ đề: về đẹp mùa xuân trong thiên nhiên và cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp ấy.

3. Cũng bài thơ trên có câu:

Mùa xuân người cầm súng

Lộc dất đầy trên lưng

Trong câu thơ trên, từ lộc được hiểu như thế nào?

Theo em, vì sao hình ảnh người cầm súng lại được tác giả miêu tả “Lộc dất đầy trên lưng”?

Câu 1: Từ “mặt trời” trong các ví dụ sau được sử dụng theo biện pháp tu từ nào? Phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

a) *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

(Trích “Khúc hát ru”- Nguyễn Khoa Điềm)

b) *Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

(Trích “Viếng lăng Bác”- Viễn Phương)

a, Hai câu thơ của NKĐ đã sử dụng biện pháp điệp từ “mặt trời” ở cả hai câu thơ; ẩn dụ “mặt trời” ở câu thơ thứ hai.

- Nghệ thuật điệp từ “mặt trời” tạo sự liên kết chặt chẽ về nội dung, hình thức ở hai câu thơ. Hình ảnh ẩn dụ “mặt trời của mẹ” để chỉ đứa con và sự quý giá của con đối với mẹ, nhấn mạnh vào tình yêu con, tình mẫu tử cao cả, thiêng liêng.

b, Hai câu thơ của VP đã sử dụng biện pháp điệp từ “mặt trời” ở cả hai câu thơ, ẩn dụ “mặt trời” ở câu thứ hai.

- Nghệ thuật điệp từ “mặt trời” tạo sự liên kết chặt chẽ về nội dung, hình thức ở hai câu thơ. Hình ảnh ẩn dụ “mặt trời” ở câu thứ hai để chỉ Bác Hồ kính yêu và sự lớn lao, vĩ đại của Người; thể hiện lòng tôn kính, ngưỡng mộ của nhân dân, của nhà thơ đối với Bác.

- Tác dụng chung của các biện pháp tu từ: Điều nhấn mạnh vào nội dung cần thể hiện, làm cho các câu thơ trở nên vừa cụ thể, sinh động, giàu hình ảnh, vừa đa nghĩa, có sức gợi.

Câu 2: Trong học sinh chúng ta hiện nay, ngày càng xuất hiện nhiều hiện tượng “học vẹt”, “học tủ”. Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng trên.

- Giải thích thế nào là “học vẹt”, “học tủ”

- + “ học vẹt”: học thuộc bài, đọc rất trôi chảy, nhưng không hiểu gì.
- + “ học tủ”: đoán được vấn đề sẽ hỏi đến khi kiểm tra, thi cử nên tập trung học vào đó để chuẩn bị.
- + Cả hai cách học này đều mang tính chất đối phó, không thực sự coi trọng việc tiếp thu kiến thức.

- Tác hại của việc “học tủ”, “học vẹt”

- + Kiến thức không nhớ lâu bền, chóng quên.
- + Không hiểu kiến thức nên không thể vận dụng vào cuộc sống, vào học tập...
- + Không nắm được kiến thức một cách đầy đủ, toàn diện.
- + Nếu “ lệch tủ” sẽ không đạt kết quả cao trong học tập kiểm tra, thi cử.
- + Phụ công các thầy cô giáo đã dạy dỗ cho ta kiến thức đầy đủ và toàn diện.

- Nguyên nhân:

- + Do nhiều bạn học sinh còn lười học, mải chơi bời, muốn đạt điểm cao.
- + Do chưa xác định được thái độ, động cơ học tập đúng đắn.

- Đánh giá và bày tỏ thái độ: Đây là hiện tượng lệch lạc trong học tập của một bộ phận học sinh cần được các bạn bè thầy cô, ngành giáo dục quan tâm nhắc nhở.

- Biện pháp khắc phục:

- + Xác định động cơ học tập đúng đắn, học là có kiến thức thực sự để vận dụng vào cuộc sống, lao động và sản xuất, không phải để ứng phó với các bài kiểm tra, các kì thi cử lấy một tấm bằng thật nhưng kiến thức giả.
- + Cần cù chăm chỉ học tập, học đều, học toàn diện để hoàn thiện kiến thức

SỞ GD&ĐT VINH PHÚC

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC

2011 – 2012

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1 (2,0 điểm). Cho đoạn văn:

“... Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội”.

(Ngữ văn 9, Tập 2, NXBGD –

2006)

- Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Của ai?
- Câu chủ đề của đoạn văn trên nằm ở vị trí nào?
- Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết nào là chủ yếu?
- Từ được in đậm trong câu *“Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.”* là thành phần biệt lập gì ?

Câu 2 (3,0 điểm).

Trong tác phẩm *Truyện Kiều*, Nguyễn Du viết:

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ.*

- Chép chính xác 6 câu thơ tiếp theo hai câu thơ trên.
- Những câu thơ vừa chép nằm trong đoạn trích nào của *Truyện Kiều*?
Nêu ngắn gọn giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích đó.
- Em hiểu từ “*chén đồng*” trong đoạn thơ trên như thế nào?

Câu 3 (5,0 điểm).

Cảm nhận của em về tình cảm của nhân vật ông Sáu dành cho con trong trích đoạn *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

— Hết —

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm!

Họ và tên thí sinh..... Số báo danh.....

**SỞ GD&ĐT VINH
PHÚC**

**KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2011 -
2012**

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN: NGỮ VĂN
(Đáp án có 03 trang)

Câu 1 (2,0 điểm).

- Đoạn văn được trích từ văn bản “Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” của tác giả Vũ Khoan. 0,5 đ
- Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn. 0,5 đ
- Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết chủ yếu là: phép lặp. 0,5 đ
- Có lẽ* là thành phần biệt lập tình thái trong câu. 0,5 đ

Câu 2 (3,0 điểm).

a. Chép tiếp 6 câu thơ (1,0 điểm):

*Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

*** Cho điểm:**

- Chép đúng (không kể dấu câu):
 - + Đúng cả 6 câu: 0,75 điểm.
 - + Đúng 4 – 5 câu: 0,5 điểm.
 - + Đúng 2 – 3 câu: 0,25 điểm.
- Dấu câu:
 - + Đúng 4 dấu câu trở lên: 0,25 điểm.
 - + Sai hoặc thiếu từ 3 dấu câu trở lên: không cho điểm.

b. (1,5 điểm).

- Những câu thơ trên nằm trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”. (0,5 điểm).

- Giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:

+ Về nội dung (0,5 điểm):

Đoạn trích thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thuý Kiều.

+ Về nghệ thuật (0,5 điểm):

Nghệ thuật khắc họa nội tâm nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại và nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc.

c. (0,5 điểm).

Chén đồng: Chén rượu thề nguyên cùng lòng cùng dạ (đồng tâm) với nhau.

Lưu ý: Thí sinh có thể diễn đạt theo cách khác nhưng đúng tinh thần thì vẫn cho điểm tối đa.

Câu 3 (5,0 điểm).

*** Yêu cầu về kỹ năng**

Thí sinh hiểu đúng yêu cầu của đề bài; biết cách làm bài văn nghị luận văn học; bố cục ba phần rõ ràng; lập luận chặt chẽ, mạch lạc; dẫn chứng phong phú, tiêu biểu; không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; khuyến khích những bài viết sáng tạo.

*** Yêu cầu về kiến thức**

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau trên cơ sở nắm chắc tác phẩm, không suy diễn tùy tiện. Bài viết phải làm nổi bật được tình yêu con sâu nặng của nhân vật ông Sáu trong tác phẩm *Chiếc lược ngà*. Cụ thể cần đảm bảo các ý cơ bản sau:

- *Tình cảm của ông Sáu dành cho con trong 3 ngày phép:*

+ Tình huống: Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách nhưng thật trớ trêu là bé Thu lại không chịu nhận ông là cha. Đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thâm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi.

+ Nỗi nhớ còn cào mãnh liệt thôi thúc ông Sáu về thăm con. Gặp con, cảm xúc hồi hộp, vui sướng trào dâng trong lòng ông. Nhưng vừa gặp, bé Thu đã hoảng sợ bỏ chạy khiến ông hụt hẫng “... mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”.

+ Trong 3 ngày ở nhà, ông Sáu dành cho con tình cảm sâu sắc và mong chờ tiếng gọi “ba” của con bé. Nhưng bé Thu bướng bỉnh không chịu nhận ba khiến ông rất đau khổ. “Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.”

+ Trong bữa ăn, ông gấp thức ăn cho Thu “miếng trứng cá to vàng để vào chén nó” thể hiện tình yêu thương, chăm chút, muốn bù đắp cho con. Khi con bé hất bỏ miếng trứng cá, ông Sáu rất tức giận đánh vào mông nó một cái và hét lên: “Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?”

+ Khi bé Thu nhận ông là ba, ông sung sướng, nghẹn ngào đến trào nước mắt.

- *Trong những ngày ở khu căn cứ:*

+ Sau buổi chia tay con, ông Sáu luôn nhớ con da diết xen lẫn với sự ân hận vì đã đánh mất con.

+ Thái độ vui mừng, sung sướng “Mặt anh hớn hờ như một đứa trẻ được quà” khi nhận được khúc gỗ voi, vì ông sẽ thực hiện được tâm nguyện làm cây lược cho con như đã hứa.

+ Ông Sáu làm cây lược với tất cả sự công phu, kỹ lưỡng, khéo léo. Việc làm đó vừa làm dịu đi nỗi nhớ thương, ân hận vì đã đánh con vừa đốt cháy thêm khao khát được gặp con. “Có cây lược, anh càng mong gặp lại con”.

+ Ông Sáu hi sinh khi chưa kịp trao tận tay món quà cho con gái, nhưng ánh mắt ông, cái nhìn “không đủ lời lẽ để tả lại” của ông đã nói lên tất cả tình yêu ông dành cho con.

- *Đánh giá:*

+ Đó là tình cảm cao đẹp, sâu nặng, cảm động trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Qua đó người đọc thấm thía những mất mát không gì bù đắp được của con người Việt Nam trong chiến tranh vừa trân trọng tình cảm cao đẹp trong tâm hồn họ.

+ Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất, tạo tình huống độc đáo, đặc biệt thành công trong việc miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật góp phần thể hiện chân thực, cảm động tình cảm cao đẹp đó.

*** Thang điểm:**

Điểm 5: Đáp ứng đầy đủ những yêu cầu nêu trên, văn viết có cảm xúc, diễn đạt tốt, dẫn chứng chọn lọc, phong phú. Có thể mắc một vài sai sót nhỏ.

Điểm 4: Cơ bản đáp ứng được những yêu cầu nêu trên, diễn đạt lưu loát, bố cục rõ ràng, dẫn chứng hợp lí. Có thể mắc một số lỗi chính tả, dùng từ.

Điểm 3 : Đáp ứng được khoảng nửa số ý, diễn đạt được, làm rõ trọng tâm. Có thể mắc một số lỗi.

Điểm 1, 2 : Năm chưa chắc tác phẩm, dẫn chứng nghèo nàn. Bố cục lộn xộn, mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

Điểm 0 : Không hiểu đề, sai lạc cả nội dung và phương pháp.

Các điểm còn lại giám khảo tự cân nhắc.

Lưu ý:

- Phần mở bài và phần kết bài cho điểm tối đa là 1,0 điểm.

- Tổng điểm phần thân bài là 4,0 điểm.

- Việc chi tiết hoá điểm số trong phần thân bài được thống nhất trong hội đồng chấm.

- Điểm của bài thi là tổng điểm các câu cộng lại; cho điểm từ 0 đến 10.

- Điểm lẻ làm tròn tính đến 0,25 điểm .

—

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO
THÁI BÌNH

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2011-
2012

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

Câu 1. (2,0 điểm)

Chỉ ra các phép liên kết và những từ ngữ dùng để liên kết câu trong đoạn văn sau:

“Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.”

(Nguyễn Đình Thi - “*Tiếng nói của văn nghệ*”,
SGK Ngữ văn 9, Tập hai - NXB Giáo dục - 2009)

Câu 2. (3,0 điểm)

Bằng kiến thức đã được học, em hãy viết bài thuyết minh (khoảng 300 từ) về tác giả Bằng Việt và bài thơ “*Bếp lửa*”.

Câu 3. (5,0 điểm)

Hãy phân tích nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng (phần trích trong SGK Ngữ văn 9, Tập một - NXB Giáo dục) để thấy được tình cảm sâu nặng mà người cha dành cho con.

--- HẾT ---

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2011-
2012

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN

(Gồm 03 trang)

I. HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Do đặc trưng bộ môn, giám khảo cần vận dụng biểu điểm một cách linh hoạt, chủ động; khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo, diễn đạt tốt.
- Không hạ thấp yêu cầu của biểu điểm.
- Điểm bài thi là tổng điểm thành phần (có thể lẻ đến 0,25 điểm), không làm tròn.

II. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ:

Câu 1. (2 điểm)

Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
1. Các phép liên kết	- Phép lặp từ ngữ	0,25đ
	- Phép dùng từ ngữ đồng nghĩa, cùng trường liên tưởng	0,25đ
	- Phép thế	0,25đ
	- Phép nối	0,25đ
2. Từ ngữ dùng để liên kết câu	- Trong phép lặp: <i>tác phẩm</i>	0,25đ
	- Trong phép dùng từ ngữ đồng nghĩa, cùng trường liên tưởng: (những vật liệu mượn ở thực tại) <i>cái đã có rồi</i> ; (tác phẩm) <i>nghệ sĩ</i>	0,25đ
	- Trong phép thế: <i>Anh</i>	0,25đ
	- Trong phép nối: <i>Nhưng</i>	0,25đ

Câu 2. (3 điểm)

I. Yêu cầu chung:

- Học sinh biết viết một bài văn thuyết minh.
- Bố cục rõ ràng, chữ viết đủ nét, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, diễn đạt.

II. Yêu cầu cụ thể và cách cho điểm:

Học sinh có thể trình bày nhiều cách khác nhau, nhưng bài viết cần có các ý cơ bản sau:

Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
1.	Giới thiệu chung về đối tượng thuyết minh: tác giả Bằng Việt và bài thơ “Bếp	0,25đ

Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
	<i>lửa”.</i>	
2.	Thuyết minh về tác giả:	0,75đ
	- Tên khai sinh: Nguyễn Việt Bằng, sinh năm 1941, quê ở Hà Tây (nay thuộc Hà Nội).	0,25đ
	- Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60, thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.	0,25đ
	- Hiện nay ông là Chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội.	0,25đ
3.	Thuyết minh về bài thơ “ <i>Bếp lửa</i> ”:	1,75đ
	- Xuất xứ: Sáng tác năm 1963, khi tác giả đang học ở nước ngoài, sau được đưa vào tập “ <i>Hương cây - Bếp lửa</i> ”.	0,25đ
	- Mạch cảm xúc của bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm. - Bố cục: + Khổ 1: hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng về bà + 4 khổ tiếp: hồi tưởng những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà và hình ảnh bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa + Khổ 6: suy ngẫm về bà và cuộc đời bà + Khổ cuối: nỗi nhớ bà khôn nguôi của người cháu đã trưởng thành	0,25đ
	- <i>Giá trị nội dung</i> : Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu (...), đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước (...).	0,75đ
	- <i>Giá trị nghệ thuật</i> : Bài thơ đã kết hợp hài hoà nhiều phương thức biểu đạt (...), sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng (...),...	0,5đ
4.	Đánh giá chung:	0,25đ
	“ <i>Bếp lửa</i> ” là bài thơ hay, xúc động về tình bà cháu, bồi dưỡng cho người đọc tình yêu đối với gia đình, quê hương, đất nước.	

Câu 3. (5,0 điểm)

I. Yêu cầu chung:

- Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận về tác phẩm truyện (kiểu bài phân tích nhân vật). Qua phân tích biết khái quát, đánh giá ý nghĩa tư tưởng, giá trị nghệ thuật của tác phẩm.

- Bố cục ba phần rõ ràng, chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và diễn đạt.

II. Yêu cầu cụ thể và cách cho điểm:

Trên cơ sở hiểu biết về tác giả Nguyễn Quang Sáng và truyện ngắn “Chiếc lược ngà” (phần trích trong SGK Ngữ văn 9, Tập một), học sinh có thể có nhiều cách sắp xếp ý và diễn đạt khác nhau nhưng cần phải hướng đến các ý cơ bản sau:

Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
1.	Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Quang Sáng, truyện ngắn “Chiếc lược ngà”, nhân vật ông Sáu - người cha yêu thương con sâu nặng.	0,5đ
2.	Phân tích nhân vật ông Sáu để thấy được tình yêu thương sâu nặng mà người cha dành cho con. Học sinh cần bám vào tình huống truyện, chọn chi tiết nghệ thuật đặc sắc để làm rõ điều đó.	3,5đ
	* Tình cảm của ông Sáu với con trong những ngày ông được nghỉ phép:	1,0đ
	+ Sau tám năm xa cách, khi được nghỉ phép về thăm nhà, ông vội vấp đến với con (...).	0,25đ
	+ Những ngày nghỉ phép, ông tìm mọi cách để gần con, quá nóng ruột, không kìm được mình, ông đánh con (...). Giây phút chia tay, được nghe con gọi “ba”, ông sung sướng, xúc động nghẹn ngào không cầm được nước mắt (...).	0,75đ
	* Tình cảm của ông Sáu với con được thể hiện tập trung và sâu sắc ở phần sau của truyện, khi ông Sáu ở trong rừng, tại khu căn cứ:	2,5đ
	+ Ông luôn day dứt, ân hận đã đánh con khi nóng giận. Lời dặn của con lúc chia tay: “Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba!” đã thúc đẩy ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà dành cho con.	0,5đ

Ý	Nội dung cần đạt	Điểm
	+ Khi kiếm được một khúc gỗ, ông đã vô cùng vui sướng, rồi dành hết tâm lực vào việc làm cây lược (<i>“Những lúc rỗi, anh cứ từng chiếc răng lược thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc”, “Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẫn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”</i>). Chiếc lược gỗ đã thành một vật quý giá, thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha với đứa con xa cách.	1,5đ
	+ Bị thương nặng trong một trận càn của địch, trước khi nhắm mắt, ông cố sức lấy chiếc lược, nhờ đồng đội trao lại cho con gái (<i>“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu”</i>). Đến phút cuối của cuộc đời, người cha ấy vẫn chỉ nghĩ đến con, dành trọn vẹn tình cảm cho con. ⇒ Như vậy thường trực, đau đáu trong cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, hành động, cử chỉ của ông Sáu từ khi được gặp con đến khi vĩnh biệt cuộc đời là hình ảnh đứa con yêu dấu.	0,5đ
3.	Đánh giá chung:	1,0đ
	+ Bằng ngòi bút nghệ thuật tinh tế, đậm chất Nam Bộ, Nguyễn Quang Sáng đã xây dựng thành công nhân vật ông Sáu. Tác giả để nhân vật này hiện lên qua lời kể mộc mạc, chân thật của người kể chuyện là ông Ba (bạn thân của ông Sáu); đặt nhân vật vào tình huống bất ngờ nhưng tự nhiên, hợp lí; miêu tả tâm lí, tình cảm nhân vật sâu sắc; sáng tạo hình ảnh chiếc lược gỗ mang nhiều ý nghĩa.	0,5đ
	+ Nhân vật ông Sáu đã góp phần thể hiện sâu sắc tư tưởng chủ đề của truyện. Qua nhân vật này, nhà văn đã khẳng định và ngợi ca tình phụ tử thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy là cội nguồn sức mạnh giúp dân tộc ta vượt lên sự huỷ diệt tàn bạo của chiến tranh, chiến đấu và chiến thắng kẻ thù.	0,5đ

**SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
NAM ĐỊNH**

ĐỀ TUYỂN SINH VÀO 10 THPT

Môn: NGỮ VĂN

ĐỀ CHÍNH THỨC

*(Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao
đề)*

Đề thi gồm 01 trang.

Phần I: Trắc nghiệm khách quan: Hãy chọn phương án đúng viết lại vào tờ giấy làm bài

Câu 1: Viết "Truyện Kiều", tác giả đã dựa vào cốt truyện nào?

- A. Truyền kỳ mạn lục
- B. Kim Vân Kiều truyện
- C. Hoàng lê nhất thống chí
- D. Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh

Câu 2: Qua đoạn trích "Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga", em thấy Kiều Nguyệt Nga có những phẩm chất gì?

- A. Hiền hậu, nét na, ân tình
- B. Tài ba, chính trực, hào hiệp
- C. Tài ba, khoan dung độ lượng
- D. Tài ba dũng cảm, trọng nghĩa.

Câu 3: Xung đột cơ bản trong hồi 4 vở kịch "Bắc Sơn" của Nguyễn Huy Tưởng là:

- A. Xung đột cha - con
- B. Xung đột vợ - chồng
- C. Xung đột hàng xóm láng giềng
- D. Xung đột cách mạng - phản cách mạng.

Câu 4: Nguyễn Đình Thi viết văn bản "Tiếng nói của văn nghệ" vào thời kỳ nào?

- A. Thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp.
- B. Thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- C. Thời kỳ miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- D. Thời kỳ đất nước hoàn toàn thống nhất.

Câu 5: Câu thơ "Cá thu biển Đông như đoàn thoi" ("Đoàn thuyền đánh cá" - Huy Cận) sử dụng biện pháp tu từ gì?

- A. Nhân hoá
- B. Hoán dụ.
- C. Ẩn dụ
- D. So sánh

Câu 6: Ký ức đầu tiên của người cháu trong bài thơ "Bếp lửa" - Bằng Việt là gì?

- A. Hình ảnh người bà kính yêu.
- B. Hình ảnh bếp lửa.
- C. Hình ảnh bố mẹ.
- D. Hình ảnh tổ quốc.

Câu 7: Chỉ rõ từ láy trong các từ sau?

- A. Xanh biếc
- B. Xah thắm.
- C. Xanh xanh
- D. Xanh ngắt.

Câu 8: Tìm câu văn sử dụng khởi ngữ

- A. Tôi cũng giàu rồi.
- B. Giàu, tôi cũng giàu rồi
- C. Anh học giỏi môn toán
- D. Em là học sinh tiên tiến.

II. Phần tự luận: (8 điểm)

Câu 1: (1 điểm): Tìm câu văn chứa hàm ý trong đoạn trích dưới đây và cho biết nội dung của hàm ý?

" Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

- Cháu phải gọi "Ba chất nước dùm con", phải nói như vậy?.
- Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:
- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!
- Anh Sáu cứ vẫn ngồi im."

("Chiếc lược ngà" - Nguyễn Quang

Sáng"

Câu 2: (2điểm): Trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

" Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục"

("Nói với con" - Y Phương)

Câu 3: (5điểm): Phân tích các nhân vật Thao, Nho trong tác phẩm "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê (Ngữ văn 9, nhà xuất bản giáo dục - 2008)

HẾT

Họ và tên thí sinh: Số báo

đanh:

Giám thị số 1: .

..... Giám thị số

2:

Sở GD-ĐT Nam Định
2011

Môn: Ngữ văn.

Toàn bộ 10 điểm, phần chia cô thi nh- sau:

Phần I: Trắc nghiệm khách quan: (2,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	D	A	D	B	C	B

Trình bày lời giải mỗi câu cho 0,25 điểm; trình bày lời sai khác cho điểm.

Phần II. Tự luận (8,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1	Tìm câu chứa hàm ý trong đoạn văn : “Tôi là người ... người im” (“Chiếc lược ngà”- NQS) và nêu nội dung của hàm ý.	1,0
	1. Câu chứa hàm ý: “Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!”	0,5
	2. Nội dung hàm ý: - Bà Thu muốn nhắc nhở người cháu nên kiên nhẫn chờ đợi người cha về nhà, nên kiên nhẫn chờ đợi người cha về nhà, nên kiên nhẫn chờ đợi người cha về nhà. - Bà Thu muốn nhắc nhở người cháu nên kiên nhẫn chờ đợi người cha về nhà, nên kiên nhẫn chờ đợi người cha về nhà, nên kiên nhẫn chờ đợi người cha về nhà.	0,5

	- BD Thu nãi trềng kh«ng Ớ tr, nh gãi trức tiỚp.	
C©u 2	Tr×nh bụy c¶m nhỀn vỒ hai c©u th- “ Ng-êi Ờảng m×nh ... phong tộc” (“Nãi vớ con”- Y Ph-ng)	2,0
	1. VỒ nẻi dung: - “Ng-êi Ờảng m×nh” lụ nh÷ng ng-êi “tù Ờôc Ờ, k ^a cao qu ^a h-ng”, lao Ờẻng cÇn cũ, kh«ng lữ b-íc tr-íc khã kh”n gian khã; tù lúc, tù c-êng x©y dùng qu ^a h-ng b»ng chÝnh sọc lúc vự sù bỒn bỒ cĩa m×nh (c©u 1). - Hả lụ nh÷ng ng-êi s,ng t’o vự l-u truyỒn phong, tộc tỄp qu,n tẻt Ờỗp riẻng cĩa d©n tẻc m×nh vự lỄy qu ^a h-ng lụm chẻ dũa cho t©m hửn. - Nãi vớ con nh-ng ỜiỒu trửn, ng-êi cha muẻn nãi c«n hiỒu Ờ-íc phỀm chỀ cao Ờỗp cĩa “ ng-êi Ờảng m×nh” ỜỚ tù hụo vỒ qu ^a h-ng, d©n tẻc vự muẻn con kỖ tộc truyỒn thềng Ờy.	1,5
	2. VỒ nghỖ thuỄt: - Lêi th- mẻc m ¹ c, ch©n chỀt ỜỀm Ờµ b¶n s ^{3/4} c d©n tẻc: “Ng-êi Ờảng m×nh” lụ c, ch nãi riẻng mẻc m ¹ c mang tÝnh Ờpa ph-ng cĩa ng-êi Tuy ỜỚ mỄ ỜÇu cho hai c©u th- trửn . - H×nh ¶nh trong c, c c©u th- cô thỚ mụ kh, i qu, t, mẻc m ¹ c mụ giụu chỀt th-, tiửu biỒu cho c, ch t- duy giụu h×nh ¶nh cĩa ng-êi miỒn nẻi	0,5
C©u3	Ph©n tÝch c, c nh©n vỄt Thao vự Nho trong Ờo’n trÝch “ Nh÷ng ng«i sao xa x«i” cĩa L ^a Minh Khu ^a . HS cũ thỚ chửn bẻ cộc vự diỒn Ờ’t s,ng t’o nh-ng ph¶i Ờ’t Ờ-íc nh÷ng yửu cÇu c- b¶n sau:	5,0
	I. MỄ bủi : Giúi thiỒu t, c gi¶, t, c phỀm vự nh©n vỄt - T, c gi¶: LMK lụ nhự v”n tr-ẻng thựnh trong thêi k× kh,ng chiỒn chềng MỖ. Nh÷ng t, c phỀm ỜÇu tay cĩa chP viỐt vỒ cuẻc sềng chiỒn ỜỀu cĩa thanh niẻn xung phong vự bẻ Ờẻi ẻ tuyỒn Ờ-ẻng TS - T, c phỀm: “ Nh÷ng ng«i sao xa x«i” lụ t, c phỀm ỜÇu tay cĩa LMK, viỐt n”m 1971. - Nh©n vỄt: Tuy kh«ng ph¶i lụ nh©n vỄt chÝnh trong t, c phỀm nh-ng Thao vự Nho Ờ· ỜỚ l’i nh÷ng Ờn t-ẻng khã phai vớ nh÷ng phỀm chỀt cao Ờỗp.	0,5
	II. Th©n bủi:	4,0
	1. Họp c¶nh sềng vự chiỒn ỜỀu (1,0 ỜiỒm) a) NhiỒm vô Ờ-íc giao: (0,75 ỜiỒm)	

-Thao vụ Nho cũng Ph-$\rightarrow$ng §$\rightarrow$nh lưm thụnh mét tæ lưm nhiôm vô “trinh s,t mÆt ®-$\rightarrow$ng”. Hã lư nh÷ng c« g,i thanh ni^n xung phong sèng vụ chiôn ®Êu tr^n mét cao ®iôm cĩa tuyôn ®-êng TS. §©y lư n-i tễp trung bom ®'n vụ sù hiôm nguy ,c liôt. Hã ph¶i gi÷a ban nguy, ph-i m×nh gi-a vãng trãng ®iôm ®,nh ph, cĩa m,y bay ®Pch. - Sau mçi trễn bom, c,c chP ph¶i ch'y tr^n cao ®iôm, ®o vụ -íc tÝnh khèi l-êng ®Êt ®, bP bom ®Pch ®µo xúi, ®ôm nh÷ng qu¶ bom ch-a næ vụ dũng m×n ®Ó ph, bom: “ Khi cã bom næ th× ch'y l^n, ®o khèi l-êng dÊt lẾp vµo hẻ bom, ®ôm bom ch-a næ vụ nõu cÇn th× ph, bom”. Cã nguy ph, bom ®ôn n'm lÇn. - §ã lư c«ng viÔc m'ỏ hiôm vụ c,i chÔt lu«n r×nh rẾp; ®Bi hã s- dòng c¶m, b×nh tũnh l' th-êng. Nh÷ng c«ng viÔc Êy ®· trẻ thụnh th-êng nguy: “Cã ẻ ®©u nh- thỒ nựy kh«ng ch'y vỒ hang”. b) §iÔu kiôn sèng vụ sinh ho't: - Hã ẻ ngay d-íi ch©n cao ®iôm, mçi khi bom næ,®Êt ®, r-i rµo rµo phÝa cõa hang, khãi bom xéc vµo trong hang. - Hã uèng n-íc suềi ®ùng trong ca hay bi ®«ng, t¼m ẻ khóc suềi th-êng cã bom næ chỀm. Ph-$\rightarrow$ng tiôn gi¶i trÝ duy nhÊt chØ cã chiÔc ®µi b,n dến nhá ®Ó nghe ca nh'c vụ tin tọc. 2. H×nh ¶nh c,c nh©n vỄt Thao vụ Nho: a) ChP Thao: - Dòng c¶m ngoan c-êng: + Trong c«ng viÔc: ChP lư ng-êi chØ huy vụ còng lư ng-êi lín tuæi nhÊt cĩa tæ trinh s,t ph, bom mÆt ®-êng. Trong chiôn ®Êu chP lư ng-êi tống tr¶i: “ TiÔng m,y bay trinh s,t c'ng th¼ng”. §iÔu ®ã b,ỏ hi'ỏ hiôm nguy s¼p tii, nh-ng chP vến b×nh tũnh l' th-êng: “ ChP Thao mấc b,nh bÝch quy trong tói, thông th¶ nhai. Nh÷ng khi biÔt r»ng c,i s¼p tii sỉ kh«ng y^n ¶ th× chP tá ra b×nh tũnh ®ôn ph,t bức”. Aì còng gêm chP vỒ tÝnh c-$\rightarrow$ng quyÔt t,ỏ b'ỏ. + Trong cuéc sèng: ChP lư ng-êi rÊt cõng cái. Khi Nho bP th-$\rightarrow$ng, trong lũng chi bẻn bỒ bao suy nghỄ lo l¼ng, nh-ng chP kh«ng khãc v× ý thọc s©u s¼c: “ N-íc m¼t ®øa nạo ch¶y trong khi cÇn c,i cõng cái cĩa nhau nựy lư bP xem nh-b»ng chõng cĩa mét sù tù nhộc m'”. ChP cẻn h,t ®Ó tù ®«ng vi^n m×nh: “ ChP Thao h,t: §©y Th'ng Long, ®©y §«ng §« Hµ Núi...”. - T©m hãn trong s,ng méng m-:	(0,25 ®iôm) (2,5 ®iôm) (1,5 ®iôm)
---	---

	+ ChP cả t×nh y^au th-^{ng} @^{ang} @^{éi} s^{ou} s^{3/4}c. ChP Thao ph^{on} c^{ng} P^s ẽ nh^u tr^{uc} @i^{on} thoⁱ v^x P^s cả v^{ot} th-^{ng} ẽ @^{xu} ch-a l^{unh}, c^{bn} chP v^u Nho @i^{trinh} s,t l^{oc} m,y bay @^{pch} n^{dm} bom. ChP Thao c^{cm} c,i th-^{ic} tr^{an} tay t^{ai}, nu^{et} n^{et} mi^{ong} b^ych quy ngon l^{unh}: “ §^{pnh} ẽ nh^u. L^{cn} n^{uy} n^a bá Ýt, hai @^{oa} @i^{cong} @^{nh}”. L^{oc} Nho b^p th-^{ng}, chi Thao v^{ei} v^{unh} lao tⁱⁱ, nghⁿⁿ ng^{uo} x^{oc} @^{eng}: “ Nho, b^p th-^{ng} ẽ ch^u n^{uo}? B^p ẽ @^{cu}, em?” ChP c^o lu^{en} qu^{en} l^{ong} t^{ong} nh- ch^{1/4}ng bi^{ot} l^{um} g^x. ChP @-a m^{3/4}t nh^{xn} Nho, l^{ey} tay s^{oa} c^{ae} ,o, ve ,o v^u t^{ac} Nho. + L^u ng-^{ei} th^ych h,t: “...ChP kh^{ng} h,t tr^{ai} ch^y @-^{ic} b^{ui} n^{uo} nh-^{ng} chP lⁱ cả ba quy^{on} s^{ae} d^{uy}, ch^{dp} b^{ui} h,t. R^{ei} l^u ng^{ai} ch^{dp} b^{ui} h,t ...”. ChP c^{ong} th^ych l^{um} d^{uy}^{an}: “ ,o l^{at} c^{na} chP c,i n^{uo} c^{ong} th^au ch^o m^u. ChP lⁱ hay t^{oa} @^{ci} l^{ng} m^{uy} c^{na} m^{xn}, t^{oa} nh^a nh- c,i t^m. b) ChP Nho: (1,0 @i^{Om}) - L^u c^g g,i d^{ong} c^m gan dⁱ. Chi^{on} @^{eu} trong m^{ci} tr-^{eng} kh^a khⁿ ,c li^{ot}, chP @^v v-^{it} lⁿ @^o ho^{un} th^{unh} nhi^{om} v^o. C^g c^{ng} chP Thao @i^{trinh} s,t m^{et} @-^{eng} khi m,y bay @^{pch} @^{ang} n^{dm} bom v^u Nho @-^{ic} ph^{on} c^{ng} ph, hai qu^m bom d-ⁱⁱ l^{ng} @-^{eng}... - L^u c^g g,i trⁱ trung v^u @,ng y^au: Nho cả c,i c^{ae} tr^{bn} v^u chi^{oc} nh^{ng} c^{oc} ,o nh^a nh^{3/4}n; nhⁿ v^u m,t mⁱ nh- m^{et} que kem tr^{3/4}ng. - S^{eng} h^{an} nh^{an} v[«] t-: L^u c^g g,i Ýt tu^{ai} nh^{et} t^{ae} cả l^{oc} h^{an} nh^{an} trⁱ con (t^{3/4}m ẽ su^{ei} cả bom n^{ae} ch^{em}, khi v^{oa} lⁿ, c^o qu^{cn} ,o -^{it} ng^{ai} @^{bi} n^{kn}o).	
	3. §,nh gi,: (0,5 @i^{Om}) - Trong ho^{un} c^mnh s^{eng} v^u chi^{on} @^{eu} kh^a khⁿ nguy hi^{om}, c,c nh^{on} v^{et} Thao v^u Nho @^s ,ng ng^{ei} lⁿ t^{inh} th^{cn} d^{ong} c^m, t^{om} h^{an} trong s,ng m^{eng} m^e v^u trⁱ trung. §^a l^u nh^{ng} ph^{em} ch^{et} cao @^{np} c^{na} nh^{ng} c^g g,i th^{anh} ni^{an} x^{unh}ph^{ong} tr^{an} tuy^{on} @-^{eng} TS, c^{na} th^o h^o trⁱ Vi^{ot} Nam th^{ei} ch^{eng} M^U. - Ngh^o thu^{et} n^{ai} b^{et}: T,c gi^m @^v th^{unh} c^{ng} trong b^{ot} ph,p c, tr^o h^{aa} nh^{on} v^{et}. H^{xn}nh ^mnh m^{ei} nh^{on} v^{et} @-^{ic} mi^{au} t^m vⁱ nh^{ng} n^{dt} c, t^ynh ri^{ang} b^{ot} n^{an} r^{et} ch^{on} th^{uc}, sinh @^{eng}. - Nguy^{an} nh^{on} th^{unh} c^{ng}: Ph^mi l^u ng-^{ei} trong cu^{ec} v^u g^{3/4}n b^a y^au th-^{ng} ... mⁱ cả th^o t^m @-^{ic} ch^{on} th^{uc}, sinh @^{eng} nh-	

	về ý. - Liên hệ số sinh: C, c t, c phèn th ^{tr} ca, truyền ký viễt vồ tuæi trỉ VN thêi chềng MỪ.	
	III. KốT bụi: - N ^{au} Ên t-îng kh, i qu, t vồ hai nh©n vỄt Thao vµ Nho. - Li ^{an} hỒ b ^l n th©n	0,5
L-u ý chung - ThÝ sinh cũ thÓ tr×nh bµy, s^{3/4}p xỐp theo nh÷ng c, ch kh, c nhau, miỐn lụ ®ñ ý, hỒ thềng vµ chÆt chĩ. - KhuyỐn khÝch nh÷ng kiỐn gi¶i riêng, thùc sù cũ ý nghÝa trong tồg c©u phÇn tù luỄn. - Thang ®iỐm tr^{an} ®©y ghi ®iỐm tòi ®a cho mại ý. Nõu thÝ sinh ch-a ®, p ợng ®-íc nh÷ng y^u cÇu vỒ kỪ n^{ng} lụm bụi th× kh«ng thÓ ®'t ®-íc sè ®iỐn nuy. B^{an} c'nh y^u cÇu vỒ kiỐn thóc cßn cũ y^u cÇu vỒ kỪ n^{ng} vµ n^{ng} lúc diỐn ®'t. - Bụi viỄt m^{3/4}c tồ 5-10 lọi chÝnh t¶, ðĩng tồ vµ diỐn ®'t trồ 0,25 ®iỐm; tr^{an} 10 lọi, trồ 0,5 ®iỐm. §iỐm toạu bụi lĩ ®Ốn 0,25 ®iỐm, kh«ng lụm trßn.		

Sở GD & T Hủ Tũnh

§Ồ thi tuyỐn sinh líp 10 THPT n^m hăc 2009-2010

M«n: Ng÷ vⁿ

§Ồ chÝnh thóc

Thêi gian lụm bụi: 120 phót.

M.: 03

C©u1. (1, 0 ®iỐm)

Trong bụi Khóc h, t ru nh÷ng em bĐ lĩn tr^{an} l-ng mÑ, nhự th^{tr} NguyÔn Khoa §iỐm viỄt:

" MÆt trêi cũa b^{3/4}p th× n»m tr^{an} ®ải

MÆt trêi cũa mÑ em n»m tr^{an} l-ng"

(Ng÷ vⁿ9, tỄp mét, NXB gi, o dộc- 2005)

Tồ mÆt trêi ẽ c©u thø hai lụ biỐn ph, p tu tồ g×? N^{au} t, c ðông cũa nã?

C©u2 (2, 0 ®iỐm)

ViỄt mét ®o'n vⁿ (kho¶ng 5-7 ðĩng) giúi thiỒu vỒ t, c gi¶ H÷u ThỖnh, trong ®ã cũ sồ ðông phĐp thỒ vµ phĐp nêi. ChỖ ra nh÷ng tồ ng÷ li^{an} kỐt thục li^{an} kỐt nư?

C©u3. (3, 0 ®iỐm)

Trong vⁿ b¶n ChuỄn bĐ hụnh trang vµo trang vµo thỒ kỖ mĩ (ng÷ vⁿ9, tỄp hai, NXB gi, o dộc- 2005), t, c gi¶ Vồ Khoan chỖ ra mét trong nh÷ng c, i m'nh cũa con ng-êi ViỄt Nam lụ " Th«ng minh nh'y bĐn víi c, i mĩ" cßn c, i yỖu lụ

" kh¶ n¶ng thùc hµnh vµ s,ng t'õ b¶ h'n chÕ dom lòi hãc chay, hãc vÑt nÆng nÒ".

H·y viÕt mét bµi v¶n ngh¶ luËn (Kho¶ng 300 tõ) tr×nh bµy suy nghÛ cña em vÒ ý kiÕn tr¶n?

C©u 4. (4,0 ®iÓm)

C¶m nhËn cña em vÒ nh©n vÛt Ph-¶ng §¶nh trong t,c phÈm *Nh÷ng ng¶i sao xa x¶i* cña nhµ v¶n Lª Minh Khuª (PhÇn trÝch trong ng÷ v¶n9, tÛp hai, NXB gi,õ dõc-2005)

..... HÕt.....

Hã vµ t¶n: Sè b,õ danh:.....

Sở GD &ĐT Huế Tũnh	K× thi tũyỐn sinh lĩp 10 THPT nũm hũc 2009-2010
-----------------------	---

M«n: Ng÷ vñ
H-ĩng dỄn chỄm thi
 (B¶ĩn hỏ-ng dỄn chỄm)

I. H-ĩng dỄn chung.

- Gi,m kh¶ĩo cÇn n³/₄m v÷ng y^u cÇu cũa h-ĩng dỄn chỄm Ớ Ớ, nh gi, tũng qu,t lũm bụi cũa thÝ sinh, chỄm tr,nh lỀi Ớĩm ý cho Ớĩm.
- Do Ớĩc tr-ng cũa n«n ng÷ vñ n^an gi,m kh¶ĩo cÇn linh ho't trong viỚc vỄn dũng Ớ,p ,n vũ thang Ớĩm;khuyỐn khÝch ng÷ng bụi h,t cũa c¶ĩm xóc, s,ng t'ỏ, tr×nh bụi m'ch l'c, ch÷ Ớĩp; kh«ng cho Ớĩm tỀi Ớa(tũng c©u, toũn bụi) ỚỀi vĩ nh÷ng bụi ph'ĩm nhiƯu lỀi chÝnh t¶ĩ, ch÷ viỐt tr×nh bụi cỄu th¶ĩ.
- ViỚc chi tiỐt ho, Ớĩm sỀ cũa c,c ý(nỒu cũa) ph¶ĩ Ớ¶ĩm b¶ĩo kh«ng sai lỖch vĩ tũng Ớĩm cũa mỖi ý vũ Ớ-ĩc thềng nhỄt trong tũ chỄm thi.
- Sau khi cẾng Ớĩm toũn bụi, Ớố nguy^an tũng Ớĩm, kh«ng lũm trũn.

II.Ớ,p ,n vũ thang Ớĩm

M· ỚỒ : 03

C©u	Ớ,p ,n	Ớĩm
1 (1,0 Ớĩm)	- Tũ mỄt trỀi trong c©u th÷ trũn lũ biỒn ph,p tu tũ Ễn dũ	0.5 Ớĩm
	- T,c dũng: ThỐ hiỒn t×nh c¶ĩm cũa ng-Ềi mỄ ỚỀi vĩ con. Con lũ mỄt trỀi cũa mỄ;lũ nguũn h'nh phóc Ễm ,p vũa gÇn gòì, vũa thi'ng li'ng cũa ỚỀi mỄ. Con Ớ· gũp phÇn s-Ềi Ễm lũng tin y ^u , ý chÝ cũa mỄ trong cuẾc sềng...	0.5 Ớĩm
2 (2,0 Ớĩm)	- Ớỏ'n vñ trũ tr×nh bụi nỄt c÷ b¶ĩn vỒ t,c gi¶ĩ H÷u ThỒnh (Nũm sinh-nũm mỄt,qu ^a qu,n, Ớĩc Ớĩm th÷, t,c phỄm chÝnh...)	0.5 Ớĩm
	- Ớỏ'n vñ ph¶ĩ cũa sũ dũng c,c phĐp li'ũn kỖt: PhĐp thỒ vũ phĐp nỀi. ChỒ ra tũ ng÷ li'ũn kỖt thũc c,c phĐp li'ũn kỖt Ớũ (NỒu Ớóng mẾt phĐp li'ũn kỖt cho 0.75 Ớĩm)	1.5 Ớĩm
3 (3 Ớĩm)	a, Y ^u cÇu vỒ kỦ n'ng: BiỒt c,ch lũm bụi nghỈ lũ Ễn x· hỀi. KỖt cỄu chỄt chỈ, diỒn Ớ't tr«i ch¶ĩy; kh«ng m ³ / ₄ c lỀi chÝnh t¶ĩ, dũng tũ, ng÷ ph,p.	
	b, Y ^u cÇu vỒ h×nh thóc: ThÝ sinh cÇn lũm rũ c,c nỀi dũng sau:	
	-N ^a u Ớ-ĩc vỄn ỚỒ cÇn nghỈ lũ Ễn	
		0.5 Ớĩm

	- Suy nghĩ về c, i m'nh của con ng-êi Việt nam: Th«ng minh, nh'y b'Đn với c, i mới (Vền đông c, c thao t, c ngh'p lu'En @Ó l'um r'â c, i m'nh của con ng-êi Việt Nam; ý nghĩ của, t, c đông của n'ă)	1.0 @iÓm
	- Suy nghĩ về c, i y'ou của con ng-êi Việt nam: Kh'« n'ng th'c h'nh v'ư s, ng t'ô b'p h'ân ch'õ do l'ei h'c chay, h'c v'nt n'Eng n'ô (Vền đông c, c thao t, c ngh'p lu'En @Ó l'um r'â c, i y'ou của con ng-êi Việt Nam; ý nghĩ của, t, c đông của n'ă)	1.0 @iÓm
	- li'ân h'õ b'«n th'ôn: Th'êy @-ic c, i m'nh của b'«n th'ôn @Ó t'ô @ã c'â h'ing ph, t huy; Kh'c ph'c nh'ng c, i y'ou, nh'êt l'ư l'ei h'c chay, h'c v'nt; t'ng c-êng k'« n'ng th'c h'nh v'ư vền đông...	0.5 @iÓm
4 (4 @iÓm)	a, Y'au c'Çu về k'« n'ng: Bi'ôt c, ch l'um b'ui ngh'p lu'En v'ân h'c. K'ôt c'êu ch'æt ch'ĩ, di'ôn @t tr'«i ch'«y; kh'ng m'c l'ci ch'Ýnh t'«, d'ing t'ô, ng'÷ ph, p.	
	b, Y'au c'Çu về h'nh th'c: Tr'ân c' s'ẽ hi'ou bi'ôt về t, c ph'êm" Nh'ng ng'«i sao xa x'«i" của nh'ư v'ân L'â Minh Khu'â (Ph'Çn tr'Ých trong ng'÷ v'ân, t'êp hai), th'Ý sinh tr'nh b'uy @-ic nh'ng c'«m nh'ên của m'nh về nh'ôn v'êt Ph-ng §'nh trong @o'n tr'Ých. Th'Ý sinh c'â th'ó c'â nhi'ou c, ch tr'nh b'uy, nh-ng c'Çn l'um r'â @-ic c, c ý c' b'«n sau:	
	- Gi'ii thi'ou kh, i qu, t về t, c gi'«, t, c ph'êm, nh'ôn v'êt Ph-ng §'nh	0.5 @iÓm
	- V'ĩ @Ñp của nh'ôn v'êt Ph-ng §'nh kh'ng t, ch r'ei v'ĩ @Ñp của t'êp th'ó n'÷ t'æ tr'nh s, t m'æt @-êng v'ư @-ic @æt trong t'nh hu'eng th'ô th, ch của m'et v'ing tr'ăng @iÓm tr'ân tuy'ôn @-êng Tr-êng S'ân.	0.5 @iÓm
	- Nh'ôn v'êt Ph-ng §'nh l'ư c'« g, i H'ư N'ei v'« t-, h'ân nh'ân, nh'y c'«m, hay m' m'êng, th'Ých h, t, quan t'ôm @Õn h'nh th'c...	1.0 @iÓm
	- Nh'ôn v'êt Ph-ng §'nh l'ư m'et n'÷ thanh ni'ân xung phong dòng c'«m, kh'ng s'ĩ hi sinh, tr, ch nhi'ôm cao với nhi'ôm vô, c'â tinh th'Çn @âng @éi, tinh th'Çn l'c quan...	1.0 @iÓm
	- Ngh'õ thu'êt x'ôy dùng nh'ôn v'êt(ch'ñ y'ou l'ư mi'au t'« t'ôm l'Ý): Truy'ôn k'ó ẽ ng'«i th'ô nh'êt, c'ong l'ư nh'ôn v'êt ch'Ýnh n'ân t, c gi'« c'â @i'ou ki'ôn t'êp trung mi'au t'« l'um n'ei b'êt th'õ gi'ii n'ei t'ôm phong ph'ó, cao @Ñp của nh'ôn v'êt...	0.5 @iÓm
	- §, nh gi, : Nh'ôn v'êt Ph-ng §'nh ti'au bi'ou cho th'õ h'õ tr'ĩ Việt nam trong th'ei k'« kh, ng chi'ôn ch'eng M'ũ.	0.5 @iÓm

KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Khóa ngày 21 tháng 06 năm 2011 tại TPHCM

Môn thi : VĂN

Thời gian: 120 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu 1: (1 điểm)

Trong truyện ngắn *Làng*, Kim Lân đã xây dựng một tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng quê và lòng yêu nước của nhân vật ông Hai. Đó là tình huống nào?

Câu 2: (1 điểm)

*Kim vàng ai nỡ uốn câu,
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.*

Câu ca dao trên khuyên chúng ta điều gì? Điều đó liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Câu 3: (3 điểm)

Mẹ sẽ đưa con đến trường, cầm tay con dắt qua cánh cổng, rồi buông tay mà nói: “Đi đi con, hãy can đảm lên, thế giới này là của con,...”

(Theo Lí Lan, *Cổng trường mở ra*)

Từ việc người mẹ không “*cầm tay*” dắt con đi tiếp mà “*buông tay*” để con tự đi, hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) bàn về tính tự lập.

Câu 4: (5 điểm)

Cảm nhận về cảnh mùa xuân trong bốn câu thơ đầu và sáu câu thơ cuối của đoạn trích *Cảnh ngày xuân*:

*Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

[...]

*Tà tà bóng ngà về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh.
Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1:

Trong truyện ngắn *Làng*, Kim Lân đã xây dựng một tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc tình yêu làng quê và lòng yêu nước của nhân vật ông Hai: Trong lúc đang sống ở vùng tự do, ông Hai được biết tin làng của ông đã trở thành một làng Việt gian. Tin đó đã mang lại rất nhiều xúc động cho ông. Nó khiến ông có nhiều tâm trạng, suy nghĩ và hành động. Qua đó, nó thể hiện lòng yêu làng, yêu nước của ông Hai.

Câu 2:

Câu ca dao trên với một số hình ảnh ẩn dụ, kết cấu so sánh đặc sắc: *Kim vàng - uốn câu // Người khôn - nặng lời* đã đưa ra lời khuyên: chúng ta cần phải có thái độ tế nhị, lịch sự khi nói năng, hội thoại với nhau trong giao tiếp. Điều này liên quan đến phương châm hội thoại lịch sự: khi giao tiếp cần chú ý đến sự tế nhị, khiêm tốn và tôn trọng người khác.

Câu 3:

Học sinh có thể làm nhiều cách khác nhau miễn là có đủ một số ý theo quy định. Sau đây là một cách làm cụ thể:

- Mở bài: Nêu lại câu văn trên đề bài để dẫn đến tính tự lập

Khi còn nhỏ, chúng ta sống trong sự bảo bọc của ông bà, cha mẹ nhưng không phải lúc nào người thân yêu cũng ở bên cạnh chúng ta. Bàn tay dìu dắt của cha mẹ, đến một lúc nào đó cũng phải buông ra để chúng ta độc lập bước vào đời. Hai chữ “buông tay” trong câu văn của Lý Lan như một bước ngoặt của hai trạng thái được bảo bọc, chở che và phải một mình bước đi. Việc phải bước đi một mình trên đoạn đường còn lại chính là một cách thể hiện tính tự lập.

- Thân bài:

+ Giải thích: tự lập là gì? (nghĩa đen: tự đứng một mình, không có sự giúp đỡ của người khác. Tự lập là tự mình làm lấy mọi việc, không dựa vào người khác).

Người có tính tự lập là người biết tự lo liệu, tạo dựng cuộc sống cho mình mà không ỷ lại, phụ thuộc vào mọi người xung quanh.

+ Phân tích:

_ Tự lập là đức tính cần có đối với mỗi con người khi bước vào đời.

_ Trong cuộc sống không phải lúc nào chúng ta cũng có cha mẹ ở bên để dìu dắt, giúp đỡ ta mỗi khi gặp khó khăn. Vì vậy, cần phải tập tính tự lập để có thể tự mình lo liệu cuộc đời bản thân.

_ Người có tính tự lập sẽ dễ đạt được thành công, được mọi người yêu mến, kính trọng.

_ Dẫn chứng.

+ Phê phán: _ Tự lập là một phẩm chất để khẳng định nhân cách, bản lĩnh và khả năng của một con người. Chỉ biết dựa dẫm vào người khác sẽ trở thành một gánh nặng cho người thân và cuộc sống sẽ trở nên vô nghĩa. Những người không có tính tự lập, cứ dựa vào người khác thì khó có được thành công thật sự. Cho nên ngay cả trong thế giới động vật, có những con thú đã biết sống tự lập sau vài tháng tuổi.

+ Mở rộng: tự lập không có nghĩa là tự tách mình ra khỏi cộng đồng. Có những việc chúng ta phải biết đoàn kết và dựa vào đồng loại để tạo nên sức mạnh tổng hợp.

+ Liên hệ bản thân: cần phải rèn luyện khả năng tự lập một cách bền bỉ, đều đặn. Để có thể tự lập, bản thân mỗi người phải có sự nỗ lực, cố gắng và ý chí mạnh mẽ để vươn lên, vượt qua thử thách, khó khăn, để trau dồi, rèn luyện năng lực, phẩm chất.

- Kết bài:

Nếu mọi người đều biết sống tự lập kết hợp với tinh thần đoàn kết, tương trợ lẫn nhau thì xã hội sẽ trở nên tốt đẹp hơn và cuộc sống mỗi người sẽ được hạnh phúc.

Câu 4:

Đây là câu nghị luận văn học yêu cầu trình bày cảm nhận về một nội dung trong một đoạn thơ. Bài viết cần đáp ứng yêu cầu của việc viết một bài văn nghị luận văn học với đầy đủ bố cục có 3 phần. Bài viết cũng cần thể hiện kỹ năng cảm thụ và phân tích một đoạn thơ để nói lên cảm nhận của mình về đoạn thơ ấy. Thí sinh có thể có những cách trình bày khác nhau. Sau đây là một số gợi ý:

- Giới thiệu vài nét về Nguyễn Du và tác phẩm Đoạn trường tân thanh (truyện Kiều).

- Giới thiệu đoạn thơ được dẫn trong đề bài.

- Giới thiệu vị trí của đoạn thơ: 10 câu không liên tiếp trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân* thuộc phần đầu của tác phẩm truyện Kiều. Đoạn thơ miêu tả cảnh mùa xuân trong ngày hội Đạp Thanh.

- Phân tích để trình bày cảm nhận về cảnh mùa xuân trong 4 câu thơ đầu: đó là quang cảnh tháng thứ ba của mùa xuân với nét đẹp xanh tươi, thanh khiết và phóng khoáng của: *cỏ non xanh tận chân trời, cành lê trắng điểm một vài bông hoa*. Chú ý các chi tiết: hình ảnh *con én* gợi đến mùa xuân; hình ảnh *cỏ non xanh tận chân trời, cành lê trắng*, từ “*điểm*” mang lại sức sống cho bức tranh cảnh mùa xuân. Thí sinh có thể liên hệ so sánh với một vài câu thơ miêu tả về mùa xuân (*sóng cỏ tươi xanh gợn đến trời* – Hàn Mặc Tử; *Mọc giữa dòng sông xanh / Một bông hoa tím biếc* – Thanh Hải) để làm nổi bật nét độc đáo trong nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Du.

- Phân tích để trình bày cảm nhận về cảnh mùa xuân trong 6 câu thơ cuối của đoạn thơ: đó là cảnh buổi chiều lúc chị em Thúy Kiều trở về. Bức tranh buổi chiều được miêu tả với nét đẹp dịu dàng, thanh nhẹ, nhuốm màu tâm trạng, bàng khuâng, xao xuyến mà con người thường có sau một cuộc vui và trong một buổi chiều tà. Cảnh được miêu tả bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình. Thí sinh cần khai thác những từ láy được sử dụng một cách khéo léo trong đoạn thơ: *tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ*. Những từ láy nói trên vừa có tác dụng miêu tả cảnh vật, vừa gợi tới tâm trạng của con người trong cảnh vật. Thí sinh cũng có thể liên hệ so sánh với một vài câu thơ khác (*Trước xóm sau thôn tựa khói lồng / Bóng chiều man mác có đường không / Theo hời còi mục trâu về hết / Cỏ trắng từng đôi liệp xuống đồng* – Trần Nhân Tông) để làm nổi bật nét riêng của buổi chiều mùa xuân trong 6 câu thơ này.

- Nhận xét đánh giá chung về đoạn thơ ở nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa: nghệ thuật miêu tả đặc sắc, hệ thống từ giàu chất tạo hình; bức tranh mùa xuân đẹp, thanh khiết, dịu nhẹ và đầy tâm trạng; thể hiện tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du.

KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Khóa ngày 21 tháng 06 năm 2011 tại Đà Nẵng

Môn thi : VĂN

Thời gian: 120 phút (không tính thời gian giao đề)

ĐỀ CHÍNH THỨC

Câu 1: (1 điểm)

Tìm lời dẫn trong khổ thơ sau và cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay lời dẫn gián tiếp.

Bao nhiêu người thuê viết

Tám tắc ngợi khen tài:

“Hoa tay thảo những nét

Như phượng múa rồng bay”.

(Vũ Đình Liên, Ông đồ)

Câu 2: (2 điểm)

Giáo dục tức là giải phóng⁽¹⁾. Nó mở ra cánh cửa dẫn đến hòa bình, công bằng và công lí⁽²⁾. Những người nắm giữ chìa khóa của cánh cửa này – các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ - gánh một trách nhiệm vô cùng quan trọng, bởi vì cái thế giới mà chúng ta để lại cho các thế hệ mai sau sẽ tùy thuộc vào những trẻ em mà chúng ta để lại cho thế giới ấy⁽³⁾.

(Phê-đê-ri-cô May-o, *Giáo dục – chìa khóa của tương lai*, Ngữ văn lớp 9, Tập 2)

a/ Chỉ ra từ ngữ thực hiện phép liên kết giữa câu 1 và câu 2 của đoạn văn trên. Cho biết đó là phép liên kết gì?

b/ Chỉ ra các từ ngữ là thành phần biệt lập trong đoạn văn trên. Cho biết tên gọi của thành phần biệt lập đó.

Câu 3: (2 điểm)

Khi giao tiếp, cần tế nhị và tôn trọng người khác.

Hãy viết một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn (khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

Câu 4: (5 điểm)

Cảm nhận của em về tình cha con trong đoạn trích sau:

Đến lúc chia tay, mang ba lô trên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi ! Ba đi nghe con ! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba...a...a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà, Ngữ văn 9, Tập 1)

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1:

Lời dẫn trong khổ thơ được thể hiện ở 2 câu thơ sau:

*“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay”*

Đó là lời dẫn trực tiếp. Về hình thức nó được thể hiện ở chỗ lời dẫn nằm sau dấu hai chấm và ở giữa hai dấu ngoặc kép.

Câu 2:

a/ Từ ngữ thực hiện phép liên kết giữa câu 1 và câu 2 của đoạn văn trên được thể hiện ở từ “nó” (chủ ngữ của câu 2). Đó là phép thế.

b/ Thành phần biệt lập trong đoạn văn trên : *các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ*. Tên gọi của thành phần biệt lập đó là thành phần phụ chú.

Câu 3:

Học sinh cần lưu ý đáp ứng đúng yêu cầu của câu hỏi về việc viết một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn (khoảng 20 dòng). Sau đây là một số gợi ý về nội dung:

- Mở bài: Giới thiệu vấn đề

Sống là thường xuyên giao tiếp với người khác. Có những cách giao tiếp đem lại niềm vui và hạnh phúc cho người khác. Có những cách giao tiếp mang lại sự đau khổ và lòng thù hận. Để có một kết quả tốt đẹp khi giao tiếp, cần phải biết tế nhị và tôn trọng người khác.

- Thân bài:

+ Giải thích:

_ Tế nhị: tỏ ra khéo léo, nhã nhặn trong quan hệ đối xử, biết nghĩ đến những điểm nhỏ thường dễ bị bỏ qua.

_ Tôn trọng: tỏ thái độ đánh giá cao và cho là không được vi phạm hay xúc phạm đến.

+ Phân tích:

_ Tế nhị và tôn trọng người khác là những phẩm chất cực kì quan trọng trong giao tiếp.

_ Biết tế nhị và tôn trọng người khác trong giao tiếp sẽ dẫn đến sự hài hòa, vui vẻ và những kết quả tốt đẹp.

_ Để biết tế nhị và biết tôn trọng người khác đòi hỏi phải có sự từng trải, sâu sắc, tinh tế và được giáo dục kĩ. Phải biết tôn trọng người khác thì mới được người khác tôn trọng lại. Phải biết tế nhị với người khác thì mới mong nhận lại được sự tế nhị.

_ Dẫn chứng: đôi khi vì một lời nói thiếu tế nhị hay một thái độ thiếu tôn trọng đối với người khác mà chúng ta phải ray rứt suốt đời.

+ Phê phán:

_ Những người tự cao, lỗ mãng, hời hợt, không biết tôn trọng người khác thường dẫn đến những bi kịch đau đớn trong cuộc sống, làm điều gì cũng thất bại.

_ Có đôi lúc đòi hỏi chúng ta phải can đảm, “thiếu tế nhị” để nói thẳng sự thật dù đó là sự thật xúc phạm và làm đau lòng người khác.

+ Liên hệ bản thân: Phải biết tự nhắc nhở mình hàng ngày về việc giao tiếp tế nhị và biết tôn trọng người khác. Văn hóa giao tiếp là một vấn đề quan trọng, cần được đưa vào giảng dạy trong nhà trường phổ thông.

- Kết bài:

Giao tiếp tế nhị và biết tôn trọng người khác là chìa khóa để mang lại thành công và hạnh phúc. Đó là một trong những phẩm chất cần thiết của con người để tạo nên một xã hội có văn hóa, tốt đẹp và văn minh.

Câu 4:

Đây là câu nghị luận văn học. Nó đòi hỏi học sinh trình bày cảm nhận của mình về tình cha con trong một đoạn trích (trích từ tác phẩm *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng). Bài viết cần có bố cục đầy đủ 3 phần. Về nội dung, học sinh có thể có những cách trình bày và sắp xếp riêng.

Sau đây là một số gợi ý:

- Giới thiệu vài nét về Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm *Chiếc lược ngà*.
- Giới thiệu hình ảnh anh Sáu và bé Thu trong đoạn trích *Chiếc lược ngà* ở Sách Ngữ văn 9, tập 1: hai nhân vật thể hiện tình cha con sâu nặng trong hoàn cảnh trở trêu, éo le.

- Giới thiệu đoạn trích trong đề bài : thuộc khoảng giữa của đoạn trích trong sách giáo khoa. Nó nằm trong phần thuật lại sự việc lúc anh Sáu chuẩn bị trở về đơn vị. Đó cũng là lúc tình cha con của anh Sáu và bé Thu bộc lộ một cách rõ ràng, mãnh liệt và cảm động.

- Phân tích trình bày cảm nhận:

- + Tình cảm cha con giữa anh Sáu và bé Thu diễn ra và biểu hiện trong hoàn cảnh thật trở trêu, éo le:

- * Học sinh nhắc lại những cảm xúc ngỡ ngàng, cam chịu của anh Sáu trong 3 ngày về phép khi bé Thu không chịu nhận anh là cha và không chịu nhận sự yêu thương, chăm sóc của anh đối với nó khiến anh có lúc đã không kiềm chế được bản thân...

- * Do đó lúc chia tay, cả anh Sáu và bé Thu đều có cử chỉ, tâm trạng thật đặc biệt : anh Sáu thì đưa mắt nhìn con, còn bé Thu thì đứng trong góc nhà; anh muốn ôm con, hôn con nhưng lại sợ nó giẫy lên rồi bỏ chạy; anh chỉ đứng nhìn nó với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu, còn bé Thu thì đứng trong góc nhà với đôi mắt mênh mông, tâm trạng xôn xao, bồn chồn.

- + Tình cảm cha con mãnh liệt của anh Sáu và bé Thu: nó được biểu hiện trong hành động và ngôn ngữ của nhân vật, nhất là của bé Thu:

- * Bé Thu: kêu thét lên một tiếng “Ba...a...a...ba” như một tiếng xé, xé cả ruột gan mọi người, một tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng; nó vừa kêu vừa chạy tới, chạy thót lên, dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó, tóc nó như dựng đứng lên, nó nói trong tiếng khóc, hôn ba nó cùng khắp: hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

- * Anh Sáu : bế nó lên.

- Học sinh cần khai thác giá trị biểu cảm của những chi tiết nói trên để làm rõ tình cảm cha con sâu nặng của anh Sáu và bé Thu.

- + Tình cảm cha con ấy đã gây nên một cảm xúc mãnh liệt đối với những người chứng kiến: tiếng kêu của bé Thu không chỉ xé sự im lặng mà còn *xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa*.

+ Tình cảm cha con của anh Sáu và bé Thu được nhà văn Nguyễn Quang Sáng thể hiện trong một đoạn văn có những chi tiết chọn lọc, lời văn trữ tình, giàu cảm xúc đã tô đậm lên tình cảm cha con cao quý của anh Sáu và bé Thu, góp phần biểu hiện một nét tâm hồn cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng Việt Nam.

- Tổng kết, đánh giá chung: một đoạn văn tự sự, có tính chất trữ tình, với những chi tiết đặc sắc đã thể hiện được tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh trở trêu, đầy kịch tính của người dân Việt Nam thời chiến và để lại nhiều ấn tượng sâu sắc và đầy ám ảnh đối với người đọc hôm nay.

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
Ngữ Văn

Môn thi:

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể

thời gian giao đề

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy chỉ ra những thành phần tình thái, cảm thán trong các câu văn sau:

a/ Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.

(Trích “*Lặng lẽ Sa Pa*”-

Nguyễn Thành Long)

b/ Họa sĩ trầm nghĩ: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”.

(Trích “*Lặng lẽ Sa Pa*”-

Nguyễn Thành Long)

Câu 2. (3,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (khoảng 200 từ) bàn về vai trò của sách trong cuộc sống.

Câu 3. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh(chị) về hai khổ thơ sau trong bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh:

“Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”...

(Trích trang 70, SGK Ngữ văn 9, tập II,

NXB GD năm 2010)

----- Hết -----
Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không được giải thích gì thêm.

**SỞ GIÁO DỤC -ĐÀO TẠO
HÀ NAM**

**KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN
NĂM HỌC 2011-2012**

MÔN : NGỮ VĂN- ĐỀ CHUNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

**THỜI GIAN LÀM BÀI :120 PHÚT (KHÔNG KỂ THỜI GIAN GIAO
ĐỀ)**

Câu 1: (2 điểm)

 Tìm và phân tích các phép tu từ trong câu thơ sau:

“ Bàn tay ta làm nên tất cả
Cố sức người sỏi đá cũng thành cơm”
(Hoàng Trung Thông)

Câu 2: (3 điểm)

 Đọc câu truyện sau và trả lời các câu hỏi:

ĐIỀU ĐẦU TIÊN

Có lần, một sinh viên nói với nhà khoa học Blaise Pascal:

- *Nếu cháu được tài giỏi như chú, cháu sẽ trở thành một người tốt hơn!*
Pascal trả lời:
- *Điều đầu tiên là cháu hãy trở thành một người tốt hơn, rồi cháu sẽ được tài giỏi như chú!*

(Theo Hạt giống tâm hồn, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, 2010, trang 22)

a/Nội dung câu truyện trên nói về vấn đề gì?

b/Viết một đoạn văn khoảng 10 câu theo cách diễn dịch trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề mà câu chuyện đặt ra và quan điểm của 2 người trong câu chuyện trên.

Câu 3(5 đ)

 Trình bày cảm nhận của em về tình cảm của nhân vật bé Thu dành cho cha trong đoạn trích “ **Chiếc lược ngà** ” trích trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Từ đó rút ra bài học cho bản thân về tình phụ tử.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
BÌNH ĐỊNH**

**KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ
THÔNG**

Khóa ngày 29-06-2011

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: **NGŨ VĂN**

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày thi: 29/6/2011

Câu 1. (2,0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

*“Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”*
(“Việt Bắc” – Tố Hữu)

- a) Xác định các từ láy trong đoạn thơ trên.
- b) Chỉ ra các biện pháp tu từ trong đoạn thơ. Nêu giá trị biểu cảm.

Câu 2 (3.0 điểm)

Suy nghĩ về câu tục ngữ “*Ăn quả nhớ kẻ trồng cây*”.

Câu 3 (3.0 điểm)

Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi nghe tin làng theo giặc trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân.

----- HẾT -----

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HÀ NỘI**

**KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
Năm học 2011 – 2012**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: **Ngữ văn**

Ngày thi: 22 tháng 6 năm 2011

Thời gian làm bài: 120 phút

Phần I. (6 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

...”Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc”...

(Theo *Ngữ văn 9*, tập hai, NXB Giáo

dục, 2010)

1. Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Nêu tên tác giả của tác phẩm ấy. ”Người đồng mình” được nhà thơ nói tới là những ai?
2. Xác định thành ngữ trong đoạn thơ trên. Em hiểu ý nghĩa của thành ngữ đó như thế nào?
3. Dựa vào phần đã trích dẫn, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 10 câu theo cách lập luận tổng hợp - phân tích - tổng hợp làm rõ đức tính cao đẹp của “người đồng mình” và lời nhắc nhở của cha đối với con, trong đó có sử dụng câu ghép và phép lặp (gạch chân câu ghép và những từ ngữ dùng làm phép lặp).

Phần II (4 điểm)

Dưới đây là một đoạn trong *Chuyện người con gái Nam Xương* (Nguyễn Dữ)

...“Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Kẻ bạc mệnh này thân phận hẩm hiu, chồng con rầy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhục nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoạn trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc mị nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mỹ. Nhược bằng lòng chìm dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.”...

(*Theo Ngữ văn 9, tập*

một, NXB Giáo dục, 2010)

1. Trong tác phẩm lời thoại trên là độc thoại hay đối thoại? Vì sao?

2. Lời thoại này được Vũ Nương nói trong hoàn cảnh nào? Qua đó, nhân vật muốn khẳng định những phẩm chất gì? Ghi lại ngắn gọn (khoảng 6 câu) suy nghĩ của em về những phẩm chất ấy của nhân vật.

3. Làm nên sức hấp dẫn của truyện truyền kì là những yếu tố kì ảo. Nêu 2 chi tiết kì ảo trong *Chuyện người con gái Nam Xương*.

-----Hết-----

Họ tên thí sinh:.....

Số báo

danh:.....

Chữ ký của giám thị 1:

Chữ ký của giám thị

2:

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THPT

TỈNH NINH BÌNH

ĐỀ THI TUYỂN SINH LỚP 10

NĂM HỌC 2011-2012

Môn : NGỮ VĂN

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài 120 phút (không kể thời gian giao

đề)

Đề thi gồm có 03 câu 01 trang

Câu 1 (1,5 điểm)

a)Tìm thành phần cảm thán trong những câu sau :

- Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta , nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc , bần tiện, xấu xa , bỉ ổi ... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ;...

(Nam Cao –Lão Hạc)

-Ôi ! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

(Viễn Phương –Viếng lăng Bác)

b)Tìm các từ láy trong hai câu thơ sau:

Nao nao dòng nước uốn quanh ,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang .

(Nguyễn Du –Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

Khổ thơ sau được trích từ tác phẩm nào ? Của ai ?

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.

Trình bày cảm nhận của em về khổ thơ trên.

Câu 3 (6,0 điểm)

Chuyện người con gái Nam Xương thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến ,đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ.

(Ghi nhớ , Văn bản Chuyện người con gái Nam Xương ,

Nguyễn Dữ,

Ngữ văn 9, tập một,NXB

Giáo dục)

Bằng sự hiểu biết về nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm , em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

-----Hết-----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
10 THPT
ĐỒNG THÁP
2012**

**KỲ THI TUYỂN SINH LỚP

NĂM HỌC 2011 –**

**Đề Chính
Thức**

Đề thi môn: Ngữ Văn

Ngày thi: 25/06/2011

(Đề thi chỉ có 01 trang) Thời gian làm bài: 120

phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (2 điểm) a/Hoàn chỉnh chính xác khổ thơ sau:

“ Bông nhận ra hương ổi

.....

.....

Hình như thu đã về. ”

(Hữu Thỉnh, Sang Thu, Ngữ Văn 9, tập hai)

Trong khổ thơ trên tác giả cảm nhận được tín hiệu đầu tiên báo sang thu là gì?

b/Tìm thành phần gọi – đáp, phụ chú trong những phần trích sau:

-“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

(Bằng Việt, *Bếp Lửa*)

-“Cô bé nhà bên (có ai ngờ)

Cũng vào du kích”

(Giang Nam, *Quê hương*)

Câu 2: (3 điểm)

Suy nghĩ của em về ý nghĩa của câu ca dao:

“ Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn trải ra.”

Câu 3: (5 điểm)

ĐỒNG CHÍ

Chính Hữu

Quê hương anh nước mặn, đồng
chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn mà quen
nhau,

Súng bên súng đầu sát bên đầu,

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

Đồng chí!

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung
lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra
lính.

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vừng trán ướt

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Cảm nhận suy nghĩ của em về bài thơ trên.

-----Hết-----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NINH
KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2011-2012

Môn: Ngữ văn

(Dành cho mọi thí sinh)

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

Đề thi có 01 trang

Ngày thi: 29 tháng 6 năm 2011

Câu 1: (2,0 điểm)

Cho dòng thơ sau:

“Vân xem trang trọng khác vời,”

- a. Chép ba dòng thơ tiếp theo và khái quát nội dung của bốn dòng thơ đó bằng một câu văn.
- b. Bốn dòng thơ trên nằm trong tác phẩm nào ? Tác giả là ai ?
- c. Bút pháp nghệ thuật đặc sắc trong những dòng thơ đó là gì ?

Câu 2:(3,0 điểm)

- *Có những cuốn sách giáo dục ta lòng tin yêu cuộc sống;*
- *Có những cuốn sách giáo dục ta lòng nhân ái vị tha;*
- *Có những cuốn sách làm ta cảm động về tình mẫu tử;*
- *Có những cuốn sách bồi dưỡng cho ta lòng yêu quê hương đất nước;*

Từ các ý đã cho, hãy xác định chủ đề chung và viết một đoạn văn nghị luận từ 10 đến 15 câu, trong đó có sử dụng phép nối (gạch chân phép nối).

Câu 3: (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm “**Lặng lẽ Sa Pa**” của tác giả Nguyễn Thành Long.

-----HẾT-----

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO NGHỆ AN**

**KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2011 - 2012**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn thi: NGŨ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

Câu 1. (3,0 điểm)

Đọc kỹ đoạn thơ và trả lời câu hỏi:

*"Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm;
Mực đọng trong nghiên sầu..."*

(Ngũ văn 8, tập 2, NXBGD 2005, trang 9)

a) Đoạn thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai?

b) Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.

c) Trong số các từ sau, những từ nào cùng trường từ vựng?

giấy, đỏ, mực, thuê

d) Hai câu cuối của đoạn thơ trên sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của cách sử dụng biện pháp tu từ đó?

Câu 2. (3,0 điểm)

Viết một đoạn văn phân tích khổ thơ sau:

*"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân..."*

(Viễn Phương, *Viếng lăng Bác*, Ngữ văn 9, tập 2, NXBGD 2006, trang 58)

Câu 3. (4,0 điểm)

..."Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuống vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuống cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chới với. Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to:

- Thu! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết sẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ. Với vẻ mặt xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chậm chậm bước tới, giọng lắp bắp run run:

- Ba đây con!

- Ba đây con!

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: "Má! Má!". Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy."

(Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà*, Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD 2006, trang 195, 196)
Cảm nhận của em về nhân vật ông Sáu trong đoạn trích trên.

-----Hết-----

Họ và tên thí sinh:..... Số báo
danh:.....

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HÀ NAM**

**KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2011- 2012**

ĐỀ CHÍNH THỨC

Môn: Ngữ Văn
Thời gian 120 phút, không kể thời gian giao đề.

Câu 1 (2,0 điểm)

Cho các từ ngữ: nói móc, nói ra đầu đũa, nói leo, nói khoác, nói nhăng nói cuội, nói ngọt lọt đến xương.

a. Hãy chọn những từ ngữ thích hợp điền vào các chỗ trống (...) sau:

+Nói quá sự thật hoặc không có trong thực tế, để khoe khoang hoặc đùa vui là (...)

+Nói chen vào câu chuyện của người bề trên khi không được hỏi đến là (.....)

+Nói nhằm châm chọc điều không hay của người khác một cách cố ý là (.....)

+Nói nhằm nhí, vu vơ là (....)

b. Mỗi từ ngữ lựa chọn trong câu trên liên quan đến phương châm hội thoại nào?

Câu 2: (2,0 điểm)

Kết thúc một bài thơ trong chương trình Ngữ văn 9, có đoạn:

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giết mình.

a. Đoạn thơ trên viết trong tác phẩm nào? Của ai?

b. Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

c. Vàng trăng là hình ảnh xuất hiện xuyên suốt bài thơ trên. Em hãy giải thích ý nghĩa hình ảnh đó?

Câu 3: (2,0 điểm)

Một lần em chứng kiến hai bạn học sinh không hề quen biết nhau đang đạp xe trên đường. Chặng may hai xe va chạm, hai người cùng ngã. Sau đó họ đứng dậy, vừa hỏi thăm nhau, vừa nói lời xin lỗi, gật đầu chào rồi lên xe đi tiếp.

hãy viết một đoạn văn khoảng 10 câu (trong đó có sử dụng thành phần phụ chú) nêu cảm nhận của em về cách ứng xử của hai bạn học sinh trên. Gạch dưới thành phần phụ chú.

Câu 4: (4,0 điểm)

Trình bày suy nghĩ của em về hình tượng nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

(Ngữ văn 9, tập một, NXBGD trang 43)

.....Hết.....

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
QUẢNG NGÃI**

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

Năm học 2011- 2012

Môn thi: Ngữ văn

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: (2 điểm)

Trong đoạn trích “ *Chiếc lược ngà*”, Nguyễn Quang Sáng đã xây dựng tình huống truyện làm bộc lộ sâu sắc và cảm động tình cha con của ông Sáu và bé Thu. Đó là tình huống nào?

Câu 2: (3 điểm)

a. Câu ca dao khuyên chúng ta thực hiện tốt phương châm hội thoại nào khi giao tiếp?

Lời nói chẳng mất tiền mua,

Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

b. Xác định thành phần phụ chú trong câu:

Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga ... và Người đã làm nhiều nghề.

(Lê Anh Trà, *Phong cách Hồ Chí Minh*)

c. Hãy viết một đoạn văn khoảng 5 đến 8 câu, trong đó có chứa thành phần phụ chú (gạch chân thành phần phụ chú).

Câu 3: (5 điểm)

Phân tích bài thơ “*Sang thu*” của Hữu Thỉnh.

HẾT

Ghi chú: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THANH HOÁ
Đề chính thức

Đề A
(Đề thi gồm 1 trang)

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC: 2011-2012

Môn thi: Ngữ văn
Thời gian làm bài: 120 phút

Câu 1 (2 điểm):

a, Từ “**đầu**” trong câu ca dao sau được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

*Hôm qua tát nước **đầu** đình*

Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.

b, Tìm khởi ngữ trong các câu sau:

Nó ngơ ngác, lạnh lùng. Còn anh, anh không kìm nổi xúc động.

(Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng)

c, Xác định thành phần biệt lập trong câu sau và gọi tên thành phần biệt lập ấy?

Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp.

(Chuyện người con gái Nam Xương - Nguyễn Dữ)

Câu 2 (2 điểm):

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 20 dòng) bàn về câu tục ngữ Thương người như thể thương thân.

Câu 3 (1 điểm):

Bằng một đoạn văn (khoảng 10 dòng) hãy thể hiện cảm nhận của em về vẻ đẹp trong những dòng thơ sau:

Con là mây và mẹ sẽ là trăng

Hai bàn tay con ôm lấy mẹ, và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm

(Mây và sóng- R.Ta-go)

Câu 4 (5 điểm):

“Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long đã khắc họa thành công hình ảnh những con người bình thường mà cao đẹp”.

Phân tích vẻ đẹp của nhân vật anh thành niên trong đoạn trích đã học để làm sáng tỏ nhận định trên.

.....Hết.....

(Giám thị không giải thích gì thêm)

ĐỀ THI TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT
KHOÁ NGÀY 27-6-2011-TỈNH QUẢNG TRỊ

Câu 1.(1,5 điểm).

- a. Thế nào là từ nhiều nghĩa ?
b. Trong những từ ngữ in đậm sau đây, từ nào còn dùng nghĩa gốc?
- **già** nua, **già** nửa mét, **già** lửa; **trắng** tay, trong **trắng**, thức **trắng** đêm.
- **ăn** ở, **ăn** ảnh, **ăn** ý ; đèn **đỏ** đèn xanh, trò **đỏ** đen.

Câu 2.(1,5 điểm).

Khi miêu tả tài sắc chị em Kiều, Nguyễn Du có viết:

... “Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm

Cung thương lầu bậc ngũ âm.

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”.

- a. Khổ thơ trên viết về nhân vật nào?
b. Nội dung *hai câu thơ in đậm* nói về tài năng nổi bật gì của nhân vật?

Câu 3.(2,0 điểm).

Viết một đoạn văn ngắn(dưới 300 từ) có sử dụng phép thế, phép lặp và các cụm từ sau: *một nắng hai sương, hạt cơm thơm, đầu tắt mặt tối, ghi lòng tạc dạ.*

Câu 4.(5,0 điểm).

Cảm nhận của em về tình cha con sâu sắc và cảm động trong truyện ngắn **Chiếc lược ngà** của Nguyễn Quang Sáng. (Ngữ văn 9- Tập 1)

.....HẾT.....

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2011-2012

Môn thi: **NGŨ VĂN**

Ngày thi: **01.07.2011**

Thời gian: **120 phút**

Câu 1: (1 điểm)

Tìm những từ láy trong đoạn trích sau:

Bà như một chiếc bóng; lặng lẽ, đi không ai biết, về không ai hay. Bà tắt bật, khi giồng sắn ở trại, khi đi bắt cua bán, lúc đi cấy thuê. Có lần bà bỏ nhà bốn năm ngày. Tôi hỏi Linh, nó rơm nước mắt. Tuần phu đi rằm rập bắt thuế. Trống dồn sôi cả bụng, đập thành thạch vào cái ngực bé nhỏ của tôi.

(Duy Khán, *Bà nội* (trích), Ngữ văn 9, Tập 1)

Câu 2: (2.5 điểm)

Trong bài viết *Thời gian là vàng* (Ngữ văn 9, Tập 2), tác giả Phương Liên viết: “*Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng...*”. Nhưng có đoạn tác giả viết: “*...Thời gian là tri thức...*” Theo em, viết như vậy có mâu thuẫn không? Hãy viết một bài văn (khoảng 1 trang giấy thi) trình bày ý kiến của mình.

Câu 3: (1.5 điểm)

Từ “xuân” trong trường hợp dưới đây được sử dụng với nghĩa chuyển theo phương thức hoán dụ? Nói rõ ý nghĩa của việc sử dụng.

a) *Ngày xuân con én đưa thoi*

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

(Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

b) “*Khi người ta đã ngoài 70 xuân thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng thấp.*”

(Hồ Chí Minh, *Di chúc*)

Câu 4: (5 điểm)

Chính Hữu đã viết đoạn kết bài thơ *Đồng Chí*:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo

Cảm nhận của em về những câu thơ trên.

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Môn thi: Ngữ Văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian giao đề

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy chỉ ra những thành phần tình thái, cảm thán trong các câu văn sau:

a/ Chao ôi, bất gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài.

(Trích “*Lặng lẽ Sa Pa*”- Nguyễn Thành Long)

b/ Họa sĩ trầm nghĩ: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”.

(Trích “*Lặng lẽ Sa Pa*”- Nguyễn Thành Long)

Câu 2. (3,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (khoảng 200 từ) bàn về vai trò của sách trong cuộc sống.

Câu 3. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh(chị) về hai khổ thơ sau trong bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh:

“*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*”

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu” ...*

(Trích trang 70, SGK Ngữ văn 9, tập II, NXB GD năm 2010)

----- Hết -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không được giải thích gì thêm.

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ THI MÔN NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)
Lưu ý: Đề thi có 02 trang. Học sinh làm bài vào tờ giấy thi.

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Chọn một chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng

Câu 1. Truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* được xây dựng xoay quanh tình huống cơ bản nào?

- ☒ A. Cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn thuộc Sa Pa
B. Cuộc nói chuyện giữa người lái xe lên Sa Pa với ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ
C. Anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn tự kể về công việc của mình
D. Ông họa sĩ già lên Sa Pa để tìm cảm hứng sáng tác

Câu 2. Nhà văn Nguyễn Thành Long đã từng viết: "*Nghĩ cho cùng, Lặng lẽ Sa Pa là một chân dung, như tôi có nói trong đó*". Đó là bức chân dung của nhân vật nào?

- A. Ông họa sĩ B. Bác lái xe C. Cô kĩ sư ☒ D. Anh thanh niên

Câu 3. Ai nhận xét nhân vật anh thanh niên là "*người cô độc nhất thế gian*"?

- A. Ông họa sĩ ☒ B. Bác lái xe C. Cô kĩ sư D. Anh cán bộ nghiên cứu sét

Câu 4. Chủ đề chính của *Lặng lẽ Sa Pa* là gì?

- A. Trân trọng những khát khao trong sáng tạo nghệ thuật
B. Ca ngợi quan niệm cao đẹp về hạnh phúc: hạnh phúc là phải biết hi sinh vì người khác và cống hiến hết mình cho sự nghiệp chung
☒ C. Ca ngợi con người lao động bình thường và ý nghĩa của những công việc thầm lặng
D. Đề cao bản lĩnh của mỗi người khi lựa chọn hướng đi cho mình trong cuộc sống

Câu 5. Về nghệ thuật xây dựng nhân vật, phương diện nào sau đây **không** nổi bật ở *Lặng lẽ Sa Pa*?

- A. Đặt nhân vật vào tình huống tự nhiên, thú vị B. Miêu tả nhân vật với nhiều điểm nhìn
C. Xây dựng đối thoại và độc thoại đặc sắc ☒ D. Miêu tả diễn biến tâm lí tinh tế

Câu 6. Câu văn in đậm trong đoạn văn sau có hàm ý gì?

"- Đây, tôi giới thiệu với anh một họa sĩ lão thành nhé. Và cô đây là kĩ sư nông nghiệp. Anh đưa khách về nhà đi. **Tuổi già cần nước chè: ở Lào Cai đi sớm quá.** Anh hãy đưa ra cái món chè pha nước mưa thơm như nước hoa của Yên Sơn nhà anh."

- ☒ A. Trước khi đến Yên Sơn, ông họa sĩ chưa kịp uống nước chè
B. Ông họa sĩ rất muốn uống chè pha bằng nước mưa thơm như nước hoa ở Yên Sơn
C. Ông họa sĩ đã uống nước chè ở Lào Cai, đến Yên Sơn lại thấy nhớ
D. Lúc ở Lào Cai, ông họa sĩ chưa có hứng uống nước chè. Giờ đây, cảnh đẹp Yên Sơn làm người nghệ sĩ bỗng có nhã thú

Câu 7. Câu văn nào dưới đây sử dụng lời dẫn trực tiếp?

- A. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bật, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ.
B. Người con trai mừng quýnh cầm cuốn sách còn đang cười cười nhìn khắp khách đi xe bây giờ đã xuống đất tất cả.
☒ C. Họa sĩ nghĩ thầm: "Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn."
D. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa

Câu 8. Đề văn nào sau đây **không** phải là đề văn nghị luận?

- A. Chất thơ trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.
- B. Tưởng tượng và ghi lại cuộc gặp gỡ giữa em với nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.
- C. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.
- D. Phân tích truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.

PHẦN II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Câu 1 (3 điểm). Cho đoạn thơ sau:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?
- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

(Thế Lữ, *Nhớ rừng*, **Ngữ văn 8**, tập hai, NXB Giáo dục, 2005, trang 5)

- a. Chỉ ra những biện pháp tu từ chủ yếu trong đoạn thơ trên.
- b. Viết một đoạn văn (khoảng 6 đến 10 câu, theo cấu trúc tổng - phân - hợp) nêu hiệu quả của một vài biện pháp tu từ đã tìm được trong đoạn thơ trên.

Câu 2 (5 điểm)

Trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh đánh cá đêm trên biển được thể hiện trong đoạn thơ sau:

...	
Thuyền ta lái gió với buồm trăng Lướt giữa mây cao với biển bằng, Ra đậu dặm xa dò bụng biển, Dàn đan thế trận lưới vây giăng.	Ta hát bài ca gọi cá vào, Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao. Biển cho ta cá như lòng mẹ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.
Cá nhụ cá chim cùng cá đé, Cá song lấp lánh đuốc đen hồng, Cái đuôi em quẫy trắng vàng choé. Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.	Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng, Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng. Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông, Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.
...	

(Huy Cận, *Đoàn thuyền đánh cá*, **Ngữ văn 9**, tập một, NXB Giáo dục, 2005, trang 139,140)

----Hết----

Họ và tên thí sinh:Số báo danh:.....

Họ và tên giám thị 1:.....Họ và tên giám thị 2:

BỘ ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
MÔN: NGỮ VĂN

Thời gian làm bài: 120 phút (Không kể thời gian giao đề)

ĐỀ 1

Câu 1. (1,5 điểm)

a. Chép nguyên văn tám câu thơ cuối trong đoạn trích “*Kiều ở Lầu Ngưng Bích*” bắt đầu từ câu: “*Buồn trông cửa bể chiều hôm*”.

b. Cho biết trong đoạn thơ trên Nguyễn Du đã sử dụng *bút pháp nghệ thuật* gì?

Câu 2. (1,5 điểm)

Chú ý những từ in nghiêng trong các câu sau:

- Những chiếc giỏ xe chở đầy *hoa* phượng.
- Thêm *hoa* một bước, lệ *hoa* mấy hàng.
- Tên riêng bao giờ cũng được viết *hoa*.

a. Chỉ ra từ nào dùng nghĩa gốc, từ nào dùng nghĩa chuyển?

b. Nghĩa chuyển của từ “lệ *hoa*” là gì?

Câu 3. (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn với câu chủ đề sau: “*Được sống trong tình yêu thương là một hạnh phúc lớn*”.

(Viết khoảng 4 đến 6 câu, trình bày theo cách diễn dịch, có dùng phép lặp hoặc phép thế để liên kết câu).

Câu 4. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

“...Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!”*

(Trích “*Viếng lăng Bác*”-VIỄN PHƯƠNG, Ngữ Văn 9, Tập 2)

--HẾT--

Câu 1. (1,5 điểm)

Phần a.

- Cho 1,0 điểm khi HS chép đúng nguyên văn tám câu thơ trong đoạn trích “Kiều ở Lầu Ngưng Bích” (từ câu “Buồn trông cửa bể chiều hôm”...), không có sai sót về từ ngữ, chính tả.
- Trừ đến 0,25 điểm nếu có sai sót đến 3 trường hợp; dưới 3 trường hợp không tính.

Phần b.

- Cho 0,5 điểm, khi HS nêu được: Trong đoạn thơ trên Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình. *(Bổ sung: Nếu HS nêu một số BPTT thì cho điểm-tùy theo mức độ).*
- Nếu diễn đạt khác đi mà không nhầm sang lĩnh vực nội dung, thì linh hoạt cho 0,25 điểm.

Câu 2. (1,5 điểm)

Phần a.

- Cho 1,0 điểm khi HS chỉ rõ:
 - + từ “hoa” trong câu “Những chiếc giỏ xe chở đầy hoa phượng” dùng theo nghĩa gốc.
 - + những từ “hoa” trong các câu khác đều dùng theo nghĩa chuyển.

Phần b.

- Cho 0,5đ nếu HS giải nghĩa được nghĩa chuyển của từ “lệ hoa”: giọt nước mắt của người đẹp
(BS:- HS trả lời: “Nước mắt của Thúy Kiều” vẫn tính điểm; nếu HS giải nghĩa từ “lệ hoa” là “nước mắt” thì không cho điểm).
- Nếu HS diễn đạt khác nhưng vẫn hiểu là giọt nước mắt được cách điệu, diễn tả cái đẹp thì vận dụng đến 0,25 điểm.

Câu 3. (2,0 điểm). GV cần tổng hợp 2 phần điểm sau đây:

Cho 0,5 điểm khi HS viết đoạn văn đạt các yêu cầu về hình thức sau:

- Viết một đoạn văn đạt yêu cầu về dung lượng khoảng 4 - 6 câu.
- Trình bày theo hình thức diễn dịch, vị trí câu chủ đề
“Được sống trong tình yêu thương là một hạnh phúc lớn” đặt ở đầu đoạn văn.
- Tùy chọn phép liên kết: phép lặp hoặc phép thế.

Cho 1,5 điểm khi HS phát triển được nội dung câu chủ đề theo các ý sau

(chú ý: Không hẳn mỗi ý chứa trong một câu văn).

- + tình yêu thương là một khía cạnh quan trọng, nói lên bản chất đời sống của con người, 0,5 đ
- + sống trong tình yêu thương mỗi người sẽ hiểu thấu những nét đẹp đẽ của gia đình, người thân, đồng loại và của chính mình; được sống trong tình yêu thương cũng là động lực giúp mỗi người sống đẹp hơn, có thêm niềm tin, sức mạnh và khát khao vươn tới, 0,5 đ
- + sống thiếu tình thương con người sẽ trở nên đơn độc, thiếu tự tin và mất phương hướng; thật bất hạnh biết bao nếu ai đó trong chúng ta không được sống trong tình yêu thương. 0,5 đ

Cho 1,0 điểm nếu:

- HS phát triển nội dung chủ đề khác với một số ý ở trên nhưng về logic hình thức vẫn bảo đảm)
- hoặc số câu viết được ít hơn 4 nhưng vẫn thể hiện vài ý như trên.

Câu 4. (5,0 điểm)

A. YÊU CẦU CHUNG

- Bài văn đạt các yêu cầu nghị luận về một đoạn thơ/ bài thơ:
 - Bố cục mạch lạc theo từng phần mở bài, thân bài, kết bài.
 - Có sự cảm thụ riêng, nêu được các nhận xét, đánh giá của người viết gắn với việc phân tích, bình giá ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu, nội dung cảm xúc... của tác phẩm.
- Bài văn chứng tỏ người viết nắm vững toàn bộ tác phẩm và có khả năng trình bày tốt, bằng một lối hành văn phù hợp.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ

I. Mở bài: giới thiệu vị trí đoạn thơ trong tác phẩm và khái quát nội dung cảm xúc của đoạn.

1-Viếng lăng Bác của Viễn Phương là bài thơ nói lên một cách thiết tha, cảm động những Tình cảm thiêng liêng, thành kính của đồng bào miền Nam với Bác. Đây là khổ thứ 2 và thứ 3 của bài thơ.

2-ND đoạn thơ khẳng định Bác bất tử, trường tồn cùng núi sông, dân tộc và tình cảm thành kính, thiêng liêng,sâu sắc mà nhân dân dành cho Người là vĩnh viễn.

II. Thân bài: Lần lượt trình bày những suy nghĩ, đánh giá về ND và NT của đoạn thơ:

2. Tác giả như muốn khẳng định: Bác còn đó và còn mãi giữa non sông đất nước, giữa lòng dân tộc và nhân loại.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

- sử dụng điệp ngữ “ngày ngày ...đi qua, đi trong...” diễn tả dòng chảy của thời gian ngày tiếp ngày vô tận. Trong cái vô tận của thời gian ấy là cái vĩnh viễn, bất tử của tên tuổi Người.

- phát hiện sự tương phối của 2 hình ảnh “*Mặt trời đi qua trên lăng../ Mặt trời trong lăng*” và tìm thấy mối quan hệ đối ngẫu của 2 hệ giá trị Vũ trụ và Con người. Sự liên tưởng này tô đậm màu sắc trí tuệ cho bài thơ.

(*Ý này chỉ tính cho bài làm đạt khung điểm tối đa 4 đến 5 điểm*).

- hai hình ảnh “*mặt trời*” - một hình ảnh tả thực và một hình ảnh ẩn dụ - được nối với nhau bằng chữ “*thấy*” là một sáng tạo: Người và thiên nhiên vũ trụ vô cùng gần gũi; đồng thời liên tưởng này còn nói lên được một cách sâu sắc vẻ đẹp, sức sống và ý nghĩa cuộc đời của Bác với dân tộc và nhân loại.

2. Nhà thơ cảm nhận sâu sắc lòng thương nhớ vô tận của con người VN và nhân loại với Bác.

- hình ảnh giàu giá trị biểu cảm “*dòng người đi trong thương nhớ*” vừa chân thực vừa có ý nghĩa khái quát:Tình cảm nhân dân dành cho Người có cội rễ bền lâu như dòng sông không bao giờ cạn.

- liên tưởng “*kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*” là một liên tưởng độc đáo, phù hợp với khung cảnh viếng lăng Người làm cho hình tượng thơ thêm cao quý long lầy.

3. Ở khổ thơ tiếp theo

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim!

Chủ đạo vẫn là mạch cảm xúc trở về với niềm xót xa thương tiếc khi nghĩ về sự ra đi của Người.

- Nhà thơ đã viết những dòng thơ giàu nhạc tính với những hình ảnh gần gũi: “*giấc ngủ bình yên... vầng trăng dịu hiền*” tạo tình cảm tự nhiên, thân thuộc.

- Nhưng đâu biết “*trời xanh là mãi mãi*”, sự thật về việc Bác không còn nữa làm những giọt lệ thương tiếc lặng thầm vẫn cứ rung rung và con tim chợt nhói đau khó tả. Bác nằm trong lăng như đang trong giấc ngủ bình yên, có vầng trăng dịu hiền làm bạn. Nhưng cũng chính vì nhận ra sự vĩnh hằng ấy mà nhà thơ đau đớn hiểu rằng chúng ta sẽ vĩnh viễn xa Người.

- Nỗi đau ở con tim vừa là nỗi đau tinh thần vừa là nỗi đau thể xác. Đây là cảm giác có thực với bất kỳ ai khi đến viếng Bác Hồ kính yêu.

- Hai hình ảnh kì vĩ, long lầy “*vầng trăng, trời xanh*” là những ẩn dụ đặc sắc nối tiếp nhau xuất hiện khiến ta suy ngẫm về cái bất diệt vô tận của vũ trụ đến cái bất tử vô cùng cao cả của con Người.

III. Kết bài: khái quát giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ

- Đoạn thơ mang trọn âm hưởng chủ đạo của bài thơ: Đó là tấm lòng thành kính, thiêng liêng không chỉ của riêng nhà thơ mà còn của cả miền Nam với Bác Hồ; là nỗi tiếc thương vô hạn không dấu được cùng với cảm thức về sự vĩnh hằng bất tử tên tuổi của Người.
- Đoạn thơ còn cho ta thấy một tài thơ của thế hệ nhà thơ đàn anh: Giàu chiêm nghiệm và suy tư, với nghệ thuật dùng từ độc đáo vừa giản dị tự nhiên vừa hàm súc sang trọng.

Cách cho điểm:

Điểm 4,0-5,0: Đạt các yêu cầu chung, cơ bản đạt các yêu cầu cụ thể; bố cục chặt chẽ, văn viết mạch lạc, có cảm xúc; có một vài lỗi không đáng kể.

Điểm 3,0-3,75: Đạt một phần Yêu cầu chung- Yêu cầu 1; đạt các 2/3 số ý của Yêu cầu cụ thể -không tính ND 2 của ý 1, ND 4 của ý 3; có chú ý về bố cục, lời văn; có một số lỗi không đáng kể.

Điểm 2,0-2,75: Nắm được tinh thần của bài thơ, khai thác đoạn thơ tập trung vào khía cạnh nội dung, có phân tích hình ảnh, câu chữ nhưng chưa sâu. Đạt 1/2 số ý của Yêu cầu cụ thể-không tính ND 3 của ý 1; có chú ý về bố cục, lời văn nhưng nhiều chỗ diễn đạt vụng và mắc nhiều lỗi chính tả.

Điểm dưới 2,0: Nắm tác phẩm hời hợt, làm bài không đúng hướng, sai rất nhiều về diễn đạt và từ ngữ, chữ viết xấu.

Trường hợp HS viết phân tích, cảm nhận toàn bài thơ thì dù viết tốt vẫn coi như không hiểu đề, không cho điểm tối đa. GK căn cứ mức độ thể hiện từng nội dung của HDC đề cho điểm.

--HẾT--

ĐỀ 2

Phần I (7,0 điểm)

Cho đoạn trích

"Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên : "Má! Má!". Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy"
(*Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.196)

1. Đoạn trích trên được rút ra từ tác phẩm nào, của ai ? Kể tên hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích.
2. Xác định thành phần khởi ngữ trong câu : " Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy"
3. Lẽ ra, cuộc gặp mặt sau tám năm xa cách sẽ ngập tràn niềm vui và hạnh phúc nhưng trong câu chuyện, cuộc gặp ấy lại khiến anh vật "anh" "đau đớn". Vì sao vậy ?
4. Hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 câu theo phép lập luận quy nạp làm rõ tình cảm sâu nặng của người cha đối với con trong tác phẩm trên, trong đoạn văn có sử dụng câu bị động và phép thể (gạch dưới câu bị động và những từ ngữ dùng làm phép thể).

Phần II (3,0 điểm)

Bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt được mở đầu như sau :

"Một bếp lửa chòn vòn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa."

(*Ngữ văn 9*, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.143)

1. Chỉ ra từ láy trong dòng thơ đầu. Từ láy ấy giúp em hình dung gì về hình ảnh "bếp lửa" mà tác giả nhắc tới ?
2. Ghi lại ngắn gọn cảm nhận của em về câu thơ : "Cháu thương bà biết mấy nắng mưa".
3. Tình cảm gia đình hòa quyện với tình yêu quê hương đất nước là một đề tài quen thuộc của thơ ca. Hãy kể tên 2 bài thơ Việt Nam hiện đại trong chương trình Ngữ văn 9 viết về đề tài ấy và ghi rõ tên tác giả.

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN – ĐỀ CHÍNH THỨC

Phần I (7 điểm) :

Câu 1 (1,5 điểm): Thí sinh nêu đúng:

- Tên tác phẩm: Chiếc lược ngà 0,5 điểm
- Tên tác giả: Nguyễn Quang Sáng 0,5 điểm
- Tên 2 nhân vật được nhắc tới: anh Sáu, bé Thu 0,5 điểm

Câu 2 (0,5 điểm): Thí sinh nêu đúng thành phần khởi ngữ: Còn anh, anh 0,5 điểm

Câu 3 (1,0 điểm): Thí sinh nêu được nguyên nhân sự đau đớn của anh Sáu:

- Anh Sáu khao khát gặp con nhưng bé Thu không nhận cha. 0,5 điểm
- Đứa con sợ hãi và chạy trốn anh Sáu (vì vết sẹo trên mặt) 0,5 điểm

Câu 4 (4 điểm):

*Đoạn văn:

Phần thân đoạn: có dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ tình cảm sâu nặng của anh Sáu đối với con:

- Sau 8 năm xa cách, anh khao khát được gặp con nhưng con không nhận 0,25 điểm

- Những ngày ở nhà: anh khao khát bày tỏ tình cảm nhưng rất khổ tâm (vì bị từ chối), rất xúc động lúc chia tay... 0,75 điểm

- Những ngày ở căn cứ:

+ Anh rất nhớ thương và luôn ân hận vì đã đánh con ... 0,5 điểm

+ Anh rất vui mừng khi tìm thấy khúc gỗ, dành nhiều tâm sức làm cây lược, luôn mang lược bên mình và mong gặp lại con, gửi lược cho con trước lúc hi sinh. 1,0 điểm

Phần kết đoạn: Đạt yêu cầu của đoạn văn theo kiểu quy nạp. 0,5 điểm

- Diễn đạt được song ý chứa sâu sắc 2,0 điểm
- Chỉ nêu được ½ số ý, bố cục chưa chặt chẽ, mắc nhiều lỗi diễn đạt 1,5 điểm
- Chỉ nêu được dưới ½ số ý, bố cục chưa chặt chẽ, mắc nhiều lỗi diễn đạt 1,0 điểm
- Chưa thể hiện được phần lớn số ý, hoặc sai về nội dung, diễn đạt kém.... 0,5 điểm

*Nếu đoạn văn dài quá hoặc ngắn quá trừ 0,5 điểm.

*Có sử dụng phép thế để liên kết (gạch dưới) 0,5 điểm

* Có 1 câu bị động (gạch dưới) 0,5 điểm

Giám khảo căn cứ vào mức điểm trên để cho các điểm còn lại.

Phần II (3 điểm):

Câu 1 (1,0 điểm): Thí sinh nêu được:

- Từ láy chồn vồn. 0,5 điểm
- Hình dung về hình ảnh bếp lửa (ngọn lửa) ẩn hiện, mờ tỏ trong sương sớm ... (sinh động, bập bùng, chập chồn) 0,5 điểm

Câu 2 (1 điểm): Thí sinh nêu cảm nhận về câu thơ thứ 3:

- Nội dung: có thể gồm 2 ý :
 - + Tình thương của cháu đối với bà
 - + Thấy được sự lam lũ, vất vả của bà
- Yêu cầu: diễn đạt rõ ý, bám sát vào hình ảnh, từ ngữ... trong câu thơ.

Câu 3 (1 điểm): Thí sinh nêu được đúng theo yêu cầu:

- Tên hai bài thơ (Bếp lửa; Khúc hát ru ... Nói với con; Con cò) 0,5 điểm
- Tên hai tác giả 0,5 điểm

Lưu ý: - Thí sinh có cách diễn đạt khác mà đảm bảo đủ ý vẫn cho điểm.

- Điểm toàn bài là tổng điểm thành phần, lẻ đến 0,25, không làm tròn số.

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Phần I (7 điểm)

1. Đoạn văn trên được rút từ tác phẩm “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng
Hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích là anh Sáu và bé Thu (1 điểm)
2. Xác định thành phần khởi ngữ trong câu: *Còn anh.* (0,5 điểm)
3. Lẽ ra, cuộc gặp mặt sau tám năm xa cách sẽ ngập tràn niềm vui và hạnh phúc nhưng trong câu chuyện, cuộc gặp ấy lại khiến nhân vật “anh” đau đớn. Bởi vì, khi người cha được về thăm nhà, khao khát đốt cháy lòng ông là được gặp con, được nghe con gọi tiếng “ba” để được ôm con vào lòng và sống những giây phút hạnh phúc bấy lâu ông mong đợi. Nhưng thật éo le, con bé không những không nhận mà còn tỏ thái độ rất sợ hãi. (1,5 điểm)

4. Đoạn văn (4 điểm)

a. Về hình thức:

- Đoạn văn trình bày theo phép lập luận quy nạp: Câu chốt ý nằm ở cuối đoạn, không có câu mở đoạn, thân đoạn làm sáng rõ nội dung chính bằng các mạch ý nhỏ

- Đảm bảo số câu quy định (khoảng 12 câu); khi viết không sai lỗi chính tả, phải trình bày rõ ràng

b. Về nội dung: Các câu trong đoạn phải hướng vào làm rõ nội dung chính sẽ chốt ý ở cuối đoạn là: Tình cảm sâu nặng của người cha đối với con, được thể hiện trong tác phẩm “*Chiếc lược ngà*”

- Khi anh Sáu về thăm nhà:

+ Khao khát, nôn nóng muốn gặp con nên anh đau đớn khi thấy con sợ hãi bỏ chạy: “mặt anh sầm lại, trông thật đáng thương và hay tay buông xuống như bị gãy”

+ Suốt ba ngày ở nhà: “Anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con” và khao khát “mong được nghe một tiếng ba của con bé”, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi.

+ Phải đến tận lúc ra đi anh mới hạnh phúc vì được sống trong tình yêu thương mãnh liệt của đứa con gái dành cho mình.

- Khi anh Sáu ở trong rừng tại khu căn cứ (ý này là trọng tâm):

+ Sau khi chia tay với gia đình, anh Sáu luôn day dứt, ân hận về việc anh đã đánh con khi nóng giận.

Nhớ lời dặn của con: “Ba về! ba mua cho con một cây lược nghe ba!” đã thúc đẩy anh nghĩ tới việc làm một chiếc lược ngà cho con.

+ Anh đã vô cùng vui mừng, sung sướng, hớn hở như một đứa trẻ được quà khi kiếm được một chiếc ngà voi. Rồi anh dành hết tâm trí, công sức vào làm cây lược “ anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc”. “ trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”

+ khi bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực, lúc không còn đủ sức trăn trối điều gì, anh đã “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho bác Ba, nhìn bác Ba hồi lâu.

=> Cây lược ngà trở thành kỷ vật minh chứng cho tình yêu con thấm thiết, sâu nặng của anh Sáu, của người chiến sỹ Cách mạng với đứa con gái bé nhỏ trong hoàn cảnh chiến tranh đầy éo le, đau thương, mất mát. Anh Sáu bị hy sinh, nhưng tình cha con trong anh không bao giờ mất.

c. Học sinh sử dụng đúng và thích hợp trong đoạn văn viết câu bị động và phép thế.

* Đoạn văn tham khảo:

Người đọc sẽ nhớ mãi hình ảnh một người cha, người cán bộ cách mạng xúc động dang hai tay chờ đón đứa con gái bé bỏng duy nhất của mình ùa vào lòng sau tám năm xa cách(1). Mong mỗi ngày trở về, nóng lòng được nhìn thấy con, được nghe tiếng gọi "ba" thân thương từ con, anh Sáu thực sự bị rơi vào sự hụt hẫng: "anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đón khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy"(2). Mong mỗi bao nhiêu thì đau đớn bấy nhiêu. và anh cũng không ngờ rằng chính bom đạn chiến tranh vừa là nguyên nhân gián tiếp, vừa là nguyên nhân trực tiếp của nỗi đau đón ấy(3). Ba ngày anh được ở nhà anh chẳng đi đâu xa, để được gần gũi, vỗ về bù đắp những ngày xa con(4). Cử chỉ gấp từng miếng trứng cá cho con cho thấy anh Sáu là người sống tình cảm, sẵn sàng dành cho con tất cả những gì tốt đẹp nhất(5). Bởi vậy, lòng người cha ấy đau đớn biết nhường nào khi anh càng muốn gần thì đứa con lại càng đẩy anh ra xa, anh không buồn sao được khi đứa con máu mủ của mình gọi mình bằng "người ta": "Anh quay lại nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi"(6). Những tưởng người cha ấy sẽ ra đi mà không được nghe con gọi bằng "ba" lấy một lần, nhưng thật bất ngờ đến tận giây phút cuối cùng, khi không còn thời gian để chăm sóc vỗ về nữa, anh mới thực sự được làm cha và đã có những giây phút hạnh phúc vô bờ trong tình cảm thiêng liêng đó(7). Xa con, nhớ con, ở nơi chiến khu, anh dồn tâm sức làm chiếc lược để thực hiện lời hứa với con(8) Người cha ấy đã vui mừng "hớn hở như trẻ được quà" khi kiếm được khúc ngà và anh đã quyết định làm chiếc lược cho con: “anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc.[...] anh gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: "Yêu nhớ tặng Thu con của ba"(9). Người cha nâng niu chiếc lược ngà, ngắm nghía nó, mài lên tóc cho cây lược thêm bóng thêm mượt, "Cây lược ngà ấy chưa chải lược mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh", chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái(10). Câu chuyện được kể từ ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng "tôi" có mặt và chứng kiến toàn bộ câu chuyện giữa cha con anh Sáu, đã kể thật cảm động câu chuyện xảy ra sau đó: chưa kịp tặng con gái chiếc lược thì anh Sáu hi sinh, anh không đủ sức trăn trối điều gì nhưng vẫn kịp”đưa tay vào túi móc cây lược” nhờ bạn trao lại tận tay con gái, anh Sáu bị hy sinh, nhưng tình cha con trong anh không bao giờ mất.(11). Như vậy có thể nói, tình cảm sâu nặng của người cha với người con đã được Nguyễn Quang Sáng thể hiện rất chân thực và cảm động, gây được xúc động lâu bền trong lòng người đọc(12).

Phép thế : một người cha (1) được thế bằng anh Sáu(2)

Câu bị động: Câu 12

Phần II (3 điểm)

1. Từ láy trong đoạn thơ đầu là : Chờn vờn.

Từ láy ấy giúp em hình dung về hình ảnh “*bếp lửa*” vừa được nhen lên, ngọn lửa bắt đầu vờn quanh bếp ngòn to ngọn nhỏ, chập chờn trong kí ức.(1 điểm)

2. Cảm nhận của em về câu thơ: “*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*”

+ Câu thơ đã bộc lộ trực tiếp tình cảm nhớ thương bà một cách sâu sắc, khi người cháu đã ở tuổi trưởng thành. Từ “thương” chất chứa bao tình cảm.

+ Hình ảnh ẩn dụ “*nắng mưa*” trong câu thơ diễn tả dòng suy ngẫm hồi tưởng về cuộc đời người bà lận đận vất vả bên bếp lửa nấu ăn cho cả nhà trong mọi hoàn cảnh: Lúc “đói mòn đói mỏi”, lúc “tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa”. Nhất là lúc chiến tranh “Giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”.

Câu thơ gợi hình ảnh người bà ở chịu thương chịu khó, hết lòng vì gia đình đồng thời thể hiện tình cảm nhớ thương, kính trọng bà của người cháu đã trưởng thành. (1 điểm)

3. Kể tên hai bài thơ Việt Nam hiện đại trong chương trình Ngữ văn 9 viết về đề tài tình cảm gia đình hòa quyện với tình yêu đất nước là một đề tài quen thuộc của thơ ca:

- Nói với con của Y Phương
- Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm.(1 điểm)

ĐỀ 4

Câu 1: (1 điểm)

Hãy chép chính xác hai câu cuối trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Hai câu thơ ấy cho em biết phẩm chất gì của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn?

Câu 2: (1 điểm)

Tìm thành phần gọi – đáp trong câu ca dao sau và cho biết lời gọi – đáp đó hướng đến ai.

*Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống, nhưng chung một giàn.*

Câu 3: (3 điểm)

Thể hiện mình là một nhu cầu của lứa tuổi học sinh. Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 01 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về cách thể hiện bản thân trong môi trường học đường.

Câu 4: (5 điểm)

Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích truyện *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long (*Sách giáo khoa Ngữ văn 9*, tập một, trang 180 – 188).

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1:

- *Xe vẫn chạy về miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

- Hai câu thơ thể hiện lòng yêu nước, tình cảm vì miền Nam ruột thịt của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Câu 2:

- Thành phần gọi – đáp trong câu ca dao : *Bầu ơi*
- *Bầu* : từ ẩn dụ, hướng đến tất cả mọi người (đồng bào).

Câu 3: Thí sinh có thể trình bày suy nghĩ của mình về cách thể hiện bản thân trong môi trường học đường theo nhiều cách khác nhau. Tuy nhiên, bài viết nên :

- Thể hiện đúng kết cấu của một bài văn ngắn (có mở bài, thân bài, kết bài; trong phạm vi khoảng 1 trang giấy thi).
- Thể hiện đúng suy nghĩ của mình về cách thể hiện bản thân trong môi trường học đường.
- Có cách hành văn trong sáng, sinh động, mạch lạc, chặt chẽ.

Sau đây là một vài gợi ý về nội dung của bài viết:

+ Thể hiện mình là một nhu cầu của lứa tuổi học sinh, của những người mới lớn.
+ Từ trước đến nay, học sinh có những cách thể hiện bản thân mình để gây sự chú ý, để được tôn trọng, yêu thương... Tuy nhiên, trong đó có những cách thể hiện không phù hợp với đạo đức của con người và nội quy của nhà trường. Do đó, học sinh thể hiện mình không phải bằng những hành động khác lạ, dị thường mà phải bằng những việc làm thật tốt, thật gương mẫu trong môi trường học đường.

- Với bản thân: cả ngoại hình lẫn tư cách, lời ăn tiếng nói phải gọn gàng, lịch sự và nhã nhặn, văn minh; dám đấu tranh với những điều sai trái, chưa tốt, thẳng thắn phê bình và tự phê bình; biết rèn luyện để kiểm chế và làm chủ bản thân, không có những hành động vượt ngoài khuôn khổ kỷ luật và nội quy của nhà trường.
- Với thầy cô : phải lễ phép, kính trọng, ngoan ngoãn, vâng lời, thương yêu và biết ơn.
- Với bạn bè : thân ái, tương trợ, đoàn kết.
- Với nhiệm vụ học sinh : học tập tốt các môn văn hóa; tham gia các hoạt động đoàn, đội, các hoạt động xã hội khác (viết thư thăm hỏi bộ đội, làm công tác từ thiện, đóng góp cho phong trào kế hoạch nhỏ...).

+ Phải biết phê phán và xa lánh những cách thể hiện bản thân không đúng đắn. Mạnh mẽ, dứt khoát duy trì quan điểm đúng của mình về sự thể hiện bản thân trong môi trường học đường, không dao động trước những lời chê bai của những bạn còn lạc hậu. Đoàn kết với những bạn có cùng quan điểm, cùng cách thể hiện bản thân đúng đắn để tạo nên sức mạnh giúp mình đứng vững trong sự thể hiện bản thân, nhất là trong hoàn cảnh môi trường học đường chịu nhiều sự tác động của những nhân tố không tích cực từ nhiều phía.

+ Thể hiện mình không chỉ là nhu cầu của lứa tuổi học sinh mà còn là nhu cầu của con người ở mọi lứa tuổi. Chính sự thể hiện mình một cách đúng đắn của con người từ xưa đến nay đã góp phần tạo nên chất văn hóa và nét đẹp trong đời sống con người.

Câu 4: Thí sinh có thể trình bày cảm nhận của mình về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long theo nhiều cách trình bày. Tuy nhiên, bài viết nên :

- Thể hiện đúng kết cấu của một bài nghị luận văn học.
- Thể hiện đầy đủ, chính xác vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn.
- Có cách hành văn trong sáng, sinh động.

Sau đây là một vài gợi ý về vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên :

+ Một thanh niên giàu nghị lực đã vượt qua hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp, giản dị mà sâu sắc.

- Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét quanh năm “*chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo*”; công việc đều đặn, gian khổ: rét, mưa tuyết, nửa đêm...; cô đơn, vắng vẻ.
- Quan niệm sống là cống hiến. Có ý thức về công việc, yêu nghề và thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc: yên tâm với nghề khi biết được mình đã góp phần phát hiện kịp thời một đám mây khô nhờ đó “*không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng*”; suy nghĩ: *ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được*.
- + Một người thanh niên có những tính cách và phẩm chất đáng mến: hiếu khách, cởi mở và chân tình.
 - Với bác tài xế xe khách: có tình cảm thân thiết: chuyến nào chạy lên, bác đều ghé lại trạm khí tượng để người thanh niên gặp gỡ, trò chuyện; anh tìm và tặng củ tam thất cho vợ bác lái xe đang bị ốm.
 - Với ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ mới gặp lần đầu: hiếu khách, vui mừng, ân cần mời hai người lên nhà; cắt hoa tặng cô gái, dẫn khách đi thăm vườn khí tượng, giới thiệu các loại máy móc, kể công việc hằng ngày của mình, pha trà ngon đãi khách, giải bày tâm sự tự nhiên, chân thành: chân thành bộc lộ niềm vui, nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ trong đầu; *tôi cắt thêm mấy cành nữa. Rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa tùy ý. Cô cứ cắt một bó rõ to vào. Có thể cắt hết, nếu có thích*; Anh đếm từng phút vì sợ mất hết ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý giá. Đến khi chia tay, anh xúc động đến nỗi phải quay mặt đi và không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ “*ốp*”, và có lẽ để che dấu *cái e ấp, xao xuyến, băng khuâng của hai người con trai, con gái gặp nhau đột ngột, quý mến nhau rồi chia tay nhau ngay, bởi biết là không bao giờ gặp nhau nữa*. Đó là cái chốc lát đã góp phần làm sáng lên cái diện mạo của câu chuyện và thổi một làn gió mát vào một câu chuyện tưởng chừng sẽ rất khô khan.
 - Khiêm tốn, thành thật: Anh cảm thấy đóng góp của mình là nhỏ bé. Anh nhiệt thành giới thiệu những người khác mà anh thật sự khâm phục: ông kĩ sư vườn rau Sa Pa, người cán bộ nghiên cứu khoa học về sét.
- + Một người thanh niên có đời sống tâm hồn trẻ trung, phong phú và lành mạnh: Anh thích giao lưu, gặp gỡ đến mức *thèm người*; anh tự tạo ra niềm vui trong sáng, lành mạnh: trồng hoa, đọc sách, chăn nuôi; anh sống ngăn nắp, lành mạnh, gọn gàng với *một căn nhà ba gian sạch sẽ, với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách* dù chỉ một mình.
- + Những vẻ đẹp nói trên của nhân vật anh thanh niên được thể hiện bằng một nghệ thuật xây dựng nhân vật có những nét đặc sắc: bộc lộ qua một cuộc gặp gỡ đặc biệt với lời nói, thái độ, hành động; nhân vật không có tên riêng, không có ngoại hình cụ thể mà chỉ có một tên gọi theo kiểu chung, phiếm chỉ.
- + Những nét đẹp của nhân vật anh thanh niên thể hiện vẻ đẹp của người thanh niên Việt Nam trong giai đoạn chống Mỹ: giản dị, chân thành, giàu lý tưởng; góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm, thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong chiến đấu; thể hiện cảm hứng của Nguyễn Thành Long khi sáng tác: “*Sa Pa không chỉ là một sự yên tĩnh. Bên dưới sự yên tĩnh ấy, người ta làm việc*”, hy sinh, yêu thương và mơ ước.

ĐỀ 5

Câu 1: (1 điểm)

Nêu tên các phép tu từ từ vựng trong hai câu thơ sau và chỉ rõ những từ ngữ thực hiện phép tu từ đó :

*Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

(Hồ Chí Minh, *Cảnh khuya*)

Câu 2: (1 điểm)

Xét theo mục đích giao tiếp, các câu được gạch chân trong đoạn văn sau thuộc kiểu câu nào?

Đưa con gái lớn gồng đôi thùng không bước vào. ⁽¹⁾ Ông cất tiếng hỏi:

- Ở ngoài ấy làm gì mà lâu thế này? ⁽²⁾

Không để đưa con kịp trả lời, ông lão nhồm dậy vợ lấy cái nón:

- Ở nhà trông em nhá! ⁽³⁾ Đừng có đi đâu đấy. ⁽⁴⁾

(Kim Lân, *Làng*)

Câu 3: (1 điểm)

Chỉ ra các từ ngữ là thành phần biệt lập trong các câu sau. Cho biết tên gọi của các thành phần biệt lập đó.

a. *Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm.* (Nam Cao, *Lão Hạc*)

b. *Sương chùng chình qua ngõ*

Hình như thu đã về.

(Hữu Thỉnh, *Sang thu*)

Câu 4: (2 điểm)

Tự lập là một trong những yếu tố cần thiết làm nên sự thành công trong học tập cũng như trong cuộc sống.

Hãy viết một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn (khoảng 20 dòng) trình bày suy nghĩ của em về tính tự lập của các bạn học sinh hiện nay.

Câu 5: (5 điểm)

Phân tích đoạn trích sau :

CẢNH NGÀY XUÂN

*Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu
mươi*

*Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông
hoa.*

*Thanh minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh.*

*Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.*

*Dập dìu tài tử giai nhân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.*

*Ngón ngang gò đồng kéo lên,
Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy
bay.*

*Tà tà bóng ngả về tây,
Chị em thơ thẩn dan tay ra về.
Bước dần theo ngọn tiểu khê,
Lần xem phong cảnh có bề thanh
thanh.*

*Nao nao dòng nước uốn
quanh,*

*Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc
ngang.*

(Nguyễn Du, *Truyện*

Kiều)

*Ngữ văn 9, Tập 1, NXBGDVN, 2010,
tr.84, 85)*

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1:

- *Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ*,: phép tu từ từ vựng so sánh.
- *Chưa ngủ* (ở cuối câu thơ trên và được lặp lại ở đầu câu thơ dưới): phép tu từ từ vựng điệp ngữ liên hoàn.

Câu 2:

- *Đưa con gái lớn gồng đôi thúng không bước vào.* ⁽¹⁾: câu kể (trần thuật)
- *Ở ngoài ấy làm gì mà lâu thế này?* ⁽²⁾: câu nghi vấn
- *Ở nhà trông em nhá!* ⁽³⁾ *Đừng có đi đâu đấy.* ⁽⁴⁾: câu cầu khiến.

Câu 3:

a. *Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm*: thành phần phụ chú.

b. *Sương chùng chình qua ngõ*

Hình như thu đã về.: thành phần tình thái.

Câu 4: Thí sinh cần đảm bảo các yêu cầu:

- Văn bản là một đoạn văn hoặc một bài văn ngắn (khoảng 20 dòng).
- Nội dung: suy nghĩ về tính tự lập của học sinh hiện nay.
- Hành văn: rõ ràng, chính xác, sinh động, mạch lạc và chặt chẽ.

Sau đây là một số gợi ý về nội dung:

+ Tự lập, nghĩa đen là khả năng tự đứng vững và không cần sự giúp đỡ của người khác.

+ Tự lập là một trong những yếu tố cần thiết làm nên sự thành công trong học tập cũng như trong cuộc sống.

+ Trong học tập, người học sinh có tính tự lập sẽ có thái độ chủ động, tích cực, có động cơ và mục đích học tập rõ ràng, đúng đắn. Từ đó, nó sẽ giúp cho học sinh tìm được phương pháp học tập tốt. Kiến thức tiếp thu được vững chắc. Bản lĩnh được nâng cao.

+ Hiện nay, nhiều học sinh không có tính tự lập trong học tập. Họ có những biểu hiện ỷ lại, dựa dẫm vào bạn bè, cha mẹ. Từ đó, họ có những thái độ tiêu cực: quay cóp, gian lận trong kiểm tra, trong thi cử; không chăm ngoan, không học bài, không làm bài, không chuẩn bị bài. Kết quả: những học sinh đó thường rơi vào loại yếu, kém cả về hạnh kiểm và học tập.

+ Học sinh cần phải rèn luyện tính tự lập trong học tập vì điều đó vừa giúp học sinh có thái độ chủ động, có hứng thú trong học tập, vừa tạo cho họ có bản lĩnh vững chắc khi tiếp thu tri thức và giải quyết vấn đề. Tự lập không phải là cô lập, không loại trừ sự giúp đỡ chân thành, đúng đắn của bạn bè, thầy cô khi cần thiết, phù hợp và đúng mức.

+ Tính tự lập trong học tập là tiền đề để tạo nên sự tự lập trong cuộc sống. Điều đó, là một yếu tố rất quan trọng giúp cho học sinh có được tương lai thành đạt. Tính tự lập là một đức tính vô cùng quan trọng mà học sinh cần có, vì không phải lúc nào cha mẹ, bạn bè và thầy cô cũng ở bên cạnh họ để giúp đỡ họ. Nếu không có tính tự lập, khi ra đời học sinh sẽ dễ bị vấp ngã, thất bại và dễ có những hành động nông nổi, thiếu kiềm chế.

Câu 5:

Thí sinh có thể có nhiều cách trình bày khác nhau. Tuy nhiên, cần đảm bảo các yêu cầu:

- Phân tích một đoạn thơ.
- Bài viết có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ. Hành văn trong sáng, sinh động.

Sau đây là một số gợi ý :

- + Giới thiệu vài nét về Nguyễn Du và Truyện Kiều.
- + Giới thiệu đoạn thơ và vị trí của nó.
- + Giới thiệu đại ý đoạn thơ: tả cảnh ngày xuân trong tiết Thanh minh, chị em Kiều đi chơi xuân.

+ Dựa theo kết cấu của đoạn thơ để phân tích.

* Phân tích 4 câu thơ đầu : khung cảnh ngày xuân với vẻ đẹp riêng của mùa xuân.

- 2 câu đầu vừa nói về thời gian, vừa gợi không gian: thời gian là tháng cuối cùng của mùa xuân; không gian: những cánh én rộn ràng bay liệng như thoi đưa giữa bầu trời trong sáng.

- 2 câu sau là một bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân, với hình ảnh thảm cỏ non trải rộng tới chân trời. Màu sắc có sự hài hòa đến mức tuyệt diệu. Tất cả đều gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống; trong trẻo, thoáng đạt; nhẹ nhàng, thanh khiết. Chữ *điểm* làm cho cảnh vật trở nên sinh động, có hồn chứ không tĩnh tại.

* Phân tích 8 câu thơ tiếp : khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.

- Tảo mộ: đi viếng mộ, quét tước, sửa sang phần mộ của người thân; một loạt từ 2 âm tiết là tính từ, danh từ, động từ gợi lên không khí lễ hội rộn ràng, đông vui, náo nhiệt cùng với tâm trạng của người đi dự hội.

- Hội đạp thanh : du xuân, đi chơi xuân ở chốn đồng quê. Cách nói ẩn dụ: *nô nức yến anh* gợi lên hình ảnh những đoàn người nhộn nhịp đi chơi xuân, nhất là những nam thanh nữ tú, những tài tử giai nhân. Qua cuộc du xuân của chị em Thúy Kiều, tác giả còn khắc họa một truyền thống văn hóa lễ hội xa xưa.

* Phân tích 6 câu thơ cuối : khung cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về.

- Cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân, mọi chuyển động đều nhẹ nhàng nhưng không khí nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội không còn nữa, tất cả đang nhạt dần, lặng dần theo *bóng ngả về tây*.

- Cảnh được cảm nhận qua tâm trạng của hai cô gái tuổi thanh xuân với những cảm giác băng khuâng, xao xuyến về một ngày vui xuân đang còn và những linh cảm về điều sắp xảy ra sẽ xuất hiện : nấm mồ của Đạm Tiên và chàng thư sinh Kim Trọng.

+ Đoạn trích thể hiện nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Du: kết hợp bút pháp tả và gợi, sử dụng từ ngữ giàu chất tạo hình để thể hiện cảnh ngày xuân với những đặc điểm riêng, miêu tả cảnh mà nói lên được tâm trạng của nhân vật.

ĐỀ 6

(Đề này có 1 trang, 3 câu)

Câu 1 (2 đ):

Nêu tên các phương châm hội thoại mà em đã học.

Trong mỗi tình huống sau, người nói đã vi phạm phương châm hội thoại

nào?

Nói dối.

Nói trống không, thiếu sự thừa gởi với người trên.

Nói không đầy đủ vấn đề khiến người nghe không hiểu được.

Câu 2 (3 đ):

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*“...Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vàng trắng đi qua ngõ
như người dung qua đường...”*

2.1 Đoạn thơ được trích trong bài thơ nào? Tác giả bài thơ là ai?

2.2 Bài thơ ấy sáng tác trong hoàn cảnh nào? Nêu chủ đề của bài thơ?

Câu 3 (5 đ):

Viếng lăng Bác

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.*

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...*

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!*

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hát quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu c*

4-1976

(Viễn Phương, Như mây mùa xuân)

Em hãy phân tích bài thơ trên

----- HẾT -----

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1:

1. Phương châm về lượng

2. Phương châm về chất

3. Phương châm quan hệ

4. Phương châm cách thức

5. Phương châm lịch sự

Câu 2:

Đoạn thơ trên trích trong bài thơ **ánh trăng** – Nguyễn Duy

Bài thơ được sáng tác năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh, 3 năm sau ngày Miền nam giải phóng. Bài thơ được in trong tập thơ "ánh trăng" được tặng giải A của Hội nhà văn Việt Nam 1984

Từ một câu chuyện rùng rợn, tiếng thơ của Nguyễn Duy như một lời cảnh tỉnh, nhắc nhở thấm thía về thời độ sống “uống nước nhớ nguồn”, “ôn nghĩa thủy chung” cội nguồn quê hương.

Câu 3:

I/ Mở bài:

- Nhân dân miền Nam tha thiết mong ngày đất nước được thống nhất để được đến MB thăm Bác

“Miền Nam mong Bác nỗi mong cha”

(“Bác ơi!” Tố Hữu)

- Bác ra đi để lại nỗi tiếc thương vô hạn với cả dân tộc. Sau ngày thống nhất, nhà thơ ra Hà Nội thăm lăng Bác, với cảm xúc dâng trào → sáng tác thành công bài thơ “Viếng lăng Bác”.

II/ Thân bài:

4 khổ thơ, mỗi khổ 1 ý (nội dung) nhưng được liên kết trong mạch cảm xúc.

1. Khổ thơ 1: Cảm xúc của nhà thơ trước lăng Bác

+ Nhà thơ ở tận MN, sau ngày thống nhất ra thăm lăng bác → Sự dồn nén, kết tinh ấy đã tạo ra tiếng thơ cô đúc, lắng đọng mà âm vang về Bác.

+ Cách xưng hô: “Con” thân mật, gần gũi.

+ ẩn tượng ban đầu là ‘hàng tre quanh lăng’ – hàng tre biểu tượng của con người Việt Nam

- “Hàng tre bát ngát” : rất nhiều tre quanh lăng Bác như khắp các làng quê VN, đâu cũng có tre.

- “Xanh xanh VN”: màu xanh hiền dịu, tươi mát như tâm hồn, tính cách người Việt Nam.

- “Đứng thẳng hàng” : như tư thế dáng vóc vững chãi, tề chỉnh của dân tộc Việt nam.

→ K1 – không dừng lại ở việc tả khung cảnh quanh làng Bác với hàng tre có thật mà còn gợi ra ý nghĩa sâu xa. Đến với Bác chúng ta gặp được dân tộc và nơi Bác yên nghỉ cũng xanh mát bóng tre của làng quê VN.

2. Khổ 2: *đến bên lăng – tác giả thể hiện tình cảm kính yêu sâu sắc của nhân dân với Bác.*

+ Hai cặp câu với những hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ

Mặt trời đi qua trên lăng /

Mặt trời trong lăng rất đỏ

Dòng người/ tràng hoa.

- Suy ngẫm về mặt trời của thời gian (mặt trời thực): mặt trời vẫn toả sáng trên lăng, vẫn tuần hoàn tự nhiên và vĩnh cửu.

- Từ mặt trời của tự nhiên liên tưởng và ví Bác cũng là 1 mặt trời – mặt trời cách mạng đem đến ánh sáng cho cuộc đời, hạnh phúc cho con người → nói lên sự vĩ đại, thể hiện sự tôn kính của nhân dân của tác giả đối với Bác.

+ Hình ảnh dòng người / tràng hoa dâng lên 79 mùa xuân của Bác → sự so sánh đẹp, chính xác, mới lạ thể hiện tình cảm thương nhớ, kính yêu và sự gắn bó của nhân dân với Bác.

3. Khổ 3: *cảm xúc của tác giả khi vào trong lăng*

+ Không gian trong lăng với sự yên tĩnh thiêng liêng và ánh sáng thanh khiết, dịu nhẹ được diễn tả : hình ảnh ẩn dụ thích hợp “vàng trắng sáng dịu hiền” – nâng niu giấc ngủ bình yên của Bác.

- Giấc ngủ bình yên: cảm giác Bác vẫn còn, đang ngủ một giấc ngủ ngon sau một ngày làm việc.

- Giấc ngủ có ánh trăng vỗ về. Trong giấc ngủ vĩnh hằng có ánh trăng làm bạn.

+ “Vẫn biết trời xanh. Trong tim’ : Bác sống mãi với trời đất non sông, nhưng lòng vẫn quặn đau, một nỗi đau nhức nhối tận tâm can → Niềm xúc động thành kính và nỗi đau xót của nhà thơ đã được biểu hiện rất chân thành, sâu sắc.

4. Khổ 4 : *Tâm trạng lưu luyến không muốn rời.*

+ Nghĩ ngày mai xa Bác lòng bịn rịn, lưu luyến

+ Muốn làm con chim, bông hoa → để được gần Bác.

+ Muốn làm cây tre “trung hiếu” để làm tròn bổn phận thực hiện lời dạy “trung với nước, hiếu với dân”.

→ Nhịp dồn dập, điệp từ “muốn làm” nhắc ba lần mở đầu cho các câu → thể hiện nỗi thiết tha với ước nguyện của nhà thơ.

III/ Kết bài:

- Âm hưởng bài thơ tha thiết sâu lắng cùng với nghệ thuật ẩn dụ làm tăng hiệu quả biểu cảm.

- Bài thơ thể hiện tấm lòng của nhân dân, tác giả đối với Bác.

Câu 1. (1,0 điểm)

Trình bày hoàn cảnh sáng tác bài thơ Bếp lửa của nhà thơ Bằng Việt.

Câu 2. (2,0 điểm)

Trong cặp từ ngữ: *núi mức, núi ra đầu ra đũa, núi leo, núi hớt, núi nhăng*
núi cuội, núi lóng

Hãy chọn một từ ngữ thích hợp điền vào mỗi chỗ trống sau:

Núi nhằm chòm chọc điều khụng hay của người khóc một cớ cớ ý là
/.../

Núi nhằm nhớ, vu vơ /.../

Cho biết mỗi từ ngữ vừa chọn chỉ cớ cớ núi liờn quan đến phương
chòm hội thoại nào?

Câu 3. (2,0 điểm)

Viết một bài văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của em về
sự chia sẻ trong tởn hậ.

Câu 4. (5,0 điểm)

Vẻ đẹp của tởn hậ đồng chớ, đồng đội trong bài thơ Đồng chớ của nhà
thơ Chính Hữu (Ngữ văn 9, tập một, tr.128-129, NXB Giáo dục, 2009).

.....hết.....

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu 1.

Bài thơ “ Bếp lửa” được sáng tác vào năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên
ngành luật ở nước ngoài (Liờn Xứ cũ), in trong tập “ Hương cớ cớ- Bếp lửa” của
Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.

Câu 2

a- Núi mức -

- Núi nhăng núi cuội

b.- Núi mức -> P/c Lịch sử

- Núi nhăng núi cuội -> P/c về chất.

Câu 3

Xõy dựng một văn bản phải đảm bảo nội dung sau:

- Trong đời sống tinh thần của con người, có rất nhiều tởn cảm thông lòng như tởn cha con, tởn thầy trò, bố bạn... Nhu cầu về tởn bạn là nhu cầu cần thiết và quan trọng, vỡ vậy mà trong ca dao dõn ca có nhiều câu, nhiều bài rất cảm động về vấn đề này : Bạn về có nhớ ta chăng, Ta về nhớ bạn như trăng nhớ trời hoặc : Trăng lờn khỏi nầy mặt trăng Tởn ta với bạn khằng khằng một niềm hoặc : Bạn bố là nghĩa tương tri Sao cho sau trước một bề mới yõn hay : Chim lạc bầy, thương cõy nhớ cội Xa bạn xa bố, lặn lội tởm nhau.

- Có những tởn bạn lưu danh muợn thuở trong văn chương như Lưu Bõnh với Dươn Lễ, Bõ Nha với Chung Tử Kõ, như Nguyễn Khuyển với Dươn Khuờ... Trong cuộc sống xung quanh ta cũng có rất nhiều tởn bạn đẹp.

- Vậy thế nào là một tởn bạn đẹp ? Theo tụi, trước hết đú phải là một tởn cảm chõn thành trong sống, vụ tư và đầy tin tưởng mà những người bạn thõn thiết dành cho nhau. Tởn bạn bước đầu thường đợc xõy dựng trên cơ sở cảm tởn nhiều hơn lớ tởn. Trong số đưng bạn bố chung trường, chung lớp, ta chỉ có thể chọn và kết thõn với một vài người. Đú là những người mà ta có thiện cảm thực sự, hiểu ta và có chung sở thích với ta, mặc dù là cụng hoặc khụng cụng cảnh ngộ.

- Tởn bạn trong sống khụng chấp nhận những toan tởn nhỏ nhen, vụ lợi và sự đõ kị hơn thua. Hiểu biết, thụng cảm và sẵn sàng chia sẻ vui buồn sướng khổ với nhau, đú mới thực sự là bạn tốt. Cũn những kẻ : Khi vui thõ vỗ tay vào Đẽn khi hoạn nạn thõ nào thấy ai thõ khụng xứng đõng đợc coi là bạn.

- Đó là bạn thõn thõ thường dễ dàng xờ xoa, bỏ qua những thói hư tật xấu của nhau. Đú là một sai lầm nờn trõnh. Nể nang, bao che... chỉ làm cho bạn dần sõu hơn vào con đường tiõu

Cõu4

A- Mở bài:

- Bài thơ ra đời năm 1948, khi Chính Hữu là chính trị viên đại đội thuộc Trung đoàn Thủ đô, là kết quả của những trải nghiệm thực, những cảm xúc sâu xa của tác giả với đồng đội trong chiến dịch Việt Bắc.

- Nêu nhận xét chung về bài thơ (như đề bài đã nêu)

B- Thân bài:

1. Tình đồng chí xuất phát từ nguồn gốc cao quý

- Xuất thân nghèo khổ: *Nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá*

- Chung lí tưởng chiến đấu: *Súng bên súng, đầu sát bên đầu*

- Từ xa cách họ nhập lại trong một đội ngũ gắn bó keo sơn, từ ngôn ngữ đến hình ảnh đều biểu hiện, từ sự cách xa họ ngày càng tiến lại gần nhau rồi như nhập làm một: *nước mặn, đất sỏi đá* (người vùng biển, kẻ vùng trung du), *đôi người xa lạ, chẳng hẹn quen nhau*, rồi đến *đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*.

- Kết thúc đoạn là dòng thơ chỉ có một từ : *Đồng chí* (một nốt nhấn, một sự kết tinh cảm xúc).

2. Tình đồng chí trong cuộc sống gian lao

- Họ cảm thông chia sẻ tâm tư, nỗi nhớ quê: nhớ ruộng nương, lo cảnh nhà gieo neo (*ruộng nương gửi bạn, gian nhà không lung lay*), từ “*mặc kệ*” chỉ là cách nói có vẻ phớt

đời, về tình cảm phải hiểu ngược lại), giọng điệu, hình ảnh của ca dao (*bến nước, gốc đa*) làm cho lời thơ càng thêm thấm thiết.

- Cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng nguy hiểm: những chi tiết đời thường trở thành thơ, mà thơ hay (*tôi với anh biết từng cơn ớn lạnh,*) ; từng cặp chi tiết thơ sóng đôi như hai đồng chí bên nhau : *áo anh rách vai / quần tôi có vài mảnh vá ; miệng cười buốt giá / chân không giày ; tay nắm / bàn tay.*

- Kết đoạn cũng quy tụ cảm xúc vào một câu : *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay* (tình đồng chí truyền hơi ấm cho đồng đội, vượt qua bao gian lao, bệnh tật).

3. Tình đồng chí trong chiến hào chờ giặc

- Cảnh chờ giặc căng thẳng, rét buốt : *đêm, rừng hoang, sương muối.*

- Họ càng sát bên nhau vì chung chiến hào, chung nhiệm vụ chiến đấu : *chờ giặc.*

- Cuối đoạn mà cũng là cuối bài cảm xúc lại được kết tinh trong câu thơ rất đẹp : *Đầu súng trăng treo* (như bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí, cách biểu hiện thật độc đáo, vừa lãng mạn vừa hiện thực, vừa là tinh thần chiến sĩ vừa là tâm hồn thi sĩ,...)

C- Kết bài :

- Đề tài dễ khô khan nhưng được Chính Hữu biểu hiện một cách cảm động, sâu lắng nhờ biết khai thác chất thơ từ những cái bình dị của đời thường. Đây là một sự cách tân so với thơ thời đó viết về người lính.

- Viết về bộ đội mà không tiếng súng nhưng tình cảm của người lính, sự hi sinh của người lính vẫn cao cả, hào hùng.

ĐỀ 8

Câu 1 (2,0 điểm)

Hóy kể tòn còc thành phần biệt lập.

Câu 2 (2,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện còc yêu cầu của đề:

Vừa lỳc ấy, tụi đó đến gần anh. Với lũng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xù vào lũng anh, sẽ ụm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, v khom người đưa tay đún chờ con. Nghe gọi, con bộ giạt mồm, trũn mắt nhõn. N ngơ ngỏc, lạ lựng. Cũn anh, anh khụng ghõm nổi xỳc động...

(Nguyễn Quang Sảng, *Chiếc*

lược ngà)

a. Chỉ ra cõu văn cú chứa thành phần khởi ngữ.

b. Xòc định những từ lỏy được dựng trong đoạn trích.

c. Hóy cho biết cõu thứ nhất và cõu thứ hai của đoạn trích được liờn kết với nhau bằng phỏp liờn kết nào?

d. Từ “trũn” trong cõu “Nghe gọi, con bộ giạt mồm, trũn mắt nhõn.” đó đư dựng như từ thuộc từ loại nào?

Câu 3 (2,0 điểm)

Nêu những điểm chung đó giúp những cụ gói thanh niên xung phong (truyện “*Những ngôi sao xa xôi*” của Lê Minh Khuê) gắn bó làm nên một khối thống nhất.

Câu 4 (4,0 điểm)

Em hãy phân tích vẻ đẹp của người lính lái xe trong bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật.

----- HẾT -----

BÀI GIẢI GỢI Ý

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

I. Hướng dẫn chung

- Giỏm khảo cần nắm vững yêu cầu của hướng dẫn chấm để định giờ tổng quát bài làm của học sinh, tránh còch chấm đếm ý cho điểm.
- Do đặc trưng của bộ môn Ngữ văn nên giỏm khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đóp ỏn và thang điểm; khuyến khích những bài viết cú cảm xỳc và sống tạc
- Giỏm khảo cần vận dụng đầy đủ còch thang điểm. Tránh tỏm lỏ ngại cho điểm tỏi đa Cần quan niệm rằng một bài đạt điểm tỏi đa vẫn là một bài làm cú thể cũn những so suất nhỏ.
- Việc chi tiết húa điểm số của còch ý (nếu cú) phải đảm bảo khụng sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và đợc thống nhất trong hội đồng chấm thi.
- Điểm lẻ của câu 1, 2, 3 đợc tỏnh đến 0,25 điểm; rờng câu 4 (phần làm văn) tỏnh đến 0,5 điểm. Sau khi chấm, khụng làm trũn điểm toàn bài.

II. Đóp ỏn và thang điểm

ĐÁP ÁN

ĐIỂM

Câu 1

Hớy kể tòn còch thành phần biệt lập.

2,00

- Còch thành phần biệt lập: thành phần tỏnh thỏi, thành phần cảm thỏn, thành phần gọi đóp, thành phần phụ chỳ (đỳng mỗi thành phần đợc 0,5 điểm).

Câu 2

Đọc đoạn trích sau và thực hiện còch yêu cầu của đề:

2,00

a. Cấu cú chứa thành phần khởi ngữ: “Cũn anh, anh khụng ghõm nổi xỳc động.”

0,50

b. Từ lỏy trong đoạn trích: ngổ ngốc, lạ lẫm.

0,50

c. Cấu thứ nhất và cấu thứ hai của đoạn trích được liờn kết với nhau bằng phỏp liờn kết: phỏp lặp từ ngữ.

0,50

d. Từ “trũn” trong cõu “Nghe gọi, con bộ giật mồm, trũn mắt nhõn.” được dụng như động từ.

0,50

Lưu ý:

Đốỉ với cõu a: Học sinh cú thể trả lời bằng nhiều cõch khỏc nhau miễn sao đỏp ứng được yêu cầu của đề.

Cõu 3

Nờu nhữnđiểm chung đốỉ giỳp nhữnđiểm cụ gỏi thanh nờn xunđ phong (trong truyện “Nhữnđng nủi sao xa xủi” của Lờ Minh Khuờ) gỏn bú làm nờn một khỏĩ thốĩng nhất.

2,00

nhữnđng nột tónđ cỏch chung của 3 cụ gỏi TNXP trong tở trỡnh sỏt mặt đườĩng.

- Hoàn cảnh sống, chiến đấũ: bom đạĩn – nguy hiểĩm - ỏc liệĩt – gian khỏĩ – khủĩ khắĩn.

- Họ ở trờĩn một cao điểĩm, giữĩa một vựĩng trờĩng điểĩm trờĩn tuyền đườĩng Trườĩng Sờĩn

- Nờĩ tập trunđ nhiều bom đạĩn – nguy hiểĩm - ỏc liệĩt.

+ ở trờĩn một cỏi hang dướĩ chỏĩn cao điểĩm

+ Đườĩng bị đờĩnh lỏĩ loặĩt màu đấĩt đỏ trắĩng lắĩn lộn.

+ Hai bờĩn đườĩng khụng cú lỏĩ xanh – nhữĩnđng thỏĩn cõĩ bị tưởĩc khủĩ chỏĩy...

+ Một vạĩi thựĩng xắĩng ụ tụ mộĩo múĩ hỏĩn rỏĩ.

*Cụĩng việĩc:

+ Đỏĩ khỏĩ đấĩt đỏ lắĩp vạĩo hỏĩ bom

+ Đếĩm – phỏĩ bom chũĩa nổ

+ Nhữĩnđng cụĩng việĩc mạĩo hiểĩm vớĩ cỏi chết – khủĩ khắĩn – gian khỏĩ.

+ Luậĩn cắĩng thắĩng thầĩn kỡĩnh

+ Đũĩ hỏĩ sự dũĩng cắĩm và hếĩt sứĩc bỡĩnh tỡĩn

- Chựĩng tụi bị bom vựĩ luậĩn

- Kỡĩ bũ trờĩn cao điểĩm chỉ thắĩy hai con mắt lắĩp lỏĩnh cườĩi:

- Hằĩm rắĩng trắĩng khuậĩn mặt nhem nhuốĩc – “Nhữĩnđng con quỷ mắt đờĩn”

- Chắĩy trờĩn cao điểĩm cả bảĩn ngàĩy

- Thầĩn chết khụng thốĩch đặĩa: nằĩm trờĩn ruộĩt quả bom.

+ Đấĩt bắĩc khủĩi, khụng khớĩ bằĩng hoằĩng mỏĩy bay ằĩm ằĩ.

- Thầĩn kỡĩnh cắĩng thắĩng nhưĩ chỏĩo, tỡĩm đắĩp bắĩt chắĩp cả nhựĩp điệũ, chỏĩn chắĩy trờĩn nhủĩ đấĩt cú nhiềũ quả bom chũĩa nổ.

- Thờĩi tiệĩt nủĩng bứĩc: trờĩn 30⁰

Xong việc thở phào, chạy về hàng

Họ là những cụ gói trẻ, dễ xức cảm, hay mơ mộng

- Dễ vui và cũng dễ trầm tư
- Thích làm đẹp cho cuộc sống của mình ngay cả ở trên chiến trường
- Nho thích thờ thờ
- Chị Thao chăm chộp bài hát
- Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi gói mơ mộng rồi hát.

* Họ cũng có những nét tính cách riêng:

- Chị Thao lớn tuổi hơn một chút, làm tổ trưởng từng trải hơn – khụng dễ dàng l
nhiệm – ước mơ và dự tính về tương lai – cú vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng kh
thiếu những khao khát rung động của tuổi trẻ. Chị chiến đấu dũng cảm, bình tĩnh nh
lại rất sợ khi nhìn thấy máu chảy.

- Quê hương của họ: họ là những cụ gói rất trẻ đến từ Hà Nội – là thanh niên x
phong.

+ Tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ

+ Dũng cảm

+ Tồnh đồng đội gắn bó.

Câu 4.

Cảm nhận của em về những chiếc xe không kính và những người chiến sĩ lái xe ấy t
đường Trường Sơn năm xưa, trong “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Du
II/ Tìm hiểu đề

- “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” ở trong chùm thơ của Phạm Tiến Duật được giải r
cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 1969 – 1970.

- Đề yêu cầu phân tích bài thơ từ sáng tạo độc đáo của nhà thơ : hình ảnh những chiếc
không kính, qua đó mà phân tích về người chiến sĩ lái xe. Cho nên trình tự phân tích
“bổ dọc” bài thơ (Phân tích hình ảnh chiếc xe từ đầu đến cuối bài thơ; sau đó lại trở lạ
đầu bài thơ phân tích hình ảnh người chiến sĩ lái xe cho đến cuối bài).

- Cần tập trung phân tích: Cách xây dựng hình ảnh rất thực, thực đến trần trụi; giọng c
thơ văn xuôi và ngôn ngữ giàu chất “lính tráng”.

II/ Dàn bài chi tiết

A- Mở bài:

- Thời chống Mỹ cứu nước chúng ta đã có một đội ngũ đông đảo các nhà thơ - chiến sĩ
hình tượng người lính đã rất phong phú trong thơ ca nước ta. Song Phạm Tiến Duật vẫn
khẳng định được mình trong những thành công về hình tượng người lính.

- “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” đã sáng tạo một hình ảnh độc đáo : những chiếc
không kính, qua đó làm nổi bật hình ảnh những chiến sĩ lái xe ở tuyến đường Trường
hiên ngang, dũng cảm.

B- Thân bài:

1. Những chiếc xe không kính vẫn băng ra chiến trường

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là hình ảnh thực trong thời chiến, thực đến r
thô ráp.

- Cách giải thích nguyên nhân cũng rất thực: như một câu nói tỉnh khô của lính:

Không có kính, không phải vì xe không có kính.

Bom giạt, bom rung, kính vỡ đi rồi.

- Giọng thơ văn xuôi càng tăng thêm tính hiện thực của chiến tranh ác liệt.
- Những chiếc xe ngoan cường:

Những chiếc xe từ trong bom rơi ;

Đã về đây hợp thành tiểu đội.

- Những chiếc xe càng biến dạng thêm, bị bom đạn bóc trần trụi : *không có kính, rõ ràng không có đèn ; không có mui xe, thùng xe có xước, nhưng xe vẫn chạy vì Miền Nam,*

2. Hình ảnh những chiến sĩ lái xe.

- Tả rất thực cảm giác người ngồi trong buồng lái không kính khi xe chạy hết tốc lực (tiếp tục chất văn xuôi, không thi vị hoá) *gió vào xoa mắt đắng, thấy con đường chạy thẳng vào tim* (câu thơ gợi cảm giác ghê rợn rất thật).

- Tư thế ung dung, hiên ngang : *Ung dung buồng lái ta ngồi ; Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

- Tâm hồn vẫn thơ mộng : Thấy sao trời và đột ngột cánh chim như sa, như ùa vào buồng lái (những câu thơ tả rất thực thiên nhiên đường rừng vùn vút hiện ra theo tốc độ xe ; rất mộng: thiên nhiên kì vĩ nên thơ theo anh ra trận.)

- Thái độ bất chấp khó khăn, gian khổ, nguy hiểm : thể hiện trong ngôn ngữ ngang tàng chỉ phút chốc *(ừ thì có bụi, ừ thì ướt áo, phì phèo châm điếu thuốc,)*, ở giọng đùa tếu, trêu (bắt tay qua cửa kính vỡ rồi, nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.).

3. Sức mạnh nào làm nên tinh thần ấy

- Tình đồng đội, một tình đồng đội thiêng liêng từ trong khói lửa : *Từ trong bom rơi đã đây hợp thành tiểu đội, chung bát đĩa nghĩa là gia đình đấy.*

- Sức mạnh của lí tưởng vì miền Nam ruột thịt : *Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước, cần trong xe có một trái tim.*

C- Kết bài :

- Hình ảnh, chi tiết rất thực được đưa vào thơ và thành thơ hay là do nhà thơ có hồn nhạy cảm, có cái nhìn sắc sảo.

- Giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, giàu chất lính làm nên cái hấp dẫn đặc biệt của thơ.

- Qua hình ảnh những chiếc xe không kính, tác giả khắc hoạ hình tượng người lính lái xe trẻ trung chiến đấu vì một lí tưởng, hiên ngang, dũng cảm.

ĐỀ 9

Câu 1(1,5 điểm)

- a. Từ “xuân” trong câu thơ dưới đây được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Ngày **xuân** em hãy còn dài

Xót tình máu mủ thay lời nước non

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

- b. Xác định từ láy trong câu thơ sau:

Tà tà bóng ngả về tây

Chị em thơ thần đan tay ra về.

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

- Tóm tắt đoạn trích truyện ngắn Làng của Kim Lân (SGK Ngữ Văn 9, tập 1.NXB Giáo dục, 2005) không quá 15 dòng.
- Nêu ngắn gọn chủ đề của truyện ngắn làng.

Câu 3 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng trình bày suy nghĩ của em về đạo làm con với cha mẹ.

Câu 4 (4,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ dưới đây:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

(Hữu Thỉnh, Sang thu)

SGK Ngữ văn 9 tập 2, NXB Giáo dục, 2005)

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM.

A. LƯU Ý CHUNG

- Câu 2a, 3 4: phải đảm bảo là một văn bản (hoặc đoạn văn bài văn theo yêu cầu của từng câu)
- Không cho quá điểm trung bình những bài có dấu hiệu sao chép văn mẫu.
- Những bài làm có sự sáng tạo mới và kiến giải hợp lí giám khảo căn cứ vào bài làm cụ thể để cho điểm cho phù hợp.
- Trân trọng những bài làm cẩn thận, rõ ràng, chữ viết đẹp.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Câu1 (1,5 điểm):

- Từ “xuân” được dùng với nghĩa chuyển.(0,5 điểm)
- Các từ láy: “tà tà, thơ thần”(1,0 điểm)

Câu 2(2,5 điểm):

- Tóm tắt: Bài viết cần nêu được những tình tiết của cốt truyện trong đoạn trích.
 - + Ông Hai rất yêu làng chợ Dầu. ở vùng tản cư, suốt ngày ông kể về làng, khoe về làng.(0, 5điểm)
 - + Khi nhận được tin làng chợ Dầu theo Tây, ông rất đau khổ nằm lì trong nhà ba bốn ngày liền.(0,5 điểm)

+ Ông Hai nghe được tin cải chính: Làng chợ Dầu không phải là làng Việt gian, không theo Tây. Ông sung sướng đi khoe với mọi người. Mặc dù nhà bị đốt, nhưng ông Hai lại rất vui mừng vì làng ông vẫn là làng kháng chiến. (1,0 điểm).

b. Nội dung: Thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư (0,5 điểm).

Câu 3(2,0 điểm): Đảm bảo các yêu cầu.

- Hình thức : là một đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

- Nội dung: trình bày được lòng biết ơn đối với công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Là con cái phải nghe lời cha mẹ, có trách nhiệm với cha mẹ. Hiểu được niềm vui của cha mẹ là con cái thành đạt, hạnh phúc. Mở rộng vấn đề: Hiện nay trong xã hội vẫn có hiện tượng con cái cãi lại cha mẹ, ngược đãi cha mẹ, ăn ở trái với đạo lý... (1,75 điểm).

Câu 4(4,0 điểm)

a. Hình thức: là một bài văn hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

b. Nội dung: Đảm bảo một số ý sau:

- Tác giả, tác phẩm:

+ Hữu Thỉnh sinh năm 1942, quê ở Tam Dương, Vĩnh Phúc. Ông là một nhà thơ tiêu biểu trong kháng chiến chống Mỹ (0,25 điểm)

+ Bài thơ Sang thu viết năm 1977, in trong tập Từ chiến hào đến thành phố. Hai khổ đầu là cảm nhận tinh tế của tác giả về những biến chuyển của trời đất ở thời khắc giao mùa từ hạ sang thu, được thể hiện qua hình ảnh và ngôn từ giàu sức biểu cảm.. (0,25 điểm).

- Phân tích:

+ Khổ 1: Nhà thơ cảm nhận sự chuyển biến của trời đất ở thời khắc sang thu qua hương vị: hương ổi, qua vận động của gió của sương: gió se, sương chùng chình. Hương ổi nồng nàn lan trong gió bắt đầu hơi se lạnh, sương thu chùng chình chậm lại...Mùa thu sang ngỡ ngàng được cảm nhận qua sự phán đoán. Phân tích các từ: bỗng, phả, chùng chình, hình như ... (1.5 điểm).

+ Khổ 2: Không gian mở rộng từ dòng sông đến bầu trời. Dòng sông mùa thu chảy chậm hơn, cánh chim bắt đầu vội vã như cảm nhận được cái se lạnh của tiết trời...Hình ảnh đám mây duyên dáng, mềm mại như một dải lụa nối hai mùa hạ và thu...Phân tích các từ: dềnh dàng, vội vã, ... (1.5 điểm).

- Đánh giá nâng cao: Bằng những hình ảnh, ngôn từ giàu sức gợi cảm, hai khổ thơ đã tái hiện một bức tranh sang thu đẹp, gợi cảm, nên thơ. Qua đó cho thấy sự quan sát và cảm nhận tinh tế của nhà thơ về khoảnh khắc giao mùa. ẩn trong đó là tình yêu tha thiết mà tác giả dành cho quê hương xứ sở của mình.... (0,25 điểm)

ĐỀ 10

Câu 1(1,5 điểm)

a. Từ “xuân” trong câu thơ dưới đây được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Ngày **xuân** con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

b. Xác định từ láy trong câu thơ sau:

Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

- a. Tóm tắt đoạn trích truyện ngắn Lặng lẽ sa Pa của Nguyễn Thành Long (SGK Ngữ Văn 9, tập 1. NXB Giáo dục, 2005) không quá 15 dòng.
- b. Nêu ngắn gọn chủ đề của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa.

Câu 3 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng trình bày suy nghĩ của em về mối quan hệ giữa con cháu đối với ông bà

Câu 4 (4,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ dưới đây:

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy quanh lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...

(Thanh Hải, Mùa xuân nho nhỏ,
SGK Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2005)

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM.

A. LƯU Ý CHUNG

1. Câu 2a, 3 4: phải đảm bảo là một văn bản (hoặc đoạn văn bài văn theo yêu cầu của từng câu)
2. Không cho quá điểm trung bình những bài có dấu hiệu sao chép văn mẫu.
3. Những bài làm có sự sáng tạo mới và kiến giải hợp lí giám khảo căn cứ vào bài làm cụ thể để cho điểm cho phù hợp.
4. Trân trọng những bài làm cẩn thận, rõ ràng, chữ viết đẹp.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Câu 1 (1,5 điểm):

- a. Từ “xuân” được dùng với nghĩa gốc. (0,5 điểm)
- b. Các từ láy: “nao nao, nho nhỏ” (1,0 điểm)

Câu 2 (2,5 điểm):

- a, Tóm tắt: Bài viết cần nêu được những tình tiết của cốt truyện trong đoạn trích.

+ Trên chuyến xe đi qua Sa Pa, bác lái xe kể về anh thanh niên- một chàng trai 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Đó là người cô độc nhất thế gian và rất thèm người.

+ Anh thanh niên xuất hiện và rất vui mừng khi được gặp mọi người. Ông họa sĩ, cô kĩ sư đã có dịp chứng kiến cuộc sống một mình của anh và được anh say sưa kể về công việc cũng như những suy nghĩ của mình. Ông họa sĩ có mong muốn được vẽ chân dung của anh nhưng anh đã từ chối.

+ Sau cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, giây phút chia tay diễn ra với nhiều cảm xúc và để lại ấn tượng sâu đậm ở mỗi người, đặc biệt là cô kĩ sư và ông họa sĩ già. (2.0 điểm)

b. Nêu chủ đề: Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng trong cuộc sống (0,5 điểm).

Câu 3(2,0 điểm): Đảm bảo các yêu cầu.

- Hình thức : là một đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

- Nội dung: Ông bà là thế hệ sinh thành nuôi dưỡng, tạo dựng nền móng con cháu, là cội nguồn của gia đình. Con cháu phải có lòng biết ơn, kính trọng đối với ông bà, phải có trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng để tỏ lòng hiếu thảo...ông bà phải là tấm gương cho con cháu noi theo. Mở rộng vấn đề: hiện nay vẫn còn hiện tượng không tôn trọng ông bà, đối xử chưa tốt với ông bà, trái với đạo lý làm người của dân tộc Việt Nam.

trình bày được lòng biết ơn đối với công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Là con cái phải nghe lời cha mẹ, có trách nhiệm với cha mẹ. Hiểu được niềm vui của cha mẹ là con cái thành đạt, hạnh phúc. Mở rộng vấn đề: Hiện nay trong xã hội vẫn có hiện tượng con cái cãi lại cha mẹ, ngược đãi cha mẹ, ăn ở trái với đạo lý... (1,75 điểm).

Câu 4(4,0 điểm)

a. **Hình thức:** là một bài văn hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

b. **Nội dung:** Đảm bảo một số ý sau:

- Tác giả, tác phẩm:

+ Thanh Hải 1930- 1980 quê ở Phong Điền- Thừa Thiên- Huế. Ông là một trong những cây bút có công XD nền VHCM ở Mnam từ những ngày đầu.

+ Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ viết 1980, lúc nhà thơ đang nằm trên giường bệnh. Hai khổ thơ đầu của bài thơ miêu tả bức tranh mùa xuân trong sáng, đầy sức sống và cảm xúc rạo rực niềm yêu mến thiết tha cuộc sống của tác giả.

- **Phân tích:**

+ Khổ 1: Bức tranh mùa xuân hiện lên với những nét vẽ có tính chất chấm phá. Không gian tươi sáng, hài hòa giữa màu sắc, đường nét, âm thanh: dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, bầu trời cao rộng...Âm thanh trong trẻo vang vọng của tiếng chim chiền chiện khiến mùa xuân trở nên rộn rã, tươi vui hơn, âm thanh đó như đọng lại thành từng giọt long lanh rơi... Hình ảnh từng giọt long lanh rơi là hình ảnh đặc sắc, gợi nhiều liên tưởng ở người đọc. Cảm xúc của tác giả được thể hiện ở cái nhìn trìu mến, say mê trước cảnh vật, đặc biệt là động tác đón nhận đầy trân trọng : tôi đưa tay tôi hứng...Phân tích giá trị nghệ thuật của các biện pháp tu từ: đảo ngữ, ẩn dụ(...1,5 điểm)

+ Khổ 2: Mùa xuân gắn liền với cuộc sống của con người, của đất nước. Xuân đến, xuân về, xuân được tạo dựng cùng công cuộc lao động, chiến đấu của nhân dân. Xuân đồng hành cùng người cảm hứng, người ra đồng... Phân tích ý nghĩa của từ: lộc, hối hả, xôn xao, điệp khúc cuối đoạn tất cả như hối hả, tất cả như xôn xao...(1,5 điểm)

- Đánh giá nâng cao: Hai khổ thơ là những nốt nhạc thiết tha trong bản giao hưởng bất tận về mùa xuân. Mùa xuân đất trời hòa quện cùng mùa xuân đất nước tạo nên một bức tranh đầy sức sống, thể hiện niềm tin yêu cuộc đời của tác giả. Thể thơ 5 tiếng, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, hình ảnh đẹp, giản dị mà gợi cảm ...đã góp phần thể hiện vẻ đẹp của bức tranh xuân và cảm xúc của nhà thơ...**0,25 điểm**

ĐỀ 11

Câu 1(1,5 điểm)

a. Từ “xuân” trong câu thơ dưới đây được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Gần xa nô nức yến anh,
Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

b. Xác định từ láy trong câu thơ sau:

Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

a. Tóm tắt đoạn trích truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng (SGK Ngữ Văn 9, tập 1.NXB Giáo dục, 2005) không quá 15 dòng.

b. Nêu ngắn gọn chủ đề của truyện ngắn Chiếc lược ngà.

Câu 3 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng trình bày suy nghĩ của em về mối quan hệ giữa anh em ruột thịt trong gia đình.

Câu 4 (4,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ dưới đây:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

(Thanh Hải, Mùa xuân nho nhỏ,
SGK Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2005)

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM.

A. LƯU Ý CHUNG

1. Câu 2a, 3 4: phải đảm bảo là một văn bản (hoặc đoạn văn bài văn theo yêu cầu của từng câu)
2. Không cho quá điểm trung bình những bài có dấu hiệu sao chép văn mẫu.

3. Những bài làm có sự sáng tạo mới và kiến giải hợp lí giám khảo căn cứ vào bài làm cụ thể để cho điểm cho phù hợp.

4. Trân trọng những bài làm cẩn thận, rõ ràng, chữ viết đẹp.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Câu 1 (1,5 điểm):

a. Từ “xuân” được dùng với nghĩa gốc.(0,5 điểm)

b. Các từ láy: “thấp thoáng, xa xa”(1,0 điểm)

Câu 2(2,5 điểm):

a, Tóm tắt: Bài viết cần nêu được những tình tiết của cốt truyện trong đoạn trích.

+ Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến lúc bé Thu mới chưa được đầy một tuổi. Bảy năm sau ông mới được về thăm nhà. Trong 3 ngày ở nhà, ông vui mừng muốn vỗ về ôm ấp con nhưng con không nhận là cha mà ăn nói cộc lốc, trống không, có thái độ và những hành động không chấp nhận ông Sáu là cha của mình. Nguyên nhân vì trên mặt ông Sáu có một vết sẹo không giống như trong ảnh. Bé Thu đã được ngoại giải thích, nó nhận ông Sáu là cha trong niềm xúc động.

+ Ông Sáu phải trở lại đơn vị công tác. Ông đã dồn hết tình yêu thương, nỗi nhớ đứa con gái yêu vào việc làm một chiếc lược ngà để tặng con. Trong một trận càn, ông đã hi sinh. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược ấy cho một người bạn. Cuối cùng, chiếc lược ấy đến được tay bé Thu thì cha con không bao giờ được hội ngộ nữa. (2,0 điểm)

b. Nêu chủ đề : Đoạn trích truyện Chiếc lược ngà ca ngợi tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. (0,5 điểm)

Câu 3 (2,0 điểm): Đảm bảo các yêu cầu.

- Hình thức : là một đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

- Nội dung: Trình bày tình cảm anh em ruột thịt gắn bó như chân với tay, như cội với cành. Phải yêu thương nhau giúp nhau trong cuộc sống. Biết chia sẻ những buồn vui trong cuộc đời. Mở rộng vấn đề: vẫn có hiện tượng anh em mất đoàn kết, không thông cảm dẫn đến xích mích, hiểu lầm nhau, sống không có tôn ti trật tự trái với đạo lí...(1,75 điểm).

Câu 4(4,0 điểm)

a. **Hình thức:** là một bài văn hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

b. **Nội dung:** Đảm bảo một số ý sau:

- Tác giả, tác phẩm:

+ Thanh Hải 1930- 1980 quê ở Phong Điền- Thừa Thiên- Huế. Ông là một trong những cây bút có công XD nền VHCM ở Mnam từ những ngày đầu.

+ Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ viết 1980, lúc nhà thơ đang nằm trên giường bệnh. Hai khổ thơ 4, 5 thể hiện ước vọng làm một mùa xuân nho nhỏ của tác giả. (0,25 điểm)

- **Phân tích:**

+ Khổ 4: Tập trung thể hiện, làm nổi bật ước nguyện muốn dâng hiến mùa xuân nho nhỏ của mình cho mùa xuân của dân tộc, muốn hóa thân thành con chim hót, cành hoa, nốt trầm...để điểm tô cho mùa xuân đất nước. Phân tích các biện pháp điệp ngữ: ta làm để thấy được sự tha thiết, cháy bỏng, chân thành trong ước nguyện của nhà thơ (1,5 điểm)

+ Khổ 5: Phân tích làm nổi bật sự thâm lắng, khiêm nhường, giản dị trong ước nguyện của nhà thơ. Phân tích các hình ảnh hoán dụ: tuổi hai mươi, khi tóc bạc, điệp ngữ dù là...để thấy được khát khao cống hiến trọn vẹn mãi mãi của tác giả cho đất nước (1,5 điểm)

- Đánh giá, nâng cao: Hai khổ thơ là một điệp khúc của ước nguyện chân thành: cống hiến hết mình cho quê hương, đất nước. Đó cũng là bức thông điệp mà tác giả muốn chuyển tới người đọc. Biện pháp tu từ: điệp ngữ, hoán dụ kết hợp với nhịp điệu thiết tha, sâu lắng đã giúp tác giả chuyển tải thành công tư tưởng tình cảm của mình (0,25 điểm)

ĐỀ 12

Câu 1(1,5 điểm)

a. Từ “xuân” trong câu thơ dưới đây được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?

Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân,
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

b. Xác định từ láy trong câu thơ sau:

Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
(Nguyễn Du, Truyện Kiều)

Câu 2 (2,5 điểm)

a. Tóm tắt đoạn trích truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê (SGK Ngữ Văn 9, tập 2.NXB Giáo dục, 2005) không quá 15 dòng.

b. Nêu ngắn gọn chủ đề của truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.

Câu 3 (2.0 điểm)

Viết đoạn văn khoảng 10 đến 15 dòng trình bày suy nghĩ của em về trách nhiệm của con cháu với tổ tiên.

Câu 4 (4,0 điểm)

Phân tích đoạn thơ dưới đây:

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

(Nguyễn Duy, Ánh trăng,
SGK Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2005)

-----Hết-----

A. LƯU Ý CHUNG

1. Câu 2a, 3 4: phải đảm bảo là một văn bản (hoặc đoạn văn bài văn theo yêu cầu của từng câu)
2. Không cho quá điểm trung bình những bài có dấu hiệu sao chép văn mẫu.

3. Những bài làm có sự sáng tạo mới và kiến giải hợp lí giám khảo căn cứ vào bài làm cụ thể để cho điểm cho phù hợp.

4. Trân trọng những bài làm cẩn thận, rõ ràng, chữ viết đẹp.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Câu 1 (1,5 điểm):

a. Từ “xuân” được dùng với nghĩa chuyển.

b. Các từ láy: “rầu rầu, xanh xanh”

Câu 2 (2,5 điểm):

a, Tóm tắt: Bài viết cần nêu được những tình tiết của cốt truyện trong đoạn trích.

Những ngôi sao xa xôi kể về 3 cô gái TNXP ở một tổ trinh sát phá bom trên cao điểm. Đó là Phương Định, Thao và Nho. Công việc được giao của các cô là ngồi quan sát địch ném bom, khi có bom nổ thì chạy lên đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Tình đồng đội của họ hết sức cao đẹp. Cuộc sống chiến đấu của ba cô gái trẻ nơi trọng điểm giữa chiến trường dù là khắc nghiệt và muôn vàn nguy hiểm song các cô vẫn vui tươi, hồn nhiên, lãng mạn, gắn bó với nhau dù mỗi người một tính cách. Trong một lần phá bom, Nho bị thương, Phương Định và Thao đã chăm sóc chu đáo, tận tình (2,0 điểm).

b. Nêu chủ đề: Truyện Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái TNXP trên tuyến đường Trường Sơn. Đó là những hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ (0,5 điểm).

Câu 3 (2,0 điểm): Đảm bảo các yêu cầu.

- Hình thức : là một đoạn văn, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

- Nội dung: trình bày được trách nhiệm của con cháu đối với tổ tiên. Đó là lòng biết ơn cội nguồn. Những biểu hiện cụ thể như vào dịp lễ tết tưởng nhớ đến những người đã khuất. Phát huy được truyền thống gia đình, dòng tộc. Mở rộng vấn đề: phê phán những hành động vô ơn với tổ tiên, trái với đạo lí... (1,75 điểm).

Câu 4 (4,0 điểm)

a. Hình thức: là một bài văn hoàn chỉnh, bố cục rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp (0,25 điểm)

b. Nội dung: Đảm bảo một số ý sau:

- Tác giả, tác phẩm:

+ Nguyễn Duy sinh năm 1948, quê ở Thành phố Thanh Hóa. Ông là một nhà thơ tiêu biểu trong kháng chiến chống Mĩ (0,25 điểm)

+ Bài thơ ánh trăng in trong tập thơ cùng tên viết năm 1978. hai khổ cuối là niềm khát khao hướng thiện, sự tri ân với quá khứ. (0,25 điểm).

- Phân tích:

+ Khổ 4: Tình huống mất điện đối mặt với vầng trăng đã làm sống dậy bao cảm xúc trong lòng nhà thơ. Trăng là thiên nhiên, là đồng, là bể, là sông, là rừng; trăng còn là biểu tượng cho quá khứ vẹn nguyên, nghĩa tình. Đối mặt với trăng cũng là đối mặt với chính mình, với quá khứ đó. Các hình ảnh: như là sông là bể, như là sông là rừng trong kết cấu đầu cuối tương ứng còn mang ý nghĩa nhấn mạnh niềm khát khao hướng thiện của con người (1.5 điểm).

+ Khổ 5: Phân tích các từ : cứ, vầng vạnh, im, phẳng phắc, giật mình. Vầng trăng hiền dịu bao dung, độ lượng mà nghiêm khắc đủ khiến con người phải giật mình dừng lại để suy nghĩ, để sám hối để ăn hận. Đó cũng là bắt đầu của cuộc tự vấn lương tâm rất đáng trân trọng. (1.5 điểm).

- Đánh giá nâng cao: Khổ thơ là sự tự nhận thức về mình và niềm khát khao hướng thiện của con người đừng bao giờ lãng quên quá khứ, luôn biết tri ân với quá khứ. Thành công nghệ thuật của đoạn thơ là những hình ảnh giàu tính biểu cảm, giọng điệu tâm tình, tự nhiên, gần gũi, mà chất chữ suy ngẫm triết lí... (0,25 điểm)

Một số đề văn nghị luận xã hội :

ĐỀ 1

**** Em có suy nghĩ gì về ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thế hệ trẻ Việt Nam ?***

DÀN BÀI

Mở bài:

Đất nước đang trong quá trình hội nhập quốc tế, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc là vấn đề quan trọng, ý thức của thanh thiếu niên Việt Nam trong vấn đề này là điều rất đáng quan tâm suy nghĩ.

Thân bài:

1. Ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam được biểu hiện ở nhiều phương diện : cách sống, lối sống, quan niệm, suy nghĩ, ở hoạt động, nói năng, ăn mặc, ứng xử....

Qua những biểu hiện trên, có thể thấy rõ ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc của thanh thiếu niên Việt Nam là như thế nào ?

2. Xem xét nguyên nhân của vấn đề này phải nhìn ở cả 2 mặt : khách quan và chủ quan. Khách quan là sự tác động của môi trường sống, của bối cảnh thời đại. Chủ quan là bản thân sự vận động trong tư duy của đối tượng : các thanh niên, thiếu niên đã quan tâm, suy nghĩ ở mức độ nào về vấn đề này.

3. Với một ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc như vậy, thanh thiếu niên Việt Nam đang tác động như thế nào đến bộ mặt văn hoá dân tộc, đang để lại một kết quả ra sao cho tương lai, đặc biệt là trong bối cảnh quá trình hội nhập quốc tế đang diễn ra sôi động.

4. Xã hội, gia đình, bản thân mỗi thanh niên, thiếu niên nên làm gì để góp phần khẳng định bản sắc văn hoá Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

Kết bài:

Bản sắc văn hoá là cái riêng của mỗi dân tộc. Giữ gìn cái riêng đó là trách nhiệm của mỗi công dân, trong đó có phần quan trọng của thế hệ trẻ.

ĐỀ 2

**** Khủng bố đang diễn ra hàng ngày tại một số nước và có nguy cơ bùng nổ trên toàn thế giới. Những suy nghĩ của em về vấn đề này ?***

DÀN BÀI

Mở bài :

Nền hoà bình của thế giới đang bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi nạn khủng bố.

Thân bài:

1. Nạn khủng bố đang lan tràn trên khắp mọi khu vực của thế giới. Ngày nào cũng có cảnh đổ máu bởi khủng bố. Khủng bố đang là nỗi lo chung của tất cả các dân tộc.
2. Mâu thuẫn, xung đột chính trị giữa các quốc gia, dân tộc, các tổ chức, phe phái là nguyên nhân của tình trạng này.
3. Khủng bố đe dọa nghiêm trọng tới mọi mặt của đời sống con người từ tính mạng đến của cải, từ vật chất tới tinh thần, khiến nơi nơi đều bao trùm một bầu không khí căng thẳng, hoảng loạn. Sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá... của các quốc gia đều bị ảnh hưởng bởi nguy cơ khủng bố.
4. Tất cả mọi người, mọi quốc gia đều phải cùng thể hiện rõ quyết tâm đẩy lùi khủng bố bằng những biện pháp cụ thể ; bảo vệ trái đất khỏi nạn khủng bố cũng chính là bảo vệ mái nhà chung của tất cả chúng ta.

Kết bài:

Thế giới sẽ tươi đẹp hơn nếu như con người không đối đầu và tàn hại lẫn nhau.

ĐỀ 3

Có rất nhiều bạn nhỏ bằng tuổi em nhưng phải rời nhà ra kiếm sống ở các thành phố. Suy nghĩ của em về vấn đề này ?

DÀN BÀI

Mở bài :

Tình trạng nhiều thiếu niên phải sớm rời mái nhà của mình để đến những thành phố kiếm sống đã trở thành tình trạng phổ biến.

Thân bài :

1. Số lượng trẻ em từ nông thôn đến thành thị kiếm sống hiện nay là rất nhiều. Các em thuộc đủ mọi lứa tuổi, làm nhiều công việc khác nhau. Cuộc sống của các em rất vất vả, khó nhọc.
2. Nguyên nhân khiến các em phải rơi vào tình trạng này thì rất nhiều nhưng nhiều nhất vẫn là do cái nghèo. Cái nghèo làm nảy sinh nhiều cảnh ngộ, chịu thiệt thòi nhiều nhất từ những cảnh ngộ đó là những đứa trẻ... Bên cạnh đó còn do sự thiếu quan tâm của người lớn...
3. Tình trạng này sẽ dẫn đến nhiều hậu quả khó lường, không chỉ đối với xã hội mà đối với trước hết là bản thân các em. Sống xa gia đình, trong một môi trường phức tạp, tuổi lại còn nhỏ, chắc chắn sẽ ảnh hưởng không ít tới tâm hồn, nhận thức của các em. Từ đó mà sẽ có tác động ngược lại của các em đối với môi trường chung của xã hội.
4. Cần phải có những biện pháp, những giải pháp để giảm thiểu và dần dần xoá bỏ tình trạng này. Đó cũng là cách để xã hội góp tay thực hiện vấn đề quyền trẻ em một cách thiết thực nhất.

Kết bài:

Tình trạng trẻ em lang thang kiếm sống ở thành phố là nỗi nhức nhối chung của cả xã hội. Xã hội sẽ văn minh hơn, công bằng và tiến bộ hơn nếu ở đó mọi trẻ em đều được hưởng những quyền mà các em có.

ĐỀ 4

***Một số người làm cha, làm mẹ thường xuyên đánh đập, chửi mắng con cái và cho rằng :
"thương cho roi cho vọt"...***

Hãy trình bày những suy nghĩ của em về hiện tượng này.

DÀN BÀI

Mở bài :

Con cái muốn trưởng thành phải nhờ sự giáo dục của cha mẹ. Các bậc làm cha, làm mẹ có nhiều cách giáo dục con cái khác nhau, trong số đó có nhiều người chọn cách mắng chửi, thậm chí đánh đập như là một biện pháp dạy dỗ tốt nhất đối với con em mình.

Thân bài :

1. Rất nhiều đứa trẻ từ những năm tháng ấu thơ cho đến khi trưởng thành hiếm khi, thậm chí chưa bao giờ được nghe một lời bảo ban, khuyên nhủ dịu dàng của cha mẹ. Bất kì lúc nào, trong bất cứ chuyện gì, cha hoặc mẹ, hoặc cả cha lẫn mẹ đều có một hình thức duy nhất đối với các em : quát tháo, mắng chửi bằng những lời lẽ hết sức gay gắt, thô bạo ; hay nặng hơn là dùng roi vọt và đánh đập. Biện pháp này được áp dụng trong tất cả mọi việc, mọi tình huống, chỉ cần cha mẹ không cảm thấy hài lòng, thì dù là chuyện nhỏ như cái nhà chưa được sạch, quần áo chưa được gọn gàng, đến những chuyện lớn hơn, như bị điểm kém, đi học về muộn, bị cô giáo phê bình, đánh nhau, cãi lộn... cha mẹ đều ngay lập tức dạy dỗ con mình bằng cách này. Đối với họ, đây là cách giáo dục con cái tốt nhất, bởi vì làm như vậy các em sẽ sợ và không bao giờ dám phạm lỗi nữa. Theo họ đó còn là cách để thể hiện tình yêu thương, bởi vì *"thương cho roi cho vọt"...*

2. Thực chất, cách giáo dục này không phải là một biện pháp tích cực và có hiệu quả. Điều này đã được minh chứng bằng thực tế. Rất nhiều đứa trẻ bước ra khỏi những năm tháng ấu thơ với nỗi ám ảnh không bao giờ mất về cách đối xử thô bạo của cha mẹ đối với bản thân mình. Làm bất cứ việc gì cũng có thể bị chửi mắng và khi lỡ phạm lỗi thì bị đánh đập thậm tệ. Cứ rùng rã liên tục như vậy, cuối cùng những đứa trẻ không tiến bộ lên chút nào mà thậm chí là còn ngược lại : từ ngoan thành hư, từ hiền thành dữ, từ thông minh lanh lợi hoá ra lì lợm, chậm chạp... Nhìn chung, có hai xu hướng phát triển cơ bản : hoặc là quấy phá nghịch ngợm, hoặc là trở nên trầm cảm khó gần. Trước mặt cha mẹ, các em dường như ngoan hơn, nhưng thực chất cái ngoan đó chỉ là đôi phỏ. Thậm chí, nhiều em đã có những phản ứng rất tiêu cực : bỏ nhà đi, hoặc tự vẫn. Tất cả những biến đổi như vậy đều là biểu hiện của sự tổn thương trầm trọng về mặt tinh thần. Đối với những đứa trẻ này, tuổi thơ tươi đẹp trở thành những năm tháng u ám kinh hoàng ; tổ ấm gia đình có thể trở thành địa ngục trần gian và cha mẹ trong mắt các em là những con người nào đó hết sức xa lạ và độc đoán. Các em mất đi cảm giác được yêu thương, che chở, lúc nào cũng thon thót lo sợ và lâu dần có thể trở nên trơ lì. Đó là điều rất nguy hiểm, bởi lẽ nó sẽ để lại một dấu ấn trong nhân cách, tâm hồn của các em sau này.

Giáo dục con cái bằng cách này sẽ để lại những hậu quả lớn, không chỉ đối với trước mắt mà còn là về lâu dài trong tương lai của các em, của xã hội.

3. Cha mẹ, ai cũng yêu thương con cái, ai cũng muốn những đứa con của mình trưởng thành nên người. Thế nhưng, giáo dục con cái như thế nào để các em vừa cảm nhận được tình yêu thương đó vừa có sự tiến bộ trong nhân cách là điều rất quan trọng. Đứa trẻ nào cũng có thể dễ dàng mắc sai lầm. Và đằng sau mỗi sai lầm đó bao giờ cũng có một nguyên nhân, một lí do. Cha mẹ muốn dạy dỗ

các em một cách có hiệu quả thì phải bắt đầu từ những nguyên nhân đó. Tìm hiểu nguyên nhân, phân tích cặn kẽ phải trái, khuyên răn nhẹ nhàng nhưng cương quyết, thêm một chút cảm thông độ lượng... thiết nghĩ không có đứa trẻ nào mà lại không nghe, không trở nên tiến bộ. Kiểm chế cơn nóng giận là điều quan trọng khi giáo dục trẻ em. Nhiều đứa trẻ rơi vào cảm giác oan ức, rồi đâm ra oán giận cha mẹ vì họ không bao giờ để ý đến nguyên nhân vì sao các em làm như vậy mà ngay lập tức xỉ vả, thượng cẳng chân hạ cẳng tay cho hả cơn giận mà thôi.

"*Thương cho roi cho vọt*", điều đó không có nghĩa là bất cứ lúc nào cũng có thể sử dụng bạo lực đối với trẻ em. Đến một mức độ nào đó, chính những người làm cha, làm mẹ đã và đang xâm phạm đến quyền trẻ em ngay trong gia đình của mình - điều mà cả xã hội đang quan tâm và bảo vệ.

Kết bài :

Cha mẹ luôn là hiện thân của tình yêu thương, của lòng nhân từ bao dung, là nơi những đứa con tìm về sau những sai lầm vấp ngã. Đừng làm mất đi trong các em tất cả những điều quý giá và thiêng liêng ấy.

ĐỀ 5

Nạn phá rừng đang ngày càng trở nên nghiêm trọng. Ý kiến của em về vấn đề này **DÀN BÀI**

Mở bài :

Con người đã nỗ lực để tạo nên rất nhiều những giá trị có ý nghĩa để làm giàu đẹp thêm cuộc sống của mình. Thế nhưng bên cạnh đó cũng chính con người đang tự huỷ hoại đi rất nhiều những giá trị mà mình đang có. Nạn phá rừng là minh chứng tiêu biểu nhất. Đã đến lúc tất cả chúng ta không thể đứng dưng trước vấn đề này.

Thân bài :

1. Rừng được ví là lá phổi xanh của trái đất. Thế nhưng, lá phổi này đang ngày càng nhỏ đi. Ở Việt Nam, hàng năm có hàng chục ngàn ha rừng bị phá huỷ. Những cánh rừng xanh thẳm, những khu rừng nguyên sinh giàu có giờ chỉ còn là vùng đất trống đồi trọc, phơi ra những góc cỏ thụ trơ trọi, những thảm thực vật cằn cỗi. Những xe gỗ vẫn lặng lẽ đều đặn di chuyển về xuôi và những cánh rừng cũng lặng lẽ biến mất, để lại những khoảng trống ngày càng lớn trên bề mặt trái đất của chúng ta.

2. Rất dễ thấy nguyên nhân của vấn đề này. Người ta chặt rừng để lấy gỗ bán và lấy đất canh tác. Rừng bảo vệ che chở cho con người nhưng đang bị tàn phá bởi chính lòng tham và sự thiếu ý thức, thiếu nhận thức của con người.

3. Khi những cánh rừng bị tàn phá và biến mất, hậu quả không hiện ra cụ thể và ngay lập tức. Nó sẽ đến rất từ từ, nhưng sẽ rất lâu dài và khủng khiếp.

Rừng trả lại cho trái đất một bầu không khí trong lành. Hiện nay, bầu không khí đang bị ô nhiễm và vẩn đục bởi bộ máy thanh lọc nó đang trở nên yếu đi. Hạn hán, lũ lụt, thiên tai ngày càng tăng cũng bởi một phần từ đó.

Rừng bị tàn phá dẫn đến hiệu ứng nhà kính và trái đất của chúng ta đang ngày càng nóng lên, những khối băng khổng lồ ở hai địa cực có nguy cơ tan chảy. Sự cân bằng sinh thái bị phá huỷ và con người sẽ sống như thế nào khi môi trường tự nhiên không còn.

Như vậy, phá rừng để lấy gỗ và lấy đất, cái lợi là dành cho một vài người nhưng cái hại là dành cho tất cả. Sự tồn tại của trái đất giữa vũ trụ đang bị đe dọa bởi chính bàn tay con người.

4. Cần phải ngăn chặn ngay tình trạng này. Tất cả mọi người trong xã hội phải ý thức sâu sắc về sự nguy hiểm và mức độ nghiêm trọng của nạn phá rừng hiện nay, từ đó có chung một thái độ cương quyết trong việc bảo vệ rừng. Làm ngơ, tiếp tay cho bọn buôn gỗ lậu cũng chính là đang khuyến khích cho nạn phá rừng ngày càng phát triển. Nhưng cũng cần có thêm nhiều biện pháp cứng rắn và chặt chẽ hơn trong vấn đề này, cần kiên quyết xử lý những kẻ trực tiếp và gián tiếp phá rừng, giúp dân từ bỏ thói quen canh tác lạc hậu. Đồng thời, việc trồng rừng để bổ sung diện tích rừng bị phá, phủ xanh đất trống đồi trọc, nhân thêm nhiều cánh rừng mới là một việc làm rất hiệu quả và là việc phải làm của con người.

Kết bài :

Hãy thử tưởng tượng, đến một ngày nào đó, trên trái đất sẽ không còn một cánh rừng nào, con người sẽ phơi mình ra dưới mặt trời nóng bỏng và cuồng phong của vũ trụ. Và liệu sau đó trong tương lai, trái đất có còn là hành tinh của sự sống nữa hay không ? Bảo vệ những cánh rừng chính là bảo vệ bản thân cuộc sống của mỗi chúng ta.